

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TOÁN

(Theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016

của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)




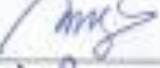









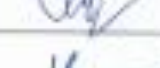



Lưu ý:

- Tài liệu này là tài sản riêng của **Trường Đại học Hồng Đức** do Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-ĐHQGHN cung cấp cho Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài chỉ để phục vụ hoạt động đánh giá ngoài;
- Tài liệu này không được chia sẻ với bất cứ cá nhân, tổ chức nào nếu không được sự đồng ý của **Trường Đại học Hồng Đức** và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - ĐHQGHN;
- Không thực hiện các hành vi sao chụp, phát tán tài liệu dưới mọi hình thức;
- Những cá nhân không liên quan đề nghị không đọc tài liệu này.

Thanh Hóa, tháng 12 năm 2020

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO SƯ PHẠM TOÁN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1677/QĐ-ĐHHD ngày 18 tháng 10 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)*

TT	Họ và tên	Chức vụ, Đơn vị công tác	Chức danh Hội đồng	Chữ ký
1.	TS. Hoàng Nam	Q. Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2.	ThS. Lê Thị Hạnh	TP. ĐBCL&KT	Phó Chủ tịch thường trực	
3.	PGS.TS. Ngô Xuân Lương	Trưởng khoa KHTN	Phó Chủ tịch	
4.	TS. Nguyễn Hữu Tân	PTP. ĐBCL&KT	Ủy viên trực	
5.	TS. Lê Xuân Dũng	Phó trưởng khoa KHTN	Ủy viên trực	
6.	PGS. TS Lê Viết Báu	Hội đồng trường	Ủy viên	
7.	TS. Hoàng Đông Sĩ	TP. QL Đào tạo	Ủy viên	
8.	TS. Ngô Chí Thành	TP. QLKH&CN	Ủy viên	
9.	ThS. Thiệu Minh Tú	TP. Tổ chức - Cán bộ	Ủy viên	
10.	TS. Phạm Anh Giang	TP. KH- Tài chính	Ủy viên	
11.	ThS. Nguyễn Đức Long	TP. QT, VT- TB	Ủy viên	
12.	TS. Lê Thanh Thủy	GD. TT TT- TV	Ủy viên	
13.	TS. Phạm Văn Hiến	TP. Công tác HSSV	Ủy viên	
14.	ThS. Phạm Chí Công	TP. HCTH	Ủy viên	
15.	ThS. Lê Thị Thắng	Phụ trách kế toán	Ủy viên	
16.	TS. Lê Văn Hiệu	Trợ lý KH Nghiệp vụ	Ủy viên	
17.	ThS. Nguyễn Thị Xuân	Phó trưởng BM Giải tích và PPGD toán	Ủy viên	
18.	TS. Phạm Thị Cúc	Trưởng BM DS - Hình Học	Ủy viên	
19.	Trần Thị Yên	SV K19 ĐHSP Toán	Ủy viên	
20.	TS. Lê Anh Minh	Phó trưởng BM Giải tích và PPGD toán	Ủy viên- Thư ký	
21.	KS. Lê Thị Hà	Chuyên viên P. ĐBCL&KT	Ủy viên- Thư ký	

(An định danh sách gồm 21 thành viên)

MỤC LỤC

	Trang
DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ	ii
MỤC LỤC	ii
BẢNG KÝ HIỆU CÁC TỪ VIẾT TẮT.....	vi
Phần I. Khái quát	1
1.1. Đặt vấn đề.....	1
1.2. Tổng quan chung	4
1.2.1. Tổng quan chung về Trường Đại học Hồng Đức	4
1.2.2. Tổng quan về Khoa Khoa học Tự nhiên	6
1.2.3. Tổng quan về ngành Đại học sư phạm Toán.....	8
Phần II. Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí	10
Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT)	10
<i>Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của nhà trường, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.</i>	<i>10</i>
<i>Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.....</i>	<i>15</i>
<i>Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai</i>	<i>17</i>
Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo	19
<i>Tiêu chí 2.1. Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin và cập nhật</i>	<i>19</i>
<i>Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.....</i>	<i>21</i>
<i>Tiêu chí 2.3. Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận</i>	<i>22</i>
Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	24
<i>Tiêu chí 3.1: CTDH được thiết kế dựa trên CDR.....</i>	<i>24</i>
<i>Tiêu chí 3.2: Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CDR là rõ ràng.....</i>	<i>28</i>
<i>Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.....</i>	<i>31</i>
Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy học	34

<i>Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến đến các bên liên quan</i>	34
<i>Tiêu chí 4.2: Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.</i>	36
<i>Tiêu chí 4.3: Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học</i>	39
Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học	42
<i>Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra</i>	43
<i>Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học</i>	45
<i>Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng</i>	47
<i>Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.</i>	49
<i>Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập</i>	51
Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	53
<i>Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng</i>	53
<i>Tiêu chí 6.2: Tỷ lệ giảng viên/ người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học phục vụ cộng đồng</i>	56
<i>Tiêu chí 6.3: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.</i>	59
<i>Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và đánh giá</i>	61
<i>Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó</i>	64
<i>Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng</i>	66
<i>Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng</i>	67
Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên	70

<i>Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.....</i>	71
<i>Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.....</i>	74
<i>Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá.....</i>	75
<i>Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.....</i>	77
<i>Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.....</i>	79
Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học	81
<i>Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, công bố công khai và cập nhật</i>	<i>81</i>
<i>Tiêu chí 8.2: Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.....</i>	<i>84</i>
<i>Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.</i>	<i>86</i>
<i>Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.....</i>	<i>90</i>
<i>Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.....</i>	<i>93</i>
Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị	96
<i>Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.....</i>	<i>96</i>
<i>Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.....</i>	<i>97</i>
<i>Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.....</i>	<i>99</i>
<i>Tiêu chí 9.4: Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động dạy và học, nghiên cứu khoa học.....</i>	<i>100</i>
<i>Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.....</i>	<i>102</i>
Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng	105

<i>Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình</i>	106
<i>Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến</i>	108
<i>Tiêu chí 10.3: Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra</i>	110
<i>Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học</i>	112
<i>Tiêu chí 10.5: Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến</i>	116
<i>Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên có liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến</i>	119
Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra	122
<i>Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng</i>	122
<i>Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng</i>	124
<i>Tiêu chí 11.3: Tỷ lệ có việc làm sau khi tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng</i>	126
<i>Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng</i>	129
<i>Tiêu chí 11.5: Mức độ hài lòng của các bên có liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh</i>	131
Phần III. Kết luận	134
1. Những điểm mạnh của chương trình đào tạo ngành ĐHSP Toán	134
2. Những điểm tồn tại và vấn đề cải tiến chất lượng chương trình đào tạo ngành Đại học sư phạm Toán	143
3. Kế hoạch hành động	150
Phần IV. Phụ lục	160

BẢNG KÝ HIỆU CÁC TỪ VIẾT TẮT

CDR	chuẩn đầu ra
CLB	câu lạc bộ
CNTT	công nghệ thông tin
CQ	chính quy
CSDL	cơ sở dữ liệu
CSVC	cơ sở vật chất
CT HS-SV	công tác học sinh - sinh viên
CTĐT	chương trình đào tạo
CTDH	chương trình dạy học
CVHT	cố vấn học tập
ĐBCL&KT	Đảm bảo chất lượng và Khảo thí
ĐH	Đại học
ĐHHĐ	Đại học Hồng Đức
ĐHSP	Đại học Sư phạm
ĐT	đào tạo
GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
GV	Giảng viên
KHTN	Khoa học Tự nhiên
HTQT	hợp tác quốc tế
KQHT	kết quả học tập
KH&CN	khoa học và công nghệ
KHCN	khoa học công nghệ
KH&ĐT	khoa học và đào tạo
KTX	ký túc xá
MC	minh chứng
NCKH	ngiên cứu khoa học

NCS	nghiên cứu sinh
NCV	Nghiên cứu viên
PGS	Phó giáo sư
QT, VT -TB	Quản trị, Vật tư -Thiết bị
SP	Sư phạm
SV	Sinh viên
ThS	Thạc sỹ
TS	Tiến sỹ
TLTK	tài liệu tham khảo
TT. TT-TV	Trung tâm Thông tin - Thư viện

Phần I. Khái quát

1.1. Đặt vấn đề

Chất lượng đào tạo là một trong những vấn đề quan trọng quyết định đến sự tồn tại và phát triển của một ngành đào tạo. Trong suốt 23 năm hình thành và phát triển, Trường Đại học Hồng Đức luôn khẳng định việc mở rộng ngành nghề đào tạo và nâng cao chất lượng đào tạo nhằm đáp ứng yêu cầu xã hội là việc làm sống còn. Điều đó được khẳng định thông qua số lượng ngành nghề đào tạo và kết quả đào tạo, các cựu sinh viên, học viên cao học và các nghiên cứu sinh của Nhà trường hiện đang công tác và giữ những chức vụ quan trọng trong các cơ quan quản lý Nhà nước ở cấp địa phương ở các Sở, Ban, Ngành và doanh nghiệp đến cấp Trung ương ... Trong xu thế hội nhập và trước những đòi hỏi về việc cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, việc nâng cao chất lượng đào tạo và các chương trình đào tạo của Nhà trường càng trở nên bức thiết. Trong nhiều năm qua, Khoa Khoa học Tự nhiên, trường Đại học Hồng Đức là một trong những Khoa có lịch sử hình thành và bề dày phát triển đóng góp cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo chung của Nhà trường, đào tạo các thế hệ sinh viên đảm đương các vị trí quản lý quan trọng trong các cơ sở giáo dục của tỉnh nhà. Khoa đã và đang áp dụng nhiều giải pháp nhằm duy trì và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo ngành ĐHSP Toán do Khoa quản lý. Ý thức được tầm quan trọng của việc kiểm định chất lượng CTĐT, theo chỉ đạo của Nhà trường, Khoa đã thực hiện nghiêm túc việc tự đánh giá CTĐT cử nhân ĐHSP Toán theo thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016 của Bộ GD&ĐT và công văn số 1074 và 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/06/2016 của Cục Khảo thí & KĐ CLGD (nay là Cục Quản lý chất lượng) và chuẩn bị cho quá trình kiểm định CTĐT từ nhiều năm qua. Năm 2018 Nhà trường đã cử cán bộ, giảng viên của các khoa đào tạo và chuyên viên một số phòng ban tham gia các lớp tập huấn, hội thảo tại Hà Nội và TP Hồ Chí Minh về Công tác tự đánh giá và kiểm định CTĐT.

Tự đánh giá là một khâu quan trọng trong việc đảm bảo chất lượng giáo dục và xây dựng văn hóa chất lượng bên trong. Trong quá trình triển khai hoạt động này, Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo (CTĐT) cử nhân Đại học sư phạm Toán căn cứ vào các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của Bộ GD&ĐT để tiến hành phân tích; xem xét, tự đánh giá và báo cáo về thực trạng chất lượng CTĐT ngành ĐHSP Toán; đánh giá hiệu quả các hoạt động đào tạo, NCKH, chỉ ra những mặt mạnh và những vấn đề còn tồn tại cần khắc phục, từ đó đề ra các biện pháp điều chỉnh nhằm đạt được các mục tiêu đào tạo đã đề ra.

Tự đánh giá CTĐT cử nhân ĐHSP Toán trước hết thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của Khoa trong toàn bộ hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động khác

theo chức năng nhiệm vụ được giao và phù hợp với tôn chỉ, sứ mạng của Khoa và Nhà trường. Bên cạnh đó, tự đánh giá còn là cơ sở cho công tác đánh giá ngoài của các cơ quan chức năng.

Nội dung tự đánh giá CTĐT cử nhân ĐHSP Toán bao gồm 11 nội dung như sau: Mục tiêu và chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT; Bản mô tả CTĐT; Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học; Phương pháp tiếp cận trong dạy và học; Đánh giá kết quả học tập của người học; Chất lượng đội ngũ giảng viên và nghiên cứu viên; Chất lượng đội ngũ cán bộ hỗ trợ; Chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học; Cơ sở vật chất và trang thiết bị; Nâng cao chất lượng; Kết quả đầu ra.

Mục đích tự đánh giá:

- Đo lường mức độ đáp ứng chất lượng đào tạo CTĐT cử nhân ĐHSP Toán so với tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của cử nhân ĐHSP Toán do Bộ GD&ĐT ban hành.

- Là cơ sở để Khoa Khoa học Tự nhiên nói riêng, trường Đại học Hồng Đức nói chung xây dựng kế hoạch cải tiến, nâng cao mức chất lượng.

- Là cơ sở để đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt chuẩn CTĐT cử nhân ĐHSP Toán.

- Là cơ sở để thông tin với xã hội về thực trạng chất lượng của CTĐT cử nhân ĐHSP Toán, để người học lựa chọn và nhà tuyển dụng tuyển chọn giáo viên dạy Toán phổ thông.

Phạm vi tự đánh giá: Đánh giá tất cả các hoạt động trong việc thực hiện CTĐT cử nhân ĐHSP Toán thuộc khoa Khoa học Tự nhiên của Trường Đại học Hồng Đức theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học.

Công cụ đánh giá:

- Hoạt động tự đánh giá được thực hiện theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo gồm 11 tiêu chuẩn (50 tiêu chí) theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016 của Bộ GD&ĐT;

- Công văn 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng về việc hướng dẫn chung về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH;

- Công văn 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/06/2016 của Cục Khảo thí & KĐ CLGD về việc hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo.

Hội đồng tự đánh giá: được thành lập theo QĐ số 1677/QĐ-ĐHHD ngày 18/10/2019 về việc thành lập Hội đồng, Ban thư ký giúp việc Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo Trường Đại học Hồng Đức năm học 2019-2020. Hội đồng gồm 19 thành viên.

Giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá gồm có: Ban thư ký gồm 21 thành viên và chia thành 6 nhóm công tác.

Phương pháp đánh giá

Quá trình tự đánh giá Chương trình đào tạo ngành ĐHSP Toán của Khoa Khoa học Tự nhiên được căn cứ theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí quy định trong Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, ngày 14/03/2016.

Đối với mỗi tiêu chí đánh giá Chương trình đào tạo đại học được tiến hành xem xét theo trình tự sau:

- Mô tả thực trạng;
- Phân tích, giải thích, so sánh để đưa ra những nhận định đánh giá, chỉ ra những điểm mạnh, điểm tồn tại;
- Lên kế hoạch hành động nhằm phát huy những điểm mạnh, khắc phục những tồn tại, thiếu sót để cải tiến và nâng cao chất lượng Chương trình đào tạo.

Quy trình tự đánh giá:

- Bước 1: Xác định mục đích, phạm vi tự đánh giá;
- Bước 2: Thành lập Hội đồng tự đánh giá, ban thư ký, các nhóm công tác;
- Bước 3: Lập kế hoạch tự đánh giá, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng nhóm
- Bước 4: Thu thập thông tin và minh chứng (MC);
- Bước 5: Xử lý, phân tích các thông tin và minh chứng thu được;
- Bước 6: Viết báo cáo tự đánh giá;
- Bước 7: Hoàn thiện báo cáo tự đánh giá tổng thể;
- Bước 8: Công bố báo cáo tự đánh giá trong toàn Khoa và Trường để đọc và góp ý kiến;
- Bước 9: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành tự đánh giá.

Phương pháp mã hóa minh chứng

Mã thông tin và minh chứng (Mã MC) được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 2 chữ cái, ba dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau: **HTn.ab.cd.ef**

Trong đó:

- HT: viết tắt “Hộp minh chứng ngành ĐHSP Toán” (Minh chứng của mỗi tiêu chuẩn được tập hợp trong 1 hộp hoặc một số hộp)
- n: số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến hết
(trường hợp $n \geq 10$ thì chuỗi ký hiệu có 12 ký tự trở lên).
- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10)
- cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10)
- ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (thông tin và minh chứng thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15, ...)

Ví dụ:

HT1.01.01.01: là MC thứ nhất của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1

HT3.03.02.15: là MC thứ 15 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 3, được đặt ở hộp 3

HT4.04.03.25: là MC thứ 25 của tiêu chí 03 thuộc tiêu chuẩn 4, được đặt ở hộp 4

HT8.10.02.04: là MC thứ 4 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 10, được đặt ở hộp 8

HT10.10.02.04: là MC thứ 4 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 10, được đặt ở hộp 10

1.2. Tổng quan chung

1.2.1. Tổng quan chung về Trường Đại học Hồng Đức

Trải qua hơn 23 năm xây dựng và trưởng thành, trường Đại học Hồng Đức luôn xác định một trong những nhiệm vụ chính là đào tạo nguồn nhân lực cho ngành giáo dục và tỉnh nhà, đào tạo lực lượng giáo viên có trình độ cao, có phẩm chất chính trị tốt, đạo đức nghề nghiệp trong sáng, có kỹ năng làm việc thành thạo. Bên cạnh đó, Nhà trường tích cực tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH), chuyển giao và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào các ngành nói chung và ngành giáo dục nói riêng, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đúng với sứ mạng của trường là “*Trường ĐHHD có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực đa lĩnh vực có khả năng thích ứng với sự thay đổi của thị trường lao động; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ phục vụ sự phát triển KT - XH của tỉnh Thanh Hóa và cả nước*”, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của trường đại học do địa phương quản lý.

Sau hoạt động tự đánh giá chất lượng giáo dục trường giai đoạn 2011-2016 và kết quả đánh giá ngoài năm 2018, ngày 20/6/2017 Nhà trường đã ban hành và triển khai Kế hoạch hành động khắc phục sau đánh giá ngoài (số 125/KH-ĐHHĐ) với 53 nhiệm vụ được giao cụ thể cho từng đơn vị tổ chức triển khai, thực hiện kế hoạch hành động khắc phục các điểm còn tồn tại đã được chỉ ra trong quá trình tự đánh giá và đánh giá ngoài.

Bên cạnh đó Nhà trường đã xác định mục tiêu trong giai đoạn 2017-2020 “Xây dựng Trường Đại học Hồng Đức trở thành một cơ sở giáo dục đại học đa ngành theo định hướng ứng dụng đạt chuẩn quốc gia, có một số ngành đạt chuẩn quốc tế; một trung tâm nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ có uy tín, đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực chất lượng, trình độ cao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa và đất nước” với các chỉ tiêu và giải pháp cụ thể như “Nhà trường liên tục duy trì hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 nhằm thực hiện chiến lược phát triển của mình với mục tiêu chất lượng đề ra trong từng lĩnh vực trọng tâm, trên cơ sở đó thực hiện có hiệu quả các giải pháp chủ yếu nhằm đảm bảo các định hướng phát triển”....

Tính đến tháng 30/6/2020, Nhà trường có 12 khoa, 11 phòng, 3 ban, 7 trung tâm, 01 trạm Y tế, 01 trường Mầm non thực hành với 451 GV cơ hữu, trong đó: Phó giáo sư 20, tiến sĩ 152, thạc sĩ 307. Nhà trường đang tổ chức đào tạo 04 chuyên ngành tiến sĩ, 19 chuyên ngành thạc sĩ, 38 ngành đại học, 18 ngành cao đẳng hệ chính quy. Trong 5 năm qua, Nhà trường đã đào tạo được 14.648 người tốt nghiệp (1.186 thạc sĩ, 11.328 đại học, 1.397 cao đẳng và 557 trung cấp); bồi dưỡng được 463 học viên lớp NVSP giảng viên, 575 học viên lớp QLGD, 373 học viên bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN giảng viên, 3998 học viên bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN giáo viên MN, phổ thông; góp phần nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trình độ cao cho tỉnh và đất nước.

Điều kiện CSVC của Nhà trường phát triển mạnh, ngày càng đáp ứng tốt yêu cầu phát triển. Nhà trường hiện có 137 phòng học nhỏ với tổng 6850 chỗ ngồi và 19 phòng học lớn với tổng 1.582 chỗ ngồi; hệ thống phòng thực hành được xây dựng với đầy đủ máy móc thiết bị hiện đại có tổng giá trị lên tới hàng chục tỉ đồng, hiện có 42 phòng thí nghiệm và thực hành được bố trí hệ thống máy móc, trang thiết bị, phần mềm đầy đủ, có đủ ánh sáng, điện, nước, quạt thông gió, máy điều hành tại các phòng máy tính, góp phần đưa các hoạt động đào tạo của Nhà trường đi vào nền nếp; khu ký túc xá được xây dựng mới và cải tạo nâng cấp theo hướng hiện đại, đảm bảo an toàn; hệ thống sân chơi bãi tập được đầu tư xây dựng mới đáp ứng yêu cầu luyện tập và vui chơi, giải trí của người học; công tác quản lý chất lượng giáo dục được cải tiến, chất lượng giáo dục được nâng cao đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cho tỉnh Thanh Hóa và xã hội.

1.2.2. Tổng quan về Khoa Khoa học Tự nhiên

Là một trong 12 đơn vị đào tạo, Khoa Khoa học Tự nhiên có bề dày kinh nghiệm hơn 40 năm đào tạo giáo viên toán phổ thông, trong đó trên 22 năm đào tạo bậc cử nhân, bao gồm: ĐHSP Toán, ĐHSP Lý, ĐHSP Hóa, ĐHSP Sinh và gần 11 năm đào tạo bậc thạc sĩ gồm các chuyên ngành: Toán giải tích, Đại số lý thuyết số, Phương pháp toán sơ cấp, Thực vật học, Động vật học, Hóa hữu cơ, Vật lý lý thuyết và Vật lý toán. Trong đó, *mục tiêu của CTĐT cử nhân ĐHSP Toán được xác định phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học được quy định tại Luật GDĐH và phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của trường ĐH Hồng Đức*. Các tuyên bố về sứ mạng và tầm nhìn của ĐH Hồng Đức luôn nhất quán, đó là việc “*đào tạo nguồn nhân lực đa lĩnh vực có khả năng thích ứng với sự thay đổi của thị trường lao động; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa và cả nước*”.

Khoa KHTN nói chung và ngành ĐHSP Toán nói riêng hiện tại bố trí tại cơ sở chính - 565, Quang Trung, phường Đông Vệ, Thành phố Thanh Hóa. Với 20 phòng học được trang bị đầy đủ bàn ghế, bảng, ánh sáng, micro, máy chiếu, ... Tài liệu, giáo trình của ngành ĐHSP Toán hiện có tại thư viện, văn phòng khoa, phòng bộ môn, nhà đa năng, ký túc xá. Khoa luôn xác định: *Cung cấp đầy đủ tri thức kết hợp với rèn luyện kỹ năng sư phạm thông qua các hoạt động rèn nghề, thực hành, thực tế môn học ... cho sinh viên*.

Năm 1992, theo Quyết định số 1369/KHTV ngày 01/6/1992 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quyết định số 829/CT-UBTH của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa, Khoa Tự nhiên được thành lập, tổ Địa lý nhập về khoa Văn - Sử và hình thành khoa Xã hội, hai tổ Hoá học và Sinh học nhập với khoa Toán - Lý và hình thành khoa Tự nhiên. Những thập niên cuối của thế kỷ XX, Trường CĐSP Thanh Hoá là một trong những trường CĐSP lớn cả về quy mô, đội ngũ giáo viên, số lượng sinh viên và chất lượng đào tạo. Trường có cả khoa đào tạo đại học đại cương, trường cũng đã từng chủ trì biên soạn giáo trình CĐSP chung cho các trường CĐSP cả nước.

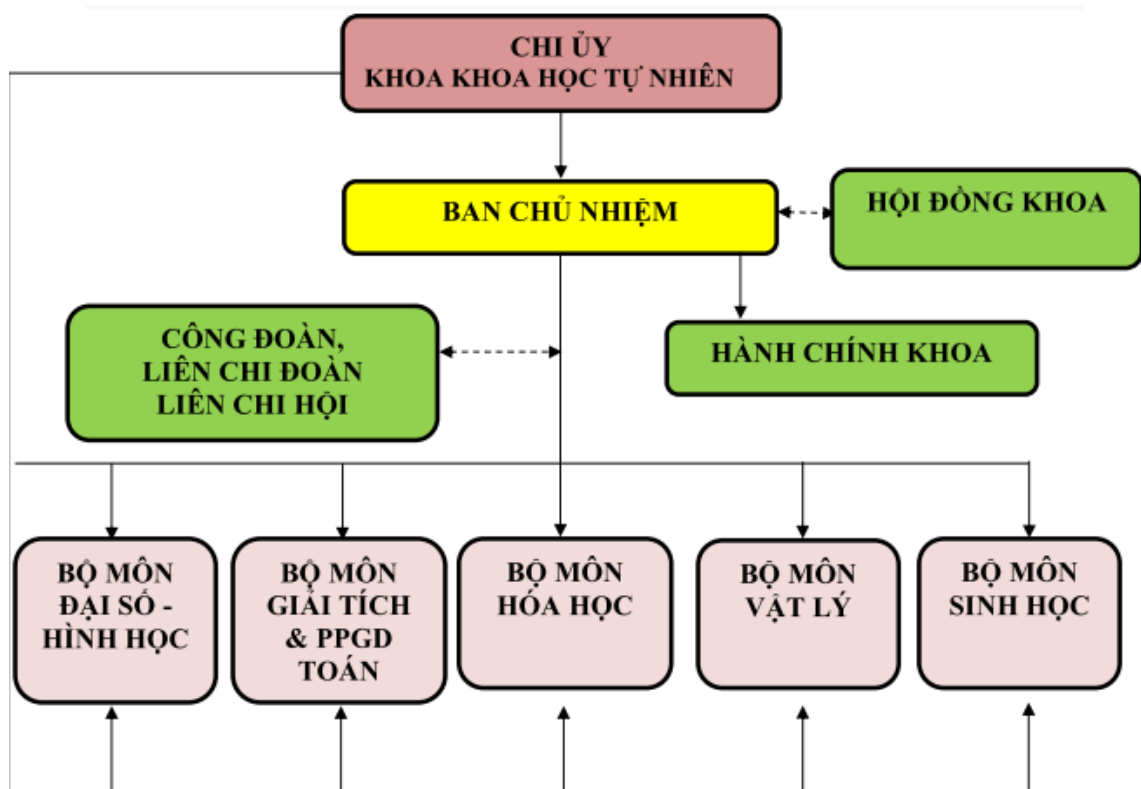
Khi Trường Đại học Hồng Đức được thành lập vào năm 1997, khoa Khoa học Tự nhiên (tiền thân là Khoa Tự nhiên của trường CĐSP Thanh Hoá) là một trong 3 khoa đầu tiên của nhà trường được giao nhiệm vụ đào tạo hệ đại học: Đại học Sư phạm Toán. Sau đó, khoa tiếp tục được giao nhiệm vụ đào tạo các ngành Đại học Sư phạm Vật lý (năm 1999), Đại học Sư phạm Hóa học (năm 2000) và Đại học Sư phạm Sinh học (năm 2001). Khi mới thành lập, khoa có 61 cán bộ, công chức được chia thành 6 bộ môn: Giải tích, Đại số, Hình học, Vật lý, Hoá học, Sinh học. Khoa có nhiệm vụ đào tạo giáo viên trung học phổ thông và trung học cơ sở các ngành Toán, Lý, Hoá, Sinh. Quy mô đào tạo trung bình của Khoa gần 1200 sinh viên chính quy

(khoảng 800 sinh viên đại học, 400 sinh viên cao đẳng). Quy mô đào tạo có chiều hướng giảm từ năm 2013 đến nay. Hiện, quy mô đào tạo của Khoa chỉ còn khoảng 400 sinh viên.

Năm 2009, Khoa Khoa học Tự nhiên vinh dự được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao nhiệm vụ đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Toán giải tích. Các năm sau đó, khoa tiếp tục được giao đào tạo thạc sĩ các chuyên ngành: Vật lý lý thuyết và Vật lý toán (năm 2013), Phương pháp Toán sơ cấp (năm 2014), Thực vật học (năm 2015), Đại số và lý thuyết số (năm 2016), Hóa hữu cơ (2017), Động vật học (2017) nâng tổng số chuyên ngành đào tạo thạc sĩ của khoa lên 7 chuyên ngành.

Trong suốt quá trình hình thành và phát triển, để phù hợp với sự thay đổi của nhà trường cũng như nhu cầu quy hoạch phát triển đội ngũ, Khoa KHTN đã có một số lần thay đổi cơ cấu các bộ môn. Năm học 2005 – 2006, Khoa Khoa học Tự nhiên có 8 bộ môn: Giải tích, Đại số, Hình học, Phương pháp dạy học Toán, Vật lý, Hoá học, Động vật, Thực vật. Từ năm học 2009 - 2010 cho đến năm học 2018 - 2019, khoa có 8 bộ môn: Giải tích, Đại số, Hình học & Phương pháp dạy học Toán, Toán ứng dụng, Vật lý, Hoá học, Động vật và Thực vật. Từ năm học này 2019-2020, khoa có 5 bộ môn: Đại số - Hình học, Giải tích toán học và Phương pháp giảng dạy Toán, Sinh học, Hóa học và Vật lý.

Sơ đồ Cơ cấu tổ chức của Khoa Khoa học Tự nhiên



Hiện nay, tổng số cán bộ viên chức đang công tác tại khoa Khoa học Tự nhiên là 63 (gồm 54 cán bộ giảng dạy và 7 cán bộ hành chính, phụ tá thí nghiệm, 1 nghiên cứu viên), trong đó có 3 phó giáo sư, 18 tiến sĩ, 37 thạc sĩ (10 nghiên cứu sinh).

Từ năm 1998 đến nay, hằng năm khoa Khoa học Tự nhiên đều có các đội tuyển tham dự kỳ thi Olympic sinh viên cấp trường, cấp quốc gia ở các môn Toán, Lý, Hoá, Sinh và đạt nhiều giải cao.

Như vậy có thể khẳng định rằng, Khoa KHTN là một Khoa sư phạm có quá trình phát triển lâu dài, đặc biệt trong công tác đào tạo nguồn giáo viên Toán phổ thông.

1.2.3. Tổng quan về ngành Đại học sư phạm Toán

Khoa Khoa học Tự nhiên có chức năng, nhiệm vụ đào tạo giáo viên Toán trình độ đại học, có năng lực dạy học môn toán trong Chương trình giáo dục THCS và THPT, đồng thời có thể đảm nhiệm công tác chủ nhiệm lớp, công tác quản lý ở trường THCS và THPT; có khả năng quản lý chuyên môn giáo dục bậc trung học cơ sở ở phòng giáo dục, sở giáo dục và đào tạo; có khả năng bồi dưỡng học sinh học sinh giỏi các cấp. Trong quá trình đào tạo, Khoa luôn chú trọng phát huy năng lực tự học, tự nghiên cứu của người học. Sau khi tốt nghiệp, người học có đủ phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và chuyên môn, đáp ứng các yêu cầu chuẩn nghề nghiệp giáo viên toán bậc THCS và THPT.

Trong giai đoạn 2015-2020, số lượng giảng viên của Khoa và Nhà trường trực tiếp tham gia đào tạo ngành Đại học sư phạm Toán là 46 giảng viên. Đội ngũ giảng viên của Khoa và Khoa, phòng trong trường được lựa chọn đúng về chuyên môn, vững vàng về nghiệp vụ, có thời gian tìm hiểu thực tế về chương trình đào tạo Đại học sư phạm Toán và những đổi mới về nội dung chương trình, phương pháp dạy học ở bậc học này trong xu hướng đổi mới giáo dục phổ thông (*có danh sách giảng viên kèm theo Báo cáo tự đánh giá*). Số lượng giảng viên trong khoa hiện tham gia giảng dạy chương trình đào tạo ngành ĐH sư phạm Toán là 21 GV, trong đó có 5 TS và 16 ThS (có 02 GVCC và 10 GVC). Ngoài ra, còn có 2 cán bộ phòng ban có trình độ tiến sĩ tham gia kiêm giảng và 3 giảng viên của khoa tham gia giảng dạy CTĐT nhưng đã nghỉ chế độ (gồm 1 TS và 2 thạc sĩ). Đối với các học phần thuộc khối kiến thức chung (tiếng Anh, triết học, lý luận chính trị, tin học, thể dục), đội ngũ cán bộ tham gia giảng dạy hiện đang công tác tại các khoa chuyên môn trong trường (8TS, 12 ThS.).

Xác định được chất lượng đào tạo giáo viên Toán phổ thông có vai trò quan trọng đối với sự nghiệp giáo dục của tỉnh, khoa KHTN luôn quan tâm đến việc nâng cao chất lượng đào tạo, trong đó việc xây dựng CTĐT được quan tâm hàng đầu. Qua

quá trình nghiên cứu văn bản hướng dẫn, thu thập và xử lý minh chứng, viết bản thảo, nghe ý kiến tư vấn của các chuyên gia, thảo luận và chỉnh sửa, Khoa Khoa học Tự nhiên đã hoàn thành báo cáo tự đánh giá CTĐT đối với ngành đào tạo Đại học sư phạm Toán. Báo cáo tự đánh giá đã mô tả rõ ràng và đầy đủ các hoạt động của CTĐT, chỉ ra những điểm mạnh, điểm tồn tại cùng với kế hoạch khắc phục để Khoa và Nhà trường tiếp tục nâng cao chất lượng đối với ngành đào tạo này.

Phần II. Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT)

Mở đầu

CTĐT ngành ĐHSP Toán được xây dựng trên cơ sở chương trình khung do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và các quy định, hướng dẫn của Trường Đại học Hồng Đức. Quá trình xây dựng CTĐT có sự tham gia của giảng viên, các nhà khoa học có kinh nghiệm, chuyên môn sâu, các nhà quản lý trong và ngoài Trường. CTĐT thể hiện được các CDR dành cho SV tốt nghiệp và bao trùm được các CDR liên quan tới kiến thức và kỹ năng ngành, nhóm ngành, khối ngành.

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của nhà trường, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.

1. Mô tả

CTĐT cử nhân ĐHSP Toán được Bộ GDĐT cho phép đào tạo từ năm 1998 theo QĐ số 6269 của Bộ trưởng Bộ GDĐT [HT1.01.01.14]. CTĐT được xây dựng trên cơ sở chương trình khung của BGDĐT, ban hành đáp ứng các quy định của Bộ GDĐT và của Trường ĐHHĐ [HT1.01.01.01].

Mục tiêu chung của CTĐT ngành Đại học sư phạm Toán được ban hành năm 2019 là đào tạo ra những cử nhân có kiến thức cơ bản và chuyên sâu về toán học, có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, ngoại ngữ và tin học, có kiến thức cơ bản và cập nhật về khoa học giáo dục; có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe tốt; có năng lực sư phạm đáp ứng được những yêu cầu của sự nghiệp đổi mới giáo dục, đào tạo hiện nay ở nước ta; có khả năng học tiếp lên bậc học cao hơn (thạc sĩ, tiến sĩ) và có khả năng tự học, tự nghiên cứu khoa học để hoàn thiện và nâng cao năng lực làm việc. Ngoài ra, chương trình còn cung cấp cho sinh viên các kỹ năng giao tiếp và hợp tác liên ngành để chuẩn bị cho sinh viên tốt nghiệp hoạt động hiệu quả, có trách nhiệm trong môi trường đa dạng đáp ứng chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 22 tháng 8 năm 2018. [HT1.01.01.01].

Trên cơ sở mục tiêu chung của CTĐT, mục tiêu cụ thể của CTĐT được xác định gồm 6 mục tiêu, cụ thể như sau:

M1: Hiểu được các kiến thức cơ bản về Triết học, Kinh tế chính trị Mác-Lê Nin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, Tư tưởng HCM, hệ thống pháp luật Việt Nam; về quản lý hành chính nhà nước và quản lý giáo dục; về quốc

phòng-an ninh và thể dục thể thao, vận dụng được các kiến thức đó vào xây dựng môi trường giáo dục; vào trong cuộc sống, học tập, giảng dạy toán và nghiên cứu toán.

M2: Hiểu biết từ các kiến thức nền tảng của khoa học Toán học đến kiến thức chuyên sâu về một số lĩnh vực đặc biệt của toán học, vận dụng được các kiến thức vào thực hành giảng dạy, nghiên cứu toán học và lý luận dạy học môn Toán.

M3: Hiểu biết các kiến thức nghiệp vụ sư phạm, bao gồm: Tâm lý học, Giáo dục học, Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực và vận dụng vào thiết kế, tổ chức dạy học chương trình giáo dục phổ thông mới môn Toán, giáo dục học sinh và kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực của người học.

M4. Có khả năng học tập ở trình độ cao về khoa học Toán học và lí luận dạy học môn Toán (Thạc sĩ, Tiến sĩ) góp phần tự phát triển chuyên môn nghiệp vụ.

M5. Có kiến thức ngoại ngữ và kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản đáp ứng được các yêu cầu của công việc.

M6. Có phẩm chất đạo đức nhà giáo, có năng lực tự chủ và tự trách nhiệm, phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội; có năng lực tư vấn và hỗ trợ học sinh. có các kỹ năng mềm để tự phát triển bản thân như: kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu, tự trải nghiệm, đổi mới và học tập suốt đời, là tấm gương mẫu mực về phong cách nhà giáo“ [HT1.01.01.01 d].

Mục tiêu của CTĐT được rà soát, chỉnh sửa theo quy định của Bộ GDĐT vào các năm 2016 [HT1.01.01.01 b], 2017 [HT1.01.01.01 c], và năm 2019 [HT1.01.01.01d]. Quá trình rà soát, cập nhật mục tiêu của CTĐT có tham khảo ý kiến, lấy ý kiến của GV, cựu SV, nhà tuyển dụng [HT1.01.01.05]; kết quả điều tra, đánh giá, dự báo nhu cầu của thị trường lao động [HT1.01.01.02]; tham khảo Khung trình độ quốc gia Việt Nam [HT1.01.01.07].

So với mục tiêu của CTĐT 2010 [HT1.01.01.01 a], mục tiêu của CTĐT phiên bản 2016 (CTĐT 126 TC) [HT1.01.01.01 b], 2017 (CTĐT 120TC) [HT1.01.01.01 c] và phiên bản 2019 đã bổ sung, chỉnh sửa cụ thể như sau:

Điểm mới trong mục tiêu chung là:

“...chương trình còn cung cấp cho sinh viên các kỹ năng giao tiếp và hợp tác liên ngành để chuẩn bị cho sinh viên tốt nghiệp hoạt động hiệu quả, có trách nhiệm trong môi trường đa dạng đáp ứng chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 22 tháng 8 năm 2018.”

Điểm mới trong mục tiêu cụ thể bao gồm:

“M1: ... vận dụng được các kiến thức đó vào xây dựng môi trường giáo dục; vào trong cuộc sống, học tập, giảng dạy toán và nghiên cứu toán.

M3: Hiểu biết các kiến thức nghiệp vụ sư phạm, bao gồm: Tâm lí học, Giáo dục học, Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực và vận dụng vào thiết kế, tổ chức dạy học chương trình giáo dục phổ thông mới môn Toán, giáo dục học sinh và kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực của người học.

M6: ..., phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, ..., là tấm gương mẫu mực về phong cách nhà giáo.”

Mục tiêu CTĐT năm 2019 đảm bảo rõ ràng, phù hợp với yêu cầu chuẩn nghề nghiệp giáo viên phổ thông (THPT) [HT1.01.01.11]; phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học của Luật Giáo dục đại học [HT1.01.03.02] và phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường [HT1.01.01.15].

<p align="center">Sứ mạng và tầm nhìn của trường Đại học Hồng Đức [HT1.01.01.15]</p>	<p align="center">Mục tiêu chung CTĐT năm 2019 tương thích với sứ mạng và tầm nhìn [HT1.01.01.01 d]</p>
<p>Sứ mạng</p> <p>Trường Đại học Hồng Đức có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực đa lĩnh vực có khả năng thích ứng với sự thay đổi của thị trường lao động; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa và cả nước.</p>	<p>Đào tạo ra những cử nhân có kiến thức cơ bản và chuyên sâu về toán học, có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, ngoại ngữ và tin học, có kiến thức cơ bản và cập nhật về khoa học giáo dục; có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe tốt; có năng lực sư phạm đáp ứng được những yêu cầu của sự nghiệp đổi mới giáo dục, đào tạo hiện nay ở nước ta.</p>
<p>Tầm nhìn</p> <p>Đến năm 2030, Trường ĐHHĐ là địa chỉ tin cậy, có uy tín về đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ ở một số chuyên ngành mũi nhọn thuộc các ngành khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, giáo dục, kỹ thuật công nghệ, nông - lâm - ngư nghiệp, kinh tế (mỗi lĩnh vực ngành chọn 1-2 chuyên ngành) đạt trình độ ngang tầm với các trường đại học lớn trong khu vực miền Trung.</p>	<p>Đào tạo ra những cử nhân ...</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có năng lực sư phạm đáp ứng được những yêu cầu của sự nghiệp đổi mới giáo dục, đào tạo hiện nay ở nước ta - Có khả năng học tiếp lên bậc học cao hơn (thạc sĩ, tiến sĩ) và có khả năng tự học, tự nghiên cứu khoa học để hoàn thiện và nâng cao năng lực làm việc. - Cung cấp cho sinh viên các kỹ năng giao tiếp và hợp tác liên ngành để chuẩn bị cho sinh viên tốt nghiệp hoạt động hiệu quả, có trách nhiệm trong môi trường đa dạng

Bảng tương thích giữa mục tiêu chung của CTĐT và Sự mạng và tầm nhìn của trường Đại học Hồng Đức

<p>Mục tiêu cụ thể CTĐT năm 2019 [HT1.01.01.d]</p>	<p>Tiêu chí tương thích trong chuẩn nghề nghiệp giáo viên phổ thông [HT1.01.01.11]</p>
<p>M1: Hiểu được các kiến thức cơ bản về Triết học, Kinh tế chính trị Mác-Lê Nin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, Tư tưởng HCM, hệ thống pháp luật Việt Nam; về quản lý hành chính nhà nước và quản lý giáo dục; về quốc phòng-an ninh và thể dục thể thao, vận dụng được các kiến thức đó vào xây dựng môi trường giáo dục; vào trong cuộc sống, học tập, giảng dạy toán và nghiên cứu toán.</p>	<p>Tiêu chí 8. Xây dựng văn hóa nhà trường</p> <p>Tiêu chí 9. Thực hiện quyền dân chủ trong nhà trường</p> <p>Tiêu chí 10. Thực hiện và xây dựng trường học an toàn, phòng chống bạo lực học đường</p>
<p>M2: Hiểu biết từ các kiến thức nền tảng của khoa học Toán học đến kiến thức chuyên sâu về một số lĩnh vực đặc biệt của toán học, vận dụng được các kiến thức vào thực hành giảng dạy, nghiên cứu toán học và lý luận dạy học môn Toán.</p>	<p>Tiêu chí 3. Phát triển chuyên môn bản thân</p> <p>Tiêu chí 4. Xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh</p> <p>Tiêu chí 5. Sử dụng phương pháp dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh</p>
<p>M3: Hiểu biết các kiến thức nghiệp vụ sư phạm, bao gồm: Tâm lý học, Giáo dục học, Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực và vận dụng vào thiết kế, tổ chức dạy học chương trình giáo dục phổ thông mới môn Toán, giáo dục học sinh và kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực của người học.</p>	<p>Tiêu chí 4. Xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh</p> <p>Tiêu chí 5. Sử dụng phương pháp dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh</p> <p>Tiêu chí 6. Kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh</p> <p>Tiêu chí 7. Tư vấn và hỗ trợ học sinh</p>
<p>M4. Có khả năng học tập ở trình độ cao về khoa học Toán học và lý luận dạy học môn Toán (Thạc sĩ, Tiến sĩ) góp phần tự phát triển chuyên môn nghiệp vụ.</p>	<p>Tiêu chí 3. Phát triển chuyên môn bản thân</p>

M5. Có kiến thức ngoại ngữ và kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản đáp ứng được các yêu cầu của công việc.	Tiêu chí 14. Sử dụng ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc Tiêu chí 15. Ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong dạy học, giáo dục
M6. Có phẩm chất đạo đức nhà giáo, có năng lực tự chủ và tự trách nhiệm, phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội; có năng lực tư vấn và hỗ trợ học sinh. có các kỹ năng mềm để tự phát triển bản thân như: kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu, tự trải nghiệm, đổi mới và học tập suốt đời, là tấm gương mẫu mực về phong cách nhà giáo.	Tiêu chí 1. Đạo đức nhà giáo Tiêu chí 2. Phong cách nhà giáo Tiêu chí 3. Phát triển chuyên môn bản thân Tiêu chí 7. Tư vấn và hỗ trợ học sinh Tiêu chí 11. Tạo dựng mối quan hệ hợp tác với cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh và các bên liên quan Tiêu chí 12. Phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội để thực hiện hoạt động dạy học cho học sinh Tiêu chí 13. Phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội để thực hiện giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh

*Bảng tương thích giữa mục tiêu cụ thể của CTĐT
và Chuẩn nghề nghiệp giáo viên phổ thông*

Trong quá trình rà soát mục tiêu của CTĐT, mặc dù có tham khảo ý kiến các bên liên quan, tuy nhiên, việc lấy ý kiến các bên liên quan để điều chỉnh và cập nhật mục tiêu của CTĐT chủ yếu trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá, vì vậy tính phù hợp với nhu cầu xã hội trong phạm vi toàn quốc hiện nay còn chưa cao.

2. Điểm mạnh

Mục tiêu của CTĐT cử nhân ĐHSP toán đã được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường và mục tiêu của Luật giáo dục đại học đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội về giảng dạy toán.

CTĐT được cập nhật các nội dung mới nhất của chương trình giáo dục phổ thông mới, phù hợp với thực tế.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến các bên liên quan để điều chỉnh và cập nhật mục tiêu của CTĐT chủ yếu trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá, vì vậy tính phù hợp với nhu cầu xã hội trong phạm vi toàn quốc hiện nay còn chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021, Khoa KHTN sẽ cùng Hội đồng khoa tổ chức lấy ý kiến Ban Giám hiệu ít nhất 50 trường THCS và khoảng 80 trường THPT gồm tỉnh Thanh Hoá và các tỉnh khác trong cả nước để làm cơ sở trong việc đánh giá, rà soát lại mục tiêu của CTĐT đáp ứng hơn nữa với nhu cầu xã hội ngày càng cao về lĩnh vực Khoa học Tự nhiên, cụ thể là có sự cải thiện ở từng năm học.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5.5/7 điểm

Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo

1. Mô tả

Khoa KHTN đã tổ chức xây dựng chuẩn đầu ra của CTĐT ĐHSP Toán phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam và chuẩn nghề nghiệp đối với giáo viên phổ thông đã được phê duyệt [HT1.01.01.07], theo đúng quy định của Nhà trường về việc điều chỉnh và hoàn thiện CTĐT đại học đáp ứng yêu cầu của đào tạo tín chỉ giai đoạn 2011-2019 [HT1.01.01.08]. Tổ soạn thảo CTĐT và CĐR được Khoa đề xuất và nhà trường phê duyệt bao gồm các giảng viên có bề dày kinh nghiệm giảng dạy [HT1.01.02.01]. Trước khi tham mưu ban hành CĐR, khoa đã tổ chức hội thảo và lấy ý kiến các bên liên quan đóng góp vào dự thảo CĐR đã được nhóm soạn thảo biên soạn. Trên cơ sở các ý kiến đóng góp của các bên liên quan [HT1.01.02.06], Hội đồng Khoa tổ chức họp và hoàn thiện CĐR và trình Hiệu trưởng ký ban hành CĐR [HT1.01.01.08].

CĐR của CTĐT ngành Đại học sư phạm Toán được ban hành vào năm 2010 (áp dụng cho các lớp ĐHSP Toán từ K13 đến K18) và điều chỉnh vào năm 2016 (áp dụng cho lớp ĐHSP Toán K19), năm 2017 (áp dụng cho lớp ĐHSP Toán K20, K21), cập nhật bản mới nhất năm 2019 (áp dụng cho lớp ĐHSP Toán K22) đã phản ánh rõ sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường với thế mạnh đào tạo đội ngũ giáo viên Toán phổ thông. CĐR của CTĐT ngành ĐHSP Toán gồm có 4 nhóm năng lực bao gồm: kiến thức, kỹ năng, thái độ, tự chủ và tự chịu trách nhiệm. Các nhóm năng lực này bao quát đầy đủ và đáp ứng được các năng lực nghề nghiệp giáo viên Toán bậc phổ thông và được mô tả rõ ràng trong khung CTĐT ban hành năm 2010 và điều chỉnh năm 2019 “...Đào tạo giáo viên Trung học phổ thông ngành Sư phạm Toán có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe tốt; Có kiến thức nền tảng bổ trợ cần thiết của khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, ngoại ngữ, tin học, pháp luật; Có kiến thức chuyên sâu về Toán học, khoa học giáo dục và khoa học phương pháp dạy học bộ môn Toán; Có năng lực sư phạm thành thạo đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu, quản lý giáo dục ở trường

phổ thông và các cơ sở giáo dục trong cả nước; Có khả năng tự học, tự nghiên cứu để phát triển ở trình độ đào tạo cao hơn...” [HT1.01.01.11].

Các chuẩn này được thể hiện thông qua các yếu tố cốt lõi mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp: *Kiến thức, kỹ năng, thái độ, năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm, trình độ Tiếng Anh (đạt bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc, Công nghệ thông tin (có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp); cơ hội đáp ứng chuẩn nghề nghiệp và khả năng học tập nâng cao trình độ [HT1.01.01.07], [HT1.01.02.07].* Theo đó, CĐR của CTĐT đã được thiết kế rõ ràng, bao quát được yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt thể hiện chi tiết trong ma trận kỹ năng, thể hiện mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra và các môn học trong CTĐT ngành ĐHSP Toán bao gồm khối kiến thức chung, khối kiến thức cơ sở chuyên ngành, khối kiến thức chuyên ngành [HT1.01.01.06]; [HT1.01.02.03], giúp cho người học và người dạy dễ dàng xác định mục tiêu trong quá trình học tập và giảng dạy, được thiết kế qua 3 trụ cột mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp đó là kiến thức, kỹ năng và thái độ.

Trong quá trình xây dựng, ban soạn thảo đã thực hiện phân tích đối sánh với CĐR ngành ĐHSP Toán của các trường đại học trong nước như: Đại học sư phạm Hà Nội, Đại học Vinh, Đại học sư phạm Huế, Đại học sư phạm Thái Nguyên và Đại học Khoa học tự nhiên, Đại học quốc gia Hà Nội [HT1.01.03.03]. Đồng thời Khoa KHTN và nhà trường cũng đã tiến hành khảo sát các bên liên quan gồm: nhà tuyển dụng, sử dụng lao động; sinh viên, cựu sinh viên và các chuyên gia đầu ngành về nhu cầu người học và CĐR, thông qua đó hoàn thiện CĐR của ngành phù hợp với nhu cầu thực tế của công cuộc đổi mới giáo dục của tỉnh Thanh Hóa nói riêng và cả nước nói chung [HT1.01.02.06].

2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT ĐHSP Toán được thiết kế rõ ràng phản ánh được mục tiêu của CTĐT và xác định cụ thể được mức năng lực SV tốt nghiệp cần đạt được.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến của người học sau tốt nghiệp, của Cựu SV, GV và các nhà tuyển dụng để góp ý cho CĐR của CTĐT ngành ĐHSP toán còn chưa nhiều, chưa được thực hiện thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2019 - 2020, Khoa phối hợp với Phòng ĐBCL&KT và các đơn vị liên quan tổ chức lấy ý kiến của người học sau tốt nghiệp, của Cựu SV, GV và các nhà tuyển dụng để góp ý cho CĐR của CTĐT ngành ĐHSP Toán.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 6/7 điểm

Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai

1. Mô tả

CĐR của ngành ĐHSP Toán được xây dựng từ năm 2010 theo văn bản hướng dẫn của nhà trường, đáp ứng các yêu cầu của Luật giáo dục năm 2005 (Điều 2) [HT1.01.03.01], của Luật giáo dục đại học 2012 (Điều 5) [HT1.01.03.02], Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về khung trình độ quốc gia Việt Nam [HT1.01.01.07] của Bộ GD&ĐT và các yêu cầu của nhà tuyển dụng lao động, của giảng viên, sinh viên.

Năm 2015, để cập nhật, chỉnh sửa CTĐT ngành ĐHSP Toán, Khoa Khoa học Tự nhiên đã xây dựng kế hoạch phát triển chuẩn đầu ra ngành ĐHSP Toán. Trên cơ sở Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực người học đạt được sau khi tốt nghiệp và các văn bản hướng dẫn xây dựng CĐR của Nhà trường, Khoa đã tiến hành rà soát lại CĐR đã được công bố năm 2010. Đồng thời trên cơ sở kết quả khảo sát các bên liên quan, chuẩn đầu ra ngành ĐHSP Toán đã được xây dựng hoàn chỉnh, được nghiệm thu bởi Hội đồng thẩm định cấp Khoa, Trường và Hiệu trưởng phê duyệt vào năm 2016 [HT1.01.03.04]. CĐR năm 2016 được xây dựng phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam [HT1.01.01.07] của Bộ GD&ĐT.

Bên cạnh đó, CĐR ngành ĐHSP Toán được xây dựng có sự tham khảo các CTĐT hiện hành của các trường đại học uy tín trong nước như CTĐT của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, trường ĐH Sư phạm Thái Nguyên, trường ĐH Vinh [HT1.01.03]. CĐR của CTĐT được xây dựng năm 2016 [HT1.01.01.08, số 3236] so với năm 2010 [HT1.01.01.08, số 34] ngày càng cụ thể, rõ ràng với các yêu cầu về kiến thức; kỹ năng; thái độ đạo đức nghề nghiệp; khả năng công tác sau khi tốt nghiệp, khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi ra trường. Cụ thể, CĐR đã thực hiện yêu cầu của SV tăng khối lượng thực hành, thực tập, tăng cường rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng tin học, học cùng lúc hai chương trình. Đối với nhà tuyển dụng thì yêu cầu tăng thêm các môn học về kỹ năng giải quyết vấn đề, làm việc nhóm, tin học, ...

Trong quá trình thực hiện, trên cơ sở kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan và kết quả khảo sát nhu cầu của các trường phổ thông trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đối với giáo viên môn Toán [HT1.01.01.12], Nhà trường đã chỉ đạo Khoa Khoa học Tự nhiên tiếp tục thực hiện rà soát điều chỉnh CĐR ngành ĐHSP Toán vào các năm 2017 và 2019 [HT1.01.01.08, 2017 và 2019]. CĐR năm 2019 đã được rà soát và cập nhật

cho phù hợp với Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể được ban hành theo thông tư 32/2018-TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 [HT1.01.03.07]. Theo đó, CĐR đã cụ thể hoá một số năng lực cốt lõi ngành ĐHSP Toán, đó là: năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hóa toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học [HT1.01.01.08]. CĐR của CTĐT ngành ĐHSP Toán cũng đã nêu rõ kết quả học tập mong đợi, mô tả rõ ràng các tiêu chí về kiến thức, kỹ năng và thái độ đạt được sau quá trình đào tạo [HT1.01.01.09]. Dựa trên CĐR đã ban hành, CTĐT ngành ĐHSP Toán hoàn toàn có đủ điều kiện trang bị cho người học những năng lực được xã hội và các bên liên quan mong đợi về một cử nhân ngành ĐHSP Toán.

Sau khi thẩm định và ra quyết định ban hành, CĐR của CTĐT được công bố công khai và rộng rãi trên website Nhà trường và subweb của Khoa [HT1.02.03.01]. Các nội dung cơ bản của CĐR cũng được đưa vào niên lịch phát cho SV vào đầu khoá học [HT1.01.03.05] hoặc giới thiệu cho người học thông qua các kênh tuyên truyền tuyển sinh của Khoa và Nhà trường. Ngoài ra, việc tìm hiểu CĐR còn được các giảng viên truyền thông qua các môn học, được quán triệt bởi hệ thống cố vấn học tập và quản lý SV.

2. Điểm mạnh

Chuẩn đầu ra CTĐT ngành ĐHSP Toán được xây dựng trên cơ sở các quy định hiện hành, có sự tham gia góp ý của các bên liên quan; được định kỳ rà soát và công bố công khai dưới nhiều hình thức để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

3. Điểm tồn tại

Khoa chưa có sự liên hệ thật sự chặt chẽ trong quá trình SV thực tập tại các trường phổ thông để tiếp thu phản hồi trực tiếp và thường xuyên thông tin về CĐR từ các giáo viên và cựu SV ở trường phổ thông.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Khoa KHTN sẽ đẩy mạnh việc ký kết các thoả thuận với các cơ sở thực tập để trao đổi và xây dựng những vấn đề liên quan đến CĐR nhằm đào tạo được những SV ngành ĐHSP Toán với những kết quả như mong đợi.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm

Kết luận về tiêu chuẩn 1

CTĐT ngành ĐHSP Toán đã thể hiện mục tiêu rõ ràng, cấu trúc hợp lý, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng người học tiếp thu được khi tốt nghiệp. Mục tiêu và CĐR được xây dựng khoa học đã phản ánh tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường và

của Khoa, phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học đáp ứng được yêu cầu xã hội. CDR của CTĐT ngành ĐHSP Toán được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung có sự tham gia của các bên liên quan, được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau tới người học và các bên liên quan.

Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành ĐHSP Toán tự đánh giá tiêu chuẩn 1 đạt 3/3 tiêu chí và cả 3 tiêu chí đều đạt 6/7 điểm.

Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu

Bản mô tả CTĐT ngành Đại học sư phạm Toán được xây dựng trên mục tiêu, chuẩn đầu ra, chuẩn nghề nghiệp giáo viên toán phổ thông và yêu cầu của thực tiễn đổi mới giáo dục phổ thông, là tài liệu cung cấp thông tin về CTĐT của ngành ĐHSP Toán tới người học, nhà tuyển dụng. Nội dung bản mô tả CTĐT có đủ các thông tin theo quy định, đảm bảo thông tin đầy đủ đến các bên liên quan về CTĐT. Bản Mô tả CTĐT được công khai để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả

Bản mô tả CTĐT ĐHSP Toán được xây dựng theo đúng hướng dẫn chung của nhà trường [HT1.02.01.01]. Bản mô tả CTĐT có đầy đủ các thông tin:

- Thông tin chung về CTĐT (Trường cấp bằng tốt nghiệp: Trường ĐHHĐ được Trung tâm kiểm định chất lượng ĐH Quốc gia Hà Nội công nhận đạt chuẩn chất lượng GDĐH cấp quốc gia năm 2017);

- Tổ chức NQA và tổ chức BVQA đánh giá và công nhận QMS ISO 9001 (2007, 2013, 2017);

- Tên gọi của văn bằng: Cử nhân ngành Sư phạm Toán.

- Tên CTĐT: Đại học Sư phạm Toán.

- Tóm tắt mục tiêu đào tạo và CDR (gồm: Mục tiêu chung và Mục tiêu cụ thể; Chuẩn đầu vào và CDR);

- Cấu trúc CTĐT- khóa học : Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Toán học gồm 47 học phần (tương đương 120 tín chỉ, trong đó có 37 học phần bắt buộc (96 tín chỉ) và 10 học phần thay thế/ tự chọn (24 tín chỉ), được phân bổ trong 8 học kỳ. Khối kiến thức lý luận chính trị gồm: 5 học phần (12 tín chỉ); Khối kiến thức ngoại ngữ gồm: 3 học phần (10 tín chỉ); Khối kiến thức chung của ngành gồm: 4 học phần (09 tín chỉ); Khối kiến thức cơ sở của ngành gồm: 3 học phần (10 tín chỉ); Khối kiến thức

Toán-Tin học-KHTN-CN-Môi trường gồm: 6 học phần (15 tín chỉ); Khối kiến thức chuyên sâu của ngành gồm: 22 học phần (51 tín chỉ); Khối kiến thức Kiến tập, Thực tập tốt nghiệp gồm: 2 học phần (07 tín chỉ); Khối kiến thức Khóa luận/ Học phần thay thế gồm: 2 học phần (06 tín chỉ).

- Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào CĐR của CTĐT;
- Phương pháp dạy - học, đánh giá;
- CTĐT tham khảo của các trường đại học có uy tín

- CĐR và các luận giải được trình bày rõ ràng cung cấp đầy đủ thông tin để SV dễ dàng tìm hiểu và áp dụng trong quá trình học tập, bao gồm: Chuẩn năng lực người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp: Kiến thức, kỹ năng, thái độ, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm, ngoại ngữ, công nghệ thông tin; Khả năng đáp ứng cơ hội nghề nghiệp (của người tốt nghiệp); khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường.

Bản mô tả CTĐT năm 2019 được cập nhật đầy đủ những vấn đề, thông tin mới nhất có tham khảo chương trình giáo dục phổ thông mới [HT1.01.01.13]. Khối kiến thức chuyên ngành và ngành được thiết kế đáp ứng yêu cầu của các nhà tuyển dụng, nhấn mạnh nội dung thực hành, kiến tập ... để tăng cường rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên.

Từ các bản mô tả CTĐT [HT1.01.01.06], ta thấy bản mô tả CTĐT của các phiên bản sau vượt trội hơn bản mô tả CTĐT ở các phiên bản trước ở chỗ:

- Bổ sung bảng ma trận, thể hiện sự tương thích của phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra.
- Cập nhật số lượng, trình độ giảng viên tham gia giảng dạy thuộc CTĐT.
- Chuẩn đầu ra được chi tiết ở ma trận đóng góp của các học phần vào mức độ đạt chuẩn đầu ra.

2. Điểm mạnh

Bản mô tả là thể hiện rõ ràng, đầy đủ và cập nhật các thông tin cần thiết về CTĐT ĐHSP Toán tại Trường ĐHHĐ. Qua bản mô tả này, người học và xã hội hiểu được lộ trình dự kiến toàn bộ khóa học cũng như phương pháp dạy – học và kiểm tra đánh giá nhằm đạt được CĐR của ngành.

3. Điểm tồn tại

Bản mô tả CTĐT còn chưa được lấy ý kiến khảo sát định kỳ của GV và SV.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2020, Khoa KHTN sẽ cung cấp bản mô tả CTĐT tới các bên có liên quan, các tổ chức doanh nghiệp một cách bài bản, mang tính chuyên nghiệp hơn và định kỳ 2 năm sẽ thực hiện rà soát, điều chỉnh, cập nhật bản mô tả CTĐT.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm.

Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả

Đề cương các học phần vừa đóng vai trò là bản mô tả quá trình giảng dạy, vừa đóng vai trò là bản cam kết giúp GV và SV thực hiện đúng trách nhiệm của mình. Mỗi CDR của học phần luôn được gắn liền với từng hoạt động dạy và học cũng như hoạt động đánh giá tương ứng trong đề cương.

CTĐT có đầy đủ ĐCCT các học phần [HT1.01.02.03]. Đề cương chi tiết các học phần do khoa quản lý và xây dựng theo quy trình và mẫu đề cương được hướng dẫn tại các văn bản của Trường ĐHHĐ [HT1.02.02.01, HT1.02.02.02]. Theo đó, ĐCCTHP do bộ môn quản lý chủ trì biên soạn và Khoa phê duyệt bao gồm các nội dung: mã học phần, số tín chỉ, bộ môn phụ trách, thông tin về giảng viên, thông tin về học phần, điều kiện tiên quyết, mô tả học phần (nội dung học phần, năng lực đạt được), mục tiêu của học phần (về kiến thức, về kỹ năng, về thái độ, về năng lực), chuẩn đầu ra học phần (kiến thức khoa học và kỹ thuật, kỹ năng cá nhân, kỹ năng giao tiếp và kỹ năng truyền thông, thái độ và năng lực), nội dung chi tiết học phần (gồm các chương, mục), yêu cầu đối với học phần, phương pháp giảng dạy, kế hoạch tư vấn, trang thiết bị, phương pháp đánh giá môn học, giáo trình và tài liệu tham khảo.

Tất cả các học phần thuộc CTĐT ĐHSP Toán đều có ĐCCT học phần kèm theo. ĐCCT học phần được Khoa/Bộ môn xây dựng được thẩm định ở hội đồng cấp Khoa và do Nhà trường/Khoa ban hành thực hiện. [HT1.01.02.03], [HT1.02.02.03].

Từ năm 2008 (bắt đầu đào tạo theo hình thức tín chỉ) đến nay ĐCCT học phần được các bộ môn rà soát điều chỉnh và cập nhật. Hằng năm được xem xét bổ sung các chi tiết theo hướng phù hợp với yêu cầu phát huy năng lực SV, bổ sung phương pháp giảng dạy và học tập; phương pháp đánh giá, kiểm tra; tài liệu tham khảo [HT1.01.02.03]. Việc rà soát được thực hiện đúng 06 bước đã được nêu trong quy trình biên soạn, điều chỉnh, phê duyệt ĐCCT học phần [HT1.02.02.05] và có tham khảo chương trình phổ thông mới theo thông tư 32 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Năm 2019, CDR của CTĐT đã được rà soát, chỉnh sửa và cập nhật [HT1.01.01.08] để đảm bảo sự phù hợp với nội dung quy định của Thông tư 20/2018 [HT1.01.01.11] về

Chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông, và Thông tư 32/2018 [HT1.01.01.13] về Chương trình giáo dục phổ thông, theo hướng tích hợp một số CDR có nội hàm gần nhau, làm nổi bật hơn các năng lực đặc thù của giáo viên Toán để làm cơ sở cập nhật đề cương các học phần.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã ban hành đầy đủ các quy định về việc xây dựng, điều chỉnh, bổ sung ĐCCT học phần đào tạo theo hệ thống tín chỉ; 100% ĐCCT học phần được chuẩn hóa theo quy định của Nhà trường, được Hội đồng khoa thẩm định, phê duyệt và Nhà trường tổ chức đánh giá.

ĐCCT thuộc CTĐT ngành ĐHSP Toán cơ bản bám sát mục tiêu, nội dung CTĐT và liên tục cập nhật, phù hợp với yêu cầu của từng CTĐT theo từng khoá tuyển sinh, theo ý kiến phản hồi tích cực của người dạy, SV.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến phản hồi của người học về học phần chưa đồng bộ ở tất cả các môn học, phân tích dữ liệu đánh giá kết quả học tập của người học chưa được tiến hành sâu đến các khối kiến thức trong mỗi môn học, từ đó để có cơ sở cải tiến nội dung cụ thể và kế hoạch dạy học của từng học phần.

4. Kế hoạch hành động

Lấy ý kiến người học về chương trình đào tạo nói chung và đề cương chi tiết học phần nói riêng sau khi kết thúc học phần, từ đó đưa ra điều chỉnh ĐCCT phù hợp theo từng năm.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận

1. Mô tả

Ngay sau khi các CTĐT ngành ĐHSP Toán được Trường ĐHHĐ ban hành, Khoa KHTN đã triển khai xây dựng, đánh giá, hoàn thiện phê duyệt bản mô tả CTĐT và ĐCCT các học phần [HT1.01.01.08]; [HT1.01.02.03]. Sau đó, Khoa Khoa học Tự nhiên đã công bố công khai cho các bên có liên quan về nội dung của Bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần thuộc CTĐT, thông qua nhiều hình thức khác nhau: công bố công khai trên website của Nhà trường và website của Khoa [HT1.02.03.01]; tại các buổi tư vấn tuyển sinh cho học sinh phổ thông; thông qua hệ thống niên lịch đào tạo [HT1.01.03.05], tài liệu học tập đầu khóa của SV [HT1.02.03.02],... Đặc biệt,

ĐCCT các học phần được GV cung cấp cho SV ngay trong tuần thứ nhất của lịch trình giảng dạy môn học theo quy định của Nhà trường [HT1.02.02.02].

Các bên liên quan như cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, GV, SV, cựu SV, ... đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT và ĐCCT các học phần một cách dễ dàng và thuận tiện [HT1.02.03.03]. Từ đó, có những góp ý hữu ích cho việc chỉnh sửa, cập nhật bản mô tả. Những điều chỉnh về bản mô tả CTĐT và ĐCCT các môn học được cập nhật trên website của nhà trường và của khoa để cán bộ, SV và những người có nhu cầu tìm hiểu về ngành học biết và thực hiện.

Việc sử dụng và công bố bản mô tả CTĐT và các ĐCCT học phần bằng nhiều hình thức như trên đã giúp cho SV nắm rõ được các học phần để đăng ký học trong một kỳ học, xác định đúng kế hoạch học tập, lộ trình học tập trong cả năm học và cả khóa học. Hàng năm, thông qua việc lấy ý kiến các bên có liên quan, đặc biệt là đối với SV đang theo học tại trường, qua việc đánh giá chất lượng hoạt động giảng dạy và chất lượng quá trình đào tạo cho thấy, SV đã biết đến CTĐT ngành ĐHSP Toán từ khi tìm hiểu đăng ký thi tuyển /đăng ký xét tuyển; biết đến ĐCCT học phần trong tiết học đầu tiên do GV bộ môn giảng dạy, trên website của Khoa. Các ý kiến đều thống nhất cho rằng, Khoa đã áp dụng nhiều hình thức công bố bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần, nhưng sẽ là tốt hơn nếu khoa có bản mô tả tóm tắt CTĐT ngành ĐHSP Toán bằng tiếng Anh và được công bố kịp thời trên hệ thống website của Khoa [HT1.01.01.06].

2. Điểm mạnh

Khoa KHTN và nhà trường đã đa dạng các hình thức công khai Bản mô tả CTĐT và ĐCCT các học phần để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận, giúp cho SV có kế hoạch học tập và phương pháp học tập phù hợp để đạt được kết quả mong đợi; giúp cho GV phụ trách học phần trong CTĐT hiểu rõ kiến thức SV cần nắm được sau khi kết thúc học phần; giúp cho nhà tuyển dụng biết được các kỹ năng đạt được của SV khi tốt nghiệp.

3. Điểm tồn tại

Việc xuất bản và thông tin bản mô tả CTĐT tới các bên có liên quan vẫn chưa được thực hiện một cách bài bản và chuyên nghiệp.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, khoa sẽ mở rộng phạm vi, đối tượng lấy ý kiến đánh giá từ các nhà tuyển dụng (20 nhà tuyển dụng), GV trong và ngoài khoa (30 GV), cựu SV (30 SV) và SV năm cuối (50 SV) về CTĐT nói chung, về bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần nói riêng để tiếp tục bổ sung, điều chỉnh CTĐT theo tiếp cận CDR

của ngành và quốc tế hóa CTĐT. Đồng thời, lãnh đạo khoa sẽ tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát để hoạt động xuất bản và công bố bản mô tả CTĐT được thực hiện một cách bài bản, chuyên nghiệp hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm

Kết luận về tiêu chuẩn 2

Khoa đã xác định rõ mục tiêu của CTĐT ngành ĐHSP Toán là cung cấp đầy đủ kiến thức chuyên môn, tay nghề nghiệp vụ cơ bản cho người học, phần kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành có nhiều học phần tự chọn dễ dàng điều chỉnh hoặc cập nhật, giúp người học lựa chọn phù hợp với sở thích và nhu cầu thị trường. Do đó, bản mô tả CTĐT và đề cương học phần cần phải được xây dựng một cách bài bản và khoa học, có đầy đủ thông tin, được cập nhật và công bố công khai cho các bên liên quan nắm được và dễ dàng tiếp cận. Tuy nhiên đề cương chi tiết học phần chưa được chú ý công khai trên Website của nhà trường và việc xin ý kiến đóng góp của các bên liên quan đến việc điều chỉnh bản mô tả chưa được thường xuyên.

Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành ĐHSP Toán tự đánh giá tiêu chuẩn 2 đạt 3/3 tiêu chí và bình quân tiêu chí đều đạt 5.3/7 điểm.

Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu

CTDH ngành SP Toán được thiết kế dựa trên mục tiêu và CDR của CTĐT theo hướng hiện đại, phù hợp với nhu cầu xã hội, đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông mới (2018). CTĐT cử nhân ĐHSP Toán được cấu trúc hợp lý và hệ thống, tuân thủ theo các văn bản quy định về xây dựng CTĐT của Nhà trường với các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, mục tiêu, yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo giáo viên Toán trình độ đại học. Chủ đề và nội dung các học phần được cấu trúc logic, mang tính tích hợp, linh hoạt, thể hiện tính khoa học của toàn bộ CTĐT. Đồng thời CTĐT của ngành ĐHSP Toán liên tục được rà soát định kỳ nhằm đảm bảo tính thích hợp và cập nhật ở từng học phần cụ thể và ở CTĐT tổng thể.

Tiêu chí 3.1: CTDH được thiết kế dựa trên CDR

1. Mô tả

Trước khi xây dựng chương trình đào tạo, nhà trường đã xây dựng phiếu điều tra, khảo sát ý kiến và phản hồi của các bên liên quan: Quy định xây dựng, điều chỉnh CTĐT theo định hướng ứng dụng và phát huy năng lực người học tại Trường Đại học Hồng Đức; Biên bản rà soát, điều chỉnh bổ sung CTĐT đại học ngành Sư phạm Toán theo định hướng phát huy năng lực và định hướng nghề nghiệp; Tổng hợp ý kiến của

các Chuyên gia về chuẩn đầu ra chương trình đào tạo ngành ĐHSP Toán 2017 [HT1.01.01.04] [HT1.01.01.05]

Chương trình dạy học ngành ĐHSP Toán năm 2016 xây dựng theo định hướng ứng dụng và phát huy năng lực người học ban hành theo quyết định Số 2198/ĐHHĐ-QLĐT ngày 18/8/2016 của Hiệu trưởng trường Đại học Hồng Đức được thiết kế dựa trên các yêu cầu của chuẩn đầu ra [HT1.01.02.02].

CTĐT ngành ĐHSP Toán ban hành năm 2019 đã thể hiện tính chất thực tiễn, hiện đại và cập nhật [HT1.01.01.01]. Toàn bộ các học phần hiện nay được rà soát, xây dựng dựa trên thực tế nhu cầu xã hội, nằm trong chủ trương điều chỉnh của nhà trường (được xây dựng căn cứ theo quy chế đào tạo đại học ở Trường ĐHHĐ) [HT1.02.01.01], [HT1.01.01.01], [HT1.03.01.02]. CTĐT đã chú trọng tới tính logic của các học phần trong chương trình dạy học, nhằm đảm bảo cho SV được tiếp cận các kiến thức theo trình tự từ cơ bản đến chuyên sâu, từ khối lĩnh vực rộng đến kiến thức chuyên ngành hẹp. CTDH ngành SP Toán 2016 (126 TC) và CTDH 2019 (120TC) tuy tổng số TC giảm nhưng chỉ giảm khối KT Đại cương, trong khi đó khối kiến thức chuyên ngành và kiến tập, TTTN tăng. Điều này cho thấy CTDH ngành SP Toán 2019 chú trọng hơn các môn học thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm cũng để đáp ứng CĐR đã công bố [HT1.01.01.11].

Bảng 3.1.1 So sánh thiết kế các khối kiến thức trong CTDH năm 2016 và 2019

TT	Khối kiến thức	Năm 2016 (% tín chỉ)	Năm 2019 (% tín chỉ)
	Giáo dục đại cương	37 (29,4%)	31(25,6%)
	Giáo dục chuyên ngành	89 (70,6%)	90 (74,4%)
1	Cơ sở ngành	21 (16,7%)	18 (14,9%)
2	Chuyên ngành	56 (44,4%)	59 (48,8%)
3	Kiến tập, TTTN	6 (4,8%)	7 (5,8%)
4	Khóa luận tốt nghiệp	6 (4,8%)	6 (5%)
	Tổng số TC bắt buộc	96 (76,2%)	96 (79,3%)
	Tổng số TC tự chọn	24	23

Đề cương các học phần trong chương trình đào tạo ngành ĐHSP Toán được thiết kế dựa trên ma trận kỹ năng. Thiết kế chương trình đào tạo ngành ĐHSP Toán dựa trên mục tiêu ngành học, chuẩn đầu ra chương trình đào tạo, từ đó thiết kế ma trận

năng lực và xây dựng chuẩn đầu ra, đề cương chi tiết môn học. Đề cương chi tiết đã mô tả mục tiêu và CĐR học phần đối ứng với CĐR của CTĐT [HT1.01.02.03]. CTDH ngành SP Toán được thiết kế dựa trên mục tiêu đào tạo ngành học, khung năng lực, CĐR và ma trận kỹ năng nhằm đáp ứng nhu cầu XH.

Bảng 3.1.2 Sự phân bố đóng góp của các khối kiến thức trong việc đạt được CĐR của CTDH năm 2019

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo															
	Kiến thức chung		Kiến thức chuyên môn			Kỹ năng chung					Kỹ năng chuyên môn			NL tự chủ và trách nhiệm		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	3				3	4				3	3	3	3	3	4	
2		4	5	6	4				3	4	4	5	4		4	4
3		5	5	6	5		5	3	3	4	4	5	4		4	4
4		3	4	5	5				4	3	4	4	4		4	4
5	3					4		4	4	4					4	
6				4	4	4	5	4	3	4		4	5	5	5	5

Ghi chú:

Đối với kiến thức: 1-Nhớ; 2-Hiểu; 3-Vận dụng; 4-Phân tích; 5-Đánh giá; 6-Sáng tạo.

Đối với kỹ năng: 1-Bắt chước; 2-Vận dụng; 3-Chính xác; 4-Thành thạo; 5-Bản năng.

Đối với năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm: 1-Tiếp nhận; 2-Hỏi đáp; 3-Đánh giá; 4-Tổ chức; 5-Tính cách.

Việc đánh giá SV ngành ĐHSP Toán được thực hiện bằng nhiều phương pháp để đạt được CĐR của CTĐT. Các bài kiểm tra thường xuyên, giữa kỳ, thi kết thúc học phần đánh giá mức độ tích lũy kiến thức của người học qua từng phần [HT1.01.02.03]. Đồng thời, thông qua các bài tập lớn, các giờ thảo luận, làm việc nhóm và thuyết trình giúp người học phát triển kỹ năng tìm kiếm thông tin, có tư duy phản biện và tăng khả năng thích ứng với hoạt động nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp, tạo cơ hội cho người học đạt được CĐR [HT1.01.01.08].

Các phương pháp dạy học chủ yếu được sử dụng như: Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết), phương pháp động não, đặt vấn đề, hoạt động nhóm, dự án, mô phỏng, nghiên cứu tình huống (áp dụng cho các tiết thảo luận, bài tập). Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của sinh viên. [HT1.01.02.03]

Các phương pháp và hình thức kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của người học của tất cả các học phần trong CTDH thể hiện đầy đủ trong đề cương chi tiết học phần. Các PP kiểm tra đánh giá các học phần là:

- Kiểm tra- đánh giá thường xuyên: Hình thức thường là bài tập cá nhân (đánh giá thường xuyên với hình thức vấn đáp, hoặc kiểm tra viết ngắn 10 - 15 phút về phần đọc trước, phần đọc thêm; thực hành trên máy. Có thể kiểm tra trên lớp hoặc ở nhà); Bài tập nhóm (các nhóm thảo luận tự đánh giá cho điểm, GV đánh giá và cho điểm: sau đó tính điểm chung cho nhóm và cá nhân).

- Kiểm tra- đánh giá giữa kì: Hình thức tự luận, thực hành và vấn đáp trên lớp.

- Kiểm tra- đánh giá cuối kì: Hình thức tự luận, vấn đáp và thực hành, kết hợp trắc nghiệm khách quan. Kết hợp giữa lý thuyết (30-40%) và vận dụng làm bài tập, thực hành (60 -70%).

Các PPDH, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của người học của tất cả các học phần trong CTDH phù hợp với CTĐT, góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt CĐR [HT1.01.02.02].

Thông qua khảo sát lấy ý kiến của 25 GV trực tiếp giảng dạy các học phần ngành ĐHSP Toán cho thấy, đa số GV đánh giá cao tiêu chí tổ hợp các PPDH nêu trong trong ĐCCT, trong đó tiêu chí *PPGD đang áp dụng phù hợp với chuẩn đầu ra của khóa học* được đánh giá rất cao về mức độ hài lòng: có 23/25 (chiếm 92%) đánh giá *Rất tốt* và có 2/25 (chiếm 8%) đánh giá *Tốt*, 100% GV đánh giá tiêu chí *Mỗi môn học có đóng góp rõ ràng vào việc đạt được chuẩn đầu ra của CTDH*. [HT1.03.03.03]

2. Điểm mạnh

CTDH của ngành ĐHSP Toán được thiết với các học phần có nội dung bao trùm các CĐR của CTĐT. Cấu trúc các học phần trong CTĐT đảm bảo tỷ lệ hợp lý giữa các khối kiến thức. Đề cương chi tiết các học phần trong khối kiến thức đều thể hiện tính gắn kết, liền mạch giúp chương trình dạy học trở thành một khối thống nhất.

Đa dạng hóa các hình thức dạy học và kiểm tra đánh giá trong quá trình học tập của người học, giúp người học phát huy năng lực của bản thân, tăng khả năng thích ứng với nghề nghiệp trong tương lai, tăng cơ hội để người học đạt được CĐR.

3. Điểm tồn tại

Các thông tin phản hồi của các bên liên quan: Cựu SV, nhà tuyển dụng về chất lượng CTDH các học phần chưa được tiến hành liên tục, nên việc thiết kế CTDH theo hướng phát huy năng lực người học cho ngành ĐHSP Toán chưa phản ánh hết được mục tiêu của CTDH theo CĐR của từng học phần.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2020 - 2021, Khoa Khoa học Tự nhiên tiếp tục có kế hoạch phối hợp chặt chẽ với các bên liên quan, ưu tiên thu thập các ý kiến của các đối tượng như cựu SV, nhà tuyển dụng trong việc điều chỉnh, rà soát và hoàn thiện chương trình dạy học ngành ĐH SP Toán.

Khoa triển khai tập huấn, tổ chức Hội thảo, sinh hoạt Chuyên đề về chương trình giáo dục phổ thông 2018 cho tất cả GV trong Khoa để GV nắm được tinh thần những đổi mới chương trình GD phổ thông, kịp thời điều chỉnh về CTDH, cập nhật trong ĐCCTHP ngay từ đầu năm học mới.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm

Tiêu chí 3.2: Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR là rõ ràng

1. Mô tả

Nội dung các học phần trong chương trình đào tạo ban hành năm 2019 (khối lượng 121 tín chỉ) đều hướng tới những đóng góp vào việc đạt được CĐR của CTĐT. Sự đóng góp của mỗi học phần trong việc giúp người học đạt được CĐR của CTĐT được thể hiện rõ ràng trong từng ĐCCT học phần và trong ma trận đóng góp của các học phần vào mức độ đạt CĐR [HT1.01.01.06], [HT1.01.01.08].

Đối với các học phần thuộc khối kiến thức chung (các kiến thức lí luận, Tin học, ngoại ngữ), SV vận dụng được các kiến thức về nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh để có được nhận thức và hành động đúng trong cuộc sống cũng như trong thực tiễn công tác giáo dục và đào tạo Việt Nam; Cập nhật được các thành tựu mới của công nghệ thông tin trong nghề nghiệp, sử dụng được các phương tiện công nghệ thông tin trong học tập, nghiên cứu khoa học và công tác trong giáo dục; Kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và giao tiếp ngoại ngữ đạt trình độ tương đương bậc 3 trong Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.

Khối KT Lí luận chính trị	3	3	2	0	1	0	0	2	1	1	1	0		3	2	2
Tiếng Anh	0	2	0	0	0	2	3	3	1	1	1	2		1	3	1
Khối KT về T.học, T.học CS	0	2	2	2	2	3	2	2	2	1	2	3		2	2	3
Khối KT về Công nghệ và Môi trường	3	0	0	2	0	2	0	0	2	0	0	3	1	0	1	1
KT chung của ngành	2	2	3	3	0	0	1	1	0	2	3	2	3	2	3	2
KT chuyên sâu của ngành	2	2	2	2	3	3	2	2	3	3	3	3	1	3	3	3

Ghi chú: 0- Không đóng góp; 1- Đóng góp thấp; 2- Đóng góp trung bình; 3-Đóng góp cao

2. Điểm mạnh

Nội dung chi tiết của từng học phần trong CTDH thể hiện rõ mục tiêu, yêu cầu của từng học phần và có sự gắn kết với các học phần trong các khối kiến thức khác nhằm đảm bảo quá trình dạy – học và đánh giá đạt được mục tiêu của chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo ngành ĐHSP Toán.

Chương trình dạy học đáp ứng được năng lực của SV tốt nghiệp, SV có khả năng đáp ứng được các yêu cầu của công việc như: giảng dạy, nghiên cứu... Cấu trúc chương trình dạy học chú trọng cả chiều rộng lẫn chiều sâu. Các cán bộ giảng viên của khoa luôn có ý thức cập nhật, điều chỉnh nội dung đào tạo ở mỗi học phần, nhằm trợ giúp tốt hơn cho SV trong việc đạt được kết quả đầu ra.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến của nhà tuyển dụng, cựu người học chưa được thực hiện thường xuyên để cập nhật những thay đổi, đóng góp cho việc điều chỉnh kịp thời CTDH các học phần đảm bảo việc đạt được chuẩn đầu ra.

Một số nội dung CĐR của các học phần trong ĐCCTHP chưa tương thích với CĐR của CTĐT.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 – 2021, khoa Khoa học Tự nhiên tiếp tục triển khai cụ thể việc lấy ý kiến đóng góp CTĐT từ các chuyên gia ngoài Trường, nhà tuyển dụng và cựu người học.

Kịp thời chỉnh sửa, bổ sung CĐR các học phần cho tương thích với CĐR của CTĐT. Khoa và các BM Toán sẽ rà soát lại CĐR của từng học phần với CĐR của

CTĐT điều chỉnh nội dung bài tập/thực hành đáp ứng yêu cầu củng cố kiến thức lý thuyết và nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho người học.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 4/7 điểm

Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp

1. Mô tả

Việc thiết kế CTĐT ngành ĐHSP Toán được thực hiện dựa trên CĐR của ngành, với quan điểm tăng thực hành, giúp trang bị các kiến thức chuyên sâu hơn, mang tính thực hành nhiều hơn, đảm bảo cho SV có thể thích ứng ngay với thị trường lao động sau khi tốt nghiệp [HT1.01.01.01]. Trên cơ sở đó, tỷ lệ các học phần tự chọn/bắt buộc được xây dựng là: 11/47 (tương đương 30 tín chỉ, chiếm 24,8% tổng số tín chỉ của CTĐT) theo đúng quy định của Hiệu trưởng trường ĐHHĐ, các học phần tự chọn được thiết kế nhằm mục đích hướng người học đào sâu và mở rộng kiến thức bằng cách chọn các học phần phù hợp với năng lực và sở thích bản thân [HT1.01.01.06]; [HT1.01.01.01].

Bảng 3.3.1. Cơ cấu kiến thức của CTĐT 121 tín chỉ

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ bắt buộc	Số tín chỉ tự chọn	Tổng số tín chỉ	Tỷ lệ (%)
	Kiến thức giáo dục đại cương	31	0	31	25,6%
	Kiến thức Cơ sở ngành	16	2	18	14,9%
.1	Kiến thức ngành	21	22	43	35,5%
.2	Kiến thức nghiệp vụ sư phạm và thực tập, KLTN	23	6	29	24,17%
Tổng		91	30	121	100%

Cấu trúc của CTĐT đã từng bước được điều chỉnh cho hợp lý, đảm bảo sự cân đối giữa khối kiến thức và kỹ năng để hướng tới đạt CĐR, các học phần được sắp xếp logic, từ kiến thức chung đến kiến thức cơ sở, kiến thức ngành, chuyên ngành, thực hành, thực tế và được bố trí giảng dạy trong 4 năm, đảm bảo cho SV có thể tiếp thu kiến thức hiệu quả từ năm thứ nhất cho đến năm thứ 4 [HT1.01.01.13].

Cụ thể, các học phần được thiết kế trong chương trình dạy học theo trình tự hợp lý, logic và khoa học, liên kết chặt chẽ với nhau, đi từ đơn giản đến phức tạp, từ lý

thuyết đến thực hành, từ cơ bản đến chuyên sâu; kiến thức chuyên ngành luôn được bố trí học sau kiến thức ngành. Việc xác định môn học tiên quyết đóng vai trò hết sức quan trọng, cụ thể: môn học tiên quyết vừa đảm bảo cung cấp kiến thức nền tảng chung cho cả CTĐT, đồng thời vừa đảm bảo cung cấp kiến thức cho môn học tiếp theo (tính kế thừa giữa các môn học).

Bên cạnh đó, nội dung các học phần tích hợp cả lý thuyết và thực hành nhằm giúp người học có điều kiện củng cố lý thuyết và hình thành kỹ năng thực hành, rèn luyện các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp để giải quyết các vấn đề thực tiễn [HT1.01.01.1]. Đặc biệt, đối với các học phần phương pháp [HT1.03.03.01], người học sẽ có cơ hội tiếp cận những phương pháp giảng dạy tiên tiến nhằm rèn luyện kỹ năng giảng dạy, thực hành ở các trường THPT; hay đối với các học phần kiến tập, thực tập, rèn luyện nghiệp vụ, người học sẽ có cơ hội được tiếp cận với thực tế, được đến trực tiếp các trường THCS và THPT và tham gia giảng dạy [HT1.03.03.02].

Trước khi xây dựng CTĐT, khoa KHTN đã tổ chức khảo sát ý kiến các bên liên quan [HT1.01.02.06], [HT1.03.03.03]. Trên cơ sở đó, Khoa đã tổ chức nhiều phiên họp, thảo luận và lấy ý kiến góp ý từ hội đồng khoa học và đào tạo để nhóm biên soạn chỉnh sửa trước khi trình duyệt [HT1.10.01.08]. Trong quá trình xây dựng CTĐT Khoa đã có sự phân tích đối sánh với CTĐT ngành SP Toán của các trường đại học trong nước [HT1.01.03.03]. Trình tự các môn học được sắp xếp logic, đảm bảo tính hiệu quả cho việc tiếp thu của SV từ năm thứ nhất đến năm thứ tư: đi từ kiến thức cơ bản, cơ sở đến kiến thức chuyên sâu, chuyên ngành, từ lý thuyết đến thực hành. SV có thời gian hợp lý trong việc học tập trên giảng đường và thực hiện các hoạt động thực hành trong các phòng thí nghiệm, kiến tập và thực tập tại các trường THPT. CTĐT cũng chỉ rõ loại học phần bắt buộc hay tự chọn, tiên quyết hay ràng buộc và thời gian kế hoạch học tập cụ thể [HT1.01.01.01].

Trong quá trình thực hiện CTĐT, Khoa và Nhà trường đã tổ chức rà soát, đánh giá việc thiết và phát triển CTĐH, điều chỉnh trên cơ sở ý kiến đánh giá của người học khi tốt nghiệp về chất lượng chương trình đào tạo [HT1.03.03.03], ý kiến của cán bộ giảng dạy, của Hội đồng Khoa KHTN trong cuộc họp nghiệm thu CTĐT, CTĐT ngành ĐHSP Toán có những điều chỉnh phù hợp, đảm bảo người học đạt được CDR về kiến thức, kỹ năng, thái độ nghề nghiệp [HT1.03.03.04]. Chẳng hạn, CTĐT 121 có một số học phần được thay thế, tăng tín chỉ (Đại số sơ cấp, Nhập môn lý thuyết Galoa) [HT1.01.01.01d].

2. Điểm mạnh

CTĐH ngành ĐHSP Toán được thiết kế với cấu trúc hợp lý, logic giữa các khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành và khối kiến thức chuyên ngành phù hợp.

CTDH giúp người học có kế hoạch học tập và phương pháp học tập, nghiên cứu phù hợp với mục tiêu của từng học phần. CTDH được thiết kế theo trình tự hợp lý và có hệ thống, mang tính tích hợp cao và đáp ứng được năng lực của người học sau khi tốt nghiệp, có khả năng đáp ứng được những yêu cầu của công việc. Các học phần trong chương trình luôn luôn được cập nhật, điều chỉnh nhằm trợ giúp tốt hơn cho SV trong viên đạt được CĐR. Các học phần được thiết kế đề cao tính đặc trưng của ngành. Các học phần chuyên sâu được xây dựng có tác dụng bổ trợ lẫn nhau, giúp SV lĩnh hội sâu sắc những kiến thức lý thuyết và thực hành trong ngành đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến phản hồi của người học sau khi tốt nghiệp và các đơn vị sử dụng lao động giúp cho việc điều chỉnh CTDH ngành ĐHSP Toán chưa được thực hiện liên tục và đều đặn.

Ngành giáo dục đang tiến hành đổi mới chương trình giáo dục phổ thông tổng thể nên CTĐT đã được xây dựng khó ổn định.

Chưa tham khảo, đối sánh với CTĐT quốc tế khi xây dựng CTĐT.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, Khoa tiếp tục lấy ý kiến phản hồi của các đơn vị sử dụng lao động và cựu người học làm cơ sở cho việc rà soát, điều chỉnh chương trình dạy học của từng học phần định kỳ theo từng năm học, tạo điều kiện quản lý chất lượng theo kết quả đầu ra đã quy định, nhấn mạnh năng lực vận dụng của người học.

Tham khảo các CTĐT tiên tiến của các cơ sở giáo dục trong nước và quốc tế

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm

Kết luận về tiêu chuẩn 3

Chương trình dạy học ngành ĐHSP Toán được thiết kế dựa trên CĐR đã được ban hành, với các học phần có nội dung bao trùm các CĐR của CTĐT, trong đó thể hiện rõ sự đóng góp của các học phần trong thực hiện CĐR. Các học phần cơ sở, các học phần thuộc khối kiến thức nhóm ngành, ngành được thiết kế linh hoạt, tạo điều kiện cho người học. Nội dung của các học phần cơ sở và học phần chuyên ngành phù hợp, bổ trợ lẫn nhau.

Chương trình dạy học được thiết kế logic, theo trình tự hợp lý và có hệ thống, nội dung cập nhật, mang tính tích hợp. Chương trình dạy học thể hiện được năng lực của người học tốt nghiệp. Các ý kiến phản hồi của các bên liên quan.

Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành ĐHSP Toán tự đánh giá tiêu chuẩn 3 đạt 3/3 tiêu chí và đạt 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy học

Mở đầu

Trong đào tạo đại học, phương pháp tiếp cận có vai trò quan trọng trong việc hình thành bản sắc văn hóa của mỗi cơ sở giáo dục đại học. Khoa Khoa học Tự nhiên, cũng như nhiều khoa khác trong Trường ĐH Hồng Đức chọn cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm, tổ chức các hoạt động dạy học và các hoạt động ngoại khóa nhằm đạt được chuẩn đầu ra đã tuyên bố trong CTĐT, sử dụng các phương pháp dạy học đa dạng, nhằm phát huy tính chủ động sáng tạo trong học tập cho SV. Để làm được điều này, ngay từ năm 2008 Nhà trường đã chuyển đổi hình thức đào tạo từ niên chế sang hình thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Bên cạnh đó, CTĐT xác định rõ mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, thái độ. Cách tiếp cận này được cụ thể hóa ở việc thiết kế chương trình với các môn học kế tiếp nhau một cách logic, môn cơ sở là môn tiên quyết cho những môn học chuyên sâu, các hoạt động dạy và học đều phải cùng hướng đến chuẩn đầu ra. Thông điệp về cách tiếp cận, các hoạt động dạy học và chuẩn đầu ra của chương trình cần được mỗi giảng viên và SV hiểu rõ để thực hiện tốt vai trò nhiệm vụ của mình.

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến đến các bên liên quan

1. Mô tả

Mục tiêu giáo dục Trường ĐHHĐ được tuyên bố rõ ràng, các giá trị cốt lõi của Nhà trường được xác định “*Chất lượng – Hiệu quả - Chuyên nghiệp – Hội nhập*” trong chiến lược phát triển trường Đại học Hồng Đức đến năm 2020, tầm nhìn 2030 [HT1.01.01.03].

Trong chiến lược phát triển đến năm 2020, trường ĐHHĐ đã đề ra nhiệm vụ xây dựng Trường Đại học Hồng Đức trở thành một cơ sở giáo dục đại học đa ngành theo định hướng ứng dụng đạt chuẩn quốc gia, có một số ngành đạt chuẩn quốc tế; một trung tâm nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ có uy tín, đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực chất lượng, trình độ cao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa và đất nước [HT1.01.01.03].

Trên cơ sở triết lý giáo dục, các giá trị cốt lõi, mục tiêu giáo dục của Nhà trường và CDR của ngành, khoa đã xác định mục tiêu giáo dục của ngành Đại học sư phạm Toán được thể hiện trong CTĐT là “*Đào tạo giáo viên Toán học bậc phổ thông có kiến thức cơ bản và chuyên sâu về toán học, có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa*

học xã hội, ngoại ngữ và tin học, có kiến thức cơ bản và cập nhật về khoa học giáo dục; có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe tốt; có năng lực sư phạm đáp ứng được những yêu cầu của sự nghiệp đổi mới giáo dục, đào tạo hiện nay ở nước ta; có khả năng học tiếp lên bậc học cao hơn (thạc sĩ, tiến sĩ) và có khả năng tự học, tự nghiên cứu khoa học để hoàn thiện và nâng cao năng lực làm việc. Ngoài ra, chương trình còn cung cấp cho sinh viên các kỹ năng giao tiếp và hợp tác liên ngành để chuẩn bị cho sinh viên tốt nghiệp hoạt động hiệu quả, có trách nhiệm trong môi trường đa dạng đáp ứng chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 22 tháng 8 năm 2018.”

CTĐT ngành ĐHSP Toán đã cụ thể hóa sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHHĐ [HT1.01.01.01]. Việc xác định mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể của CTĐT SP Toán được tiến hành xây dựng trên cơ sở kết quả của việc xử lý thông tin, lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Kết quả khảo sát các bên liên quan cho thấy mục tiêu giáo dục của nhà trường và của ngành được đánh giá là rõ ràng, phù hợp với nhu cầu xã hội [HT1.01.02.06].

Bên cạnh đó, mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, thái độ của người học được tuyên bố trong CTĐT, được cụ thể hóa trong từng đề cương học phần và đều phản ánh đầy đủ kiến thức, kỹ năng, phương pháp dạy và học để đạt được CĐR [HT1.01.01.08]; [HT1.01.01.01] và được phổ biến cho toàn thể cán bộ, giảng viên, SV, nhà tuyển dụng và toàn xã hội trên trang thông tin điện tử của Khoa và Nhà trường hoặc trong niên lịch đào tạo hàng năm, ... [HT1.01.03.05], [HT1.01.03.05].

2. Điểm mạnh

Mục tiêu đào tạo của ngành được phổ biến tới tất cả các bên liên quan, đặc biệt là tới giảng viên và SV bằng nhiều kênh như website, niên lịch.

Mục tiêu này đã được sự đóng góp ý kiến xây dựng của các chuyên gia ở các trường đại học, các Viện nghiên cứu, cơ sở giáo dục.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù mục tiêu đào tạo của Khoa được công bố cho các nhà tuyển dụng, nhưng mới chỉ giới hạn ở những chuyên gia có tham gia giảng dạy và biên soạn đề cương môn học cho Khoa. Mục tiêu này chưa được công bố với đông đảo các nhà tuyển dụng khác.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 – 2021, Khoa KHTN sẽ tổ chức các buổi tọa đàm thường niên với các nhà tuyển dụng để giới thiệu về mục tiêu, CTĐT và xin ý kiến góp ý điều

chỉnh mục tiêu, chương trình, chuẩn đầu ra cho sát với yêu cầu thực tiễn, nhằm trang bị cho SV các kiến thức, kỹ năng, thái độ phù hợp với yêu cầu của các nhà tuyển dụng.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 6/7 điểm

Tiêu chí 4.2: Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả

Ngày 15/6/2009, trường ban hành quyết định số 620/QĐ-ĐHHD về chương trình giáo dục đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; Ngày 26/2/2013, Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức ban hành quyết định số 234/QĐ-ĐHHD về quy định đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ. Hằng năm, Trường ĐHHĐ đều có hướng dẫn để các khoa thực hiện rà soát, cập nhật, bổ sung CTĐT áp dụng cho khóa tuyển sinh mới [HT1.01.02.03]. Trên cơ sở nội dung công văn và quy định của Nhà trường về xây dựng, điều chỉnh CTĐT, Khoa KHTN thường xuyên có những điều chỉnh CTĐT cho phù hợp với nhu cầu xã hội [HT1.03.01.03]; [HT1.01.01.03].

Đối với hoạt động giảng dạy các bộ môn chủ động thực hiện các chương trình dạy học ở đề cương chi tiết học phần đã được ban hành. Trong đó với tổng số 120 tín chỉ, ngành ĐHSP Toán phân bổ các khối kiến thức như sau: giáo dục đại cương: 25%, chuyên ngành 75% đã cung cấp đầy đủ kiến thức cho người học [HT1.01.01.03]. Việc thiết kế các hoạt động dạy học (trên lớp, ngoại khóa, tham quan, kiến tập, thực tập, ...) nhằm hướng tới đạt được CDR của CTĐT. Giảng viên sử dụng linh hoạt các phương pháp giảng dạy đã thể hiện trong đề cương chi tiết học phần cho phù hợp từng lớp/nhóm, từng bài học. Tùy theo từng học phần, từng nội dung bài học và từng nhóm/lớp khác nhau, giảng viên có thể sử dụng phương pháp thuyết trình và làm việc nhóm, hình thức thi hết môn thường là thi viết; hình thức thi có thể là vấn đáp hoặc làm bài tập lớn [HT1.03.02.02]; [HT1.02.02.01]; [HT1.04.02.01]. Những giờ tự học và thảo luận được thiết kế xen kẽ với các buổi giảng lý thuyết, phù hợp với mục tiêu môn học [HT1.01.02.04].

Chương trình học tập linh hoạt giúp người học lựa chọn các môn học phù hợp với mong muốn và nguyện vọng nghề nghiệp sau tốt nghiệp [HT1.01.01.03]. SV có thể chủ động lựa chọn lộ trình học tập nhanh hay học chậm, sinh viên có thể đăng ký ở nhiều học kỳ, nhưng phải đảm bảo điều kiện tiên quyết và với các khung thời gian linh hoạt [HT1.03.01.02]. Ngoài ra, người học cũng được chuyển đổi những tín chỉ của những học phần tương đương khi chuyển ngành; học song song 2 chương trình; chuyển từ trường khác đến, thể hiện trong quy chế đào tạo, quy định về học song song

2 chương trình. Chương trình có những môn tự chọn, theo đó, SV chủ động đăng ký môn học tự chọn theo nhu cầu, môn học lại. Người học cũng được chủ động lên kế hoạch học tập thông qua việc được phép bảo lưu học kỳ/ học phần hoặc học trước học phần [HT1.03.01.02]; [HT1.04.02.06]. Bên cạnh tính linh hoạt trong lựa chọn chương trình và lộ trình học tập, SV còn tham gia các hình thức học tập đa dạng, giúp đạt chuẩn đầu ra về kỹ năng và thái độ như NCKH, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, thực hành giáo dục, kiến tập sư phạm và thực tập sư phạm.

Tất cả đề cương chi tiết học phần đều có mô tả các hoạt động dạy và học, từ các giờ học lý thuyết đến các hoạt động nghiên cứu khoa học SV, các bài tập nhóm, các bài thực hành, các bài thảo luận, thực tập thực tế đều hướng tới mục tiêu hình thành khả năng phân tích và tổng hợp, khả năng nhận diện vấn đề, tư duy phản biện, rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng làm việc nhóm, đồng thời có thiết kế thời lượng tự học, tự nghiên cứu cụ thể cho tuần [HT1.01.01.12]; [HT1.04.03.01]. Hoạt động học tập đa dạng giúp SV hiểu được các chiến lược học tập khác nhau để có thể lựa chọn chiến lược phù hợp nhất cho từng nhiệm vụ học tập cụ thể. Hoạt động tập dượt NCKH, thực hành, kiến tập và thực tập sư phạm đòi hỏi SV phải rèn luyện khả năng vận dụng kiến thức vào việc giải quyết vấn đề cụ thể, hằng năm đều được Sở GD&ĐT, nhà trường và Khoa quan tâm chỉ đạo [HT1.04.02.04]; [HT1.04.03.02]. Bên cạnh dạy học trực tiếp, dạy học trực tuyến cũng được quan tâm và đón nhận của đội ngũ cán bộ giảng viên và sinh viên. Trên cơ sở thông báo số 795/BGDĐT-GDDH về việc triển khai công tác đào tạo từ xa ứng phó với dịch Covid-19 ra ngày 13/3/2020 của Bộ giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Hồng Đức đã tổ chức chuẩn bị các điều kiện cần thiết để triển khai dạy học trực tuyến [HT1.04.03.11;12;13]. Nhà trường đã triển khai tập huấn cho Cán bộ Giảng viên và sinh viên sử dụng phần mềm Zoom [HT1.04.03.14;15;16]. Hàng tuần các bộ môn sẽ họp trực tuyến để đưa ra những khó khăn, trao đổi những kinh nghiệm hay của các CBGV với nhau để đưa ra phương pháp giảng dạy tốt nhất; đồng thời Giảng viên báo cáo kết quả giảng dạy trong tuần và đăng kí lịch giảng dạy cho tuần tiếp theo [HT1.04.03.17;18]. Để nâng cao chất lượng các bài dạy, các thầy, cô giáo còn đầu tư mua thêm các thiết bị hỗ trợ quá trình dạy học như bảng vẽ điện tử [HT1.04.03.19]. Các bài tập nhóm dưới hình thức thuyết trình được đưa vào yêu cầu của học phần, mô tả rõ trong đề cương chi tiết học phần đã rèn cho SV khả năng diễn đạt kiến thức của mình cho người khác [HT1.04.03.03]. Trước mỗi đợt sinh viên năm cuối đi thực tập, Khoa đều tổ chức hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên từ năm thứ hai, các em sẽ được tập viết bảng, tập soạn giáo án, tập giảng và tập thiết kế đồ dùng dạy học [HT1.04.02.05]. Việc SV thi đua tham gia tập dượt NCKH, trong tìm kiếm tài liệu, phân tích, trình bày suy nghĩ của mình và phản biện lẫn nhau đã tạo ra sự say mê học hỏi [HT1.04.03.04]. Khoa KHTN thường xuyên tổ chức hội thảo khoa học các cấp,

hoặc tham dự các hội thảo khoa học, cuộc thi Ý tưởng sáng tạo nhằm giúp cho cán bộ giảng viên, SV có cơ hội trao đổi khoa học, tạo môi trường tiếp xúc, chia sẻ với các nhà khoa học trong và ngoài trường [HT1.04.03.05].

Quá trình học tập trong nhà trường, sinh viên được cố vấn học tập của ngành hướng dẫn để bản thân sinh viên chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với năng lực và điều kiện bản thân để đạt hiệu quả, tiến độ của CTĐT [HT1.04.03.07]; [HT1.04.01.03]. Ngoài ra, với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin học tập trực tuyến, người học có thể tìm kiếm thông tin về các học phần, giảng viên giảng dạy; đăng kí các học phần trước mỗi học kì; xem kết quả học tập... trực tiếp từ website của trường. Đặc biệt trên nền tảng thư viện điện tử với trên 21 nghìn đầu sách được đưa vào sử dụng tạo điều kiện thuận lợi cho người học tìm kiếm tài liệu học tập.[HT1.04.03.09]

Tất cả các đề cương chi tiết học phần đều mô tả hoạt động tự học, tự nghiên cứu nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học. Về phía người dạy, Giảng viên luôn tích cực tìm tòi học hỏi trao đổi kinh nghiệm lẫn nhau để nâng cao chất lượng bài giảng của mình, sử dụng thành thạo, hiệu quả tổ hợp các phương pháp giảng dạy nhằm hỗ trợ người học rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học suốt đời. Để giúp cho GV có thông tin phản hồi, Trường thường xuyên tổ chức các hội nghị đối thoại với người học [HT1.05.04.03], lắng ý kiến của sinh viên sau mỗi học kì là việc làm cần thiết và không thể thiếu được thực hiện hằng năm [HT1.04.02.09]. Việc tổ chức các hoạt động dạy và học trong CTĐT như tổ chức dạy học theo phương pháp dạy học tích cực, tổ chức các hoạt động nhóm, ... đã giúp người học hình thành và phát triển tốt khả năng phân tích và tổng hợp, khả năng nhận diện vấn đề, tư duy phản biện, rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng làm việc nhóm đáp ứng mục tiêu học tập suốt đời.

Mỗi bộ môn đều xây dựng kho sách để người học có thể tham khảo khi cần [HT1.04.03.10].

Ngay từ năm 2008, Nhà trường đã ban hành Quy định tạm thời về tiêu chí đánh giá chất lượng hoạt động giảng dạy của giảng viên, xây dựng kế hoạch và tổ chức đánh giá hoạt động giảng dạy của GV được nhà trường tiến hành thường xuyên dưới nhiều hình thức: giám sát, kiểm tra hoạt động giảng dạy của GV, tổ chức lắng ý kiến đánh giá hoạt động giảng dạy của GV từ người học trong từng học kỳ để kịp thời điều chỉnh nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng CDR [HT1.04.02.08, 09]. Bên cạnh đó, từ tháng 9/2019 Hội cựu sinh viên Trường Đại học Hồng Đức đi vào hoạt động; qua đó Khoa có cơ hội thuận lợi nhận được những phản hồi của cộng đồng về chất lượng đào tạo; cũng như nhận được những ý kiến tư vấn về chương trình đào tạo; [HT1.04.02.12].

2. Điểm mạnh

Ngành Đại học sư phạm Toán là ngành được mở sớm nhất ở bậc Đại học của Trường Đại học Hồng Đức vì thế nó luôn nhận được sự quan tâm của Nhà trường và Khoa Khoa học Tự nhiên. Các CBGV trong Khoa luôn ý thức được việc đổi mới phương pháp dạy học giữ vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo. Hơn thế nữa, đổi mới phương pháp dạy học trong trường sư phạm là một yêu cầu cấp thiết trong quá trình phát triển giáo dục và đào tạo, trên cơ sở pháp lý, lý luận và thực tiễn. Vì thế trong giảng dạy các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng, linh hoạt, thường xuyên được điều chỉnh cho phù hợp với từng lớp, từng khóa, từng năm học nhằm đạt chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, thái độ. SV được tiếp cận với hoạt động NCKH từ năm thứ hai. Môi trường dạy và học thân thiện, có sự hợp tác, hỗ trợ và cởi mở.

3. Điểm tồn tại

Các môn học/học phần chưa chú trọng phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên, chưa tổ chức được các lớp kỹ năng mềm cho người học.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Ngành ĐHSPT Toán tiếp tục hoàn thiện bộ Đề cương chi tiết theo quy định tại quyết định 2280 ký ngày 28/12/2018 cho phù hợp hơn với các tiêu chuẩn, tiêu chí để đạt CDR; giao cho Liên chi Đoàn, Liên chi hội SV Khoa và cố vấn học tập tổ chức các hội thảo, diễn đàn chia sẻ phương pháp học tập, rèn luyện kỹ năng mềm, hướng người học đặc biệt là sinh viên năm thứ nhất chủ động trong quá trình học tập và nghiên cứu.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5,0/7,0 điểm

Tiêu chí 4.3: Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học

1. Mô tả

Tất cả đề cương chi tiết học phần đều có mô tả các hoạt động dạy và học, từ các giờ học lý thuyết đến các hoạt động nghiên cứu khoa học SV, các bài tập nhóm, các bài thực hành, các bài thảo luận, thực tập thực tế đều hướng tới mục tiêu hình thành khả năng phân tích và tổng hợp, khả năng nhận diện vấn đề, tư duy phản biện, rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng làm việc nhóm, đồng thời có thiết kế thời lượng tự học, tự nghiên cứu cụ thể cho tuần [HT1.01.01.12]; [HT1.04.03.01]. Hoạt động học tập đa dạng giúp SV hiểu được các chiến lược học tập khác nhau để có thể lựa chọn chiến lược phù hợp nhất cho từng nhiệm vụ học tập cụ thể. Hoạt động tập dượt

NCKH, thực hành, kiến tập và thực tập sư phạm đòi hỏi SV phải rèn luyện khả năng vận dụng kiến thức vào việc giải quyết vấn đề cụ thể, hàng năm đều được Sở GD&ĐT, nhà trường và Khoa quan tâm chỉ đạo [HT1.04.02.04]; [HT1.04.03.02]. Tuy nhiên, các môn học/học phần chủ yếu tập trung rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp mà chưa chú ý đến rèn luyện kỹ năng mềm cho sinh viên.

Theo quyết định số 2280/QĐ-ĐHHĐ ngày 28/12/2018 về việc ban hành Quy định xây dựng, quản lý hồ sơ học phần và tổ chức đào tạo theo định hướng ứng dụng và phát triển năng lực người học thì do đặc thù của hình thức dạy học theo học chế tín chỉ, mỗi nội dung kiến thức đều được tổ chức dạy học theo 3 hình thức chủ yếu:

- Lý thuyết;
- Xêmina, thảo luận nhóm, thực hành, thí nghiệm;
- Tự học, tự nghiên cứu

Do vậy mỗi nội dung, giảng viên/nhóm giảng viên xây dựng đề cương chi tiết học phần phải xác định rõ số giờ phải thực hiện ở từng hình thức. Với lưu ý rằng để chuẩn bị một giờ lý thuyết sinh viên phải chuẩn bị 2 giờ ở nhà, cho 2 giờ thực hành cần 1 giờ chuẩn bị hoặc 3 giờ tự học, tự nghiên cứu cho 1 giờ tín chỉ. 100% đề cương chi tiết học phần đã quy định rõ chi tiết thời gian địa điểm tiến hành các hình thức dạy học, nội dung chính của hoạt động, những công việc cần làm của sinh viên trước khi đến lớp. Kết thúc học phần sinh viên sẽ đạt được chuẩn đầu ra của học phần. Mỗi học phần dành không dưới 40% số giờ để tổ chức thảo luận, bài tập và thực hành nhằm giúp sinh viên có kỹ năng vận dụng được kiến thức lý thuyết để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn. Tuy nhiên, cơ sở vật chất, trang thiết bị chưa đáp ứng được yêu cầu giảng dạy. Cụ thể là hệ thống mạng internet còn yếu, một số sinh viên chưa có điều kiện mua máy vi tính, chưa có kỹ năng tìm kiếm tài liệu ảnh hưởng không nhỏ đến khả năng tự học, tự nghiên cứu của người học; ở một số học phần thì những ứng dụng vào thực tiễn nghề nghiệp cho sinh viên sau khi ra trường còn chưa rõ ràng.

Với triết lý nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học, việc tự học, tự nghiên cứu của SV là một hoạt động bắt buộc nhằm đảm bảo sự cân đối hợp lý giữa tải trọng kiến thức và thời gian tiếp xúc trực tiếp giữa GV và SV, được coi là một hình thức dạy học bằng chính các hoạt động học tập của người học [ĐCCTHP]. Hoạt động tự học, tự nghiên cứu của SV bao hàm cả 2 công việc: chuẩn bị cho các giờ lên lớp (lý thuyết, seminar, làm việc nhóm, thực hành...) và tự học có hướng dẫn (nghiên cứu, đọc tài liệu, làm bài tập...)[ĐCCTHP]. Mục tiêu chính của việc tổ chức hình thức dạy học này là rèn luyện cho SV khả năng tự nghiên cứu, học hỏi, khả năng độc lập với các nguồn tài liệu, kinh nghiệm và những kiến thức, kỹ năng được triển khai ở trên lớp; góp phần nâng cao

khả năng học tập suốt đời và rất nhiều SV của ngành sau khi ra trường có mong muốn nâng cao thêm kiến thức và trình độ nên đã tiếp tục học cao học [DS học viên cao học]. Ngoài ra, tự học giúp cho người học thể hiện tinh thần cầu tiến, khát vọng, sáng tạo. Qui trình tổ chức dạy học thông qua tự học tự nghiên cứu có hướng dẫn của GV gồm có ba hình thức sau: định hướng – triển khai - tổng kết đánh giá.

- Định hướng (đọc tài liệu): GV xây dựng danh mục các vấn đề nghiên cứu mang tính thực tiễn cao, công bố các yêu cầu về sản phẩm, giải đáp những khúc mắc; theo đó SV phải đọc tài liệu tham khảo, lựa chọn vấn đề nghiên cứu, lập kế hoạch thực hiện.
- Triển khai (làm bài tập, thực hiện dự án): đây là phần hoạt động chính của SV để đạt được mục tiêu đã đề ra. Trong công đoạn này GV vẫn phải duy trì hoạt động theo dõi, định hướng và trợ giúp cho SV. SV có nhiệm vụ thực hiện: thực hiện nghiên cứu, báo cáo sơ cấp kết quả nghiên cứu, kết quả làm việc nhóm [Quy định về làm đồ án tốt nghiệp].
- Tổng kết, đánh giá (hoạt động khác: báo cáo): GV sau khi tập hợp các kết quả, sản phẩm của SV phải tổ chức hoạt động tổng kết đánh giá. Công việc này có thể được lồng ghép triển khai dưới các hình thức lên lớp khác nhau (seminar thảo luận, giờ lý thuyết tổng kết...). Mục đích chính của công đoạn này là dạy SV cách phân tích quá trình thực hiện và các kết quả của sản phẩm nghiên cứu, đánh giá chất lượng sản phẩm của nhóm, cách bố trí sắp xếp hợp lý, khoa học trong triển khai công việc.

2. Điểm mạnh

Các hoạt động dạy và học tạo điều kiện cho người học rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học. Hiện nay số lượng người học ở mỗi lớp ít nên GV dễ dàng trong việc quan tâm đến từng sinh viên, do đó người học buộc phải phát huy tính tự giác và tích cực trong quá trình tương tác với GV.

3. Điểm tồn tại

Cơ sở vật chất, trang thiết bị chưa đáp ứng được yêu cầu giảng dạy. Cụ thể là hệ thống mạng internet còn yếu, một số sinh viên chưa có điều kiện mua máy vi tính, chưa có kỹ năng tìm kiếm tài liệu ảnh hưởng không nhỏ đến khả năng tự học, tự nghiên cứu của người học.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Khoa sẽ kiến nghị với các giảng viên bổ sung tiêu chí “khả năng tự học, khả năng tìm kiếm tài liệu, tổng hợp và phân tích tài liệu, khả năng tư duy phản biện, tư duy sáng tạo, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng lập kế hoạch” vào tiêu

chí đánh giá kết quả học tập từng học phần của SV; bên cạnh đó giáo dục công tác chính trị tư tưởng, để làm chuyển biến sâu sắc động cơ của người học về quá trình lĩnh hội kiến thức, thấm nhuần và áp dụng đầy đủ triết lý học tập suốt đời. Nâng cấp hệ thống internet của trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5,0/7,0 điểm

Kết luận về tiêu chuẩn 4

Mục tiêu của phương pháp tiếp cận trong dạy học của Khoa KHTN đã xác định rõ ràng. Mục tiêu được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học, từng học kỳ và được quán triệt đến từng cán bộ, giảng viên nhằm hoàn thành tốt nhất mục tiêu đề ra.

Các hoạt động dạy học phong phú theo định hướng phát huy năng lực chủ động, sáng tạo của SV, đồng thời tạo môi trường thuận lợi cho SV tự học, giao lưu, hợp tác trong học tập, tìm hiểu thông tin. SV qua đó có điều kiện phát triển cả kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cũng như nhân cách cá nhân.

Một số hạn chế phương pháp tiếp cận trong dạy học của Khoa KHTN: phương pháp tiếp cận trong dạy học này mặc dù được phổ biến rộng rãi đến từng sinh viên, giảng viên khác khoa, CBCNV trong trường nhưng quá trình thay đổi từ phương pháp dạy học cũ, thụ động sang phương pháp mới còn chậm; một số yếu tố cơ sở vật chất chưa đáp ứng yêu cầu; SV chưa chủ động tự học, tham gia nghiên cứu khoa học, làm tiểu luận; vẫn có những SV không tích cực trong quá trình tự học, tiếp thu kiến thức một cách thụ động, kém hiệu quả.

Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành ĐHSP Toán tự đánh giá tiêu chuẩn 4 đạt 3/3 tiêu chí và đạt bình quân 5.3/7 điểm.

Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học

Mở đầu

Nâng cao chất lượng đào tạo ngành ĐHSP Toán là một trong những nhiệm vụ hàng đầu của khoa KHTN và của trường ĐHHĐ. Kết quả học tập của người học là thước đo quan trọng thể hiện chất lượng đào tạo của khoa. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với chuẩn đầu ra, thể hiện qua phương pháp đánh giá, quy trình kiểm tra đánh giá các học phần mà người học tích lũy được với các hình thức như kiểm tra giữa kì, kiểm tra quá trình, thi hết học phần, khóa luận tốt nghiệp.

Hoạt động đánh giá kết quả học tập của người học luôn được Nhà trường, Khoa chú trọng và thực hiện một cách thường xuyên trong suốt quá trình dạy học, nhằm xác

định mức độ kiến thức, kỹ năng người học đạt được khi kết thúc học phần, khóa học. Phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học đa dạng đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng. Đồng thời kết quả học tập được thông báo kịp thời cho người học, cũng như người học dễ dàng thực hiện quy trình khiếu nại điểm, đăng ký học cải thiện, để có kế hoạch học tập phù hợp. Hoạt động đánh giá kết quả học tập của ngành SP Toán – Trường Đại học Hồng Đức nhận được sự phản hồi tốt của các bên liên quan.

Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả

Trên cơ sở quy chế của Bộ GD và ĐT về đào tạo ĐH về kiểm tra đánh giá, Nhà trường đã ban hành các quy định cụ thể nhằm đảm bảo tính chính xác, công bằng, minh bạch phù hợp mục tiêu học tập, chuẩn đầu ra [HT1.03.01.02], [HT1.02.02.02]. Chuẩn đầu ra thể hiện thông qua ba yếu tố: kiến thức, kỹ năng và phẩm chất thái độ. Đồng thời đã ban hành các văn bản quy định về công tác tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, quy định về việc ra đề thi, xây dựng ngân hàng câu hỏi thi [HT1.05.01.02].

Kết quả học tập của người học được đánh giá bằng cả hai loại hình là đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết, bao gồm: điểm thường xuyên, điểm thi giữa kỳ, điểm thi kết thúc học phần. Trong đó, điểm thường xuyên chiếm trọng số là 30% trong tổng số điểm, điểm giữa kỳ chiếm 20%; điểm thi kết thúc học phần là 50% [HT1.04.04.01]. Mỗi học phần phải đảm bảo có đủ các điểm bộ phận và có quy định về trọng số. Theo quy định các điểm thi kết thúc học phần và điểm học phần được công bố trong vòng 20 ngày sau ngày thi mỗi học phần, riêng đối với học phần thi vấn đáp điểm thi được công bố công khai sau mỗi buổi thi.

Đề cương các môn học trong CTĐT đều nêu rất rõ mục tiêu, yêu cầu đạt được về kiến thức, kỹ năng, thái độ. Những yêu cầu này chính là tiêu chuẩn để kiểm tra quá trình thu nhận tri thức và rèn luyện của người học theo các thang bậc (biết, hiểu, vận dụng, phân tích, tổng hợp, đánh giá). Từ mục tiêu của môn học, giảng viên xác định các nội dung cần kiểm tra, đánh giá, các cách thức kiểm tra đánh giá và những yêu cầu cụ thể việc kiểm tra đánh giá phù hợp với môn học.

Phương pháp đánh giá trong toàn bộ quá trình học được sử dụng rất đa dạng gồm: bài tập cá nhân, bài tập nhóm, đối với đánh giá giữa kỳ; tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, tiểu luận, đối với bài thi đánh giá cuối kỳ đề thi/ngân hàng câu hỏi thi được xây

dựng trên cơ sở ma trận đề thi, đảm bảo nội dung đề đúng trọng tâm, đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần. [HT1.05.03.03]. [HT1.01.02.03].

Ngân hàng câu hỏi thi, đề thi của ngành SP Toán được xây dựng một cách khoa học, phù hợp với CĐR học phần nhằm kiểm tra đánh giá mức độ tích lũy về kiến thức chuyên môn cũng như kỹ năng thực hành, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề của người học [HT1.05.03.03]. Ngân hàng câu hỏi thi được tổ chức biên soạn, nghiệm thu theo quy định của nhà trường và được phê duyệt trước khi thi. [HT1.05.03.03]. [HT1.05.01.02].

Việc kiểm tra, đánh giá có tiêu chí rõ ràng, bám sát CĐR của học phần đảm bảo độ tin cậy trong việc đánh giá về kỹ năng, thái độ, được thể hiện ở ma trận đóng góp của các học phần trong việc đạt chuẩn đầu ra (Mục 4 của Bản mô tả CTĐT) [HT1.01.01.08]. Các bộ môn đã thực hiện việc xây dựng tiêu chí đánh giá cho các học phần được thể hiện trong ĐCCT của tất cả các học phần [HT1.01.02.03].

Hằng năm, ngành SP Toán đã thực hiện rà soát, chỉnh sửa bộ đề thi các học phần nhằm đảm bảo tính phù hợp, cập nhật với CTĐT, phù hợp với yêu cầu của CĐR [HT1.01.01.10]. Nhà trường đều tổ chức đánh giá kiểm tra chất lượng các đề thi kết thúc học phần sử dụng trong năm và tổng kết rút kinh nghiệm về công tác ra đề, hình thức tổ chức kiểm tra đánh giá [HT1.05.01.02] để kịp thời điều chỉnh nhằm nâng cao hơn nữa mức độ đo lường đánh giá CĐR.

Đối với học phần kiến tập, thực tập sư phạm của sinh viên ngành ĐHSP Toán được Khoa, Nhà trường liên hệ cơ sở thực tập trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa và hai bên phối hợp chặt chẽ trong quá trình SV kiến tập, thực tập. Đa số SV ngành ĐHSP Toán được các cơ sở thực tập đánh giá đạt Giỏi, Xuất sắc [HT1.04.02.03].

Theo quy định về làm KLTN: Đầu học kỳ I năm cuối khóa sinh viên được đăng kí làm KLTN. SV có điểm trung bình chung tích lũy học tập đạt 2,5 điểm trở lên, số các tín chỉ phải học lại không quá 5% tổng số tín chỉ đã học tính đến thời điểm xét và không bị hình thức kỷ luật từ cảnh cáo trở lên được phép đăng ký làm KLTN [HT1.04.02.01]. SV xét thấy đủ điều kiện làm KLTN làm đơn đăng kí nộp cho các bộ môn. Sau đó Khoa đề nghị, lập danh sách sinh viên làm KLTN và dự kiến giảng viên hướng dẫn gửi phòng Quản lý đào tạo để trình Hiệu trưởng ra quyết định [HT1.04.02.01], [HT1.05.02.04]. Đề tài khóa luận tốt nghiệp phải phù hợp với định hướng chuyên môn của khung CTĐT và có tính thực tiễn cao. Khóa luận tốt nghiệp đều có quy định cụ thể về quy cách trình bày, tiêu chí đánh giá. Hội đồng chấm khóa luận tốt nghiệp được thành lập theo đúng quy định, tiêu chí đánh giá cụ thể, rõ ràng đảm bảo độ tin cậy, công bằng đối với SV [HT1.05.02.04].

2. Điểm mạnh

Việc đánh giá kết quả học tập của CTĐT ngành ĐHSP Toán luôn bám sát các yêu cầu của CDR. Nội dung đánh giá trong ngân hàng câu hỏi thi đều thể hiện được từng cấp độ: Biết, hiểu, vận dụng, phân tích, tổng hợp. Đối với học phần Kiến tập, Thực tập sư phạm của sinh viên ngành ĐHSP Toán, Khoa, Nhà trường đã xây dựng được hệ thống cơ sở thực tập là các trường THPT trên địa bàn và hằng năm gửi SV xuống thực tập, kiến tập.

Kết quả đánh giá của SV được thông báo rộng rãi, tạo chủ động cho người học, đồng thời giúp giảng viên có kế hoạch kiểm tra đánh giá với từng học phần. Công tác đánh giá kết quả học tập thực hiện theo đúng quy trình kiểm tra đánh giá, đảm bảo nghiêm túc khách quan, công bằng phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu học phần, phù hợp với CDR.

3. Điểm tồn tại

Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập chưa được đồng đều về mức độ bao quát mục tiêu, nội dung môn học, độ khó cũng như về kiến thức, kỹ năng đảm bảo các mức nhớ, hiểu, phân tích, vận dụng, sáng tạo.

4. Kế hoạch hành động

Trong học năm học 2020 – 2021: Khoa tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch của nhà trường, xây dựng ngân hàng câu hỏi thi theo yêu cầu mới, nâng cao độ bao quát mục tiêu, nội dung môn học; Khoa tổ chức triển khai thực hiện việc đánh giá lại toàn bộ các hình thức KTĐG hiện đang áp dụng, xây dựng kế hoạch triển khai nội dung, hình thức đánh giá phù hợp, đảm bảo đánh giá về năng lực vận dụng, giải quyết những vấn đề của thực tiễn, đặc biệt chú trọng đánh giá các năng lực tư duy bậc cao như tư duy sáng tạo...

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm

Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học

1. Mô tả

Việc đánh giá kết quả học tập của SV tại Trường Đại học Hồng Đức được áp dụng theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (Quy chế 43) và văn bản hợp nhất số 17/2014/VBHN-BGDĐT, ngày 15/5/2014 ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ [HT1.03.01.02]. Trường Đại học Hồng Đức đã ban hành quy định đào tạo hệ đại học

chính quy theo hệ thống tín chỉ trong đó quy định rõ ràng về thời gian, phương pháp, tiêu chí đánh giá, thang điểm và trọng số của các điểm thành phần [HT1.02.02.01].

Công thức tính điểm đánh giá kết quả học tập của sinh viên được áp dụng như sau:

$$a = a_1 \times 0,3 + a_2 \times 0,2 + a_3 \times 0,5$$

Trong đó:

- a_1 là điểm đánh giá quá trình, (trung bình cộng các con điểm kiểm tra thường xuyên, điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận, đánh giá sự chuyên cần,... Ví dụ Học phần có 3 tín chỉ thì số số con điểm đánh giá quá trình là 4);

- a_2 là điểm bài thi giữa kỳ;

- a_3 là điểm bài thi kết thúc học phần.

Kết quả học tập của người học được nhà trường quản lý chặt chẽ, lưu đầy đủ và chính xác bằng hệ thống sổ sách của Khoa, phòng quản lý đào tạo và lưu trữ trên phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường. Hệ thống phần mềm quản lý đào tạo đã giúp Nhà trường quản lý kết quả học tập của người học chặt chẽ, chính xác, độ tin cậy cao, hỗ trợ tích cực công tác kiểm tra, tính toán, xử lý số liệu cũng như tra cứu kết quả học tập của người học dễ dàng, nhanh chóng, tiện lợi [HT1.08.03.02].

Sau khi kết thúc học kì, sinh viên được nghỉ học ôn thi cuối kì, thời gian nghỉ ôn thi và thi trong vòng 1 tháng. Lịch thi kết thúc học phần do phòng QLĐT phát hành và công bố cho sinh viên ít nhất 2 tuần trước khi kỳ thi bắt đầu [HT1.04.02.01]; [HT1.05.02.01].

Các quy định về đánh giá, kiểm tra được công bố cho người học ngay từ tuần sinh hoạt chính trị đầu khoá [HT1.01.03.05] [HT1.08.03.07], qua các buổi sinh hoạt của CVHT (HT1.03.01.01), và trong ĐCCT HP các môn học được giảng viên cung cấp khi bắt đầu môn học (HT1.01.02.03).

Cơ chế phản hồi công khai tới người học được thông báo ngay từ buổi học đầu tiên, trong niên lịch đào tạo, tuần giáo dục chính trị đầu khóa. Việc thông báo kết quả điểm thi, điểm học phần được công bố công khai cho người học tại khoa đào tạo và có thể tra cứu trên Website của Nhà trường bằng tài khoản cá nhân [HT1.01.03.05-07], [HT1.08.01.02]. Trường hợp người học có yêu cầu khiếu nại kết quả học tập, bộ phận chức năng giải quyết kịp thời, thỏa đáng theo đúng quy trình, quy định chấm phúc tra [HT1.05.05.02-03]. Khóa luận tốt nghiệp được quy định về cấu trúc, nội dung, quy định thời gian, trách nhiệm của SV và giáo viên hướng dẫn, cách tính điểm khóa luận

tốt nghiệp [HT1.02.02.01]. Kết quả chấm khóa luận được thông báo kịp thời cho SV và được lưu tại GV khoa, bộ môn và PQLĐT [HT1.05.02.05].

Cuối mỗi học kỳ, Nhà trường đã tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học về hình thức và phương pháp đánh giá của các học phần được giảng viên thông báo rõ ràng cho sinh viên trước khi học (99,05% số ý kiến của người học đồng ý). Đa số người học đánh giá số bài kiểm tra, hình thức, nội dung, thời lượng phù hợp và đáp ứng yêu cầu trở lên đạt 99,15% tổng số ý kiến phản hồi.[HT1.10.01.05]

2. Điểm mạnh

Hệ thống các văn bản quy định về đánh giá kết quả học tập của người học là đầy đủ, rõ ràng và được công bố công khai đến người học bằng nhiều hình thức.

Người học biết, hiểu rõ các quy định về công tác kiểm tra đánh giá của Khoa, Nhà trường và nhất trí cao với các quy định hiện có.

3. Điểm tồn tại

Vẫn còn một số ít sinh viên không thường xuyên truy cập hệ thống Website của Trường, Khoa. Một bộ phận người học thụ động, thường hỏi CVHT về vấn đề cách thức đánh giá KQHT, ít chịu khó tìm kiếm các văn bản đã được công khai trên Website của Trường và Khoa.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Nhà trường, Khoa tiếp tục chỉ đạo đổi mới hình thức tuyên truyền vận động và có những chế tài phù hợp để người học thường xuyên truy cập Website phục vụ cho hoạt động học tập, NCKH. Bên cạnh đó, Lãnh đạo Khoa và CVHT có kế hoạch tập huấn cho người học biết những công cụ hỗ trợ và cách tìm kiếm thông tin để người học chủ động và kiểm soát tốt hơn việc học tập của bản thân.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm

Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

1. Mô tả

Trường ĐHHĐ đã thực hiện Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính qui theo hệ thống tín chỉ ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT của Bộ GD - ĐT từ khoá tuyển sinh năm 2008 và Trường đã cụ thể hóa việc đánh giá kết quả học tập đối với từng loại học phần. Hình thức kiểm tra, thi đa dạng: tự luận, trắc nghiệm khách quan trên giấy, trắc nghiệm trên máy tính, vấn đáp, viết tiểu luận/bài tập lớn, làm thực hành, thực tập hoặc kết hợp các hình thức nêu trên tùy theo đặc điểm của

từng học phần nhằm đảm bảo độ chính xác, khách quan và công bằng [HT1.03.01.02], [HT1.03.02.01], [HT1.05.03.04]

Kết quả các học phần trong CTĐT ngành Sư phạm Toán được đánh giá thông qua điểm quá trình, điểm giữa kỳ và điểm thi kết thúc học phần. Điểm quá trình bao gồm 3 thành phần: đánh giá chuyên cần (lên lớp tối thiểu 80% số tiết của học phần, chuẩn bị đủ tài liệu chính, tài liệu tham khảo và tham gia đầy đủ các giờ học lý thuyết, bài tập, làm đầy đủ các bài kiểm tra), đánh giá thường xuyên (30%), đánh giá giữa kỳ (20%), đánh giá cuối kỳ (50%) [HT1.01.02.03]. Việc thi kết thúc học phần được tổ chức theo các hình thức: tự luận, vấn đáp, bài tập lớn [HT1.05.01.01], [HT1.04.03.01]. Đánh giá kết quả học tập của một học kỳ bao gồm điểm TBC của học kỳ và điểm TBC tích lũy. Điểm TBC học kỳ để xét học bổng, khen thưởng; điểm TBC tích lũy của mỗi học kỳ để đánh giá kết quả học tập của người học sau 1 kỳ, từ đó người học có kế hoạch cải thiện điểm, nhà trường có cơ sở trong cảnh báo học tập và xét thôi học. Đánh giá kết quả toàn khóa là điểm TBC tích lũy của tất cả các học phần của CTĐT [HT1.01.01.01].

Việc đánh giá kết quả học tập của người học ngành ĐHSP Toán tuân thủ theo quy định về phương pháp và quy trình đánh giá kiểm tra của nhà trường đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và công bằng [HT1.05.01.02]. Chính sách kiểm tra đánh giá được xác định trong từng đề cương chi tiết học phần [HT1.01.02.03]. Đề thi đều phải đảm bảo kiểm tra được kiến thức, kỹ năng cơ bản của học phần, đảm bảo mặt bằng chất lượng giữa các hình thức đào tạo [HT1.05.03.03]. Việc thiết kế đề thi của từng học phần được thực hiện theo hướng dẫn biên soạn đề thi và ngân hàng câu hỏi thi của nhà trường ban hành [HT1.5.01.03]. Đề thi được tổ hợp ngẫu nhiên từ ngân hàng câu hỏi thi, ngân hàng câu hỏi thi được xây dựng đánh giá kỹ năng thực hành, vận dụng và liên hệ thực tế chiếm tối thiểu 40% , được xây dựng, bảo vệ trước hội đồng và được phê duyệt trước khi đưa vào sử dụng. [HT1.05.01.02]. Mỗi bài thi kết thúc học phần (thi tự luận) đều được làm phách và do 2 giảng viên chấm độc lập dưới sự phân công và giám sát của trưởng bộ môn, giáo vụ khoa lên điểm và bảng điểm có chữ ký của 2 GV chấm thi, Trưởng bộ môn và Giáo vụ khoa [HT1.05.03.02]. Bộ đề thi được triển khai đánh giá chất lượng thông qua phiếu đánh giá và chuyển về phòng ĐBCL&KT tổng hợp, kết quả thu nhận được làm cơ sở để chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện hệ thống NHCH [HT1.05.03.05].

Ngoài ra, phòng Thanh tra giáo dục, là đơn vị chuyên trách về thanh kiểm tra hoạt động dạy học, kiểm tra đánh giá [HT1.05.03.06], nhằm đảm bảo việc đánh giá kết quả học tập của SV khách quan, chính xác và công bằng.

2. Điểm mạnh

Công tác đánh giá kết quả học tập của Khoa theo đúng quy trình, việc kiểm tra đánh giá đảm bảo đúng thực tế, chính xác, khách quan, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu học phần, của ngành, giúp người học tự tin, hăng say, nâng cao năng lực sáng tạo trong học tập.

Các học phần trong CTĐT ngành ĐHSP Toán đều được xây dựng các ngân hàng câu hỏi thi, đảm bảo phủ đều các mảng kiến thức của học phần, hạn chế việc học tủ, học lệch của người học.

3. Điểm tồn tại

Hiện tại, các học phần chuyên ngành chưa có dạng đề thi mở mang tính tổng hợp kiến thức và dạng toán thực tiễn chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, Khoa sẽ quy định một số học phần xây dựng dạng đề thi mở và tổ chức các hội thảo để thảo luận xây dựng hệ thống câu hỏi toán thực tiễn, trên cơ sở tham khảo các trường trong và ngoài nước cũng như tình hình thực tế của địa phương..

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm

Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.

1. Mô tả

Việc quản lý kết quả học tập của người học được nhà trường quy định cụ thể bằng văn bản theo đúng quy chế của Bộ GD-ĐT. Trong đó quy định cụ thể: đối với điểm giữa kì giáo viên bộ môn sẽ hoàn thành sau một tuần kể từ ngày kiểm tra (tuần thứ 8), điểm quá trình sẽ được hoàn thành và nộp về phòng Quản lý đào tạo một tuần sau khi kết thúc môn học (tuần thứ 15); điểm thi cuối kỳ hoàn thành trong vòng 15 ngày sau khi tổ chức thi học phần, riêng học phần thi cuối cùng là 10 ngày. Việc công bố điểm sẽ được phòng Quản lý đào tạo công bố trong vòng 20 ngày sau khi thi học phần [HT1.05.01.02].

Kết quả học tập của người học được Khoa và Nhà trường thông báo kịp thời, công khai đến GV và người học theo kênh thông tin trên trang website của Trường qua tài khoản của người học để người học có thể phản hồi và cải thiện việc học tập [HT1.05.02.02]. Đồng thời, sau khi có KQHT mỗi học kỳ của người học, các CVHT đều tiến hành tổ chức họp lớp để khuyến khích, động viên SV có KQHT tốt, nhắc nhở những SV có ý thức học tập chưa tốt, tư vấn chính sách học cải thiện điểm,

giải đáp những thắc mắc của người học trong học tập, tư vấn cho người học phương pháp học có hiệu quả, để có thể tốt nghiệp trong thời hạn tối đa được phép theo học chương trình và có được công việc đúng ngành nghề sau khi tốt nghiệp [HT1.05.01.04], [HT1.05.01.05].

Nhà trường có hệ thống phần mềm quản lý các hệ đào tạo giúp trường quản lý kết quả học tập của người học chặt chẽ, chính xác, độ tin cậy cao, hỗ trợ tích cực công tác kiểm tra, tính toán, xử lý số liệu cũng như tra cứu kết quả học tập của người học dễ dàng, nhanh chóng, tiện lợi. Kết quả học tập của người học được trường tổ chức quản lý chặt chẽ, lưu trữ đầy đủ và chính xác bằng hệ thống lưu trữ trên phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường, được sao lưu định kì vào hệ thống và hệ thống máy chủ [HT1.05.04.10].

Trong quá trình học, người học có quyền đề nghị Khoa, Nhà trường cấp bằng điểm tạm thời của một hoặc nhiều kỳ đã học. Bằng điểm này ghi KQHT (đạt hoặc không đạt) cho tất cả các môn học mà người học đã học trong các kỳ [HT1.05.04.05]. Ngoài ra, Nhà trường còn có các quy trình hướng dẫn SV về thủ tục xin nghỉ học tạm thời, trở lại học tập, chuyển trường, thôi học của SV hệ chính quy [HT1.03.01.02], [HT1.05.01.03], [HT1.05.04.11].

Những sai sót liên quan đến điểm trung bình tích lũy, xếp loại tốt nghiệp sẽ được giải quyết nhanh chóng, kịp thời, thuận tiện cho người học theo đúng quy định. 100% người học hài lòng với quy định của Khoa và nhà trường về phản hồi, phúc tra kết quả học tập, thể hiện trong các cuộc đối thoại với người học và tổng hợp kết quả khảo sát [HT1.05.04.02]; [HT1.06.04.04]. Kết quả phản hồi của người học được thông báo về các khoa và các GV trực tiếp tham gia giảng dạy nhằm giúp cho GV có những điều chỉnh, cải tiến kịp thời góp phần nâng cao chất lượng dạy học [HT1.06.04.04]. Đồng thời lập danh sách cảnh báo, nhắc nhở SV có kết quả học tập kém. [TH1.05.04.04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã có đầy đủ quy định về việc phản hồi kết quả đánh giá của NH, có các hệ thống văn bản liên quan đến hoạt động chấm thi xét và cấp bằng tốt nghiệp. Hệ thống văn bằng được cấp đúng quy định, sổ cấp văn bằng rõ ràng, thuận tiện cho việc theo dõi và kiểm tra. Danh sách sinh viên được cấp bằng tốt nghiệp của khoa KHTN được thông báo và công bố rõ ràng trên trang Website của Trường.

3. Điểm tồn tại

Có thời điểm rất khó đăng nhập vào trang thông tin điện tử của Nhà trường để xem kết quả học tập của người học, cũng như thông tin về xét công nhận tốt nghiệp, bởi vì hạ tầng mạng chưa được nâng cấp.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2020 -2021, Nhà trường có kế hoạch nâng cấp máy chủ, đường truyền internet giúp cho cán bộ, giảng viên, sinh viên và các bên liên quan cập nhật tốt hơn các thông tin về kết quả của người học.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm

Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

1. Mô tả

Việc thông báo kết quả điểm thi, điểm học phần được công bố công khai cho người học tại khoa đào tạo và có thể tra cứu trên website của Nhà trường bằng tài khoản cá nhân [HT1.05.05.01], [HT1.01.03.05]. Trường hợp người học có yêu cầu khiếu nại kết quả học tập, bộ phận chức năng giải quyết kịp thời, thỏa đáng theo đúng quy trình, quy định chấm phúc tra và quy trình này được thông tin cho người học vào tuần học Chính trị đầu khóa. Người học có thể nhận được sự hỗ trợ, tư vấn, hướng dẫn từ cố vấn học tập, bộ phận giáo vụ, chuyên viên phòng QLĐT về quy trình, thủ tục khiếu nại kết quả học tập để thực hiện dễ dàng quyền khiếu nại, phúc khảo. [HT1.03.01.02], [HT1.05.04.11].

Người học được Cố vấn học tập tư vấn trong những buổi sinh hoạt lớp, được giảng viên giảng dạy các học phần phổ biến trong giờ học đầu tiên của mỗi học phần. Việc khiếu nại của người học tiến hành dễ dàng như sau: Đối với điểm đánh giá bộ phận (trừ điểm thi kết thúc học phần), sinh viên có thể khiếu nại (bằng văn bản) với khoa (qua giáo vụ khoa), sau khi công bố điểm. Trường các khoa chủ trì tổ chức xem xét, giải quyết khiếu nại của sinh viên và có biên bản cụ thể. Sinh viên có thể khiếu nại về điểm thi kết thúc học phần hoặc điểm học phần bằng văn bản, trong vòng 7 ngày kể từ khi công bố điểm thi. Phòng QLĐT chủ trì phối hợp với các khoa/bộ môn giải quyết khiếu nại cho sinh viên về điểm thi kết thúc học phần và điểm học phần, chậm nhất 15 ngày, kể từ khi công bố điểm. [HT1.05.05.02].

Kết quả học tập của người học được Khoa và Nhà trường thông báo kịp thời và công khai đến GV và người học theo kênh thông tin trên trang web của Trường qua tài khoản của người học để người học có phản hồi và khiếu nại kết quả học tập [HT1.05.02.02-03]. Phòng QLĐT thống kê các trường hợp sai sót sửa điểm, khi xem xét và cũng đã chỉ ra nguyên nhân của sự sai sót này (cán bộ vào nhầm điểm, cộng sai cơ học ...). Thông qua việc thống kê trường hợp người học khiếu nại về kết quả học tập và kết quả điều chỉnh sau khi xem xét đã giúp Nhà trường, Khoa và Bộ môn nắm bắt tình hình từ đó có những giải pháp khắc phục [HT1.05.05.02].

Kết quả lấy ý kiến phản hồi từ giảng viên, người học cũng như kết quả báo cáo tổng kết công tác sinh viên hàng năm của Khoa cho thấy người học được dễ dàng tiếp cận với thủ tục khiếu nại và 100% các trường hợp được giải quyết thỏa đáng các khiếu nại kết quả học tập [HT1.05.05.03]. Ngoài ra trong các buổi đối thoại với SV cấp khoa và trường, SV đều bày tỏ sự hài lòng đối với vấn đề phúc khảo, xử lý phúc khảo và trả kết quả phúc khảo. [HT1.05.04.02], [HT1.08.04.02].

2. Điểm mạnh

Người học có nhiều kênh để có thể phản ánh, khiếu nại kết quả học tập như thông qua giảng viên, cố vấn học tập, Quản lý giáo vụ, bộ môn và các trợ lý khoa. Các vấn đề về khiếu nại của SV được giải quyết đúng quy trình, kịp thời và thỏa đáng mang lại sự hài lòng cho người học.

3. Điểm tồn tại

Việc thông báo cho sinh viên được tiến hành đầy đủ, kịp thời nhưng vẫn có những sinh viên chưa chú ý điểm này ngay từ đầu, khi khiếu nại mới bắt đầu đi hỏi thủ tục. Điều này có thể dẫn đến thời gian khiếu nại đã hết. Cần lưu ý điểm này cho sinh viên.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2020 - 2021 khoa KHTN sẽ có kế hoạch cụ thể với bộ phận CVHT trong việc triển khai các quy định của Khoa, Nhà trường về khiếu nại kết quả học tập để tạo điều kiện cho người học dễ dàng tiếp cận, đảm bảo quyền lợi của mình hơn nữa. Đảm bảo mọi sinh viên đều nắm rõ quy trình, thời hạn khiếu nại để không xảy ra tình trạng như đã chỉ ra ở mục tồn tại trên.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm

Kết luận về tiêu chuẩn 5

Việc đánh giá kết quả học tập của người học theo chương trình đào tạo ngành ĐHSP Toán được thực hiện theo đúng quy định của Bộ GD-ĐT, các văn bản quy định về đánh giá kết quả học tập của trường ĐH Hồng Đức, phù hợp với chuẩn đầu ra, được thông báo rõ ràng và công khai tới người học với các phương pháp đánh giá đa dạng, đảm bảo tính giá trị, độ tin cậy, khách quan và công bằng. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập. Tuy nhiên, Khoa cần có kế hoạch xây dựng quy trình xử lý khiếu nại của người học về đánh giá kết quả học tập để tạo điều kiện cho người học dễ dàng tiếp cận, đảm bảo quyền lợi của người học.

Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành ĐHSP Toán tự đánh giá tiêu chuẩn 5 đạt 5/5 tiêu chí (*Bình quân đạt 5/7 điểm*).

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Mở đầu

Đội ngũ giảng viên của CTĐT được quy hoạch, tuyển dụng đáp ứng các yêu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; có năng lực chuyên môn cao, tích cực tham gia vào các loại hình nghiên cứu khoa học khác nhau và xã hội hóa kết quả nghiên cứu. Việc tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ được thực hiện công khai, đúng quy định và các tiêu chí đánh giá chủ yếu dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy, phẩm chất đạo đức. Chức năng và nhiệm vụ của giảng viên được thể hiện cụ thể trong bản mô tả vị trí công việc và được đánh giá theo các tiêu chuẩn được quy định của Khoa và Nhà trường. Việc quản lý theo kết quả công việc và ghi nhận những đóng góp, thành tích của giảng viên đã tạo động lực giúp đội ngũ giảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Chất lượng đào tạo của một cơ sở giáo dục không chỉ phụ thuộc vào chương trình mà còn phụ thuộc vào chính đội ngũ cán bộ thực hiện chương trình đó. Chính vì vậy, trên cơ sở định biên được Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa phê duyệt và yêu cầu thực tế của từng ngành đào tạo, Trường Đại học Hồng Đức đã xây dựng và ban hành Kế hoạch chiến lược phát triển đội ngũ cán bộ giảng viên theo từng ngành đào tạo giai đoạn 2010 - 2020, định hướng đến năm 2030 (QĐ 3235/QĐ-ĐHHĐ ngày 30/12/2016) theo đó, mục tiêu phát triển là “*xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên phát triển vượt bậc cả về số lượng và chất lượng, đáp ứng nhu cầu phát triển quy mô, bậc ngành đào tạo, có đủ năng lực chuyên môn, ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu NCKH chuyển giao CN và HTQT, phát triển ngang tầm với nhiều trường ĐH lớn trong cả nước*” được rà soát, điều chỉnh năm 2016 đáp ứng yêu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ nhu cầu của cộng đồng [HT1.06.01.01]. Trong giai đoạn 2015 - 2020 Nhà trường đã thực hiện việc tuyển dụng/điều chuyển GV đáp ứng cho thực hiện CTĐT ngành ĐHSP Toán.

Tổng số cán bộ của ngành ĐHSP Toán hiện tại là 32 người, trong đó, giảng viên cơ hữu là 25, thỉnh giảng 03 và 04 nhân viên, độ tuổi bình quân của giảng viên trong Ngành là 45 tuổi; Số cán bộ đạt trình độ Tiến sĩ là 13 người (chiếm 40,6%); Số

giảng viên là nghiên cứu sinh tập trung và không tập trung là 08 người (chiếm 28,6 %) [HT1.06.01.01], [HT1.06.01.02].

Bảng 6.1. Số lượng giảng viên Ngành ĐHSP Toán tính đến 27/11/2020

Hạng mục	Nam	Nữ	Tổng số	% có bằng TS
			Số lượng	
Giáo sư	02	0	02	40,6%
Phó giáo sư	01	0	01	
Giảng viên toàn thời gian	20	5	25	
GV không toàn thời gian	03	0	03	

(Nguồn: Phòng TCCB)

Căn cứ Đề án vị trí việc làm của Khoa [HT1.06.01.04], để có đội ngũ cán bộ GV, Khoa đã cơ bản thực hiện tốt công tác quy hoạch cán bộ một cách sát sao, công tác đào tạo bồi dưỡng, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Trên cơ sở thực trạng về đội ngũ cán bộ GV của ngành ĐHSP Toán, tiêu chí, quy định chung của toàn trường, Ban chủ nhiệm khoa KHTN và Hội đồng Khoa cũng thường xuyên họp, đánh giá tình hình và đề ra các tiêu chí riêng trong việc thu hút, tuyển dụng những cán bộ giảng dạy có chất lượng tốt phục vụ chiến lược phát triển lâu dài của Khoa và ngành ĐHSP toán và được Hiệu trưởng phê duyệt. Tiêu chí tuyển dụng GV giảng dạy cho CTĐT ngành ĐHSP Toán (tinh thần nhiệt huyết, yêu nghề, có sức khỏe, đạo đức tốt; có trình độ chuyên môn: Điểm thi đầu vào ĐH là 21 điểm trở lên, tốt nghiệp ĐH loại giỏi thạc sĩ đúng chuyên ngành loại khá trở lên; và GV có trình Độ TS, ham nghiên cứu khoa học, ...) [HT1.06.01.03], [HT1.06.01.04] , [HT1.06.01.05] làm căn cứ để đơn vị tiếp nhận, bổ nhiệm, chấm dứt hợp đồng và nghỉ chế độ theo đúng quy định của nhà trường. Định hướng phát triển đội ngũ của Khoa KHTN và ngành ĐHSP Toán giai đoạn 2020-2021, tiếp tục đào tạo đạt trình độ TS đúng với các chuyên ngành Toán và Cao học các ngành Toán, ưu tiên hỗ trợ, khuyến khích GV có trình độ TS tích cực nâng cao trình độ đạt chuẩn chức danh PGS trong những năm tới. Kiên quyết chỉ đạo đội ngũ GV thực hiện đúng quy hoạch đào tạo phù hợp với chiến lược và yêu cầu phát triển đào tạo của trường Đại học Hồng Đức [HT1.06.01.01], [HT1.06.01.04]. Trường Đại học Hồng Đức còn áp dụng chính sách thu hút những nhà khoa học có trình độ cao, những cán bộ có học hàm, học vị về công tác tại trường [HT1.06.01.06].

Khoa KHTN luôn quan tâm đến xây dựng đội ngũ kế cận có năng lực, trình độ cao, đây là yếu tố quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH của Khoa và của ngành ĐHSP Toán nói riêng và Nhà trường nói chung; Căn cứ khối

lượng giảng dạy, cũng như số giảng viên về nghỉ chế độ để thực hiện việc đề nghị tiếp nhận giảng viên, tiếp nhận giảng viên có trình độ cao về Khoa công tác, từ năm 2015 đến nay khoa đã tiếp nhận chuyển và tuyển dụng 06 GV và 01 trợ lý giáo vụ khoa (04 thạc sĩ và 1 NCS đã bảo vệ cấp Cơ sở). Năm 2015, Ngành ĐHSP Toán có 06 tiến sĩ, hiện nay có 13 tiến sĩ trong đó 02 GS và 01 PGS, 08 cán bộ đang làm nghiên cứu sinh sắp bảo vệ [HT1.06.01.06]; [HT1.06.01.08].

Công tác sắp xếp lại các bộ môn, bổ nhiệm và bổ nhiệm lại cán bộ quản lý của các bộ môn thuộc ngành ĐHSP Toán được thực hiện theo đúng hướng dẫn, quy định, xây dựng quy hoạch chức danh CB lãnh đạo quản lý của đơn vị, bộ môn giai đoạn 2010-2015 và giai đoạn 2015-2020 (A1), năm 2014 ngành ĐHSP Toán có 04 bộ môn, năm 2020 được sắp xếp lại 02 bộ môn, việc quy hoạch được tiến hành công khai, minh bạch, đảm bảo quyền dân chủ, đảm bảo nguyên tắc quy hoạch những người có năng lực, trình độ vào các vị trí quản lý, tạo nguồn CB bổ nhiệm đến năm 2021 [HT1.06.01.08].

Hằng năm, Khoa đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của giảng viên một cách công khai, dân chủ theo quy trình và có sự đánh giá từ lãnh đạo Bộ môn và lãnh đạo Khoa, thực hiện rà soát trình độ đội ngũ giảng dạy để ngày càng đáp ứng yêu cầu của công tác đào tạo và NCKH của Khoa trong giai đoạn mới [HT1.06.01.08].

Việc chấm dứt hợp đồng, nghỉ hưu của cán bộ giảng viên được thực hiện đúng theo quy định và kế hoạch. Hằng năm Khoa đề nghị Nhà trường gia hạn hợp đồng với giảng viên đáp ứng đầy đủ yêu cầu của nhà trường, và thực hiện chế độ cho cán bộ giảng viên đủ thời gian nghỉ hưu theo quy định hiện hành [HT1.06.01.09].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã ban hành Kế hoạch chiến lược về phát triển đội ngũ giai đoạn 2010-2020 theo từng đơn vị.

Quy hoạch phát triển đội ngũ phù hợp với thực tiễn của đơn vị và được triển khai đúng tiến độ, được đánh giá, điều chỉnh phù hợp với từng giai đoạn.

Đội ngũ GV, NCV kịp thời được bổ sung về số lượng, nâng cao về chất lượng đáp ứng yêu cầu ngày càng cao yêu cầu phát triển của xã hội về chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Đội ngũ cán bộ giảng viên của khoa ngành ĐHSP Toán cơ bản đáp ứng tốt thực hiện nhiệm vụ giảng dạy trong khoa. Ngoài ra, còn có một số GV có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm cao của các đơn vị trong và ngoài trường cùng chuyên môn tham gia giảng dạy các học phần đáp ứng tốt yêu cầu về đội ngũ GV của CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Tỷ lệ GV có trình độ TS ở các chuyên ngành chưa đồng đều

4. Kế hoạch hành động

Khoa sẽ tham mưu, đề xuất để Nhà trường, tiếp tục tuyển dụng giảng viên đúng chuyên ngành còn thiếu và có kế hoạch điều chỉnh đi học TS đối với chuyên ngành chưa trình độ cao trong các năm tới.

Tiếp tục rà soát, điều chỉnh kế hoạch chiến lược về phát triển đội ngũ, kiên quyết trong việc cử CBGV đi đào tạo trên chuẩn theo đúng chuyên ngành đã quy hoạch đào tạo.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm

Tiêu chí 6.2: Tỷ lệ giảng viên/ người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Tổng số GV của Ngành Toán là 28 giảng viên cơ hữu, trong đó, số cán bộ có học hàm GS là 02, PGS 01 số cán bộ đạt trình độ Tiến sĩ là 13 người (chiếm 40,6 %); Số cán bộ đang làm nghiên cứu sinh là 08 người (chiếm 28,6 %) [HT1.06.02.02]; Ngoài ra, trong quá trình đào tạo, Khoa (trong đó có ngành Toán) còn có sự hợp tác với các Giáo sư, PGS đầu ngành có uy tín từ nhiều trường đại học, viện nghiên cứu, các tổ chức trong và ngoài nước [HT1.06.02.04]. Tính đến thời điểm năm 2019, tỷ lệ SV/GV ngành SP Toán giai đoạn 2015 – 2020 ổn định và cải thiện theo từng năm và đảm bảo quy định của Bộ GD&ĐT, thấp hơn so với tỷ lệ chung của nhà trường [HT1.06.02.05] GV ngành Toán còn tham gia giảng dạy cho các ngành ĐH ngoài ĐHSP Toán cho toàn trường. Năm 2019 -2020 tỷ lệ SV/GV là 5,14 (thể hiện trong bảng 6.2). Đây là một trong những căn cứ cho việc xây dựng, rà soát, bổ sung, bồi dưỡng cán bộ cho ngành. Như vậy, trong giai đoạn 2015-2020 tỷ lệ SV/GV của ngành SP Toán (thuộc khối ngành I) luôn đạt yêu cầu so với quy định về xác định chỉ tiêu đào tạo trình độ đại học hiện hành theo Thông tư 06/2018/TT-BGDĐT [HT1.06.02.06]

Bảng 6.2. Tỷ lệ sinh viên/giảng viên qua các năm học

Năm học	Số lượng giảng viên (1)	Số lượng sinh viên (2)	Tỷ lệ SV/GV
2014-2015	26	304	11,69
2015-2016	30	337	11,23
2016-2017	29	314	10,82

2017-2018	29	242	8,34
2018-2019	28	169	6,03
2019-2020	28	322	11,5

(1) *Danh sách giảng viên ngành ĐHSP Toán trong kỳ đánh giá, bao gồm cả quy đổi [HT1.06.02.02]*

(2) *Danh sách người học trong kỳ đánh giá [HT1.06.02.03]*

Theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên Trường Đại học Hồng Đức: quy đổi khối lượng định mức công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên theo giờ chuẩn rất cụ thể, rõ ràng và dễ đo đếm, đánh giá; qua đó cũng đã xác định đúng định mức giờ giảng/khối lượng công việc tiêu chuẩn/tối thiểu quy đổi đối với đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên cần thực hiện trong một năm [HT1.06.02.07; 08]. Cụ thể, đối với GV thực hiện 270 giờ giảng dạy và 180 giờ NCKH/ 1 năm; đối với trợ giảng 135 giờ giảng dạy và 90 giờ NCKH/ 1 năm [HT1.06.02.07]. Với định mức NCKH như trên, mỗi năm GV được quy đổi bằng các bài đăng trên tạp chí khoa học, thực hiện đề tài cấp cơ sở, hướng dẫn SV NCKH, Hội thảo cấp Khoa, (đề tài cấp cơ sở hoặc mỗi bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước được Nhà trường tính = 270 giờ chuẩn; đăng trên các kỷ yếu hội thảo khoa học cấp trường được tính = 180 giờ chuẩn, ...) [HT1.06.02.08].

Vào tháng 4 hằng năm, căn cứ vào định mức của giảng viên theo quy định, căn cứ vào khối lượng công việc thực tế của Khoa đảm nhiệm, các bộ môn và Khoa tiến hành xây dựng kế hoạch cho năm học sau (*kế hoạch giảng dạy, NCKH, hội thảo khoa học các cấp, thực tập, rèn nghề, viết tài liệu giáo trình, đề thi, ngân hàng câu hỏi thi...*) [HT1.06.02.09;10], trình Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt [HT1.06.02.09]. Giảng viên triển khai thực hiện kế hoạch năm học của cá nhân [HT1.06.02.10] có sự đôn đốc về tiến độ cũng như chất lượng hiệu quả công việc thông qua trưởng bộ môn và lãnh đạo Khoa, bộ phận quản lý đào tạo, quản lý khoa học & công nghệ, thanh tra giáo dục của nhà trường [HT1.06.02.10;11]. Bên cạnh hoạt động giảng dạy, NCKH đội ngũ GV ngành Toán và GV trong Khoa còn tích cực tham gia hưởng ứng các phong trào tình nguyện phục vụ cộng đồng như: chiến dịch mùa hè xanh, tham gia dạy các chuyên đề các lớp bồi dưỡng nâng hạng, chương trình chung sức cùng cộng đồng tại huyện Bá Thước, tiếp sức mùa thi, hiến máu nhân đạo... được cộng đồng đánh giá cao [HT1.06.02.12]. Cán bộ giảng viên của Khoa xây dựng kế hoạch tham gia các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng theo quy định của nhà trường [HT1.06.02.13] .

Nhà trường đã ban hành quy chế chi tiêu nội bộ hướng dẫn chi tiết việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV, nghiên cứu viên theo chuẩn [HT1.02.01.05].

Hầu hết GV trong các Bộ môn Toán hoàn thành vượt mức NCKH [HT1.06.02.10], Giảng dạy [HT1.06.02.10].

Trong đánh giá chất lượng giảng viên, hàng kỳ, Khoa và bộ môn tổ chức dự giờ thao giảng theo kế hoạch đã xây dựng đầu năm học, qua đó đánh giá nhanh chất lượng giảng dạy và có những góp ý nhanh để giảng viên tự hoàn thiện [HT1.06.02.10]. Một kênh quan trọng trong đánh giá chất lượng giảng viên là lấy ý kiến của người học sau khi kết thúc học phần. Từ đánh giá khách quan đó sẽ là căn cứ để giảng viên điều chỉnh và hoàn thiện. Cuối mỗi học kỳ/ năm học căn cứ chức năng nhiệm vụ theo chức danh, căn cứ nhiệm vụ được giao, cá nhân tự đánh giá khối lượng công việc và mức độ hoàn thành, bộ môn đánh giá, lãnh đạo khoa đánh giá và trình lên Hội đồng thi đua-khen thưởng cấp Trường bình xét, đánh giá xếp loại cuối năm [HT1.06.02.14]. Việc thường xuyên đánh giá này không chỉ giúp từng giảng viên đánh giá năng lực thực hiện nhiệm vụ của mình, đánh giá những hạn chế của bản thân đưa ra giải pháp cụ thể để học tập nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực công tác, mà còn là cơ sở để các cấp quản lý bao quát tình hình thực hiện nhiệm vụ của đơn vị, từ đó đưa ra kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, định hướng chiến lược phát triển đơn vị thích hợp [HT1.06.02.15]. Kết quả đánh giá, xếp loại thi đua hàng năm được thực hiện đúng quy trình chặt chẽ, chính xác và được đội ngũ CBGV đồng thuận cao [HT1.06.02.16].

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ giảng viên/ người học đáp ứng yêu cầu của quy định hiện hành và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên được xác định rõ ràng và được giám sát bởi bộ môn, khoa và các đơn vị chức năng trong nhà trường, góp phần cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù trình độ tiến sĩ của GV tương đối cao (40,6%), song tỷ lệ người học/ giảng viên giảm trong những năm gần đây phần nào chưa đạt tỷ lệ do tình hình tuyển sinh vào sư phạm thấp

4. Kế hoạch hành động

Trên cơ sở các quy định hỗ trợ cho SV sư phạm của Nhà nước, quy định tuyển dụng ưu tiên của tỉnh Thanh Hóa .Nhà trường xem xét cơ chế chính sách khuyến khích cho SV khi vào học. Tăng cường công tác tuyên truyền tuyển sinh để thu hút sinh viên tham gia học sư phạm nhiều hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm

Tiêu chí 6.3: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả

Xây dựng đội ngũ giảng viên có trình độ năng lực công tác tốt là một yếu tố vô cùng quan trọng để nâng cao chất lượng đào tạo. Bởi vậy, Khoa và Nhà trường luôn đảm bảo tuyển dụng cán bộ giảng viên có phẩm chất đạo đức tốt và trình độ chuyên môn nghiệp vụ theo yêu cầu. Trên cơ sở các tiêu chí chung về tuyển giảng viên của ngành ĐHSP Toán, khoa đã tổ chức thảo luận, thống nhất đề xuất và tham mưu để nhà trường ban hành tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên cả về mặt đạo đức và chuyên môn học tập được thông báo công khai.

Tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển GV, NCV cụ thể, rõ ràng phù hợp với yêu cầu tuyển dụng được đội ngũ GV giỏi, bao gồm các tiêu chí: *Có phẩm chất đạo đức, tu tưởng tốt; có bằng tốt nghiệp đại học và chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm; có bằng thạc sĩ trở lên ưu tiên đối với GV có bằng TS; có trình độ tin học, ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu công việc; có đủ sức khỏe để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp; có lý lịch bản thân rõ ràng, Có trình độ NCKH và hướng dẫn sv NCKH ...* [HT1.06.01.03]; [HT1.06.03.01].

Các tiêu chí tuyển dụng, tuyển chọn và bổ nhiệm cán bộ GV được phổ biến công khai trên các phương tiện truyền thông đại chúng [HT1.06.03.02]. Tiêu chí tuyển dụng được rà soát, điều chỉnh theo từng thời kỳ phát triển của nhà trường, phù hợp với nâng cao chất lượng đội ngũ của nhà trường. Quá trình tuyển giảng viên được triển khai chặt chẽ thông qua Hội đồng tuyển dụng nhà trường, giảng viên tham gia ứng tuyển bao gồm các kiến thức chung còn phải thực hiện thi giảng và báo cáo khoa học. Sau khi trúng tuyển, giảng viên đều được nhà trường phân công giảng viên có kinh nghiệm hướng dẫn thử việc, thực hiện biên soạn đề cương bài giảng, thông qua bài giảng, kết quả và định hướng NCKH được báo cáo trước bộ môn và được bộ môn dự giờ, góp ý và đánh giá chuyên môn. Nếu đảm bảo các yêu cầu, bộ môn đề nghị với lãnh đạo Khoa bố trí lịch giảng dạy, báo cáo NCKH có sự giúp đỡ của GV được phân công hướng dẫn [HT1.06.03.03], [HT1.06.03.04]. Trên cơ sở các tiêu chí tuyển dụng đã ban hành, nhà trường đã tổ chức thông báo nhu cầu tuyển dụng, thành lập Hội đồng xét tuyển hồ sơ và tổ chức thi tuyển đội ngũ GV. Trong giai đoạn 2015-2020, Ngành ĐHSP Toán đã tiếp nhận và tuyển dụng được 02 GV đáp ứng các tiêu chí và yêu cầu đề ra (trong đó 01 thạc sĩ và 01 NCS) [HT1.06.01.06].

Công tác quy hoạch nhằm xây dựng đội ngũ quản lý có chất lượng được tiến hành công khai minh bạch, đảm bảo dân chủ, quy hoạch được những CB có năng lực,

có trình độ chuyên môn cao, có phẩm chất đạo đức, có đủ uy tín vào những vị trí quản lý cho từng nhiệm kỳ. Việc đề bạt, bổ nhiệm, miễn nhiệm, từ chức và luân chuyển các chức vụ quản lý của Khoa được Nhà trường thực hiện đúng quy trình, quy định theo nguyên tắc tập trung dân chủ, đảm bảo tính kế thừa và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị. Nhà trường và Khoa luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định cụ thể về tiêu chuẩn bổ nhiệm chức danh của GV (giảng viên chính, phó giáo sư, giáo sư) cũng như tiêu chuẩn bổ nhiệm Trưởng khoa/ Phó trưởng khoa, Trưởng bộ môn/ Phó trưởng bộ môn, trong đó nhấn mạnh đến các yếu tố thuộc về giảng dạy, nghiên cứu khoa học có các bài báo đăng trên tạp chí KH chuyên ngành có chỉ số SCI, SCIE, Scopus hoặc được HĐCD GS Nhà nước tính điểm, có khả năng tập hợp nhóm NCKH, hướng dẫn SV NCKH [HT1.06.03.05-07].

Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý lãnh đạo trong khoa được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định. Việc bổ nhiệm lãnh đạo quản lý khoa căn cứ vào tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế của cán bộ và quy hoạch đội ngũ cán bộ lãnh đạo khoa của Nhà trường giai đoạn 2015-2020 [HT1.06.03.08].

Hàng năm Nhà trường tổ chức đánh giá xếp loại viên chức một cách công khai theo đúng quy định để khen thưởng kịp thời cho các GV hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [HT1.06.06.01].

Toàn thể cán bộ giảng viên của Khoa đều đồng thuận cao với việc sắp xếp, bố trí cán bộ quản lý của Khoa thể hiện trong các hội nghị cán bộ viên chức – người lao động hằng năm [HT1.06.03.09].

2. Điểm mạnh

Khoa đã tổ chức lấy ý kiến, thảo luận, thống nhất xây dựng và tham mưu để nhà trường ban hành tiêu chí tuyển dụng cụ thể, phù hợp với chuyên ngành, góp phần tuyển dụng được đội ngũ giảng viên đáp ứng các tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, tin học, ngoại ngữ, nghiên cứu khoa học.

Tiêu chí tuyển dụng được công bố công khai và giúp các ứng viên dễ dàng tiếp cận, từ đó khoa đã tuyển dụng được đội ngũ GV có đủ năng lực giảng dạy, có nhiều thành tích trong nghiên cứu khoa học và giảng dạy, tuân thủ nghiêm túc các chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước và đạo đức nhà giáo.

3. Điểm tồn tại

Các chính sách thu hút GV. NCV có khả năng NCKH về công tác tại trường còn hạn chế chưa rõ ràng về tiêu chí NCKH (bài báo đăng tạp chí có chỉ số SCI, SCIE...) nên việc tổ chức các nhóm NCKH tại Bộ môn, Khoa còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2020, Khoa và Nhà trường sẽ tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm đảm bảo cụ thể, chi tiết hơn, phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

Trong năm 2020, Khoa đề nghị Nhà trường tiếp tục rà soát điều chỉnh lại cơ chế chính sách thu hút người có trình độ cao, khả năng NCKH tốt về công tác tại trường; Có các chế tài phù hợp với những GV chưa thực hiện tốt quy hoạch đào tạo và kém về khả năng NCKH.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm

Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và đánh giá

1. Mô tả

Năng lực của người GV được xác định ở các khía cạnh gồm: Năng lực NCKH, năng lực xây dựng thiết kế và thực hiện CTDH, năng lực lựa chọn và áp dụng các phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá phù hợp đáp ứng yêu cầu CĐR, năng lực ứng dụng và sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học, năng lực giám sát và tự đánh giá chất lượng công việc, năng lực nghiên cứu và đóng góp cho cộng đồng. [HT1.06.04.08].

Nhà trường đã tổ chức triển khai các hoạt động nâng cao năng lực cho đội ngũ GV của Bộ môn, Khoa. Hầu hết GV của Khoa KHTN đều tham gia các lớp bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ sư phạm, trao đổi nghiên cứu học thuật thông qua các hội thảo khoa học. Nhiều GV của Khoa tham gia các đề tài NCKH cấp trường, cấp bộ và có nhiều bài báo khoa học đăng trên các tạp chí uy tín trong và ngoài nước [HT1.10.04.02].

Ngành Toán, Khoa KHTN, trường ĐHHĐ hiện có 28 GV, trong đó trình độ Tiến sĩ: 13 ; NCS: 08 Thạc sĩ: 07, được đào tạo ở các chuyên ngành: Giải tích, Đại số, Hình học và Phương pháp giảng dạy thống kê theo biểu sau [HT1.06.01.08]:

Bảng 6.4. Bảng thống kê đội ngũ cán bộ ngành Toán giai đoạn 2015-2020

Năm	Trình độ			Chuyên ngành			NVSP
	TS	ThS	CN	Đại số - Hình học	Giải tích - Phương pháp giảng dạy Toán	Hình học và PPGD	
2016	2	27	1	6	14	7	27
2017	2	26	1	6	13	6	26

2018	4	25	1	5	13	6	25
2019	4	23	1	5	12	6	23
2020	13	15	0	10	18	0	28

(Nguồn: phòng TCCB)

Hiện nay, số lượng và chất lượng đội ngũ GV của ngành Toán KHTN tăng lên hàng năm, 100% GV có nghiệp vụ sư phạm. Hiện nay, về trình độ ngoại ngữ của khoa có 33,33% GV có trình độ ĐH tiếng Anh và 33,33% GV có trình độ từ C, B1 trở lên; 100% GV có trình độ tin học đáp ứng yêu cầu công việc được giao. [HT1.06.04.07].

Trên cơ sở chuyên môn được đào tạo và kế hoạch dạy học hằng năm, các bộ môn đã phân công các học phần giảng dạy theo đúng chuyên môn được đào tạo và năng lực sở trường của cá nhân [HT1.01.02.05].

Cơ cấu tổ chức chuyên môn của đội ngũ cán bộ giảng viên trong khoa đủ đáp ứng yêu cầu theo chương trình đào tạo Đại học SP Toán hiện tại. Đội ngũ cán bộ giảng viên của Ngành toán không ngừng tự học tập nâng cao trình độ kiến thức chuyên môn nghiệp vụ để đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của người học và xã hội. [HT1.06.01.02].

Đội ngũ cán bộ giảng viên chủ động tích cực đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy năng lực, NCKH nhằm giúp người học chủ động lĩnh hội và chiếm lĩnh tri thức. Trên cơ sở kế hoạch dạy học được phân công, giảng viên đã chủ động đăng ký và triển khai các phương pháp dạy học tích cực phù hợp với nội dung từng tiết học [HT1.06.04.01].

Căn cứ vào kế hoạch dạy học và bản đăng ký đổi mới PPDH của giảng viên, bộ môn và khoa tăng cường các hoạt động dự giờ thăm lớp để giám sát, đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên, làm cơ sở đánh giá, xếp loại và bình xét thi đua cuối năm đối với từng cá nhân [HT1.06.02.10]. Bên cạnh đó, hàng tuần trợ lý giáo vụ khoa kiểm tra sổ đầu bài để thống kê, tổng hợp số tiết học dùng PPDH tích cực của từng học phần và cá nhân từng giảng viên, hàng tháng, Ban chủ nhiệm khoa sẽ trực tiếp kiểm tra và xác nhận vào sổ đầu bài của mỗi lớp để tăng cường hiệu quả quản lý [HT1.06.04.02]. Bên cạnh đó hoạt động NCKH được đội ngũ GV của khoa quan tâm đầu tư, trong giai đoạn 2015-2019 toàn khoa đã tổ chức thực hiện được 01 đề tài cấp nhà nước, 05 đề tài cấp bộ, 21 đề tài cơ sở đã được nghiệm thu và 02 đề tài cấp bộ chuẩn bị nghiệm thu; có 303 bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành; hướng dẫn 176 sinh viên NCKH và đạt giải cấp Khoa, cấp Trường và 01 giải nhì cấp Quốc gia ; tổ chức 67 hội thảo cấp Khoa và 03 hội thảo liên trường, Trường đạt kết quả tốt [HT1.06.04.03]

Để đánh giá năng lực dạy học của đội ngũ GV, ngay từ năm 2008 Nhà trường đã ban hành quy định tiêu chí đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên theo Quyết định 1080/QĐ-ĐHHD ngày 22/10/2008 và Quy trình lấy ý kiến người học về chất lượng giảng dạy của GV ban hành kèm theo Quyết định QĐ số 309/QĐ-ĐHHD ngày 25/01/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức [HT1.10.01.03]; [HT1.06.04.04].

Trước khi kết thúc học phần, phòng ĐBCL&KT tham mưu kế hoạch lấy phiếu khảo sát người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên theo đúng quy trình đã ban hành; việc xử lý các thông tin thu được bằng phần mềm chuyên dụng và được phân tích, đánh giá và phản hồi kết quả đến đơn vị, cá nhân GV để kịp thời điều chỉnh, cải tiến nhằm nâng cao chất lượng dạy học [HT1.06.04.04].

Kết quả đánh giá trong những năm vừa qua cho thấy đa phần các hoạt động giảng dạy đã đáp ứng được nhu cầu học tập của người học. Sinh viên đánh giá cao hoạt động giảng dạy trên lớp cũng như nội dung các bài dạy của giảng viên. Kết quả lấy ý kiến người học về chất lượng hoạt động giảng dạy cho thấy người học hài lòng với hoạt động giảng dạy của GV khoa khoảng 80,67% [HT1.06.04.04].

Việc đánh giá năng lực của giảng viên được thực hiện theo đúng quy định về đánh giá, xếp loại cán bộ của trường ĐHHD một cách công bằng, khách quan; đánh giá lần lượt theo từng nội dung công việc (hoạt động giảng dạy, NCKH, đánh giá của đồng nghiệp dự giờ thao giảng, đánh giá của người học). Căn cứ vào hướng dẫn đánh giá cán bộ viên chức hằng năm [HT1.06.04.05], cá nhân tự đánh giá xếp loại, bộ môn/tổ công tác đánh giá xếp loại, khoa họp hội đồng bình xét, xếp loại, trình Hội đồng nhà trường xem xét kết quả, thành tích đóng góp của viên chức để xếp loại vào các mức: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ/ hoàn thành tốt nhiệm vụ/ hoàn thành nhiệm vụ/ không hoàn thành nhiệm vụ [HT1.06.04.06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã ban hành tiêu chí xác định năng lực của đội ngũ GV trên cơ sở các ý kiến đóng góp của các bên có liên quan, được công bố công khai và thống nhất dùng chung trong toàn trường.

Các hoạt động đánh giá năng lực GV được quy trình hóa và được thực hiện đảm bảo nghiêm túc, thông tin thu được đảm bảo chính xác.

Kết quả đánh giá năng lực hoạt động của đội ngũ GV được lưu trữ hằng năm và đối sánh giữa các năm giúp GV phát huy ưu điểm, khắc phục nhược điểm, nâng cao năng lực thực hiện nhiệm vụ, góp phần nâng cao năng lực người học đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của xã hội.

3. Điểm tồn tại

Trình độ tin học, ngoại ngữ chưa thực sự đồng đều trong đội ngũ giảng viên ở các bộ môn, mức độ hài lòng của người học chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2020, Giảng viên trong khoa thực hiện tốt quy hoạch học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, tin học và ngoại ngữ; Khoa đề nghị nhà trường tuyển dụng giảng viên có trình độ chuyên môn cao; thông thạo về tin học, ngoại ngữ; có năng lực NCKH tốt

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả

Trên cơ sở Kế hoạch chiến lược về phát triển đội ngũ đã được Nhà trường ban hành trong kế hoạch chiến lược của trường ĐH Hồng Đức giai đoạn 2010-2020 và điều chỉnh, bổ sung trong Kế hoạch chiến lược 2020 tầm nhìn 2030 [HT1.06.01.01], Chi bộ khoa đã ban hành Nghị quyết và phương hướng nhiệm vụ cả nhiệm kỳ của chi bộ và chỉ đạo Ban chủ nhiệm khoa xây dựng Kế hoạch trung hạn về phát triển đội ngũ nhằm đáp ứng yêu cầu về đội ngũ của CTĐT [HT1.06.05.01]. Căn cứ nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của cán bộ thông qua báo cáo đánh giá hàng năm và Kế hoạch trung hạn về phát triển đội ngũ, Khoa đã xây dựng kế hoạch ngắn hạn về nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng tới từng vị trí cán bộ theo từng năm học và được rà soát, đánh giá điều chỉnh phù hợp theo từng giai đoạn [HT1.06.05.02-03].

Đội ngũ GV của Khoa KHTN luôn có nhu cầu được đào tạo và phát triển về chuyên môn, nghiệp vụ [HT1.06.05.01-03]. Trong thời gian qua, hoạt động đào tạo, bồi dưỡng đã được nhà trường triển khai, hỗ trợ kinh phí, đã thu hút đông đảo đội ngũ giảng viên của Khoa tham gia như: bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, các khóa tập huấn về phương pháp giảng dạy ở bậc đại học và các khóa học nâng cao năng lực ngoại ngữ và đi nghiên cứu sinh [HT1.06.04.07]. Kết quả đào tạo, bồi dưỡng của GV khoa KHTN ngành Toán được thống kê qua bảng 6.5 sau:

Bảng 6.5. Thống kê số lượt CBGV khoa KHTN tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng trong 5 năm qua

Hạng mục công việc	Năm					Cộng
	2016	2017	2018	2019	2020	
Đi làm NCS					8	18
Đi đào tạo Thạc sĩ						4

Học Trung cấp chính trị						11
Tập huấn PT CTĐT						3
Bồi dưỡng NVSP						18
BD GV thăng hạng					4	21
Bồi dưỡng QL giáo dục						9
Tổng			1	1	9	84

(Nguồn: phòng TCCB)

Qua bảng 6.5 cho thấy, nhu cầu học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của CBGV ngành Toán là tương đối cao (trung bình hàng năm số lượt học tập, bồi dưỡng chiếm gần 80% số GV hiện có của Ngành). Ngoài các lớp đào tạo, bồi dưỡng do Nhà trường tổ chức, đội ngũ CBGV của Ngành toán chủ yếu là tự đào tạo thông qua hình thức tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn học thuật, hội thảo nghiệp vụ cấp bộ môn và cấp Khoa [HT1.06.05.04]

2. Điểm mạnh

Nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên thiết thực, phong phú. Khoa và Nhà trường có cơ chế hỗ trợ, khuyến khích giảng viên tham gia các CTĐT thạc sỹ, tiến sỹ, các khóa đào tạo ngắn hạn (giảm định mức, hỗ trợ kinh phí đào tạo...) Các hoạt động triển khai các khóa đào tạo, tập huấn cho giảng viên chất lượng, hiệu quả.

3. Điểm tồn tại

Ngoài 02 GS hợp đồng giảng dạy Giảng viên ngành Toán chưa có PGS, GS . Một số GV trẻ trong quy hoạch đi học NCS chưa thực hiện theo đúng kế hoạch đã đăng kí với nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

Giai đoạn 2020 -2030 khoa thực hiện xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ, tạo mọi điều kiện cho các GV có trình độ TS Giảng dạy và NCKH để đạt chuẩn chức danh GS, PGS; Giảng viên trong độ đi học NCS (trong đó, có 5 – 7 % NCS được đào tạo nước ngoài).

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Trên cơ sở Quy định chế độ việc làm đối với giảng viên [HT1.06.02.07], lãnh đạo Khoa, bộ môn căn cứ vào năng lực chuyên môn, sở trường của mỗi GV để phân công khối lượng giờ giảng cho từng GV theo quy định của Nhà trường vào đầu năm học. Bên cạnh đó, GV còn phải hoàn thành các khối lượng công việc cụ thể như: biên soạn và chỉnh sửa ĐCCTHP, NHCHT, soạn bài giảng, viết bài báo khoa học, hướng dẫn SV NCKH, tham gia hội thảo, semina, nghiên cứu đề tài khoa học các cấp,... [HT1.06.02.08]

Tổ chức đánh giá khối lượng thực hiện của giảng viên theo đúng các quy định của Bộ GD&ĐT cũng như các quy chế về khen thưởng, kỷ luật, xếp loại, thi đua của nhà trường, của Đảng bộ và các tổ chức chính trị đều được thực hiện rất nghiêm túc và nền nếp, hàng năm có tổ chức lấy ý kiến người học về các giảng viên làm cơ sở cho việc đánh giá [HT1.06.06.01].

Việc theo dõi, đánh giá hiệu quả, tiến độ triển khai khối lượng công tác của giảng viên được thực hiện nghiêm túc thông qua Trưởng bộ môn và lãnh đạo Khoa, bộ phận quản lý đào tạo, quản lý khoa học & công nghệ, thanh tra giáo dục của nhà trường [HT1.06.06.02]. Các bài báo của CB, GV có nội dung phù hợp với định hướng nghiên cứu và phát triển của Nhà trường, gắn kết chặt chẽ với các ngành, chuyên ngành đào tạo của Trường và phù hợp với các chương trình KH&CN trọng tâm của tỉnh Thanh Hoá. Cụ thể, các nội dung bài báo tập trung vào lĩnh vực khoa học tự nhiên chuyên ngành Giải tích và Đại số chiếm 63,22%; bài báo thuộc lĩnh vực khoa học giáo dục, quản lý chiếm 36,77%. [HT1.06.06.03]. Nhà trường có quy định hỗ trợ đối với các công trình khoa học đăng trên các Tạp chí khoa học chuyên ngành, có chỉ số trích dẫn cao (ISI, SCI, Scopus...), với các mức được quy định cụ thể trong quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường [HT1.02.01.05], cụ thể với các công trình đăng trên danh mục tạp chí Scopus được hỗ trợ 5 triệu/công trình; đối với các công trình thuộc danh mục ISI, SCI được hỗ trợ 20 lần mức lương cơ bản/công trình, nhằm khích lệ GV tham gia nhiều hơn nữa trong NCKH, nâng cao vị thế của Nhà trường trong các năm [HT1.02.01.05].

Các đề tài trong lĩnh vực giáo dục, đổi mới công tác quản lý và nhiều đề tài nghiên cứu đổi mới chương trình đào tạo, đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới công tác thi, kiểm tra đánh giá theo yêu cầu của thực tiễn đã được CB, GV Nhà trường chú trọng thực hiện. Đây là các nghiên cứu quan trọng góp phần tích cực trong việc xây

dựng và phát triển Nhà trường, trước yêu cầu cấp thiết của đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo [HT1.06.06.04].

Các danh hiệu thi đua được tôn vinh, bình xét vào cuối năm học. Sự công nhận kết quả và khen thưởng, bình xét lao động tiên tiến, chiến sĩ thi đua các cấp hằng năm, khen thưởng đối với giảng viên có thành tích trong việc ôn luyện sinh viên đạt giải Olympic quốc gia luôn được triển khai kịp thời, đúng quy định đó chính là động lực cho đội ngũ giảng viên tích cực hơn trong công tác [HT1.06.02.16], [HT1.06.06.05]. Đặc biệt những giảng viên có thành tích xuất sắc và đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở 2 năm liên tục được xem xét nâng bậc lương trước hạn [HT1.06.06.06].

2. Điểm mạnh

Việc quản lý, xác nhận kết quả khối lượng công tác, kết quả bình xét thi đua khen thưởng, tiêu chuẩn được tăng lương trước thời hạn đối với đội ngũ giảng viên luôn được thực hiện công khai, minh bạch, kịp thời, lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị, công tác chuyên môn làm thước đo khen thưởng, đặc biệt quan tâm phát hiện nhân tố mới, tăng cường khen thưởng đột xuất. Khen thưởng được thực hiện chặt chẽ, giúp cho công tác quản trị theo kết quả công việc được triển khai tích cực trong Nhà trường và Khoa.

Việc khen thưởng hàng năm đã tạo động lực cho giảng viên trong công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác của Khoa và Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Đội ngũ giảng viên trẻ vừa học tập nâng cao trình độ, vừa tham gia giảng dạy nên rất khó trong việc phấn đấu danh hiệu chiến sĩ thi đua các cấp và nâng lương trước hạn theo quy định.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2020-2021, Nhà trường cũng như khoa KHTN sẽ tạo điều kiện tốt nhất có thể cho đội ngũ giảng viên trẻ đăng ký và nỗ lực phấn đấu đạt được các danh hiệu thi đua, nhằm tạo động lực cho giảng viên cống hiến cho sự nghiệp đào tạo Khoa và Nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Hoạt động KH&CN của Nhà trường được thực hiện theo QĐ số 577/QĐ-ĐHHĐ trên cơ sở quy định của Bộ GD&ĐT được Hiệu trưởng ban hành và công bố

công khai tới các đơn vị (Văn bản); Hộp thư điện tử của Đơn vị/ Trưởng đơn vị; trên website của nhà trường. Theo đó, Hoạt động KH&CN bao gồm các nội dung sau: Xây dựng định hướng phát triển KH&CN cho từng giai đoạn 5 năm, hằng năm; Tổ chức thực hiện các chương trình, đề tài, dự án...; Tham gia các hội đồng tư vấn, nghiệm thu chương trình, đề tài, dự án...; Xuất bản ấn phẩm khoa học, thông tin khoa học...; Tổ chức hội nghị hội nghị, hội thảo khoa học các cấp; Tổ chức hướng dẫn sinh viên, học viên tham gia nghiên cứu khoa học; Ứng dụng, chuyển giao kết quả KH&CN...; Hỗ trợ xác lập và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ...; Tiến hành các hoạt động hợp tác trong và ngoài nước về KH&CN... tham gia các cuộc thi sáng tạo KH - KT; Xây dựng và phát triển các tổ chức KH&CN trực thuộc Nhà trường; triển khai các hoạt động KH&CN khác [HT1.06.07.01].

Đề đáp ứng yêu cầu về nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH trở thành nhiệm vụ quan trọng của người giảng viên đại học. Theo quy định về chế độ làm việc đối với giảng viên [HT1.06.02.07 - 08]. Hằng năm giảng viên phải dành ít nhất 1/3 tổng quỹ thời gian trong năm để thực hiện nhiệm vụ KH&CN, Hiệu trưởng giao nhiệm vụ cho giảng viên và đơn vị theo định mức, cuối năm phải hoàn thành các nhiệm vụ quy định là 180 giờ (Chủ trì/tham gia thực hiện đề tài các cấp; chuyển giao kết quả NCKH; công bố kết quả trên tạp chí chuyên ngành; hướng dẫn SV NCKH; đề xuất, chủ trì/tham gia các hoạt động về HTQT trong KH&CN; đề xuất hoặc thực hiện ý tưởng sáng tạo và các hoạt động KH&CN) [HT1.06.02.07 - 08]. Ngay sau khi, Hội đồng đã thẩm định hợp đánh giá, góp ý, Hiệu trưởng ký thông báo nhiệm vụ NCKH của mỗi cá nhân để tiếp tục triển khai, thực hiện [HT1.06.07.02]. Khi xây dựng và ban hành các quy định này, cán bộ giảng viên của nhà trường đều có ý kiến tham gia đầy đủ. Công tác quản lý đề tài cấp cơ sở, nhà trường đã ban hành quy định rất rõ ràng về nhiệm vụ, quyền hạn của chủ nhiệm đề tài, quy trình, mẫu biểu thẩm định và nghiệm thu đề tài, quy định về kiểm tra tiến độ thực hiện...Đề tài xếp loại xuất sắc được áp dụng vào thực tiễn sản xuất và đời sống sẽ được Hiệu trưởng xem xét khen thưởng, ngược lại đề tài không thực hiện đúng tiến độ thì thu hồi kinh phí và xử phạt theo quy định [HT1.06.07.03]. Nhà trường và khoa KHTN luôn quan tâm, tạo điều kiện để giảng viên tham gia hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học, các đề tài NCKH của sinh viên được đánh giá Xuất sắc hoặc triển khai ứng dụng, giáo viên hướng dẫn được xem xét khen thưởng [HT1.06.07.04; 05];

Trong 5 năm gần đây, Khoa KHTN có 02 đề tài cấp nhà nước, 11 đề tài cấp Bộ (trong đó ngành Toán có 4 đề tài), 31 đề tài cấp cơ sở (trong đó ngành toán có 9 đề tài); ngành toán có 114 bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành; hướng dẫn 176 sinh viên NCKH và đạt giải cấp Khoa, cấp Trường; tổ chức 67 hội thảo cấp Khoa, Trường đạt kết quả tốt [HT1.04.03.02, HT1.06.05.04, HT1.06.06.09, HT1.06.06.04].

Số liệu các công trình NCKH cụ thể do cán bộ GV khoa KHTN thực hiện trong giai đoạn 2015-2019 được tổng hợp qua Bảng 6.7. sau:

Bảng 6.7: Bảng thống kê các công trình nghiên cứu khoa học do CBGV khoa đảm nhận trong 5 năm gần đây (2015-2020)

Hạng mục công trình	2015	2016	2017	2018	2019	2020	Tổng
Đề tài, dự án cấp Nhà nước	1	2	2	2	0	0	2
Đề tài, dự án cấp Bộ, Tỉnh	0	5(1)	4(2)	8(2)	8(2)	9(1)	11(4)
Đề tài, dự án cấp cơ sở	4(1)	5(2)	8(3)	7(2)	7(1)	8(2)	31(9)
Đề tài SV NCKH	27(8)	43(8)	32(3)	30(7)	21(7)	2	153(33)
Hội thảo khoa học	(82)	8(2)	8(2)	8(2)	8(2)	3	40(10)
Bài báo khoa học	(10)	(17)	(37)	(21)	(30)	(37)	162
Bài đăng trên kỷ yếu hội thảo	24	24	24	24	16	16	112

(Nguồn: phòng QLKH&CN)

Qua bảng 6.7 cho thấy, số lượng các công trình NCKH của khoa ngày càng gia tăng không chỉ về mặt số lượng mà còn nâng cao về mặt chất lượng, cấp độ và hàm lượng khoa học trong các đề tài, hội thảo bài báo ngày càng cao. Trong 5 năm gần đây, số lượng bài báo của giảng viên ngành Toán lên tới 167 bài, số lượng đề tài NCKH các cấp ở mức cao, có nhiều đề tài cấp Bộ; chất lượng đề tài được nâng lên, đặc biệt là các đề tài nghiên cứu nhằm phát huy năng lực người học. Trong các công trình nghiên cứu khoa học của ngành Toán: có 2 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, 01 đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ liên quan tới việc dạy và học. Đặc biệt đã công bố tổng số 58 bài báo khoa học với 14 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế (trong đó có 9 bài báo thuộc danh mục ISI và Scopus, 38 bài báo khoa học trong nước, 06 bài tại các hội thảo quốc tế và quốc gia tập trung vào hai hướng: Đào tạo và phát triển năng lực nghề nghiệp cho sinh viên ngành Sư phạm Toán học và dạy học học toán theo hướng phát triển năng lực học sinh.

Số lượng và chất lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên trong nhà trường nói chung và khoa KHTN nói riêng đều được giám sát chặt chẽ, xác định chính xác khối lượng quy đổi và có điều chỉnh kịp thời [HT1.06.07.06]. Với các thành tích về NCKH nên nhiều GV đã được xếp loại viên chức hoàn thành xuất sắc và chiến sỹ thi đua hàng năm [HT1.06.02.16].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ giảng viên được đào tạo chính qui, có trình độ chuyên môn phù hợp, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ giảng dạy và NCKH. Khối lượng giờ khoa học được xác lập, quy đổi đúng quy định, quá trình thực hiện được giám sát chặt chẽ có thưởng/ phạt nghiêm minh. Số lượng đề tài các cấp, hội thảo khoa học hằng năm và bài báo đăng trên tạp chí khoa học có số lượng lớn và chất lượng tốt.

3. Điểm tồn tại

Chưa đủ lực để thành lập các nhóm nghiên cứu để đề xuất được các đề tài cấp cao như đề tài cấp nhà nước, đề tài Nafosted.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2020-2021, Khoa có kế hoạch cử giảng viên đi học nâng cao trình độ; khoa chủ động đăng kí đề tài khoa học cấp Tỉnh và cấp Bộ và cấp nhà nước.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm

Kết luận về tiêu chuẩn 6

Đội ngũ giảng viên tham gia đào tạo chương trình ngành KHTN cơ bản đáp ứng được yêu cầu về năng lực chuyên môn và NCKH; cán bộ GV của Khoa được tuyển dụng công khai, minh bạch trên cổng thông tin theo đúng quy trình tuyển dụng của Nhà trường. Khoa và nhà trường khuyến khích, động viên cán bộ giảng viên tham gia đầy đủ và có chất lượng các hoạt động KH&CN, góp phần nâng cao trình độ, khả năng độc lập nghiên cứu của giảng viên.

Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành KHTN tự đánh giá tiêu chuẩn 6 đạt 7/7 tiêu chí và bình quân đạt 5.3/7 điểm.

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

Mở đầu

Nhà trường luôn chú trọng việc quy hoạch đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác, để đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Trong quá trình tuyển dụng, các tiêu chí và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai. Hàng năm, năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá. Nhà trường và luôn xác định nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên và các hoạt động triển khai. Đồng thời, thường xuyên tiến hành triển khai việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên gồm cả khen thưởng và công nhận để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Trên cơ sở phân tích dự báo nhu cầu về thực trạng nhân sự, Trường Đại học Hồng Đức đã xây dựng và ban hành Kế hoạch chiến lược phát triển đội ngũ nhân viên trong kế hoạch chiến lược phát triển trường ĐH Hồng Đức giai đoạn 2010 - 2020, định hướng đến năm 2030 [HT1.01.01.03], và xác định vị trí việc làm đối với cán bộ hỗ trợ tại các bộ phận phòng, ban, Khoa [HT1.06.01.04]; từ đó thực hiện việc quy hoạch đội ngũ này dựa trên chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ nhân viên nhằm đảm bảo các yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng thể hiện qua Quy định về tuyển, học việc, thử việc và mẫu hồ sơ thử việc đối với lao động hợp đồng trong trường ĐHHĐ [HT1.06.03.04]. Bên cạnh đó, Trường cũng có các chính sách đãi ngộ, thu hút đội ngũ nhân viên được xác định thông qua Quy chế chi tiêu nội bộ như: thu nhập tăng thêm; hỗ trợ tiền phục vụ đào tạo; chế độ học tập, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; ... [HT1.07.01.03]. Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được phổ biến tới toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên được công khai trên trang thông tin của nhà Trường và trên thông báo gửi về các đơn vị trực thuộc

Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Toán được hỗ trợ bởi đội ngũ nhân viên làm việc tại các phòng ban, trung tâm như phòng CT HSSV, phòng QL Đào tạo, Phòng QL ĐT SĐH, trung tâm Thông tin Thư viện, Phòng ĐBCL&KT, Khoa Công nghệ thông tin và truyền thông; trung tâm GDTX, ... Tại khoa KHTN, bên cạnh 01 nhân viên hành chính, văn thư; 01 trợ lý quản lý học sinh sinh viên; 01 trợ lý giáo vụ hỗ trợ phụ trách công tác đào tạo chính quy, liên thông, văn bằng 2 và vừa làm vừa học còn có các giảng viên kiêm nhiệm : 01 cán bộ trợ lý Khoa học và Nghiệp vụ; 01 cán bộ kiểm soát tài liệu ISO của khoa và 01 cố vấn học tập. Các cán bộ phục vụ đều có trình độ từ đại học trở lên, được đào tạo, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ như: tin học, công tác văn thư, lưu trữ, nghiệp vụ kiểm soát tài liệu. Đội ngũ cán bộ phục vụ của Khoa làm việc giờ hành chính theo quy định của Nhà nước. Riêng trợ lý giáo vụ Khoa có trình độ Thạc sĩ, có kinh nghiệm (8 năm), có hiểu biết khá sâu sắc về CTĐT, là cầu nối giúp lãnh đạo khoa, hỗ trợ sinh viên thực hiện CTĐT. Để đảm bảo chất lượng, các cán bộ hỗ trợ đều cố gắng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn như: kỹ năng tin học, công tác văn thư. Các giảng viên kiêm nhiệm công việc trợ lý luôn có giờ trực và công việc cụ thể tại Khoa. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Khoa luôn hoàn thành tốt việc

hỗ trợ học tập và nghiên cứu của SV trong quá trình học tập. Kết quả đánh giá công chức, viên chức hàng năm cho thấy các trợ lý Khoa được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao [HT1.06.04.06].

Hàng năm, Trường các đơn vị có trách nhiệm đề xuất quy hoạch, kế hoạch cho đội ngũ cán bộ của đơn vị. Dựa vào số lượng SV đơn vị hỗ trợ, khối lượng công việc đảm nhận và kế hoạch đào tạo cán bộ, độ tuổi về hưu, Trường đơn vị xác định được nhu cầu về đội ngũ nhân viên ở đơn vị mình trong các năm và đề xuất chỉ tiêu tuyển dụng với Phòng Tổ chức - Hành chính, Phòng Tổ chức - Hành chính sẽ xem xét và trình Hiệu trưởng phê duyệt ra quyết định thông báo tuyển viên chức với các yêu cầu về trình độ nghiệp vụ, kinh nghiệm và kỹ năng phù hợp với từng vị trí của các đơn vị. Nhà trường đưa ra kế hoạch tuyển dụng [HT1.07.02.02], [HT1.07.02.03] để lựa chọn ra đội ngũ hỗ trợ phục vụ công tác đào tạo, NCKH cũng như hoàn thành nhiệm vụ chung của Nhà trường. Việc đánh giá mức độ hoàn thành công việc của đội ngũ nhân viên được dựa vào quy chế đánh giá phân loại cán bộ viên chức, người lao động trường ĐHHĐ [HT1.06.06.01]

Việc quy hoạch đội ngũ cán bộ thư viện, cán bộ PTN, cán bộ công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ được thực hiện bài bản, khoa học, đáp ứng tốt nhu cầu đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng. Trung tâm thông tin – Thư viện luôn chú trọng công tác số hóa trong thông tin lưu trữ, tạo được nguồn dữ liệu điện tử phục vụ hoạt động học tập và nghiên cứu của giảng viên và sinh viên. Tư liệu của các Khoa nói chung và Khoa Ngữ văn nói riêng luôn được kịp thời cập nhật, kiểm kê và phân loại số lượng theo danh mục nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc tra cứu tư liệu.

Đội ngũ nhân viên thư viện của trường đủ về số lượng, có trình độ, chuyên môn nghiệp vụ và trình độ tin học, ngoại ngữ đáp ứng tốt nhu cầu khai thác tài liệu sách báo của bạn đọc. Số lượng cán bộ thư viện gồm 23 người (TS: 1; ThS: 2; DH: 19; TC:), được tổ chức trong 3 bộ phận: bộ phận Nghiệp vụ, bộ phận phục vụ bạn đọc, bộ phận QL, khai thác Thư viện điện tử [HT1.07.01.04]. Nhân viên 3 bộ phận này tích cực hỗ trợ cho sinh viên trong quá trình học tập, nghiên cứu, khai thác tài liệu. Đội ngũ cán bộ ở các bộ phận được sắp xếp hợp lý, có khả năng và năng lực chuyên môn tốt và được GV, người học hài lòng ở mức trên 85% [HT1.07.01.02]. Để kịp thời động viên và thu hút đội ngũ nhân viên, bên cạnh các chế độ ưu đãi được hưởng như các đối tượng khác trong nhà trường, đội ngũ nhân viên thư viện còn hưởng chế độ độc hại theo quy định hiện hành [HT1.07.01.03].

Đội ngũ cán bộ CNTT của Nhà trường hiện nay có trình độ, chuyên môn nghiệp vụ đảm bảo sự hoạt động tốt của các thiết bị hiện đại, cơ sở vật chất phục vụ chung trong nhà trường, Khoa và Bộ môn. Nhà trường hiện có khoa CNTT&TT với 19

CBGV và 10 CB CNTT thuộc Phòng QT – VT, TB và phòng ĐBCL&KT đủ đáp ứng yêu cầu trong việc theo dõi, sửa chữa, hướng dẫn sử dụng hệ thống thiết bị CNTT và tổ chức thi, kiểm tra đánh giá năng lực người học bằng hình thức thi trắc nghiệm trên máy.

Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên có năng lực, trình độ chuyên môn đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao [HT1.07.01.05]. Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên nhà trường đã góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và các hoạt động khác trong Trường được người học, đơn vị và Nhà trường đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trở lên [HT1.07.01.02].

Nhà trường, Khoa chú trọng việc đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nhân viên thông qua kế hoạch đào tạo bồi dưỡng hàng năm [HT1.06.05.01], [HT1.06.05.02], [HT1.06.05.03], [HT1.06.05.04]. Kết quả được thể hiện thông qua các báo cáo công tác, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức viên chức và người lao động các năm của Nhà trường [HT1.07.01.06]. Hằng năm, nhà trường gửi các kỹ thuật viên, nhân viên đi bồi dưỡng nghiệp vụ, cách thức quản lý, sử dụng các trang thiết bị, thư viện điện tử ở một số trường trong và ngoài nước. Từ năm 2014 đến năm 2018 có 145 lượt kỹ thuật viên, nhân viên được đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ [HT1.07.01.04].

Kết quả khảo sát chất lượng hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên định kỳ cho thấy người học hài lòng với sự phục vụ, hỗ trợ của đội ngũ nhân viên của Nhà trường trong công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng [HT1.07.01.02].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ nhân viên của Nhà trường đủ về số lượng, có trình độ chuyên môn cơ bản phù hợp với vị trí việc làm, có kỹ năng, tay nghề vững vàng; được quan tâm, tạo điều kiện về thời gian, kinh phí để tham gia các chương trình, dự án, các lớp đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn hoặc tập huấn nghiệp vụ, đáp ứng được cơ bản các yêu cầu phục vụ dạy học và NCKH và được người học tin tưởng, đánh giá cao.

3. Điểm tồn tại

Khoa KHTN hiện quản lý 05 ngành ĐHSP và 07 ngành Ths, khối lượng công việc rất nhiều chỉ có 01 CB làm công tác giáo vụ, nên nhiều khi đã ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện kế hoạch.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2020-2021, Khoa có kế hoạch đề nghị nhà trường hỗ trợ cho công tác giáo vụ, bổ sung thêm một GV kiêm nhiệm cho công tác giáo vụ cho Khoa

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả

Nhà trường rất chú trọng công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển đội ngũ nhân viên nhằm đạt được sự hỗ trợ tốt nhất cho công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được Nhà trường xác định rõ ràng, minh bạch thông qua Quy định về tuyển, học việc, thử việc và mẫu hồ sơ thử việc đối với lao động hợp đồng trong trường ĐHHĐ [HT1.06.03.04]. Các tiêu chuẩn tuyển dụng là có lí lịch rõ ràng, văn bằng, chứng chỉ đào tạo và kỹ năng phù hợp vị trí việc làm, có đủ sức khỏe để thực hiện công việc. Các quy định cụ thể về các tiêu chí bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm công chức, viên chức lãnh đạo quản lý theo quy định của tỉnh Thanh Hóa [HT1.07.02.01]. Các ứng viên khi ứng tuyển vào vị trí viên chức hành chính cần đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn về phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn, khả năng sử dụng ngoại ngữ và tin học theo quy định. Mặt khác, việc lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm vào các vị trí Trưởng /Phó các phòng, ban trung tâm cũng cần đáp ứng các tiêu chuẩn cụ thể về trình độ, năng lực và kinh nghiệm công tác,...Các văn bản quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được Nhà trường tổ chức lấy ý kiến góp ý rộng rãi trước khi chính thức ban hành và phổ biến trên website của Nhà trường [HT1.06.03.07].

Căn cứ tình hình cụ thể hàng năm, Nhà trường cũng như lãnh đạo khoa xây dựng kế hoạch tuyển đội ngũ hỗ trợ của khoa và Nhà trường. Thông báo tuyển dụng và các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn đội ngũ nhân viên được phổ biến công khai trên các phương tiện truyền thông đại chúng và trên trang thông tin điện tử của Nhà trường. Kế hoạch tuyển dụng, thông báo tuyển dụng được công khai nhằm đảm bảo tính chính xác và khách quan trong quá trình tuyển dụng [HT1.07.02.02], [HT1.07.02.03]. Để đảm bảo tính chính xác và khách quan, trong quá trình tuyển dụng, Nhà trường thành lập Hội đồng tuyển dụng [HT1.07.02.02]. Kết quả tuyển dụng được công bố công khai. Tiêu chí tuyển dụng ngoài trình độ chuyên môn, khả năng ngoại ngữ, tin học còn bài hỏi đáp hiểu biết về công việc chuyên môn [HT1.07.02.02-04]. Nhà trường có đội ngũ cán bộ công chức, viên chức có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu đào tạo các ngành học của trường nói chung và đào tạo ngành Ngữ văn nói riêng, NCKH và các hoạt động khác. Nhà trường và khoa luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định cụ thể về tiêu chuẩn bổ nhiệm ngạch chuyên viên (chuyên viên, chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp) [HT1.07.02.01]. Những

năm qua không có việc khiếu kiện, khiếu nại liên quan đến tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên.

Quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên hàng năm được Nhà trường phổ biến công khai đến các đơn vị trong toàn Trường [HT1.07.02.04].

2. Điểm mạnh

Tiêu chí tuyển dụng rõ ràng, minh bạch. Nhà trường luôn tuyển được đội ngũ nhân viên đáp ứng các tiêu chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ. Các ứng viên sau khi được tuyển dụng có đủ năng lực thực hiện tốt nhiệm vụ của mình.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù các thông báo tuyển dụng được công khai, tuy nhiên, số lượng ứng viên nộp hồ sơ ứng tuyển vẫn còn chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2020 -2021, Nhà trường đa dạng hóa hình thức công khai tuyển dụng nhân viên trên nhiều phương tiện thông tin đại chúng như trang website của Nhà trường, của Khoa hoặc trên báo và một số trang báo điện tử, mạng xã hội.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm

Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả

Hàng năm, căn cứ Quy định về công tác thi đua, khen thưởng của Trường ĐHHĐ và các văn bản hướng dẫn của phòng chức năng về việc đánh giá, xếp loại viên chức - LD, các đơn vị trong Trường tổ chức thực hiện việc đánh giá năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kết quả thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ nhân viên trong đơn vị theo quy trình, phương pháp và các tiêu chí đánh giá được xác định rõ ràng, cụ thể [HT1.07.03.01], [HT1.07.03.02]. Hằng tháng, trên cơ sở nhiệm vụ cụ thể được lãnh đạo đơn vị phân công, việc đánh giá năng lực của nhân viên (với 4 mức đánh giá A, B, C, D) được Khoa/Phòng thực hiện theo các bước: nhân viên tự đánh giá, đồng nghiệp đánh giá và ban lãnh đạo Khoa/Phòng đánh giá [HT1.07.03.03], kết quả đánh giá hằng tháng được căn cứ đánh giá xếp loại cuối năm [HT1.07.03.04].

Để đạt được hiệu quả cao trong công việc, các cán bộ hỗ trợ đều được tập huấn và đào tạo đầy đủ hàng năm theo đúng công việc mà mình phụ trách thực hiện theo công văn tập huấn cán bộ nhân viên hằng năm. Kế hoạch và kinh phí dành cho hoạt động đào tạo và phát triển đội ngũ nhân viên [HT1.07.03.05], [HT1.07.03.06],

[HT1.07.03.07]. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ của khoa làm việc theo giờ hành chính theo quy định của nhà nước. Các GV kiêm nhiệm công việc trợ lý, cố vấn học tập luôn hoàn thành đúng chức trách nhiệm vụ được giao, chủ động tham mưu cho lãnh đạo khoa trong việc triển khai, kiểm tra kết quả thực hiện công tác cố vấn học tập, công tác kế hoạch dạy học, nghiên cứu khoa học của cán bộ GV và SV; chính xác trong công tác thi kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và lưu giữ điểm của người học; trong công tác xây dựng và tổ chức thực hiện mục tiêu chất lượng hằng năm của đơn vị; công tác quản lý nắm bắt diễn biến tư tưởng người học; quản lý công văn, lưu giữ đầy đủ hồ sơ minh chứng và luôn làm đúng theo kế hoạch của Khoa và Nhà trường [HT1.06.04.05: Hướng dẫn đánh giá, bình xét danh hiệu thi đua hằng năm (Số 96/HD-ĐHHĐ ngày 18/05/2016)]; [HT1.06.04.06]: Kết quả đánh giá xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng tháng của CBGV Khoa KHTN]; [HT1.06.04.06]. Các GV kiêm nhiệm, CVHT là các GV có trình độ chuyên môn cao, thường làm Trưởng bộ môn hoặc trong Ban lãnh đạo Khoa am hiểu về CTĐT, sẵn sàng tư vấn, hỗ trợ quá trình học tập của SV. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Khoa làm việc giờ hành chính theo quy định của Nhà nước. Các giảng viên kiêm nhiệm công việc trợ lý luôn có giờ trực và được phân công việc cụ thể các ngày trong tuần theo từng bộ môn.

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ, phục vụ cho hoạt động của các CTĐT được đảm bảo về số lượng và chất lượng; được tuyển chọn theo các tiêu chuẩn quy định về trình độ chuyên môn, kinh nghiệm làm việc. Các yêu cầu về năng lực tổng hợp, năng lực giải quyết các vấn đề thực tế, các kỹ năng soạn thảo văn bản, lập kế hoạch, phối hợp thực hiện, kỹ năng giao tiếp là các tiêu chuẩn tối thiểu để lựa chọn khi tuyển dụng, xác định và đánh giá năng lực trong quá trình công tác.

Để đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên, Nhà trường đã ban hành các văn bản hướng dẫn đánh giá, phân loại cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng phù hợp với các văn bản quy định hiện hành và yêu cầu thực tiễn vị trí việc làm [HT1.06.04.05; 06]. . Năng lực của nhân viên được đánh giá dựa trên các tiêu chí về trình độ chuyên môn, tinh thần học tập và nâng cao trình độ chuyên môn nhiệm vụ, phẩm chất đạo đức, ý thức tổ chức kỷ luật, tư tưởng chính trị, tác phong lễ lối thực hiện và kết quả thực hiện nhiệm vụ. Các tiêu chí được đưa ra cụ thể và cho điểm rõ ràng làm căn cứ để xác định và đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên [các văn bản đánh giá xếp loại]. Bên cạnh đó, để cải tiến và nâng cao chất lượng phục vụ của đội ngũ nhân viên trong công tác hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu của đội ngũ GV các đơn vị đã chủ trì xây dựng kế hoạch, mẫu phiếu tổ chức lấy ý kiến đội ngũ GV, người học về chất lượng phục vụ của đội ngũ nhân viên, lấy ý kiến về đội ngũ CVHT [HT1.07.03.08]; Tổng hợp kết quả thăm dò sự hài lòng về chất lượng phục vụ của TTTV qua bạn đọc [HT1.07.01.02].

Việc đánh giá năng lực của nhân viên được xét đến trong quá trình làm việc và tiến hành đánh giá định kỳ hàng năm trong tháng 12 trước khi bình xét thi đua khen thưởng hàng năm. Kết quả đánh giá cuối cùng được thể hiện dưới dạng quyết định của Trường. Năng lực của nhân viên hỗ trợ, CBVC được thể hiện thông qua kết quả đánh giá CBVC hàng năm cùng với kết quả thi đua khen thưởng cá nhân và các đơn vị hỗ trợ [kết quả đánh giá CBVC hàng năm].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên một cách cụ thể rõ ràng; hoạt động đánh năng lực của đội ngũ nhân viên được thực hiện công khai, khách quan, công bằng.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa lấy ý kiến để điều chỉnh, cải tiến mẫu phiếu tự đánh giá năng lực thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ nhân viên.

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Khoa còn kiêm nhiệm quá nhiều công việc dẫn đến chưa đạt được hiệu quả như mong muốn.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Nhà trường tiếp tục tổ chức lấy ý kiến tiếp tục hoàn thiện mẫu phiếu tự đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên phù hợp hơn với yêu cầu thực tiễn của nhà trường. Tăng cường các hoạt động nghiên cứu khoa học, sáng kiến kinh nghiệm của đội ngũ nhân viên hỗ trợ.

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Khoa còn kiêm nhiệm quá nhiều công việc, lĩnh vực khác nhau dẫn đến chưa đạt được hiệu quả như mong muốn vì vậy cần sắp xếp lại vị trí việc làm cho phù hợp. Từ năm học 2020-2021, Khoa KHTN đề nghị nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn và nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ, thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu của Khoa và của Trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả

Đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên là hoạt động để duy trì và nâng cao chất lượng đội ngũ, là điều kiện quyết định để Nhà trường nói chung và Khoa KHTN nói riêng có thể khẳng định vị thế trong môi trường cạnh

tranh hiện nay. Vì vậy, công tác đào tạo và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên viên hỗ trợ luôn được Nhà trường, Khoa xác định và có kế hoạch thực hiện nghiêm túc. Nhà trường có chính sách hỗ trợ về thời gian và kinh phí để chuyên viên, nhân viên có thể tham gia các hoạt động phát triển chuyên môn như các khóa học bồi dưỡng ngắn hạn hay dài hạn được thể hiện trong quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm của trường. Để có cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhân viên Nhà trường đã tổ chức khảo sát về nhu cầu đào tạo và bồi dưỡng có kế hoạch thực hiện rõ ràng. Kết quả khảo sát được thể hiện trong báo cáo trình lãnh đạo xem xét để có cơ sở chuẩn bị nguồn lực thực hiện triển khai. Hàng năm, Nhà trường gửi thông báo đến các đơn vị có nhu cầu đăng ký cho nhân viên đi đào tạo, bồi dưỡng. Việc thông báo và cử nhân viên đi đào tạo, bồi dưỡng được thực hiện đúng quy định, công khai rõ ràng. Thông qua việc xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ viên chức hành chính của các đơn vị, Nhà trường triển khai các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, phát triển năng lực chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với nhu cầu của đội ngũ nhân viên [HT1.07.04.01; 02]. Đội ngũ nhân viên của khoa KHTN nói riêng và trường ĐH Hồng Đức nói chung, có đầy đủ năng lực và trình độ chuyên môn để hoàn thành công việc.

Để đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu của người học, Khoa đã xây dựng nhu cầu đào tạo và bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ của đơn vị giai đoạn 2015-2020 được các phòng chức năng thẩm định và ban Giám hiệu phê duyệt ban hành trong nhà trường. [HT1.07.04.02]. Trên cơ sở đó, hằng năm, Khoa và nhà trường đã triển khai kế hoạch về phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên như: tập huấn công tác giáo vụ, công tác kiểm soát tài liệu ISO, bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học, tiếng anh.... [HT1.07.04.03]. Sau khi được tham gia bồi dưỡng, tập huấn các nhân viên của Khoa báo cáo kết quả học tập với lãnh đạo quản lý trực tiếp và văn bằng chứng chỉ được sao lưu gửi Phòng Tổ chức - Hành chính theo quy định của trường.

Kết quả, trong 5 năm qua đội ngũ nhân viên của Trường được cử đi đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ là 205 lượt người, đáp ứng yêu cầu hỗ trợ hoạt động dạy, học của GV và người học [HT1.07.04.04]. Hằng tháng, đội ngũ nhân viên được đánh giá xếp loại [HT1.06.04.06]; cuối năm học được xếp loại viên chức – LĐ [HT1.06.04.05]; [HT1.06.04.06], nhân viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được xem xét khen thưởng [HT1.07.04.05]. Hàng năm khoa và các đơn vị có trách nhiệm đánh giá lại hoạt động đào tạo và phát triển nguồn nhân lực báo cáo Ban Giám hiệu [HT1.07.04.06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường và khoa đã xác định đúng nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên hỗ trợ và được triển khai thực hiện đúng quy hoạch đào tạo bồi dưỡng đã được xác định.

Nhà trường đã có cơ chế chính sách và dành nguồn kinh phí phù hợp đáp ứng yêu cầu học tập bồi dưỡng của đội ngũ nhân viên phục vụ nói riêng và CBGV nói chung.

3. Điểm tồn tại

Tính chuyên nghiệp của đội ngũ nhân viên hỗ trợ còn chưa tương xứng với yêu cầu hội nhập và cạnh tranh.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Khoa KHTN xây dựng kế hoạch đề nghị Nhà trường bồi dưỡng chuyên môn và nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên của Khoa trong tình hình mới

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Nhà trường đã có quy định về chức năng, nhiệm vụ của đội ngũ nhân viên [HT1.06.01.04] để có cơ sở đánh giá hiệu quả và năng lực thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ nhân viên hỗ trợ; nội quy của nhà trường, khu nội trú, phòng học [HT1.07.05.02]. Các quy định về đánh giá, xếp loại, thi đua khen thưởng của nhà trường, của Đảng bộ và các tổ chức chính trị đều được thực hiện rất nghiêm túc và nề nếp [HT1.06.06.01], bản mô tả vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên hỗ trợ được nêu rõ trong Đề án xác định vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức và số lượng người làm việc trong trường Đại học Hồng Đức [HT1.06.01.04].

Các nhân viên hỗ trợ cho công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng hằng kỳ đều có kế hoạch công tác, học tập bồi dưỡng. Trên cơ sở kế hoạch, tình hình thực tế, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ. Về phía nhà trường và khoa KHTN luôn thực hiện việc giám sát và kiểm tra chặt chẽ hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên hỗ trợ hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng khác của GV, người học. Việc theo dõi giám sát hiệu quả công việc của đội ngũ cán bộ hỗ trợ được thực hiện thông qua trưởng bộ phận, đơn vị và phòng Thanh tra giáo dục theo các văn bản quy định của Nhà trường về chức năng, nhiệm vụ, khối lượng công việc của cán bộ hành chính, trợ lý, cán bộ kiểm soát tài liệu và CVHT, quy định của nhà trường, khu nội trú, phòng học,... [HT1.07.05.02].

Việc quản lý công việc và khen thưởng cũng như ghi nhận thành tích của CBVC của Nhà trường được công khai và thực hiện theo quy chế thi đua, khen thưởng [HT1.07.03.01], [HT1.07.03.03]. Nhà trường luôn quan tâm và quản lý chặt chẽ, rõ ràng kết quả công việc của nhân viên, hỗ trợ nhằm tạo động lực cho cán bộ trong quá trình giảng dạy và NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. [HT1.06.04.06]. Kết quả của Hội đồng khen thưởng được công khai rộng rãi trong toàn trường [HT1.07.04.05]. Mức chi khen thưởng tương ứng với thành tích của nhân viên đạt được trong các hoạt động hỗ trợ đào tạo, NCKH và các hoạt động hỗ trợ cộng đồng được nêu chi tiết trong quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm [HT1.02.01.05].

Đặc biệt những nhân viên có thành tích xuất sắc và đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở 2 năm liên tục được xem xét nâng bậc lương trước hạn [HT1.07.05.03].

Công tác đánh giá, phân loại và thi đua khen thưởng của Nhà trường và Khoa KHTN được thực hiện đảm bảo dân chủ, công khai, công bằng, chính xác, khách quan, góp phần giúp đội ngũ này cải thiện hiệu quả công việc được giao. Hàng năm (2015-2020), tất cả các nhân viên thuộc khoa KHTN đều hoàn thành nhiệm vụ, trong mỗi công việc luôn có những suy nghĩ cải tiến để đem lại hiệu quả cao hơn. Mỗi thành viên đều rất cố gắng để hoàn thành nhiệm vụ, thành tích hoạt động đó được thể hiện trong biên bản họp bộ môn thường kì [HT1.07.05.04]. Kết quả công việc của nhân viên Khoa KHTN được đánh giá, khen thưởng và kỷ luật rõ ràng theo đúng quy định nhờ đó đã tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

2. Điểm mạnh

Trên cơ sở vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên được Nhà trường phân công tại Khoa, đã biên chế về các tổ chuyên môn và có cơ chế giám sát chặt chẽ trong việc thực hiện nhiệm vụ, lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ hàng tháng, hàng năm làm thước đo khen thưởng. . Kết quả công việc được đánh giá định kỳ hàng năm, nhờ đó đã tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Chưa có tiêu chí định lượng để đánh giá chất lượng công việc, cũng như có đề nghị các trường hợp khen thưởng theo công việc cụ thể.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2020 - 2021, Nhà trường giao cho phòng chức năng chủ trì nghiên cứu, đề xuất các tiêu chí đánh giá, khen thưởng cụ thể đối với đội ngũ nhân viên, nhằm tạo động lực cho nhân viên trong việc hỗ trợ công tác đào tạo, NCKH và hoạt động cộng đồng.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm

Kết luận về tiêu chuẩn 7

Đội ngũ nhân viên của Nhà trường và Khoa KHTN cơ bản đảm bảo về số lượng và chất lượng, đội ngũ giảng viên, nhân viên được tuyển dụng theo đúng quy trình và công bố công khai. Trường ĐHHĐ tạo mọi điều kiện để giảng viên, nhân viên học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đội ngũ nhân viên của Khoa luôn có tinh thần phục vụ cao và sẵn sàng nhận nhiệm vụ được phân công.

Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành ĐHSP Toán tự đánh giá tiêu chuẩn 7 đạt 5/5 tiêu chí (bình quân đạt 5.4/7 điểm).

Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Mở đầu

Người học của ngành Sư phạm Toán, trường ĐH Hồng Đức được bảo đảm điều kiện thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quyền lợi trong quá trình học tập và rèn luyện; chất lượng người học mang tính quyết định đến toàn bộ quá trình đào tạo của Nhà trường. Chính sách tuyển sinh được được công khai và cập nhật tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh có đầy đủ thông tin để lựa chọn ngành học. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng, đảm bảo tính khách quan, công bằng và minh bạch.

Phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ được Nhà trường thực hiện từ năm 2008, đây là hình thức đào tạo giúp người học có điều kiện tham gia vào tất cả các khâu trong quá trình đào tạo. Để giúp người học trong quá trình học tập tại ngành ĐHSP Toán học, Nhà trường, Khoa Khoa học Tự nhiên và các bộ môn Toán học đã luôn tạo môi trường và những điều kiện tốt nhất nhằm hỗ trợ, giúp đỡ người học như: thực hiện kịp thời các chế độ chính sách, học bổng khuyến khích học tập, học bổng tài trợ, cấp Giấy xác nhận vay vốn tín dụng đào tạo, tổ chức bồi dưỡng kiến thức chuyên môn nghiệp vụ, gặp gỡ, giao lưu với các nhà tuyển dụng và rèn luyện kỹ năng mềm, kỹ năng giao tiếp góp phần nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra.

Sinh viên ngành sư phạm Toán được giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện chặt chẽ bởi một hệ thống phù hợp từ việc áp dụng phần mềm quản lý đến hệ thống giảng viên, cố vấn học tập, trợ lý và cán bộ của Khoa, các tổ chức đoàn thể, các đơn vị liên quan trong Nhà trường.

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, công bố công khai và cập nhật

1. Mô tả

Chính sách tuyển sinh ngành Sư phạm Toán được xác định rõ ràng, được xây dựng và ban hành dựa trên sự góp ý của các bên liên quan và phân tích, dự báo nhu cầu nhân lực dựa trên việc khảo sát các bên liên quan về nguồn nhân lực, quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, chỉ tiêu được giao bởi UBND tỉnh Thanh Hoá và đề án tuyển sinh hằng năm của Nhà trường [HT1.08.01.01], [HT1.08.01.02], [HT1.08.01.03]. Các thông tin tuyển sinh hằng năm [HT1.08.01.04] được công khai trên website của Nhà trường [HT1.01.03.05], trên các trang thông tin tuyển sinh của các phương tiện thông tin đại chúng, báo mạng như Dân Trí, Tuổi Trẻ, Thanh Niên, 24h, ..., cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ngoài ra, trước mỗi kì thi tuyển sinh, Nhà trường, Khoa cũng đã chủ động lập kế hoạch tổ chức các buổi giới thiệu, tư vấn tuyển sinh tại các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá [HT1.08.01.05].

Hình thức, quy trình, chỉ tiêu, tiêu chí, đối tượng tuyển sinh chuyên ngành ĐHSP Toán đều có sự rà soát, điều chỉnh hàng năm và có sự tham gia của CBGV, đơn vị tuyển dụng đóng góp ý kiến [HT1.08.01.10] phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Để công tác tuyển sinh của trường được thực hiện một cách bài bản, hệ thống, ngay từ năm 2010 Nhà trường đã xây dựng và Ban hành Quy trình tuyển sinh phù hợp với yêu cầu thực tiễn [HT1.08.01.09]. Để đảm bảo chất lượng tuyển sinh, Nhà trường không sử dụng phương thức xét tuyển học bạ đối với các ngành sư phạm. Phương thức tuyển sinh ngành Sư phạm Toán gồm: (1) Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT Quốc gia và (2) Tuyển thẳng học sinh đạt giải trong các kỳ thi chọn học sinh giỏi Quốc gia, Quốc tế. Ngoài ra, Nhà trường còn có chính sách khen thưởng và tặng học bổng cho các tân SV đạt kết quả cao trong tuyển sinh của mỗi ngành [HT1.08.01.11], [HT1.08.04.08]. Nhà trường có công bố công khai chính sách tuyển sinh (đối tượng, quy trình thi/xét tuyển, đánh giá đầu vào; đối tượng thi tuyển, xét tuyển; đối tượng ưu tiên, v.v).

Chỉ tiêu tuyển sinh ngành Sư phạm Toán được xác định rõ ràng hằng năm từ 40-70 SV, các mã tổ hợp môn xét tuyển theo các khối A00 (Toán học, Vật lý, Hóa học), A01 (Toán học, Vật lý, Tiếng Anh), A02 (Toán học, Vật lý, Sinh học), D07 (Toán học, Hoá học, Tiếng Anh) và Quy trình xét tuyển được xây dựng một cách rõ ràng từ quy định, nguyên tắc xét tuyển đến hồ sơ đăng ký, thời gian và địa điểm nhận hồ sơ xét tuyển. Chế độ ưu tiên trong tuyển sinh được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Năm 2018, chỉ xét tuyển vào khối ngành sư phạm với những thí sinh có điểm tổng 3 môn từ 17 trở lên. Từ năm 2019, chỉ xét tuyển vào khối ngành sư phạm với những thí sinh có điểm tổng 3 môn từ 18 trở lên. Từ năm 2018, ngoài lớp ĐHSP Toán, Nhà trường tuyển sinh lớp ĐHSP Toán Chất lượng cao với điểm xét tuyển là 24 trong đó điểm môn Toán là từ 8 điểm trở lên.

Trong giai đoạn 5 năm (2014 – 2019), số lượng SV trúng tuyển nhập học ngành SP Toán bình quân khoảng 45 SV/năm và giảm mạnh trong 2 năm gần đây (năm 2017 và năm 2018). Tỷ lệ SV nhập học so với số lượng thí sinh trúng tuyển trung bình đạt khoảng 85-90%, điểm trúng tuyển trung bình của các thí sinh có xu hướng giảm dần (khoảng từ 18 đến 23 điểm). Thực trạng tuyển sinh các lớp sư phạm trong thời gian gần đây của các trường đại học trong cả nước nói chung và Đại học Hồng Đức nói riêng không tích cực. Mặc dù chính sách tuyển sinh phù hợp, số lượng sinh viên tuyển sinh theo học ngành ĐHSP Toán không đạt được chỉ tiêu đề ra. Cụ thể số lượng sinh viên theo học ngành ĐHSP Toán như sau:

Bảng 8.1.1. Tình hình tuyển sinh ngành ĐHSP Toán của Khoa KHTN trong 5 năm qua

Năm	Chỉ tiêu	Số SV trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Số SV nhập học
2015	70	85	20	75
2016	70	37	17	32
2017	50	23	15,5	15
2018	30+20 (CLC)	14	17; (CLC: 24)	7+1 (CLC)
2019	20 + 20 (CLC)	30	18; (CLC: 24)	15+7 (CLC)

(Nguồn: Phòng QLĐT; CT. HSSV)

Số lượng SV trúng tuyển nhập học ngành SP Toán bình quân khoảng 35 SV/năm và giảm mạnh trong 2 năm gần đây (năm 2017 và năm 2018). Tỷ lệ SV nhập học so với số lượng thí sinh trúng tuyển trung bình đạt khoảng 80%, điểm trúng tuyển trung bình của các thí sinh có xu hướng giảm (khoảng từ 15,5 đến 24 điểm)

Tuy nhiên các năm gần đây, số lượng thí sinh tuyển được không đạt chỉ tiêu đạt ra. Đặc biệt, năm 2018 chỉ tuyển được 8 thí sinh, trong đó chỉ tuyển được 01 thí sinh ở lớp ĐHSP Toán Chất lượng cao. Số lượng thí sinh tuyển được giảm, không đạt chỉ tiêu là xu thế chung của các ngành sư phạm trong cả nước trong những năm gần đây. Năm 2019, kết quả có khả quan hơn các năm 2017, 2018. Kết quả tuyển sinh không phản ánh đầy đủ chất lượng đào tạo của Khoa, Nhà trường và không tương xứng với tiềm năng có thể tổ chức đào tạo của Nhà trường và Khoa [HT1.08.01.02].

Qua điều tra, phỏng vấn cho thấy Nhà trường và Khoa đã thực hiện đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền tuyển sinh, bước đầu cho thấy các hình thức tuyên truyền tuyển sinh đã phát huy hiệu quả đặc biệt là hoạt động tuyên truyền tuyển sinh thông

qua việc tuyên truyền tuyển sinh trực tiếp tại các trường trung học phổ thông trong tỉnh, hệ thống Hỏi – Đáp trên website của Nhà trường và sinh viên, cựu sinh viên [HT1.08.01.03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã ban hành quy trình tuyển sinh để thống nhất dùng chung trong toàn trường; Chính sách tuyển sinh của nhà trường mang tính lượng hóa (quy định về số điểm trúng tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh) giúp cho Nhà trường có thể tuyển được thí sinh có kết quả thi tuyển từ cao xuống thấp; chính sách tuyển sinh, chương trình đào tạo còn được công bố công khai dưới nhiều hình thức để các bên có liên quan dễ dàng tiếp cận và cập nhật hằng năm phù hợp với quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Hình ảnh và thông tin về ngành học, về đơn vị đào tạo chưa được hấp dẫn và chi tiết; các hình thức công bố về chính sách tuyển sinh của Nhà trường còn bó hẹp ở công thông tin tuyển sinh trên website của Nhà trường. Chất lượng sinh viên đầu vào không đồng đều gây khó khăn cho giảng viên trong việc tổ chức lớp học.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2020-2021, Nhà trường, Khoa bổ sung thông tin chi tiết về ngành học, chính sách tuyển sinh, vị trí việc làm (nhất là lớp Chất lượng cao) sau khi tốt nghiệp vào Thông báo tuyển sinh nhằm cung cấp cho thí sinh và gia đình thí sinh những thông tin cần thiết về ngành ĐHSP Toán; đăng tải những thông tin liên quan về tuyển sinh trên website của Nhà trường; vào tháng Hai, tháng Ba hằng năm khoa Khoa học Tự nhiên tổ chức gặp gỡ, giới thiệu về ngành đào tạo, thông tin về tuyển sinh của Khoa đến các em học sinh trung học phổ thông; thực hiện khảo sát ý kiến người học về chính sách tuyển sinh của CTĐT ngành ĐHSP Toán. Khoa và Nhà trường sẽ định kỳ khảo sát các bên liên quan về chính sách tuyển sinh cũng như nhu cầu về nguồn nhân lực trước khi công bố chính sách, chỉ tiêu tuyển sinh hằng năm.

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7 điểm.

Tiêu chí 8.2: Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá

1. Mô tả

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được Khoa và Nhà trường xác định rõ trong chương trình đào tạo, Thông báo tuyển sinh, Đề án tuyển sinh chính sách tuyển sinh và được báo cáo đánh giá hàng năm [HT1.08.01.04], [HT1.08.01.02],

[HT1.08.02.06]. Việc xây dựng tiêu chí tuyển sinh được thực hiện nghiêm ngặt, chặt chẽ theo Quy trình tuyển sinh đã được Nhà trường ban hành [HT1.08.01.09]. Quy trình, tiêu chí, hình thức tuyển sinh sau khi rà soát được thống nhất ban hành và công bố trên hệ thống website nhà trường, khoa, qua thông báo tuyển sinh, tờ rơi, qua các cuộc tuyên truyền, tư vấn tuyển sinh của nhà trường [HT1.01.03.05].

Hiện nay Nhà trường, Khoa đang tuyển sinh theo phương thức sử dụng kết quả kỳ thi THPT quốc gia và phương thức sử dụng kết quả học tập 3 năm ở THPT [HT1.08.01.04]. Năm 2015, 2016, ngành ĐHSP Toán tuyển sinh theo phương thức sử dụng kết quả thi THPT quốc gia ở hai tổ hợp Toán – Lý – Hoá và Toán – Lý – Tiếng Anh. Năm 2017, 2018 và 2019, ngành ĐHSP Toán xét tuyển theo phương thức sử dụng kết quả thi THPT quốc gia ở bốn tổ hợp Toán – Lý – Hóa, Toán – Lý – Tiếng Anh, Toán – Lý – Sinh và Toán – Hóa – Tiếng Anh. Đặc biệt từ năm 2018, Nhà trường còn tuyển sinh lớp ĐHSP Toán Chất lượng cao, sử dụng kết quả thi THPT quốc gia ở bốn tổ hợp Toán – Lý – Hóa, Toán – Lý – Tiếng Anh, Toán – Lý – Sinh và Toán – Hóa – Tiếng Anh với điểm xét tuyển từ 24 điểm trở lên, trong đó môn Toán đạt 8 điểm trở lên. Phương pháp và tiêu chí cụ thể, chi tiết được thể hiện đầy đủ trong Đề án tuyển sinh hàng năm [HT1.08.01.02], Thông báo tuyển sinh [HT1.08.01.04].

Thí sinh dự tuyển tra cứu kết quả xét tuyển tại <https://thituyensinh.vn>. Điểm chuẩn đầu vào [HT1.08.02.01] được đăng tải trên website của Nhà trường và các phương tiện thông tin đại chúng, cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Danh sách thí sinh trúng tuyển cũng được đăng tải trên website của Nhà trường [HT1.01.03.05].

Sau khi có kết quả xét tuyển, Hội đồng tuyển sinh của Nhà trường gửi giấy báo đến các thí sinh trúng tuyển ngành ĐHSP Toán để thí sinh chuẩn bị các giấy tờ theo yêu cầu và đến nhập học theo thời gian ghi trong giấy báo [HT1.08.02.02].

Tiêu chí và phương thức tuyển chọn người học được Hội đồng tuyển sinh đại học hệ chính quy của Trường Đại học Hồng Đức đánh giá, rút kinh nghiệm và điều chỉnh, bổ sung kịp thời theo từng năm [HT1.08.01.08]. Để điều chỉnh tiêu chí tuyển sinh, hàng năm khoa đã tổ chức các cuộc họp bàn về công tác tuyển sinh, thông qua cuộc họp CBGV khoa đã tham gia các ý kiến đề nghị điều chỉnh tiêu chí, hình thức tuyển sinh phù hợp với xu hướng đổi mới công tác tuyển sinh của xã hội [HT1.08.02.03]. Tính đến thời điểm hiện nay, Nhà trường chưa nhận được bất kỳ ý kiến nhận xét nào đánh giá không tốt về tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học [HT1.08.02.04].

Khoa, nhà trường đã xây dựng Cơ sở dữ liệu thống kê kết quả tuyển sinh [HT1.08.02.06], qua phân tích cho thấy chất lượng tuyển sinh ngành SP Toán bảo đảm yêu cầu ngưỡng chất lượng [HT1.08.01.06-07].

Hàng năm, trước khi đưa ra tiêu chí và phương pháp tuyển sinh, Khoa và nhà trường có quy trình xây dựng tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học trên cơ sở góp ý của các bên liên quan, bao gồm lãnh đạo nhà trường, toàn thể cán bộ giảng viên trong khoa [HT1.08.02.05].

2. Điểm mạnh

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học của Nhà trường rõ ràng theo quy định của Bộ GD&ĐT và được đánh giá, cập nhật thường xuyên, đảm bảo kết quả thi tuyển khách quan chính xác, tuyển được người học có năng lực toàn diện, có kiến thức về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, ngoại ngữ.

3. Điểm tồn tại

Số thí sinh nhập học so với thí sinh được công nhận trúng tuyển còn thấp, chất lượng đầu vào không đồng đều dẫn đến hoạt động dạy học gặp những khó khăn nhất định.

4. Kế hoạch hành động

Để giải quyết những tồn tại trong công tác tuyển chọn người học, trong kỳ tuyển sinh, từ năm học 2020 - 2021, Nhà trường sẽ theo dõi sát sao tỷ lệ thí sinh trúng tuyển nhập học/trên số lượng thí sinh được công nhận trúng tuyển để có sự điều chỉnh, can thiệp kịp thời; Khoa cùng với nhà trường có các hình thức tuyên truyền phù hợp và hấp dẫn đối với những thí sinh đã được công nhận trúng tuyển vào khoa. Hàng năm cần bổ sung tiêu chí và phương pháp tuyển sinh cho phù hợp, và công tác tuyên truyền TS phải bằng nhiều hình thức, chú trọng việc tham khảo nguyện vọng và ý kiến của người học và các bậc phụ huynh.

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7 điểm.

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.

1. Mô tả

Ngành ĐHSP Toán cùng với các ngành khác của Trường ĐHHĐ bắt đầu chuyển qua hình thức đào tạo tín chỉ từ năm 2008, trong hình thức đào tạo này người học phải hoàn thành 135 tín chỉ (các khóa từ năm 2015), 126 (từ năm 2016), 120 tín chỉ (các khóa từ năm 2017), 121 tín chỉ (các khóa từ năm 2019) trong 4 năm [HT1.01.01.01].

Khoa, nhà trường có hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học được thực hiện chặt chẽ từ cấp Trường đến cấp Khoa, được thể hiện chi tiết trong CTĐT ngành ĐHSP Toán do Trường Đại học Hồng Đức ban hành trên cơ sở Quy chế đào tạo, Quy chế công tác sinh viên, Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của BGD&ĐT và Quy định về đào tạo theo hệ thống tín chỉ, quy định về đánh giá kết quả rèn luyện người học của Nhà trường [HT1.08.03.01].

Hệ thống giám sát được triển khai cụ thể, rõ ràng đến từng lớp sinh viên thông qua hệ thống quản lý từ cấp trường, khoa và lớp SV. Cấp trường: Phòng Quản lý đào tạo, phòng Công tác HSSV; cấp khoa: Lãnh đạo khoa, Bộ môn, Ban chấp hành Liên Chi đoàn, Chi hội SV, CVHT, Trợ lý giáo vụ, Trợ lý Công tác SV; cấp lớp: Ban cán sự lớp, Ban Chấp hành Chi đoàn; ngoài ra, còn có cán bộ quản lý nội trú, cán bộ phụ trách phần mềm quản lý đào tạo và Tổ Cộng tác viên SV thường xuyên theo dõi, giám sát quá trình học tập và rèn luyện của người học. Trong đó CVHT đóng vai trò quan trọng, trực tiếp theo dõi, tư vấn và hỗ trợ người học trong suốt quá trình học tập và rèn luyện [HT1.08.03.02-07], [HT1.04.03.03].

Ngoài hệ thống trên, trong những năm qua, Nhà trường và khoa KHTN đã sử dụng nhiều kênh khác nhau để giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học, như: trang website, facebook, trang fanpage, hộp thư hỏi đáp... thông qua đây, Ban cán sự lớp, Tổ Cộng tác viên SV có thể thông tin kịp thời về tình hình học tập, rèn luyện của người học, các hoạt động phong trào trong lớp với Khoa và Nhà trường...

Việc theo dõi và đánh giá kết quả rèn luyện của SV được thực hiện đúng theo Quy chế, quy định về đánh giá kết quả rèn luyện và quy trình đánh giá kết quả rèn luyện của SV [HT.08.08.08].

Đối với ngành ĐHSP Toán, người học sẽ phải hoàn thành số tín chỉ quy định trong CTĐT đã được phê duyệt trong 4 năm (8 kỳ học chính) với thời gian hoàn thành chương trình tối đa là 6 năm [HT.01.01.03]. Đồng thời Nhà trường có quy định chặt chẽ về ràng buộc thứ tự các môn học (điều kiện tiên quyết), khối lượng học tập tối thiểu mà mỗi sinh viên phải đăng ký trong mỗi học kỳ là 14 tín chỉ, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những sinh viên được xếp hạng học lực bình thường, quy định về học nhanh, học chậm; quy định về mở lớp học phần...[HT1.03.01.02].

Kết quả học tập cuối cùng của một học phần trong chương trình học được đánh giá theo 3 loại thang điểm là thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm bằng chữ (A, B+, B, C+, C, D+, D và F). Các học phần được đánh giá là đạt nếu điểm tổng kết học phần tính theo thang điểm 10 đạt từ điểm 4, thang điểm 4 đạt từ điểm 1, thang điểm

chữ đạt từ điểm D. Trong trường hợp SV không đạt phải đăng ký học lại học phần đó. SV được công nhận tốt nghiệp khi có điểm trung bình chung tích lũy đạt từ 2.0 trở lên theo thang điểm 4 và đạt chuẩn đầu ra của ngành đào tạo được công bố [HT1.03.01.02], [HT1.01.03.05].

Bảng 8.3. Tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên học CTĐT ngành SP Toán từ năm 2016 - 2020

Khóa học	Số lượng SV toàn khóa	Tỷ lệ % người học hoàn thành CTĐT trong thời gian			Ghi chú
		3 năm	4 năm	> 4 năm	
2016 - 2017	59	0	55/59	4/59	K15
2016 - 2017	67	0	54/67	13/59	K16
2017-2018	67	0	58/67	9/67	K17
2018-2019	75	0	51/75	24/75	K18

(Nguồn: Khoa KHTN, phòng Công tác HSSV)

Mỗi học kỳ người học Nhà trường, khoa đã có hệ thống cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến bộ của người học và được cập nhật thường xuyên. Phòng Quản lý đào tạo kết hợp với khoa KHTN quản lý, rà soát sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp, sinh viên chậm tiến độ, SV thôi học hoặc có những vấn đề trong học tập, chưa hoàn thành được các học phần trong CTĐT thì CVHT sẽ gặp gỡ, trao đổi trực tiếp, giúp người học lập kế hoạch học tập tốt hơn để có thể đảm bảo tốt nghiệp đúng theo kế hoạch [HT1.08.03.06], [HT1.08.03.08], [HT1.08.03.09].

Sau khi nhập học, trong tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa, mỗi sinh viên được nhận 01 cuốn Niên lịch đào tạo. Trong cuốn Niên lịch đào tạo có tất cả các nội dung của chương trình đào tạo, chỉ rõ khối lượng kiến thức (số tín chỉ), các học phần phải học và được học trong học kỳ nào. Sau mỗi học kỳ, SV có thể theo dõi kết quả học tập của mình trên trang các nhân. Căn cứ vào các thông tin trên, SV sẽ quyết định đăng ký các học phần ở kỳ tiếp theo cho phù hợp.

Khi SV gặp khó khăn trong tiến trình học tập, Trợ lý CT HS-SV cùng với CVHT sẽ tìm hiểu nguyên nhân. Nếu SV còn lười học thì trao đổi và động viên để SV chịu khó học tập hơn. Nếu về khả năng còn hạn chế thì tư vấn cho SV về phương pháp học tập và đăng ký khối lượng kiến thức phù hợp. Nếu khó khăn về tài chính thì tư vấn cho SV làm đơn trợ cấp khó khăn gửi lên Phòng CT HS-SV của Nhà trường.

Nếu sinh viên có kết quả học tập từ trung bình trở lên thì sinh viên đăng ký các môn học theo niên lịch, không nên đăng ký học vượt.

Nếu sinh viên có kết quả học tập chưa tốt, sau khi tìm hiểu nguyên nhân, CVHT có thể tư vấn cho sinh viên đăng ký số lượng học phần ít hơn so với quy định.

Nếu hoàn cảnh gia đình và điều kiện của bản thân có những khó khăn tạm thời thì CVHT có thể tư vấn cho sinh viên tạm nghỉ học 1 kỳ hoặc 1 năm (ví dụ: sinh viên Thảo A Cựa-lớp 17B ĐHSP Toán).

Nếu sinh viên có ý định học một ngành khác hoặc đi làm, thì sau khi trao đổi với sinh viên, CVHT có thể tư vấn cho sinh viên làm đơn xin thôi học (trường hợp này chưa có).

Nếu sinh viên có kết quả học tập tốt, kết hợp với khả năng và điều kiện của bản thân thì CVHT có thể tư vấn cho sinh viên đăng ký học vượt hoặc học ngành 2.

Trong các học phần tự chọn, sau khi giới thiệu cho sinh viên nội dung của từng học phần và tùy theo khả năng của bản thân, sinh viên sẽ tự chọn môn học. Tuy nhiên, học phần được chọn là học phần được số đông người chọn.

Trợ lý CT HS-SV và CVHT tìm hiểu lý do khiến SV chậm tiến độ thông qua trao đổi trực tiếp và các GV giảng dạy các học phần mà SV đạt kết quả yếu, kém. Nguyên nhân chủ yếu là: Một số SV còn lười học, một số khác do điều kiện gia đình phải đi làm thêm nhiều để cải thiện cuộc sống.

Đối với SV năm thứ nhất, Nhà trường và Khoa chưa có điều kiện để tìm hiểu một cách đầy đủ. Tuy nhiên, Nhà trường và Khoa luôn biết trước các khó khăn trong học tập của SV, đó là khối lượng kiến thức nhiều hơn, khó hơn, dẫn đến phương pháp học tập cần phải thay đổi.

Trong thời gian làm khóa luận tốt nghiệp, khó khăn chủ yếu của SV là tài liệu. Khoa đã giao cho các GVHD cung cấp cho SV tương đối đầy đủ.

Thông tin về quá trình học tập và rèn luyện của người học được thông báo đến từng người học sau khi kết thúc từng học kỳ và được cập nhật trong sổ công tác người học của từng lớp SV, trên phần mềm quản lý đào tạo, website của Nhà trường, Khoa; ngoài ra, người học có thể nắm bắt thông tin về kết quả học tập và rèn luyện thông qua các buổi sinh hoạt nhóm, giao ban công tác SV [HT1.08.03.10].

Đối với những sinh viên có kết quả học tập yếu, CVHT và trợ lý QLHSSV sẽ gặp các SV thuộc diện trên để tìm hiểu nguyên nhân và tư vấn cho họ phương pháp cải thiện kết quả học tập. Nhờ thực hiện tốt công tác hỗ trợ SV mà hằng năm tỷ lệ SV của khoa được khen thưởng, nhận học bổng từ Nhà trường, cũng như các nguồn tài trợ khác luôn ở mức cao, đây cũng là phần thưởng cũng vừa là động lực để thúc đẩy SV của ngành SP Toán phấn đấu ngày một tốt hơn [HT1.08.04.07].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã hình thành được một hệ thống giám sát sự tiến bộ của người học về kết quả học tập, rèn luyện chặt chẽ từ cấp Trường đến cấp Khoa; những quy định về cách tính điểm học tập thể hiện rõ trong đề cương chi tiết học phần, cách tính điểm rèn luyện rất công khai minh bạch và thực hiện nghiêm túc theo quy định. Kết quả học tập, rèn luyện của người học được lưu giữ, cập nhật và theo dõi chặt chẽ, có những tư vấn hỗ trợ kịp thời giúp người học phấn đấu trau dồi chuyên môn, tăng cường kỹ năng sống, có trách nhiệm với bản thân và cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù có hệ thống giám sát, theo dõi quá trình học tập, rèn luyện của người học chặt chẽ nhưng vẫn còn số ít người học nợ môn học phần sau khi kết thúc khóa học hoặc kết quả học tập, rèn luyện ở từng học kỳ, năm học chưa cao, một phần do năng lực và ý thức của bản thân hạn chế. Mặt khác, mỗi CVHT chịu trách nhiệm tư vấn, hỗ trợ về học tập, rèn luyện cho 70-279 người học dẫn đến việc tư vấn, hỗ trợ cho người học còn nhiều hạn chế, kết quả đạt được chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 20202021, Khoa KHTN tăng cường công tác theo dõi, giám sát, đặc biệt là công tác CVHT, nâng cao chất lượng đội ngũ CVHT và giảm số lượng SV được giao cố vấn trên một giảng viên (phần đầu mỗi CVHT phụ trách cố vấn cho 30-40 SV) để có tư vấn, định hướng nghề nghiệp cho từng người học hiệu quả hơn.

Tăng cường phối hợp giữa đội ngũ CVHT, Trợ lý QL HSSV của Khoa với phòng QLĐT, phòng Công tác SV của Khoa phối hợp với phòng QLĐT, phòng Công tác HSSV thực hiện gửi thông tin cho những người học chưa tốt nghiệp đúng thời hạn thông qua facebook, trang fanpage, điện thoại, email cá nhân để nhắc nhở và tư vấn giúp người học sớm hoàn thành CTĐT.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm

Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.

1. Mô tả

Mỗi năm học, Nhà trường tổ chức Hội nghị tổng kết công tác CVHT, nhằm tổng kết các kết quả đạt được: mặt mạnh, mặt còn hạn chế. Trên cơ sở đó đề ra phương hướng hoạt động trong năm học tới.

Phòng Công tác HSSV với chức năng là bộ phận chuyên trách đảm nhiệm việc tư vấn, hỗ trợ các hoạt động học tập, NCKH, sinh hoạt... cho người học [HT1.08.03.03]. Bên cạnh đó, mỗi ngành học của mỗi khóa đều có ít nhất 01 giảng viên có kinh nghiệm đảm nhận nhiệm vụ CVHT và được kiện toàn hàng năm để nâng cao chất lượng hoạt động hỗ trợ người học [HT1.08.03.05].

Các CVHT làm việc theo quyết định về chức năng, nhiệm vụ, thời gian làm việc, nội dung làm việc và quyền hạn của CVHT của nhà trường [HT1.08.03.04].

Người học được tư vấn, hỗ trợ kịp thời và có hiệu quả trong suốt quá trình học tập và sinh hoạt ngoại khóa [HT1.08.03.06]

Nhà trường, khoa KHTN đã thực hiện giới thiệu về Khoa, CTĐT ngành ĐHSPToán, về đội ngũ giảng viên và hệ thống hỗ trợ học tập cho người học thông qua Tuần sinh hoạt Công dân HSSV đầu khóa [HT1.08.04.01]. Giữa học kỳ, nhà trường thực hiện tổ chức đối thoại giữa Hiệu trưởng với người học thông qua 3 cấp: cấp lớp, cấp khoa và cấp trường nhằm thu thập thông tin phản hồi về hệ thống quản lý của Khoa và Nhà trường, từ đó có giải pháp đồng bộ, giải quyết thỏa đáng các kiến nghị đề xuất của người học và sự hài lòng của người học về chất lượng các hoạt động hỗ trợ, phục vụ của đội ngũ CBVC-LĐ trong trường, chất lượng các loại hình và dịch vụ trong trường... Kết quả đối thoại cho thấy về cơ bản người học cơ bản hài lòng về hệ thống quản lý và các hoạt động hỗ trợ người học của Nhà trường, Khoa [HT1.08.04.02].

Trong các buổi sinh hoạt, CVHT hướng dẫn cho người học thực hiện các quy chế, quy định; khuyến khích người học tham gia các hoạt động ngoại khóa, các câu lạc bộ học thuật, nghiên cứu khoa học, rèn luyện các kỹ năng: thu thập, xử lý thông tin, thuyết trình, soạn giáo án, kỹ năng đứng lớp, tiếp cận các trường phổ thông; tham gia các hoạt động văn, thể, mỹ bổ ích như: thăm quan danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử; tham gia các hoạt động tình nguyện, hiến máu nhân đạo, văn nghệ, thể thao, bóng đá, các câu lạc bộ, nghiên cứu khoa học và vay vốn tín dụng...[HT1.06.02.12], [HT1.08.04.03], [HT1.08.04.04].

Hàng năm, Phòng QL HS-SV có các báo cáo về công tác tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác. Trên cơ sở đánh giá, phân tích các mặt còn hạn chế, Khoa sẽ đề nghị các Phòng, Ban chức năng liên quan xem xét(Chủ yếu về Tài liệu dùng để học tập và kết quả học tập còn chưa kịp thời).

Khi có kết quả học tập, rèn luyện, những người học có kết quả chưa đạt yêu cầu, CVHT bố trí lịch để có buổi tư vấn riêng [HT1.08.03.06].

Quá trình học tập của người học được tư vấn đăng ký học phần phù hợp; tiến độ học nhanh, học chậm; phương pháp học tập, tìm kiếm và xử lý thông tin; phương pháp

NCKH...[HT1.08.03.06]. Các học phần có bố trí thời lượng thực tế, kiến tập môn học, cũng như người học đi thực tập tốt nghiệp Khoa và Nhà trường phối hợp với Sở GD&ĐT, các trường THPT bố trí địa điểm kiến tập, thực tập, thành lập ban chỉ đạo, cung cấp đầy đủ các tài liệu, mẫu biểu và yêu cầu về kết quả thực hiện [HT1.04.02.03]. Đối với những người học tham gia NCKH, làm khóa luận tốt nghiệp Khoa và Nhà trường phân công giảng viên hướng dẫn từ khi lựa chọn hướng nghiên cứu đến khi thực hiện và báo cáo kết quả [HT1.04.03.02].

Để giúp người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện, có kỹ năng xin được việc làm sau khi tốt nghiệp thì ngoài việc giảng dạy trên lớp và giám sát sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện của người học, Nhà trường đã kịp thời khen thưởng, tìm kiếm nhiều nguồn học bổng tài trợ như quỹ “Doãn Tới”, học bổng ANNORA, KOVA, giải thưởng Lê Khả Phiêu,... để trao cho người học có thành tích cao trong học tập, rèn luyện và NCKH nhằm khuyến khích kịp thời người học [HT1.08.04.07]. Hoạt động thiện nguyện được nhiều sinh viên tham gia như các chương trình quyên góp giúp đỡ đồng bào, học sinh vùng lũ lụt, thiên tai tại Quan Hóa, Lang Chánh, chương trình chung tay đẩy lùi dịch bệnh COVID 19... Hàng năm, SV của khoa luôn tích cực tham gia hiến máu tình nguyện do Đoàn trường tổ chức [HT1.06.02.12], [HT1.08.04.04].

Sau mỗi năm học, Khoa sẽ lập DS đề nghị các SV được trao học bổng khuyến khích học tập và DS các SV được khen thưởng trong các hoạt động như: phong trào SV tình nguyện, hoạt động Đoàn.

Kết quả lấy ý kiến người học của CTĐT ngành ĐHSP Toán cho thấy trên 90% ý kiến hài lòng và rất hài lòng về hoạt động tư vấn, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác của CBGV trong khoa và nhà trường đã giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học [HT1.08.04.09]. [HT1.08.04.10].

2. Điểm mạnh

Nhà trường, Khoa KHTN đã cung cấp đầy đủ thông tin cho người học về nhà trường, khoa và CTĐT ngành ĐHSP Toán; kịp thời giải quyết các ý kiến kiến nghị của người học thông qua các hội nghị đối thoại ở các cấp; người học dễ dàng tiếp cận và áp dụng hiệu quả thông tin tư vấn, hỗ trợ trong học tập, NCKH và sinh hoạt ngoại khóa.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động khảo sát lấy ý kiến người học về hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ người học chưa được thực hiện đều đặn hàng năm; Công tác tư vấn, hướng dẫn người học có khả năng học nhanh, cũng như những người học chậm

tiến độ chưa được thường xuyên nên ngành học chưa có người học tốt nghiệp trước thời hạn và vẫn còn người học chưa thể tốt nghiệp theo khóa học do còn nợ học phần.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, Nhà trường, Khoa định kỳ lấy ý kiến người học về các hoạt động ngoại khóa, hoạt động hỗ trợ người học trong học tập, sinh hoạt và tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp...; Khoa và Nhà trường chủ động lấy ý kiến người học để kịp thời điều chỉnh, cải tiến hình thức triển khai nhằm phát huy tối đa hiệu quả của hoạt động hỗ trợ, tư vấn người học, tăng tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo.

Tiếp tục tổ chức các hoạt động rèn luyện, nâng cao kỹ năng của SV bao gồm các kỹ năng mềm (giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm) và các kỹ năng cứng thông qua các hoạt động của CLB và của Đoàn, Hội [HT1.08.04.03].

5. Tự đánh giá: Đạt mức 6/7 điểm

Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.

1. Mô tả

Nhà trường, khoa KHTN luôn quan tâm đến môi trường đảm bảo xanh - sạch - đẹp, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Trường có không gian thoáng đãng, sạch sẽ, tiện lợi với nhiều cây xanh, có vườn hoa, tượng đài, ghế đá, khu tập luyện thể thao gồm sân bóng đá với sân cỏ tự nhiên đảm bảo chất lượng, bóng đá mini, sân bóng chuyền, bóng rổ, bóng ném, cầu lông, tennis, nhà tập luyện bóng bàn có công năng sử dụng cho luyện tập thể dục thể thao, nhà tập luyện thể dục thể hình, hội trường lớn cho các hoạt động chung. Bên cạnh đó, khu hiệu bộ, giảng đường, các phòng, khoa,... ký túc xá được bố trí khoa học, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH của CTĐT. Mỗi tòa nhà, khu vực được phân bổ cho từng khoa. Vì vậy sinh viên và giảng viên dạy các môn chuyên ngành của khoa không tốn nhiều thời gian và công sức để di chuyển. Nếu sinh viên có thắc mắc hoặc cần giải đáp thì đến văn phòng khoa hoặc các phòng làm việc các bộ môn của khoa trong cùng một tòa nhà để liên hệ rất thuận tiện [HT1.08.05.01 - 03].

Sinh viên ngành SP Toán được hỗ trợ bởi các cơ sở vật chất phục vụ cho việc học tập như hệ thống thư viện, trang thiết bị học tập ngày càng được hoàn thiện, hiện đại hoá, đáp ứng yêu cầu đào tạo nhằm tạo cơ hội cho sinh viên ngành SP Toán tiếp cận với thực tiễn trong hoạt động đào tạo và NCKH. Nhà trường ban hành các bảng/biên phổ biến nội quy, quy định trong trường học cho sinh viên vào đầu khóa học

tuần công dân [HT1.08.04.01], có các nội quy giảng đường, nội quy Thư viện và nội quy KTX [HT1.08.04.05], quy định văn hóa ứng xử tại nhà ăn [HT1.08.04.06].

Nhà trường, khoa KHTN, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, Liên Chi đoàn, Chi hội sinh viên khoa thường xuyên tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao, an toàn giao thông, cuộc thi rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, các hoạt động văn thể mỹ,... và nhiều cuộc thi bổ ích khác để tạo sân chơi lành mạnh, rèn luyện thể lực cho SV, tăng cường tinh thần giao lưu, đoàn kết trong cộng đồng SV trong trường [HT1.08.05.04].

Sức khỏe là yếu tố quan trọng để người học thực hiện được nhiệm vụ học tập và NCKH của mình. Chính vì vậy, Trạm y tế đã duy trì tổ chức hoạt động khám sức khỏe cho SV mới nhập học, khám sức khỏe định kỳ hàng năm và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho sinh viên [HT1.08.05.05].

Việc tham gia bảo hiểm y tế hàng năm của sinh viên ngành ĐHSP Toán đạt 100% đúng theo yêu cầu và thời gian quy định của khoa KHTN cũng như của nhà trường. Đặc biệt, trong thời gian diễn ra dịch Covid – 19, toàn thể sinh viên của khoa KHTN nói chung, sinh viên ngành ĐHSP Toán nói riêng đã phối hợp với Trạm y tế thực hiện nghiêm túc mọi quy định của khoa và nhà trường đề ra, nâng cao tinh thần trách nhiệm phòng chống dịch bệnh ở trường học và ở tại địa phương của sinh viên.

Công tác vệ sinh, an toàn thực phẩm tại các Căng tin phục vụ SV của Nhà trường luôn thường xuyên quan tâm [HT1.08.05.09].

Hàng năm, nhà trường đều mời Công an PCCC đến trường tiến hành các buổi tập huấn, diễn tập phòng chống cháy nổ cho CBVC-LĐ và SV [HT1.08.05.06], tại khu giảng đường, phòng học, phòng làm việc của khoa, bộ môn, phòng chờ giáo viên, trung tâm thư viện, khu nội trú,... và khu hiệu bộ các thiết bị phòng cháy chữa cháy được trang bị đầy đủ kèm theo tiêu lệnh và nội quy phòng cháy chữa cháy được niêm yết tại nơi thuận tiện, công an PCCC tỉnh Thanh Hóa định kỳ kiểm tra và đánh giá cao về mức độ an toàn [HT1.08.05.07].

Để đảm bảo an ninh trật tự và an toàn trong trường học, Ban bảo vệ phân công trực 24/24 với con số thường trực đủ đảm bảo cho hoạt động bảo vệ an ninh trật tự, an toàn cho người và cơ sở vật chất trong khuôn viên toàn trường [HT1.08.05.08]. Ngoài ra, hệ thống điện chiếu sáng được lắp đặt theo thiết kế đảm bảo trong toàn khuôn viên trường được chiếu sáng đầy đủ đảm bảo an toàn cho người học đi lại vào ban đêm và việc quản lý tài sản của nhà trường.

2. Điểm mạnh

Môi trường cảnh quan nhà trường đảm bảo thuận tiện cho công tác đào tạo; đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn về người và tài sản trong toàn bộ khuôn viên trường;

môi trường sư phạm đảm bảo xanh, sạch và đẹp, SV khoa KHTN được phát triển đầy đủ cả về thể chất và tinh thần, phát huy tính chủ động trong học tập và NCKH. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan cho SV luôn được Khoa và Nhà trường quan tâm góp phần nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo và NCKH.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan về cảnh quan sư phạm của Nhà trường còn chưa liên tục.

Một vài bình PCCC, vòi nước phục vụ công tác PCCC kém hiệu lực, hiệu quả hoạt động.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2020-2021, Nhà trường giao cho phòng CTHSSV tiếp tục rà soát, bổ sung nội dung lấy ý kiến người học về môi trường sư phạm vào phiếu lấy ý kiến về chất lượng quá trình đào tạo và triển khai kế hoạch lấy ý kiến đánh giá về cảnh quan sư phạm nhằm bổ sung nguồn cung cấp thông tin hữu ích để Nhà trường điều chỉnh các hoạt động đảm bảo tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, NCKH và sự thoải mái cho người học.

Định kỳ, kiểm tra tính hiệu lực hiệu quả của hệ thống thiết bị phòng cháy chữa cháy, Nhà trường sẽ tiếp tục đầu tư và trang bị bổ sung đầy đủ các thiết bị phòng cháy chữa cháy đến từng phòng học, tiếp tục phổ biến đầy đủ các quy định, quy chế an toàn an ninh cho toàn thể cán bộ, GV, SV trong Trường được biết.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí Đạt mức 6/7 điểm.

Kết luận về tiêu chuẩn 8

Chính sách tuyển sinh, phương pháp tuyển chọn người học được Khoa, Nhà trường công bố công khai cập nhật thường xuyên và thực hiện đúng theo quy chế tuyển sinh đã ban hành. Từ khi nhập học cho đến khi kết thúc quá trình học tập, người học luôn được tư vấn, hỗ trợ kịp thời để giải quyết những khó khăn gặp phải, một hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện đã được xây dựng và công bố công khai, khối lượng học tập được phân bổ đồng đều giữa các năm giúp người học không bị quá tải ở một kỳ. Môi trường tâm lý xã hội tích cực, cảnh quan nhà trường sạch đẹp..., đã phát huy sự sáng tạo và sự thoải mái trong tâm trí của người học. Tuy nhiên vẫn còn những hạn chế cần chú ý, việc chuyển đổi hình thức tuyển sinh sang hình thức thi đánh giá năng lực cũng đã tạo nên một số vấn đề trong công tác tuyển sinh như số lượng người học nhập học hoặc số lượng người học tốt nghiệp chậm tiến độ. Khoa cũng chưa có những chiến lược tốt để thu hút học sinh giỏi vào học tại khoa.

Vì vậy, trong những năm học tới khoa cần có những chiến lược tốt hơn nữa để phát huy những thành tích đã đạt được và các giải pháp mang tính đồng bộ giải quyết những vấn đề còn tồn đọng, chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học được nâng cao, góp phần xây dựng Khoa và nhà trường ngày càng phát triển.

Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành ĐHSP Toán tự đánh giá tiêu chuẩn 8 đạt 5/5 tiêu chí (bình quân đạt 5,4/7 điểm)

Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu

Nhà trường và Khoa KHTN luôn đảm bảo điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy - học để tổ chức hoạt động đào tạo và NCKH; điều này được thể hiện qua hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành, hệ thống tài liệu, tư liệu khoa học chuyên ngành và khu vực tài liệu tham khảo dành riêng cho ngành ĐHSP Toán học tại Thư viện, Thư viện điện tử của Nhà trường; Hệ thống công nghệ thông tin hiện đại hỗ trợ tốt các nhu cầu học tập, giảng dạy, NCKH. Nhà trường có nhà luyện tập thể dục, thể thao và các sân bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ, thuận lợi cho CB, GV và SV rèn luyện sức khỏe. Các chính sách và quy định về bảo vệ an toàn, sức khỏe và môi trường được xây dựng, triển khai tạo môi trường tốt nhất cho CB, GV và SV làm việc và học tập, nghiên cứu. Trong những năm qua, cán bộ giảng viên và người học của Khoa đã quản lý, khai thác và sử dụng có hiệu quả hệ thống cơ sở vật chất hiện có, đáp ứng yêu cầu của người học ngành ĐHSP Toán học nói riêng và các ngành, bậc đào tạo khác trong Khoa nói chung.

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả

Khoa KHTN có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với đầy đủ các trang thiết bị hiện đại và đảm bảo diện tích/người học theo quy định để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH, cụ thể: Khoa KHTN được Nhà trường giao quản lý và sử dụng chung khu nhà A6 cơ sở Chính với Khoa KHXX, trong đó của riêng Khoa KHTN gồm: 22 phòng học thuộc dãy phía Bắc và 14 phòng làm việc (Phòng Trưởng Khoa, Phó Khoa, Phòng bộ môn, Phòng giáo vụ, Văn phòng Khoa, Phòng QLHSSSV) và 16 phòng thí nghiệm ở dãy nhà phía Đông. Tính riêng các phòng học được Nhà trường giao cho Khoa ở dãy nhà A6 thì tổng diện tích 22 phòng học x 85.2 m² = 1874m². Do đó, diện tích quy đổi trên người học cao hơn so với quy định chuẩn quốc gia đối với cơ sở giáo dục đại học ở Thông tư Số: 24 /2015/TT-BGDĐT ngày 23/09/2015) [HT1.09.01.03]. Như vậy, Khoa có đầy đủ các phòng học

chuyên môn, phòng học chung, phòng học tiếng, phòng thực hành tin học, phòng tập giảng và phòng cinema, hội thảo với đầy đủ trang thiết bị phục vụ người học. Cơ sở vật chất được định kỳ kiểm kê, sửa chữa, bảo dưỡng, nâng cấp, đầu tư và phát triển nhằm phục vụ tốt hơn nhiệm vụ dạy - học và NCKH. Hằng năm, nhà trường có lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan để điều chỉnh, hoàn thiện cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và NCKH.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống phòng làm việc, phòng học, giảng đường được trang bị đầy đủ về số lượng và chất lượng, trang thiết bị điện, bàn ghế đáp ứng yêu cầu đào tạo. Thực tế, trong những năm gần đây vẫn tiếp tục được xây mới và bổ sung.

3. Điểm tồn tại

Một số trang thiết bị trong phòng học nhiều lúc còn hoạt động chưa đảm bảo phần nhiều ảnh hưởng tới người học

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Khoa đề xuất nhà trường thay mới, hoặc có kế hoạch sửa chữa kịp thời các trang thiết bị ,bị hỏng tại các phòng học để phục vụ tốt nhất công tác dạy và học.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/ 7 điểm

Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả

Thư viện Trường hiện được bố trí ở 2 cơ sở, có tổng diện tích là 2000 m², gồm 15 phòng làm việc, phòng đọc 500 chỗ ngồi, có 4 máy chủ dùng để cài đặt Website và các phần mềm dùng chung của Nhà trường, với hệ thống 80 máy tính, được kết nối mạng LAN và mạng Internet, đáp ứng được nhu cầu khai thác tài liệu của CB, GV, SV và học viên [HT1.09.02.01-02]. Trang thiết bị hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu thường xuyên được lấy ý kiến đánh giá đối với người sử dụng [HT1.09.02.04].

Thư viện có đầy đủ nội quy phòng đọc, nội quy mượn, nội quy phòng máy tính được dán ngay ở lối ra vào các phòng, các văn bản quy định về quản lý, khai thác sử dụng thông tin, tài liệu và hướng dẫn quản lý, khai thác, sử dụng thông tin, tài liệu; toàn bộ nguồn học liệu thư viện được trang bị phần mềm Libol 6.0 để quản lý và đưa lên website để bạn đọc dễ tìm kiếm, tra cứu [HT1.09.02.06]. Thư viện mở cửa từ thứ hai đến thứ bảy, hai buổi mỗi ngày, phục vụ tốt nhu cầu của cán bộ giảng viên và người học [HT1.09.02.07].

Thư viện cung cấp khá đầy đủ giáo trình, tài liệu, sách tham khảo phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Trong những năm gần đây, nguồn học liệu của Trung tâm không ngừng được bổ sung và đa dạng hóa. Hiện tại, Trung tâm đang phục vụ 15.397 đầu sách với số lượng 154.935 bản, 2870 trong đó có trên 200 giáo trình, tài liệu tham khảo, luận án, luận văn, khóa luận tốt nghiệp được sử dụng trong giảng dạy và nghiên cứu phục vụ chương trình đào tạo ngành ĐHSP Toán [HT1.01.02.03], [HT1.09.02.03].

Hàng năm, tham khảo các ý kiến đánh giá/phản hồi của người học, GV và các bên liên quan về mức độ phù hợp của thư viện và các nguồn học liệu trong việc hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu [HT1.09.02.04]. Nhà trường luôn rà soát lại hệ thống tài liệu, giáo trình học tập để xây dựng kế hoạch mua bổ sung các tài liệu, giáo trình, tạp chí chuyên ngành phục vụ yêu cầu ngày càng cao trong đào tạo và NCKH [HT1.09.02.08-14]. Nhờ đó nguồn học liệu, giáo trình, tài liệu, sách tham khảo của Trung tâm Thư viện luôn được cập nhật đáp ứng đồng đảo nhu cầu học tập, nghiên cứu của GV và SV [HT1.09.02.15].

Ngoài ra, để tăng cường số lượng đầu sách phục vụ cho hoạt động đào tạo và NCKH của ngành ĐHSP Toán học, Khoa KHTN, các bộ môn Toán đã sưu tầm, tập hợp các loại giáo trình, tài liệu, tạp chí chuyên ngành bổ sung vào tủ sách chuyên ngành tại bộ môn, Khoa để giảng viên và người học tham khảo thêm [HT1.09.02.16].

2. Điểm mạnh

- Thư viện hiện nay đã được đầu tư mới với kiến trúc hiện đại của một thư viện mở, diện tích sử dụng rộng rãi. Nội thất thư viện được thiết kế mới, bố trí khoa học phù hợp cho nhiều đối tượng người dùng.

- Thư viện được lắp đặt hệ thống mạng nội bộ hiện đại kết nối với bên ngoài qua hệ thống cáp quang tốc độ cao. Hệ thống máy chủ hiện đại và đường truyền băng thông rộng đảm bảo kết nối khai thác và chia sẻ dữ liệu với hệ thống thư viện đại học và các trung tâm dữ liệu KHCN trong nước.

3. Điểm tồn tại

Một số giáo trình, tài liệu chuyên ngành Toán chưa được bổ sung kịp thời nhất là đối với một số tài liệu bằng tiếng Anh, nguồn tài liệu nội sinh chưa phong phú; chưa liên kết sử dụng chung nguồn tài liệu với các trường đại học khác trong và ngoài nước.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Nhà trường đưa vào sử dụng tòa nhà của Trung tâm Thư viện tại cơ sở Chính với đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại.

Bổ sung kịp thời các giáo trình, tài liệu chuyên ngành Toán khoa KHTN, những đầu sách tham khảo cần thiết, đặc biệt là sách mới xuất bản, CSDL điện tử, phần mềm dùng chung, nâng cao hiệu quả khai thác sử dụng hệ thống tài liệu số tại website Tailieu.vn; liên kết sử dụng chung nguồn tài liệu chuyên ngành Toán với các trường đại học khác trong và ngoài nước đáp ứng nhu cầu đào tạo và NCKH

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7 điểm.

Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả

Khoa KHTN được Nhà trường giao quản lý và sử dụng chung khu nhà A6 cơ sở Chính với Khoa KHXH, gồm 16 phòng Thí nghiệm - Thực hành, [HT1.09.01.01-02]. Các phòng tập giảng, hội thảo và các phòng học tiếng, thực hành tin học ở các khoa Ngoại ngữ, khoa CNTT (được trang bị đầy đủ máy móc, thiết bị) [HT1.09.01.02-03].

Nhà trường luôn quan tâm đến hiệu quả công tác quản lý, sử dụng các phòng thực hành và trang thiết bị nhằm phục vụ tốt nhất công tác học tập, giảng dạy và NCKH. Tại các phòng thực hành có tài liệu hướng dẫn, nội quy và các sổ theo dõi sử dụng (nhật ký sử dụng trang thiết bị) [HT1.09.03.01-02]. Các trang thiết bị trong phòng thực hành luôn được vệ sinh, lau chùi, duy tu, bảo dưỡng định kỳ, nâng cấp đáp ứng yêu cầu về đào tạo và NCKH của người học trong khoa nói chung và của ngành ĐHSPT Toán học nói riêng. [HT1.09.01.03-04]

Nhà trường giao cán bộ phụ trách kỹ thuật phòng thực hành, thí nghiệm có trách nhiệm đóng mở cửa đảm bảo đúng nội quy của phòng thí nghiệm - thực hành [HT1.09.03.01], theo dõi tình hình hoạt động của các trang thiết bị, máy móc tại phòng thực hành, thí nghiệm và ghi chép vào Sổ nhật ký hằng ngày [HT1.09.03.02] và báo cáo đánh giá hiệu quả việc sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị [HT1.09.03.03].

Hằng năm, Khoa xây dựng kế hoạch đề nghị nhà trường mua mới, bổ sung và nâng cấp nhằm thay thế các trang thiết bị đã hỏng [HT1.09.03.04]. Nhà trường bố trí thẩm định, sửa chữa, đầu tư, nâng cấp các thực hành cho phù hợp với nhiệm vụ, kế hoạch, quy mô đào tạo theo đúng quy trình [HT1.09.03.05]. Qua đó, mua sắm cập nhật các trang thiết bị phục vụ giảng dạy và NCKH [HT1.09.03.04].

Định kỳ, Nhà trường tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi của CB, GV, người học về mức độ hài lòng của CB, GV trong trường đối với các hoạt động của phòng Quản trị - vật tư, thiết bị. GV và SV đều đánh giá đáp ứng tốt và rất tốt với tỷ lệ trên 90% [HT1.09.03.06].

2. Điểm mạnh

Các phòng thí nghiệm, thực hành của khoa KHTN được trang bị đầy đủ trang thiết bị hiện đại, luôn đảm bảo đủ ánh sáng tự nhiên, thoáng mát, an toàn, phục vụ tốt cho chương trình đào tạo của khoa nói chung, ngành ĐHSP Toán học nói riêng.

3. Điểm tồn tại

Một số trang thiết bị ở một số phòng học, thiết bị ghi hình các buổi tập giảng của SV chưa được bổ sung, ít nhiều ảnh hưởng đến quá trình đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Nhà trường giám sát chặt chẽ hơn việc vận hành, sử dụng, khai thác trang thiết bị tại các phòng thí nghiệm, thực hành, phòng học để nâng cao hiệu quả sử dụng, đầu tư sửa chữa, nâng cấp kịp thời các trang thiết bị xuống cấp, hư hỏng để phục vụ tốt nhất quá trình đào tạo và NCKH của người học và giảng viên.

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7 điểm.

Tiêu chí 9.4: Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động dạy và học, nghiên cứu khoa học

1. Mô tả

Hệ thống CNTT của Nhà trường đã được tập trung đầu tư và có khả năng đáp ứng khá tốt nhu cầu giảng dạy, đào tạo và NCKH của Khoa cũng như Nhà trường. Nhà trường đã trang bị hệ thống công nghệ thông tin phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH của giảng viên và người học trong toàn trường, như: Phần mềm quản lý đào tạo; phần mềm chấm thi trắc nghiệm VTS; phần mềm Thư viện Libol; phần mềm quản lý tài chính; phần mềm vẽ bản đồ; hệ thống 16 máy chủ, phòng máy tính thực hành, 50 máy tính xách tay, 938 máy tính để bàn, máy chiếu Projector và màn chiếu, màn hình tivi cỡ lớn, âm ly, loa máy, micro, mạng cáp quang internet, wifi tại các giảng đường, khu Nội trú [HT1.09.02.02].

Ngoài ra, Nhà trường đầu tư, xây dựng các phòng máy tính phục vụ học tập, thực hành tin học đại cương và tin học chuyên ngành cho nhiều ngành khác nhau, đảm bảo 100% SV có máy tính để thực hành, gồm: 01 máy chủ, 02 máy tính xách tay, 177 máy tính để bàn và một số thiết bị tin học khác phục vụ cho việc dạy, học tin học chung trong toàn trường và thực hiện các đề tài NCKH, thực hành chuyên môn [HT1.09.04.01].

Nhà trường có hệ thống mạng LAN, trang thông tin điện tử, email có miền hdu.edu.vn dùng chung cho tất cả cán bộ giảng viên và người học và sử dụng phòng 707, nhà Điều hành có diện tích 75 m², là phòng dùng chung cho các hoạt động trực tuyến với hệ thống các thiết bị hiện đại như: màn hình ti vi cỡ lớn, camera, âm ly, micro, loa, trang âm, máy chiếu projector, bàn ghế hỗ trợ tích cực cho các hoạt động đào tạo và NCKH của giảng viên và người học [HT1.09.04.02].

Toàn bộ các công thông tin, hệ thống email công vụ của tất cả cán bộ, giảng viên, các phần mềm ứng dụng đều được bộ phận chuyên trách kiểm tra, bảo dưỡng, gia hạn sử dụng thường xuyên [HT1.09.04.07]. đồng thời có hệ thống an ninh mạng tốt để đảm bảo hoạt động thông suốt của Nhà trường cũng như Khoa KHTN đều được cán bộ chuyên trách thuộc Trung tâm Thông tin-Thư viện hoặc đơn vị được giao quản lý phần mềm, thiết bị CNTT thực hiện, bảo đảm hỗ trợ đặc lực cho hoạt động đào tạo và NCKH [HT1.09.04.03-04]. Bên cạnh đó máy tính, phần cứng, phần mềm và thiết bị CNTT khác đều được cập nhật hằng năm và khai thác có bản quyền [HT1.09.04.08-09].

Năm 2020, nhà trường đã thành lập Ban tư vấn ứng dụng công nghệ thông tin tại trường ĐHHĐ giai đoạn 2020 – 2025. Ban tư vấn có nhiệm vụ tham mưu cho Hiệu trưởng về ứng dụng công nghệ thông tin tại trường ĐHHĐ giai đoạn 2020 – 2025. Các thành viên của bộ phận này có trình độ chuyên môn nghiệp vụ tốt giúp hệ thống CNTT của nhà trường hoạt động ngày càng hiệu quả [HT1.09.04.05]. Nhà trường đã triển khai dạy học trực tuyến, theo đó bộ phận công nghệ thông tin chịu trách nhiệm hướng dẫn sử dụng phần mềm dạy học trực tuyến, tập trung hoàn thiện hệ thống mạng Wifi, dây LAN cho các toà nhà và ký túc xá. [HT1.09.04.06].

Để cải tiến chất lượng hệ thống thông tin phục vụ đào tạo và NCKH, Nhà trường thường xuyên lấy ý kiến đánh giá của người học và các bên liên quan về hiệu quả sử dụng, mức độ phù hợp của hệ thống thiết bị CNTT phục vụ hoạt động dạy học và NCKH. Qua đó có kế hoạch sửa chữa, mua sắm thay thế các thiết bị hư hỏng nhằm đáp ứng tốt nhất yêu cầu hoạt động dạy-học và NCKH của cán bộ giảng viên và người học [HT1.09.04.10-11]. Trường/ khoa đã lấy ý kiến phản hồi của người học và giảng viên về mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu thông qua phòng Quản trị vật tư thiết bị, kết quả khảo sát cho thấy, mức độ hài lòng cao.

2. Điểm mạnh

- Hệ thống phòng học trực tuyến, máy vi tính, máy chiếu đa năng và các thiết bị tin học hiện có của Nhà trường nói chung và Khoa KHTN nói riêng đáp ứng tốt yêu cầu giảng dạy, học tập và NCKH của đội ngũ CBGV, HSSV.

- Các giảng đường và phòng làm việc trong khoa được lắp đặt hệ thống mạng và hệ thống wifi để CB GV và HSSV làm việc, học tập, tra cứu thông tin.

3. Điểm tồn tại

- Mạng wifi tại các giảng đường khi đăng nhập, nhiều lúc chập chờn, không ổn định; chưa khai thác hết thế mạnh của việc tra cứu thông tin, họp, học trực tuyến.

- Một số máy tính tại một vài phòng làm việc đã được sử dụng nhiều năm, cấu hình thấp, chưa đáp ứng được nhu cầu làm việc của CB, GV.

4. Kế hoạch hành động

- Trong năm 2020 -2021, nhà trường tiếp tục rà soát, bổ sung, nâng cấp và thay thế số máy tính cấu hình thấp.

- Khoa đề nghị Nhà trường có phương án kết nối để hệ thống dữ liệu của thư viện Nhà trường kết nối rộng rãi hơn, không chỉ trong phạm vi quốc gia mà còn ở phạm vi quốc tế, từ đó cung cấp cho mỗi giảng viên, sinh viên một tài khoản truy cập tài liệu nước ngoài; Ngoài ra cũng đề nghị Nhà trường và phòng chức năng sớm rà soát, điều chỉnh và sửa đổi quy trình kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng và sửa chữa máy móc thiết bị hệ thống thông tin trong trường để phục vụ tốt hơn trong công tác đào tạo và NCKH.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu mức 5/7 điểm

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật

1. Mô tả

Nhà trường luôn chú trọng đến công tác môi trường, sức khỏe và an toàn; cây xanh, thảm cỏ, khuôn viên nhà trường được trồng và chăm sóc đúng kỹ thuật, tạo không gian thoáng mát cho CB, GV và người học. Hệ thống nước thải sinh hoạt và các khu thí nghiệm đều được xử lý trước khi thải ra môi trường. Nhà trường đã ban hành các quy định về an ninh, trật tự, an toàn; về bảo vệ môi trường, rèn luyện sức khỏe; về phòng cháy, chữa cháy; về vệ sinh an toàn thực phẩm...[HT1.09.05.01-02]. Tất cả các khu nhà làm việc, giảng đường, thí nghiệm, thực hành, thể dục thể thao, KTX, nhà ăn, căn tin... đều có công khai các bảng nội quy, quy định [HT1.09.05.03]. Bên cạnh đó Khoa KHTN cũng ban hành văn bản quy định các tiêu chí về môi trường, sức khỏe và an toàn trong phòng thí nghiệm, thực hành [HT1.09.05.04].

Với quy mô hơn 8.000 người học, 695 CB, GV, có thể nói Trường ĐHHĐ là nơi tập trung đông người của thành phố Thanh Hoá, vì thế Nhà trường đặc biệt quan tâm đến công tác an ninh, trật tự, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường và an toàn

thực phẩm. Nhà trường đã phối hợp với cảnh sát phòng cháy, chữa cháy tỉnh Thanh Hoá tổ chức tập huấn, diễn tập các biện pháp ứng phó khẩn cấp với các tai nạn lao động, cháy nổ [HT1.09.05.05].

Nhà trường có trạm Y tế riêng, được đặt ở 2 cơ sở, đầy đủ các phòng làm việc, phòng khám đảm bảo về cơ sở vật chất, thiết bị y tế, nhân lực cho việc chăm sóc và bảo vệ sức khỏe ban đầu cho học sinh, SV, và cán bộ trong trường [HT1.09.05.06-09].

Trạm Y tế hướng dẫn quy trình đảm bảo vệ sinh môi trường chung và tổ chức khám sức khỏe đầu vào cho 100% thí sinh trúng tuyển hệ chính quy nhập học; khám sức khỏe định kỳ cho người học 1 lần/năm học; tổng hợp kết quả khám, phân loại sức khỏe, cập nhật vào sổ khám bệnh, hồ sơ quản lý sức khỏe của từng người học và thực hiện công tác BHYT cho người học đúng theo Luật và tổng hợp, báo cáo theo quy định [HT1.09.05.10-11].

Công tác bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội, PCCC trong trường học được Ban giám hiệu quan tâm. Nhà trường có bộ phận Bảo vệ thường xuyên được bồi dưỡng về nghiệp vụ, chuyên môn để bảo vệ trật tự, an toàn, an ninh cho Nhà trường. [HT1.09.05.12]. Nhân viên bảo vệ được trang bị phương tiện và trang phục đáp ứng yêu cầu của công việc. Đội ngũ chuyên trách bảo vệ làm việc theo đúng quy định và yêu cầu của Trường, thường trực 24/24 giờ trong ngày chia thành 3 ca, mỗi ca có từ 2-3 người trực theo các vị trí được phân công trong toàn bộ khuôn viên Nhà trường, cán bộ trực được trang bị đầy đủ dụng cụ, các đồ bảo hộ phục vụ cho công tác tuần tra, đảm bảo ANTT trường học [HT1.09.05.13-15].

Bên cạnh Ban Bảo vệ, Nhà trường còn có các lực lượng hỗ trợ vào thời điểm diễn ra các hoạt động đông người như Trung đội tự vệ chiến đấu, Đội Thanh niên xung kích [danh sách Trung đội, Đội thanh niên xung kích].

Ngoài ra, nhà trường đã hợp đồng với Công an phường trên địa bàn trường đóng để tăng cường công tác phối hợp, tuần tra đảm bảo ANTT trường học, đồng thời trong các đợt nghỉ lễ tết Nhà trường phối hợp với công an các cấp thành lập Ban chỉ đạo trực tăng cường đảm bảo ANTT trong nhà trường [HT1.09.05.16]. Kết quả: 100% người học ký cam kết chấp hành pháp luật về ANTT, ATGT, VSMT; trong nhiều năm qua, nhà trường luôn đạt các tiêu chí về “Nhà trường an toàn về ANTT” [HT1.09.05.17].

Các quy định về môi trường, sức khỏe và an toàn được triển khai đồng bộ đến toàn thể CBVC-LĐ và người học trong nhà trường thông qua “Tuần sinh hoạt công dân HSSV” đầu khóa, các hội nghị về công tác sinh viên và được quy định cụ thể trong Nội quy ra vào cơ quan, nội quy ra vào khu Nội trú, nội quy phòng học, phòng

thí nghiệm, thực hành... Trong đó, nhà trường đặc biệt quan tâm và luôn nêu cao tinh thần, trách nhiệm để hỗ trợ tốt nhất cho người học, đặc biệt là người học bị khuyết tật được Nhà trường quan tâm, tạo điều kiện ở KTX tầng 1, được khám sức khỏe theo nhu cầu; tăng cường trồng cây xanh, tạo bóng mát đảm bảo môi trường luôn trong sạch, thông thoáng góp phần nâng cao sức khỏe cho CBVC-LĐ và người học.

Cán bộ trực tiếp thực hiện nhiệm vụ về công tác môi trường, sức khỏe, bảo vệ ANTT, an toàn trong nhà trường được tập huấn nghiệp vụ, nâng cao trình độ chuyên môn hằng năm, như tập huấn về công tác VSMT, công tác y tế học đường, nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, nghiệp vụ bảo vệ...[kế hoạch các lớp tập huấn; danh sách cb tham gia] Nhà trường đã trang bị đầy đủ bình chữa cháy, nội quy, quy trình, tiêu lệnh và tiêu chí hướng dẫn tại tất cả giảng đường, nhà xưởng, phòng thí nghiệm, nhà làm việc và khu ký túc xá và hợp đồng đo tiếp địa, sơn lại hệ thống chống sét trong toàn trường [hình ảnh chụp]. Bên cạnh đó, tất cả các khu giảng đường, phòng thí nghiệm đều có lối đi dành cho người khuyết tật để đảm bảo an toàn [HT1.09.05.18-19].

Cuối mỗi năm học, nhà trường tổ chức tổng kết, đánh giá công tác ANTT trường học và đề ra phương hướng, nhiệm vụ trong năm học tiếp theo, kết quả về công tác đảm bảo ANTT trong nhiều năm qua nhà trường đã vinh dự được Bộ Công an, UBND tỉnh, Thành phố, Giám đốc Công an tỉnh tặng nhiều Bằng khen, Giấy khen cho nhà trường; các mô hình đảm bảo ANTT của nhà trường đã được Bộ Công an thông báo nhân rộng ra toàn quốc [báo cáo tổng kết, đánh giá công tác ANTT trường học, phương hướng] [HT1.09.05.20].

Hằng năm, nhà trường lấy ý kiến phản hồi của CBVC-LĐ, người học và các bên liên quan (đặc biệt là phản hồi từ người học khuyết tật) thông qua nhiều kênh, như tổ chức Hội nghị CBVC-LĐ, hội nghị đối thoại, Hội nghị giao ban để CBVC-LĐ, người học và các bên liên quan đóng góp ý kiến về môi trường, sức khỏe và an toàn trong quá trình triển khai, thực hiện của nhà trường, kết quả cho thấy phần lớn CBVC-LĐ, người học và các bên liên quan hài lòng cao với các tiêu chí về môi trường, sức khỏe, đảm bảo an toàn về ANTT khi tham gia làm việc, học tập, nghiên cứu tại trường [HT1.09.05.21-23].

2. Điểm mạnh

Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai toàn diện và có lưu ý đến nhu cầu của người khuyết tật. Các quy định về môi trường, sức khỏe và an toàn được triển khai đồng bộ đến toàn thể CBVC-LĐ và người học thông qua “Tuần sinh hoạt công dân HSSV” đầu khóa, các hội nghị về công tác sinh viên. 100% người học ký cam kết thực hiện tốt ANTT, VSMT; nhà trường luôn đạt các tiêu chí về “Nhà trường an toàn về ANTT”.

3. Điểm tồn tại

- Chưa có quy định cụ thể các tiêu chí về môi trường, sức khỏe và an toàn;
- Đã có chính sách quan tâm đến người khuyết tật nhưng còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

- Năm học 2020-2021, Nhà trường tiếp tục hoàn thiện hệ thống các văn bản về môi trường, y tế, ANTT; tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra giám sát đảm bảo VSMT, sức khỏe, an toàn.

- Kiểm soát được người ra, vào cổng trường; phối hợp chặt chẽ với Công an các cấp, các đơn vị chức năng trong nhà trường tuần tra, giám sát trong toàn bộ khuôn viên nhà trường để phát hiện và ngăn chặn kịp thời kẻ gian vào trường ăn trộm, gây mất ANTT trường học.

- Triển khai thực hiện các chính sách liên quan đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7 điểm.

Kết luận về tiêu chuẩn 9

Nhìn chung, Nhà trường và Khoa KHTN luôn đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất và trang thiết bị học tập bao gồm hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với đầy đủ các trang thiết bị, thư viện và các nguồn học liệu, phòng thực hành và các trang thiết bị thực hành, hệ thống công nghệ thông tin... Hệ thống cơ sở vật chất và trang thiết bị của Nhà trường và Khoa luôn phù hợp và được cập nhật thường xuyên, bên cạnh đó, Nhà trường và Khoa đã hình thành và xác định cụ thể các điều kiện về môi trường, sức khỏe, an toàn... nhằm hỗ trợ và đảm bảo các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học, đáp ứng nhu cầu của giảng viên và người học, đạt được các mục tiêu đề ra của Nhà trường nói chung và Khoa KHTN nói riêng.

Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành ĐHSP Toán học của KHTN tự đánh giá Tiêu chuẩn 9 đạt 5/5 tiêu chí và bình quân tiêu chí đạt 5.2/7 điểm.

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Mở đầu

Tầm nhìn của Trường ĐHHĐ được xác định đến năm 2030 sẽ là địa chỉ tin cậy, có uy tín về đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ ở một số chuyên ngành mũi nhọn thuộc các ngành khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, giáo dục, kỹ thuật công nghệ, nông - lâm - ngư nghiệp, kinh tế (mỗi lĩnh vực ngành chọn 1-2

chuyên ngành) đạt trình độ ngang tầm với các trường đại học lớn trong khu vực miền Trung. Do vậy, Nhà trường, Khoa KHTN rất chú trọng việc nâng cao chất lượng ở các ngành đào tạo. Công tác nâng cao chất lượng được thực hiện chặt chẽ và có hệ thống, từ việc tự đánh giá chất lượng từng hoạt động, thu nhận thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan (giảng viên, người học, cựu SV, nhà tuyển dụng) để thiết kế và phát triển chương trình dạy học đến việc đảm bảo chất lượng trong kiểm tra, đánh giá, áp dụng các kết quả nghiên cứu khoa học để cải tiến việc dạy và học cũng như đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, tạo cơ chế phản hồi cho các bên liên quan.

Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình

1. Mô tả

Chương trình đào tạo ngành ĐHSP Toán được thiết kế và liên tục cập nhật, điều chỉnh để đáp ứng nhu cầu xã hội [HT1.01.01.01]. Xác định được vai trò quan trọng của các tổ chức xã hội nghề nghiệp, chuyên gia, cán bộ quản lý, người tuyển dụng và sử dụng lao động, cựu người học, trong việc cung cấp các thông tin hữu dụng về đặc điểm, yêu cầu của xã hội đối với nguồn lực lao động do nhà trường, khoa đào tạo ra, ngay từ năm 2008, Nhà trường đã thành lập TT. PTĐT&HTHT, đơn vị chuyên trách trong việc thu thập thông tin phản hồi từ các đơn vị, cá nhân bên ngoài trường [HT1.10.01.01]. Một hệ thống thông tin được tổng hợp từ Trường đến Khoa và được tập trung tại bộ phận thường trực thuộc TT. PTĐT& HTHT, hiện nay bộ phận này thuộc phòng CT HSSV [HT1.10.01.02]. Nhà trường có hệ thống gồm quy trình, quy định, công cụ thực hiện thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan (chính quyền, cơ quan quản lý, chuyên gia, cán bộ quản lý, giảng viên, nghiên cứu viên, nhân viên, người học, đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà sử dụng lao động và người học đã tốt nghiệp) phục vụ phát triển CTDH [HT1.10.01.04, HT1.10.01.05, HT1.10.01.07]

Để nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thông tin, hằng năm, nhà trường đã kiện toàn Ban chỉ đạo và tổ chức lấy ý kiến rà soát chỉnh sửa nội dung mẫu phiếu hỏi [HT1.10.01.03-04]. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan bao gồm nhà tuyển dụng lao động, người học đang học tại trường, cựu người học, GV, các chuyên gia các tổ chức xã hội nghề nghiệp và cán bộ quản lý, ... đều được dùng làm căn cứ để thiết kế và điều chỉnh CTĐT. Các thông tin này đã được nhóm chuyên gia xây dựng sử dụng làm căn cứ cho những thay đổi cần thiết trong quá trình hiệu chỉnh CDR, điều chỉnh CTĐT ngày càng phù hợp hơn với yêu cầu thực tiễn [HT1.10.01.05]. Việc khảo sát được thực hiện bằng nhiều hình thức khác nhau như: Khảo sát trực tuyến, gửi phiếu khảo sát, phỏng vấn trực tiếp hoặc gián tiếp qua điện thoại, tổ chức hội thảo, ... theo quy định của Nhà trường [HT1.01.01.05, HT1.03.03.03, HT1.10.01.04].

Dựa trên nhu cầu của các bên liên quan về CTĐT ngành ĐHSP Toán [HT1.01.01.11], Nhà trường đã chỉ đạo Khoa điều chỉnh CTĐT vào các năm 2016, 2017 và 2019 [HT1.01.01.01]. Nhà trường đã ban hành Khung chương trình theo khối ngành, nhóm ngành đào tạo đại học định hướng ứng dụng và phát huy năng lực người học tại trường ĐHHĐ, yêu cầu Hồ sơ trình thẩm định CTĐT phải kèm theo đầy đủ phiếu khảo sát năng lực người học, phiếu phản hồi của nhà tuyển dụng, người đã tốt nghiệp, hồ sơ góp ý của chuyên gia trong và ngoài trường về CĐR, CTĐT [HT1.01.01.05].

Ngoài việc phát bảng hỏi đến giảng viên để thu thập thông tin phản hồi trong các lần điều chỉnh CTĐT, Hội đồng Khoa cũng tổ chức họp định kỳ để góp ý phát triển chương trình và các bộ môn đều họp triển khai việc phát triển chương trình để từng giảng viên góp ý [HT1.03.03.04]. Thông tin phản hồi và yêu cầu thu được từ các bên liên quan (bao gồm nhà tuyển dụng, nhà sử dụng, các tổ chức xã hội nghề nghiệp, giảng viên, cựu SV, sinh viên, ...) đã được nhóm chuyên gia xây dựng sử dụng làm dữ liệu cho những thay đổi cần thiết trong quá trình hiệu chỉnh CĐR, điều chỉnh CTĐT đáp ứng nhu cầu xã hội [HT1.01.01.06], [HT1.01.02.06]. Chẳng hạn, khi khảo sát về chất lượng đào tạo của giáo viên ngành ĐHSP Toán do Khoa đào tạo, các đơn vị sử dụng lao động (các trường phổ thông) đều cho rằng về cơ bản CTĐT đã đáp ứng được các yêu cầu cần thiết về các năng lực và các kỹ năng trong việc đào tạo giáo viên Toán. Tuy nhiên, cần bổ sung vào chương trình đào tạo một số kiến thức cần thiết để nâng cao năng lực đánh giá kết quả học tập của học sinh theo định hướng phát triển năng lực, năng lực dạy học tích hợp và năng lực làm việc trên các cấu trúc (không gian) toán học trừu tượng. Các ý kiến đóng góp này đã được ban soạn thảo CTĐT tiếp thu để cập nhật, chỉnh sửa một cách phù hợp.

Đối với SV đang học, Khoa đã tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi về chất lượng học phần, chất lượng hoạt động giảng dạy của giảng viên và chất lượng quá trình đào tạo trên phần mềm khảo sát trực tuyến thông qua tài khoản cá nhân của SV và bằng phiếu hỏi trực tiếp [HT1.06.04.04]. Bên cạnh đó, Khoa còn tổ chức các cuộc tọa đàm về phương pháp học tập bậc đại học, trao đổi về ngành ĐHSP Toán, trong đó, SV có thể nêu các câu hỏi hoặc góp ý kiến về chương trình đào tạo của ngành [HT1.10.01.06]

2. Điểm mạnh

Hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan được hình thành từ cấp trường đến khoa. Hằng năm, Khoa KHTN đều lấy ý kiến phản hồi về CTĐT bằng cách gửi phiếu hỏi và nhận được nhiều ý kiến, góp ý của các giảng viên, sinh viên, nhà khoa học, ... Các thông tin phản hồi từ các đơn vị, cá nhân có liên quan về CTĐT đều được nhà trường, khoa phân tích, tổng hợp, xử lý và sử dụng hợp lý, hiệu quả trong

các lần điều chỉnh CTĐT. Các kênh phản hồi đa dạng: phiếu hỏi, hội nghị thực tập thực tế, tọa đàm, hội thảo, họp bộ môn và các cuộc họp hội đồng khoa học khoa.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù đã lấy ý kiến từ các đơn vị tuyển dụng có cựu SV làm việc, nhưng số lượng các đơn vị sử dụng cựu SV của Khoa tham gia phản hồi ý kiến còn chưa nhiều. Chưa có các văn bản kí kết với đơn vị tuyển dụng hoặc có tiềm năng tuyển dụng.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Khoa KHTN chỉ đạo trợ lý nghiệp vụ, các giảng viên phụ trách học phần lập danh sách các nhà tuyển dụng, đặc biệt là các đơn vị sử dụng SV tốt nghiệp của khoa để thiết lập mối quan hệ chặt chẽ hơn nữa giữa đơn vị đào tạo và đơn vị sử dụng nguồn lực lao động qua đào tạo; lập các bản ghi nhớ với các cơ sở tuyển dụng, sử dụng về việc phản hồi đối với chất lượng đào tạo của chương trình ĐHSP Toán, việc tuyển dụng đối với sinh viên ngành ĐHSP Toán khi tốt nghiệp, ... Ngoài ra, thông qua hoạt động của Hội cựu sinh viên khoa về việc trao đổi thông tin, góp ý về công tác đào tạo, ... hiệu quả hoạt động phản hồi về chất lượng CTĐT và các hoạt động của nhà trường được nâng cao, chất lượng đào tạo ngành ĐHSP Toán được cải tiến.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 6/7 điểm

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả

Xác định được tầm quan trọng của CTĐT trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, trên cơ sở các văn bản quy định của Bộ GD&ĐT, năm 2013 Nhà trường đã ban hành Quy định về đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ [HT1.03.01.02]. Năm 2014, Nhà trường đã ban hành quy trình xây dựng, chỉnh sửa, bổ sung CTĐT [HT1.10.02.01], theo đó việc xây dựng mới, chỉnh sửa, bổ sung CTĐT các ngành trong khoa được khuyến khích thực hiện [HT1.01.01.01]. Theo hướng dẫn của nhà trường, Khoa KHTN đã tổ chức họp cán bộ cốt cán về xây dựng qui trình thiết kế và phát triển CTĐT các ngành sư phạm, trong đó có ngành ĐHSP Toán [HT1.10.02.06]. Qui trình này được các bên liên quan đóng góp ý kiến [HT1.10.02.07], được ban soạn thảo chỉnh sửa và Trưởng khoa ký quyết định ban hành [HT1.10.02.08]. Việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về qui trình thiết kế và phát triển chương trình đào tạo được quy định, hướng dẫn rõ ràng nhằm đảm bảo cho quy trình được cải tiến và áp dụng hiệu quả [HT1.10.02.09]. Dựa trên qui trình đó, Khoa KHTN đã thực hiện điều chỉnh CTĐT qua các lần vào năm 2016, 2017, 2019 [HT1.01.01.01]. Trước khi điều chỉnh CTĐT, Ban lãnh đạo khoa thành lập tổ soạn thảo theo đề xuất của bộ môn, lãnh đạo khoa đã phân công các

thành viên tham gia soạn thảo [HT1.10.02.02]. Trong quá trình thực hiện, Khoa KHTN đã gửi phiếu lấy ý kiến phản hồi đến: các đơn vị tuyển dụng; cựu SV; giảng viên tham gia CTĐT để thu thập thông tin đánh giá về năng lực của SV tốt nghiệp do Khoa đào tạo và góp ý kiến xây dựng và điều chỉnh CTĐT [HT1.10.01.05].

Trong quá trình tổ chức thực hiện quy trình xây dựng, chỉnh sửa, bổ sung CTĐT đã ban hành ngày 11/3/2014, phòng Quản lý Đào tạo định kỳ lấy ý kiến chuyên gia, CB quản lý và GV để cải tiến, hoàn thiện quy trình góp phần nâng cao chất lượng hoạt động xây dựng, chỉnh sửa, bổ sung CTĐT phù hợp hơn với yêu cầu thực tiễn. Trên cơ sở các ý kiến phản hồi và cập nhật các văn bản mới của Bộ GD&ĐT, Nhà trường ban hành Quy trình Phê duyệt CTĐT theo định hướng ứng dụng và phát huy năng lực người học [HT1.10.02.04].

Căn cứ vào qui trình xây dựng, chỉnh sửa, bổ sung CTĐT [HT1.10.02.01], quy trình phê duyệt CTĐT theo định hướng ứng dụng và phát huy năng lực người học [HT1.10.02.04], Quyết định về việc ban hành khung chương trình theo khối ngành, nhóm ngành đào tạo định hướng ứng dụng và phát huy năng lực người học tại trường ĐHHĐ [HT1.02.01.01] và dự thảo khung CTĐT do tổ soạn thảo xây dựng, Khoa KHTN đã tổ chức họp lấy ý kiến của cán bộ giảng viên về khung CTĐT [HT1.10.02.03]. Trên cơ sở ý kiến phản hồi của các bên liên quan, CTĐT trình độ đại học ngành SP Toán định kỳ 2 năm/lần được điều chỉnh và đánh giá tính phù hợp với nhu cầu xã hội [HT1.01.01.06]. Giai đoạn 5 năm gần đây, căn cứ vào CDR đã được Nhà trường ban hành, CTĐT ngành ĐHSP Toán đã được điều chỉnh vào năm 2016, 2017 và 2019 [HT1.01.01.01].

Kết quả sau quá trình điều chỉnh, CTĐT ngành ĐHSP Toán được áp dụng từ năm 2015 đã có những thay đổi trong việc phân bổ các học phần theo kỳ học hợp lý hơn, tăng cường số tín chỉ cho các học phần chuyên ngành và các học phần thực hành, thực tập tại cơ sở, giảm bớt các học phần với khối lượng kiến thức hàn lâm. Những học phần không phù hợp đã được lược bỏ khỏi CTĐT. Chương trình được áp dụng từ 2017 cũng có sự điều chỉnh cho phù hợp hơn với xu thế tăng cường khối kiến thức chuyên ngành, giảm bớt khối kiến thức cơ sở ngành, tích hợp một vài học phần. Năm 2019, CTĐT lại tiếp tục được chỉnh sửa, cập nhật một số nội dung đáp ứng yêu cầu Chương trình giáo dục phổ thông mới [HT1.01.01.13] và chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông [HT1.01.01.11].

Để nâng cao chất lượng đào tạo, định kỳ Nhà trường tổ chức triển khai cho các ngành tự đánh giá chất lượng CTĐT [HT1.10.02.05]. Kết quả, 100 % CTĐT (đã có SV tốt nghiệp) của Nhà trường hằng năm được tổ chức tự đánh giá và cải tiến chất lượng trên cơ sở kết quả tự đánh giá CTĐT. Nhà trường yêu cầu các đơn vị tổ chức rà soát các

CTĐT hiện đang áp dụng để điều chỉnh theo định hướng ứng dụng và phát huy năng lực người học, mà trong đó kết quả tự đánh giá là một trong các căn cứ để đơn vị điều chỉnh nội dung chương trình ngày càng phù hợp hơn và xác định chỉ tiêu tuyển sinh.

2. Điểm mạnh

Quy trình xây dựng, chỉnh sửa, bổ sung và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến định kỳ. Việc đánh giá và cải tiến CTĐT được thực hiện định kỳ 2 năm một lần và thống nhất trong toàn trường. Các ý kiến đánh giá có sự tham gia đông đảo của các chuyên gia, cán bộ quản lý các cấp, giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên, ... CTĐT được cập nhật, điều chỉnh nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng tốt yêu cầu của xã hội

3. Điểm tồn tại

Hoạt động lấy ý kiến đóng góp cho quy trình xây dựng CTĐT còn chưa rõ ràng, cụ thể.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2020-2021, phòng Quản lý đào tạo phải rà soát, điều chỉnh mẫu phiếu lấy ý kiến các bên liên quan để cải tiến quy trình xây dựng và phát triển CTĐT rõ ràng, cụ thể, phù hợp hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 6/7 điểm

Tiêu chí 10.3: Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra

1. Mô tả

Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV là một khâu rất quan trọng không thể thiếu trong quá trình đào tạo tại Trường ĐHHĐ nói chung và đào tạo ngành ĐHSP Toán nói riêng. Việc đánh giá kết quả học tập của người học không chỉ xem xét người học có đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT hay không, mà còn có tác dụng điều tiết trở lại một cách có hiệu quả đối với quá trình đào tạo, là căn cứ để điều chỉnh CTĐT, thay đổi phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá, ...

Để rà soát, đánh giá quá trình dạy, học và kiểm tra đánh giá trong hoạt động dạy học theo hệ thống tín chỉ, ngay từ năm 2008 Nhà trường đã ban hành văn bản Hướng dẫn Xây dựng và quản lý hồ sơ học phần phù hợp với phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ [HT1.02.02.01]. Bên cạnh các quy định chung, nhà trường yêu cầu mỗi nội dung phải có phương pháp dạy học và hình thức, tiêu chí kiểm tra đánh giá cụ thể phù hợp với các kỹ năng của người học đạt được, đáp ứng chuẩn đầu ra của CTĐT [HT1.01.02.03].

Quá trình dạy và học cũng như việc đánh giá kết quả học tập của người học ngành ĐHSP Toán được thực hiện theo Quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ được ban hành bởi Hiệu trưởng trường Đại học Hồng Đức. Việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được quy định rõ trong đề cương học phần, chỉ rõ hình thức, thời gian, tiêu chí đánh giá, thang điểm (theo từng tuần trong một học kỳ) và trọng số của từng loại điểm cho từng lần kiểm tra, đánh giá. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, bao gồm: bài kiểm tra viết tại lớp, tiểu luận, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, ... Hình thức thi của từng học phần do bộ môn phụ trách học phần đó đề xuất, ghi rõ trong đề cương chi tiết và được thông báo cho người học ngay từ đầu kỳ, đảm bảo mọi người học có định hướng và kế hoạch học tập cho từng học phần [HT1.01.02.03].

Mỗi năm học, việc đánh giá quá trình dạy học của giảng viên được thực hiện tại các bộ môn của Khoa thông qua việc đăng ký các tiết dự giờ, thao giảng trong kế hoạch cá nhân của mỗi giảng viên [HT1.06.02.10]. Khoa KHTN thường xuyên tổ chức các buổi kiểm tra, đánh giá đối với những giảng viên lần đầu tiên giảng dạy một học phần mới nhằm đóng góp ý kiến cho các giảng viên về nội dung bài giảng, cách thức tổ chức dạy học, các phương pháp giảng dạy, cách thức tiến hành kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của người học [HT1.10.03.01].

Hằng năm, khoa KHTN cũng phối hợp với phòng ĐBCL&KT trong việc rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy học và đánh giá kết quả học tập của người học, lấy ý kiến về chất lượng hoạt động giảng dạy học phần và chất lượng quá trình đào tạo trước khi kết thúc khoá học. Cụ thể, vào tuần cuối cùng trước khi kết thúc học phần, Nhà trường thực hiện lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động dạy - học, kiểm tra - đánh giá kết quả học tập học phần của giảng viên. Về cơ bản, tính nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp của các quy trình và phương pháp kiểm tra đánh giá đã công bố được GV thực hiện tốt, hầu hết sinh viên đều hài lòng với việc đánh giá của giảng viên thông qua người học trong các năm học [HT1.10.03.02]. Kết quả tổng hợp cho thấy, phần lớn người học rất hài lòng và hài lòng về chất lượng giảng dạy của đội ngũ GV tham gia giảng dạy CTĐT, chỉ có tỉ lệ rất thấp ý kiến của người học chưa hài lòng [HT1.10.03.03]. Căn cứ vào ý kiến đánh giá của người học, nhất là những tiêu chí mà người học chưa hài lòng, các giảng viên trực tiếp tham gia CTĐT đã rút kinh nghiệm, điều chỉnh nội dung, phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá, ... Do đó, kết quả học tập và rèn luyện của SV được cải thiện [HT1.10.03.04].

Lãnh đạo khoa KHTN đã chỉ đạo một cách quyết liệt và thường xuyên công tác giám sát, kiểm tra, đôn đốc, đánh giá, nhắc nhở tiến độ, chất lượng thực hiện kế hoạch đảm bảo chất lượng của từng bộ môn, cá nhân. Bộ môn tiến hành tổ chức dự giờ thăm

lớp và đánh giá phân loại các tiết học, hợp bộ môn và đóng góp ý kiến cho từng tiết học cụ thể để GV kịp thời điều chỉnh, rút kinh nghiệm, phát huy điểm mạnh, khắc phục những vấn đề tồn tại của bản thân. Kết quả dự giờ thăm lớp cho thấy 100% số giờ được đánh giá xếp loại khá, giỏi [HT1.06.02.10]. Tất cả các ý kiến phản hồi từ các bên liên quan về phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá kết quả học tập được tiếp thu và sử dụng trong rà soát đảm bảo sự phù hợp và tương thích với CDR [HT1.10.03.05].

2. Điểm mạnh

Phương pháp và quy trình rà soát, đánh giá quá trình dạy học và đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ, phù hợp với quy định của Nhà trường, đảm bảo tính khách quan, công bằng. Kết quả kiểm tra đánh giá được sử dụng làm công cụ để điều chỉnh nội dung chương trình đào tạo, tổ chức đào tạo, kiểm tra và thi học phần, xét tốt nghiệp cho người học.

3. Điểm tồn tại

Hình thức đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên chưa đa dạng, chủ yếu dựa vào kết quả dự giờ, thao giảng của giảng viên trong bộ môn và ý kiến đánh giá của người học. Đa dạng các hình thức kiểm tra thường xuyên bằng các bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài thảo luận chưa được thực hiện đồng bộ ở tất cả các học phần.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, các bộ môn tăng cường tổ chức dự giờ các giảng viên trong bộ môn, nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy; tổ chức hội thảo về đổi mới phương pháp dạy học cho các giảng viên trong Khoa; yêu cầu các bộ môn tăng cường thực hiện đa dạng hóa các hình thức kiểm tra đánh giá thường xuyên bằng các bài tập cá nhân, bài tập nhóm, ... khuyến khích người học làm bài tập lớn, tiểu luận thay thế hình thức thi kết thúc học phần. Bên cạnh đó, Nhà trường và Khoa sẽ tiến hành rà soát, điều chỉnh các văn bản, quy định liên quan đến các hoạt động dạy và học, đánh giá kết quả học tập để đảm bảo tính hệ thống, thống nhất và cập nhật.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu, mức 5/7

Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học

1. Mô tả

Nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động NCKH, Nhà trường và Khoa KHTN luôn coi công tác NCKH là một nhiệm vụ quan trọng cùng với quá trình đổi mới nội dung và phương pháp dạy học. Theo quy định của Nhà trường, NCKH là nhiệm vụ bắt buộc đối với tất cả các viên chức giảng dạy [HT1.06.02.07]. Hoạt động

NCKH của GV và SV được triển khai thực hiện dưới nhiều hình thức phong phú, đa dạng như: Chủ trì, tham gia đề tài NCKH các cấp, viết bài đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành, viết sách tham khảo, hướng dẫn SV NCKH...

Khoa KHTN là một trong những khoa có phong trào nghiên cứu khoa học mạnh của trường, cụ thể số lượng bài báo khoa học đăng trên các tạp chí trong và ngoài nước của giảng viên trong Khoa liên tục tăng cao trong những năm gần đây [HT1.06.07.02; 06]. Các đề tài khoa học trong Khoa có xu hướng ứng dụng cao vào các hoạt động thực tiễn và đã đóng góp đáng kể vào công tác dạy và học [HT1.10.04.01].

Trong giai đoạn từ 2015 đến nay, Khoa KHTN là một trong những khoa có nhiều thành tích nổi bật, đứng đầu toàn trường trong công tác NCKH, trong đó có ngành Toán. Trong 5 năm gần đây, từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 ngành Toán trong khoa KHTN đã thực hiện được 15 đề tài các cấp. Cụ thể, năm học 2015-2016 thực hiện 03 đề tài cơ sở, năm học 2016-2017 thực hiện 02 đề tài cơ sở, năm học 2017-2018 thực hiện 02 đề tài cơ sở và năm học 2018-2019 thực hiện 01 đề tài cơ sở và năm học 2019-2020 thực hiện 04 đề tài cơ sở. Trong giai đoạn 2016-2019, thực hiện 03 đề tài cấp bộ [HT1.06.04.03], [HT1.10.04.02].

Bảng 10.4.1 Tổng hợp kết quả NCKH trong giai đoạn 2015-2020

Hạng mục		Năm học				
		2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
Đề tài	Cấp trường	02	02	02	01	04
	Cấp bộ	0	0	02	02	0
	Cấp NN	0	0	0	0	0
Công trình KH	ISI	5	12	8	10	20
	Scopus	2	8	2	5	6
	Trong nước	3	5	4	11	12

Các đề tài thực hiện chủ yếu liên quan chặt chẽ đến nội dung các học phần, giúp bổ sung và nâng cao chất lượng đào tạo, cải tiến phương pháp giảng dạy của GV và phương pháp học của người học (**Bảng 10.4.2**);

Ngoài ra ngành toán còn tổ chức các cuộc hội thảo công bố các kết quả nghiên cứu khoa học nhằm nâng cao chất lượng, cải tiến phương pháp dạy và học [HT1.10.04.03]. Chẳng hạn: Đổi mới chương trình đào tạo theo quy định hướng ứng dụng và phát huy năng lực người học tại trường Đại học Hồng Đức hay Kỷ yếu hội thảo khoa học các chuyên đề toán học cập nhật chương trình và sách giáo khoa mới;

Một số đề tài nghiên cứu tập trung theo các hướng sau: nghiên cứu bài học, dạy học vi mô và dạy học theo dự án để phát triển năng lực nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm toán thông qua tổ chức dạy học các học phần phương pháp dạy học toán; thiết kế tình huống dạy học phát triển tư duy phê phán cho sinh viên qua học phần Phương pháp dạy học toán; nghiên cứu cách thức rèn luyện kỹ năng đánh giá học sinh cho sinh viên sư phạm toán theo hướng phát triển năng lực [HT1.06.04.02], [HT1.10.04.03].

Ngoài ra các công trình nghiên cứu khoa học đã được đội ngũ CB, GV chuyên ngành toán trong khoa KHTN đúc kết trong các tài liệu tham khảo, giáo trình do CBGV trong khoa là tác giả hoặc đồng tác giả, được chuyển tải, lồng ghép trong các nội dung bài giảng hoặc lồng ghép vào các tiết giảng, góp phần không nhỏ vào cải thiện và nâng dần chất lượng dạy và học [HT1.09.12.16]. Các cán bộ giảng viên đã tham gia biên soạn 8 tài liệu dạy học phục đào tạo ngành Sư phạm Toán và cao học ngành Toán [HT1.09.02.17], [HT1.09.03.01].

Bảng 10.4.2 Tổng hợp một số đề tài tiêu biểu ứng dụng trong thực tế, trong giảng dạy, trong biên soạn tài liệu kết quả NCKH trong giai đoạn 2015-2020

STT	Tên đề tài	Người thực hiện	Cấp thực hiện	Năm T. hiện	Xếp loại
1	<i>Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên ngành sư phạm toán trường Đại học Hồng Đức theo hướng phát triển năng lực thực hiện</i>	TS. Nguyễn Hữu Hậu	Trường	2015 – 2016	Xuất sắc
2	<i>Mối liên hệ của hệ số Hilbert</i>	TS. Lê Xuân Dũng	Bộ	2017 – 2019	Đạt
3	<i>Dáng điệu tiệm cận nghiệm của một số lớp phương trình vi phân đạo hàm riêng</i>	TS. Đỗ Văn Lợi	Bộ	2017 – 2019	Đạt
4	<i>Phát triển bài toán mở rộng nhóm theo hướng gắn với môđun chéo nhờ các kết quả của lý thuyết phạm trù</i>	TS. Phạm Thị Cúc	Trường	2016-2017	Xuất sắc
5	<i>Dưới vi phân Fréchet của hàm cực tiểu thời gian ứng với bao hàm thức vi phân</i>	TS. Nguyễn Văn Lương	Trường	2019-2020	Xuất sắc

6	<i>Nghiên cứu biện pháp rèn luyện sinh viên sư phạm ngành Toán về kỹ năng đánh giá học sinh theo hướng phát triển năng lực</i>	TS. Nguyễn Hữu Hậu	Bộ (Mã số: B2018- HDT-07)	2018- 2020	Đang thực hiện
---	--	--------------------	------------------------------------	---------------	----------------

Bên cạnh đó, cán bộ giảng viên ngành toán trong khoa KHTN luôn chú trọng việc công bố các kết quả nghiên cứu, thể hiện ở số lượng bài báo khoa học đăng trên các tạp chí trong và ngoài nước. Trong giai đoạn 2015-2020, có hơn 100 bài được công bố trong và ngoài nước. Cụ thể, năm học 2015 - 2016 có 10 bài; năm học 2016 - 2017 có 25 bài; năm học 2017 - 2018 có 14 bài, năm học 2018 - 2019 có 26 bài, năm học 2019-2020 có 26 bài thuộc danh mục ISI/Scopus. Đặc biệt trong số các công trình công bố này có nhiều công trình được công bố trên các tạp chí ISI uy tín với chỉ số impact factor (IF) cao [HT1.06.04.02].

Ngoài việc chú trọng NCKH đối với các GV, các bộ môn còn chủ động cập nhật kết quả nghiên cứu về đổi mới phương pháp dạy học trong nhà trường để tổ chức các buổi seminar, sinh hoạt học thuật để GV cùng biết và thảo luận thống nhất vận dụng để cải tiến hoạt động dạy học như ứng dụng phần mềm Zoom hay Amazon Chime trong dạy học trực tuyến [HT1.04.03.07-11].

NCKH của SV là một trong những nội dung quan trọng của hoạt động khoa học công nghệ của khoa KHTN nói chung và ngành Toán nói riêng. Hoạt động này góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, phát hiện và bồi dưỡng nhân tài cho đất nước; phát huy tính năng động, sáng tạo, khả năng NCKH độc lập của SV, hình thành năng lực tự học cho SV; góp phần tạo ra tri thức, sản phẩm mới cho xã hội. Hằng năm, Nhà trường và Khoa KHTN thông báo đăng ký, triển khai hoạt động NCKH của SV nhằm khuyến khích SV có nguyện vọng tham gia [HT1.10.04.04]. Hoạt động NCKH của sinh viên ngành toán khoa KHTN luôn được quan tâm, duy trì đảm bảo về số lượng và chất lượng [HT1.10.04.05-07]. Các đề tài tiêu biểu được lựa chọn để báo cáo trong hội nghị NCKH sinh viên toàn trường và đăng tóm tắt trong kỷ yếu hội nghị [HT1.10.04.08]. Đặc biệt trong năm học 2018-2019, đề tài “Một số định lý điểm bất động cho ánh xạ đa trị trong không gian metric” do nhóm sinh viên Nguyễn Thị Hồng, Lưu Thị Phương lớp K18A ĐHSP Toán thực hiện đã xuất sắc giành giải Nhì và được Bộ GD&ĐT lựa chọn tham gia đoàn học sinh, sinh viên tiêu biểu xuất sắc gặp mặt với Tổng Bí thư, Chủ tịch nước và Lãnh đạo Đảng, Nhà nước tại Hà Nội [HT1.10.04.09].

2. Điểm mạnh

Cán bộ, GV chuyên ngành toán đa số là trẻ, có trình độ chuyên môn cao. Vì vậy hàng năm các CB, GV tham gia tích cực các hoạt động NCKH với nhiều hình thức như: Đề tài nghiên cứu khoa học (cấp cơ sở, cấp bộ, nafosted); Viết bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành (trong nước và quốc tế); Tham gia các hội thảo khoa học trong và ngoài nước, với mục tiêu đóng góp những ý tưởng bổ ích và hỗ trợ, cập nhật xu hướng mới, nâng cao chất lượng nhiều hơn nữa trong hoạt động dạy và học.

Người học đã tích cực tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học. Đạt được nhiều giải thưởng cao ở các cấp khác nhau như cấp khoa, trường và cấp nhà nước.

3. Điểm tồn tại

- Số lượng công bố công trình nghiên cứu trên các tạp chí quốc tế còn chưa tương xứng với năng lực của cán bộ giảng viên, chưa đáp ứng được kỳ vọng với nhu cầu phát triển của ngành Toán khoa KHTN.

- Số lượng đề tài, dự án cấp cao như đề tài cấp tỉnh, cấp bộ, cấp nhà nước và NAFOSTED của đội ngũ CB, GV trong khoa còn ít.

4. Kế hoạch hành động

+ Từ năm học 2020-2021, Hội đồng Khoa sẽ tham mưu cho ban chủ nhiệm định hướng, hỗ trợ cho CB, GV tích cực đăng ký và triển khai các đề tài NCKH về đổi mới PP dạy và học theo hướng ứng dụng, phát huy năng lực người học và đáp ứng CĐR.

+ Khuyến khích, hỗ trợ kinh phí để CBGV viết công trình công bố quốc tế đặc biệt là các CBGV đang làm NCS.

+ Nhà trường cần tập trung nguồn lực hỗ trợ và đầu tư cho giảng viên tham gia các đề tài, dự án cấp cao.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt yêu cầu, mức 5/7 điểm

Tiêu chí 10.5: Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả

Đối với tiêu chí chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, để có cơ sở đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho hoạt động dạy và học, Nhà trường có quy trình, quy định đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin, và các dịch vụ hỗ trợ khác [HT1.10.05.01].

Ngoài ra, Nhà trường đã ban hành Sổ tay chất lượng yêu cầu bắt buộc các đơn vị trong trường phải thực hiện việc lấy ý kiến mức hài lòng các bên có liên quan về chất lượng phục vụ của đơn vị, từ đó sẽ xây dựng và triển khai thực hiện hành động khắc phục nâng cao hiệu quả công tác quản lý [HT1.04.01.01: Sổ tay chất lượng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 (Số 1108/QĐ-ĐHHD ngày 22/9/2010)]. Nhà trường cũng ban hành mục tiêu chất lượng, kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng phù hợp với thực tiễn [HT1.10.05.01], một trong các mục tiêu của TT. TTTV là “có ít nhất 150 lượt bạn đọc/ngày mượn tài liệu, giáo trình tại trung tâm phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu và mức hài lòng của bạn đọc trong Trường đối với công tác tổ chức, quản lý và phục vụ của trung tâm từ 90% trở lên” [HT1.10.05.02] và phòng QT,VT-TB là “100% thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học được kiểm soát, đo lường, đánh giá và sửa chữa kịp thời đảm bảo hệ số sẵn sàng của máy móc, thiết bị đạt 80% và mức hài lòng của CBVC-LĐ trong trường đối với phòng đạt từ 90%,” [HT1.10.05.03]. Hiện nay, với hệ thống 80 máy tính, được kết nối mạng LAN và mạng Internet phục vụ bạn đọc tra cứu, khai thác, sử dụng thông tin, tài liệu số đã được cấp quyền truy cập trên mạng; truy cập khai thác, sử dụng CSDL điện tử trên mạng do Liên hiệp thư viện Việt Nam về nguồn tin điện tử và Cục KHCN Quốc gia cung cấp; nguồn tài nguyên số từ website Tailieu.vn với hơn 1.400.000 tài liệu của Công ty trách nhiệm hữu hạn Tài liệu trực tuyến ViNa; nâng cấp phần mềm quản lý thư viện Libol 6.0 [HT1.10.05.04]. Hiện tại trung tâm Thông tin – Thư viện có 3 máy chủ dùng để cài đặt website và các phần mềm dùng chung của Nhà trường [HT1.09.02.08] thường xuyên được cải tiến, cập nhật.

Trong các buổi đối thoại trực tiếp giữa lãnh đạo Nhà trường, Khoa với sinh viên ngành Toán Khoa KHTN trong các hội nghị, cuộc họp ý kiến của người học và GV về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích như thư viện, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác luôn được Khoa KHTN và Nhà trường xem xét và cơ bản được giải quyết kịp thời [HT1.08.04.02].

Bên cạnh đấy, trung tâm thư viện tổ chức khảo sát mức hài lòng của bạn đọc về chất lượng phục vụ và báo cáo mức độ hài lòng của CBGV và sinh viên nhà trường đối với TT TT-TV. Kết quả cho thấy, khoảng 75-85% CB, GV và SV nhà trường hài lòng với chất lượng các dịch vụ tại thư viện [HT1.10.05.05]. Từ năm học 2017-2018, bên cạnh việc lấy ý kiến mức độ hài lòng của các bên liên quan theo quy định, phòng QT-VT, TB còn trực tiếp tổ chức lấy ý kiến của người học về chất lượng phục vụ của đội ngũ kỹ thuật viên để điều chỉnh nâng cao chất lượng phục vụ đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo [HT1.10.05.05].

Kết quả đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của trung tâm thư viện, hệ thống CNTT và các dịch vụ khác thông qua người học, đội ngũ kỹ thuật viên làm căn cứ để

các đơn vị xem xét, đánh giá trách nhiệm của từng cá nhân, từng hình thức triển khai đề ra giải pháp khắc phục hữu hiệu để tiếp tục cải tiến nâng cao chất lượng phục vụ đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của người học và đội ngũ CBGV [HT1.10.05.06].

Trong những năm qua, nhà trường đã hỗ trợ người học thông qua việc mua và đưa vào khai thác sử dụng cơ sở dữ liệu số của trang tailieu.vn và thư viện số của các trường đại học thuộc liên hiệp thư viện đại học khu vực phía Bắc. Tham gia hội liên hiệp các thư viện, tạo điều kiện hợp tác trao đổi nguồn tài liệu. Hàng năm thư viện mở lớp tập huấn để hỗ trợ hướng dẫn cho sinh viên sử dụng Thư viện điện tử [HT1.09.02.05]. Ngoài ra Thư viện còn tổ chức ngày sách giới thiệu quảng bá và hướng bạn đọc đến văn hóa đọc. Nâng cấp hệ thống website, công thông tin điện tử, hỗ trợ người học trong việc truy cập internet tốc độ cao tại thư viện [HT1.09.02.08: Hợp đồng mua tài liệu điện tử; phần mềm quản lý TV; CSDL ProQuest Central (Số 406/HĐ-ĐHHĐ ngày 16/10/2012 và 14/4/2014)].

Ngoài ra, để đánh giá tính hiệu quả của các dịch vụ hỗ trợ người học, mỗi năm Nhà trường và Khoa KHTN đều tổ chức các buổi đối thoại giữa Lãnh đạo Nhà trường, Lãnh đạo khoa với người học. Qua đó, khoa và Nhà trường nắm bắt được tâm tư, nguyện vọng của người học, các ý kiến phản hồi của người học về chất lượng các dịch vụ để kịp thời chỉ đạo các đơn vị, cá nhân điều chỉnh hoạt động sớm đáp ứng yêu cầu của người học [HT1.08.04.02: Hồ sơ đối thoại giữa Hiệu trưởng với người học hằng năm, HT1.10.05.04]. Bên cạnh đó, hằng năm các cá nhân đều viết cam kết, xây dựng kế hoạch thực hiện cải tiến chất lượng báo cáo để lãnh đạo đơn vị giám sát, theo dõi và đánh giá kết quả hoạt động.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã ban hành quy định việc lấy ý kiến mức hài lòng của các bên liên quan về chất lượng phục vụ của các hoạt động trong trường từ năm 2010.

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được thực hiện thường xuyên bằng nhiều kênh, được đánh giá và cải tiến liên tục nhằm nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho SV.

3. Điểm tồn tại

- Hệ thống tra cứu tài liệu, truy cập internet đang còn chậm, thường xuyên xảy ra trục trặc, sự cố chưa đáp ứng được nhu cầu tra cứu tài liệu, đăng kí học của sinh viên và CBGV.

- Hệ thống tài liệu tham khảo còn thiếu nhiều, ít cập nhật liên tục các tài liệu tham khảo mới nhất để đáp ứng nhu cầu đọc của CBGV và SV.

4. Kế hoạch hành động

- Từ năm học 2020-2021, Nhà trường yêu cầu các đơn vị trực thuộc phải đối sánh kết quả lấy ý kiến mức độ hài lòng của các bên có liên quan để tiếp tục cải tiến và nâng cao chất lượng phục vụ đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan.

- Nhà trường yêu cầu các đơn vị liên quan tiếp tục đề xuất giải pháp để nâng chất lượng dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại TT TT-TV, phòng thực hành, thí nghiệm.

- Nhà trường yêu cầu các đơn vị liên quan tăng cường rà soát, cập nhật tài liệu tham khảo hàng năm để đáp ứng nhu cầu của người học. Đặc biệt khuyến khích CBGV viết sách, giáo trình, chuyên khảo để đáp ứng nhu cầu đọc, dạy và học của CBGV và SV.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 4/7 điểm

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên có liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả

Thực hiện công tác đảm bảo chất lượng của nhà trường, hàng năm phòng ĐBCL&KT đã tham mưu cho nhà trường ban hành kế hoạch đảm bảo chất lượng [HT1.10.06.01] trong đó việc lấy ý kiến phản hồi của các bên có liên quan (người học, cựu người học, chuyên gia và nhà tuyển dụng lao động) được thực hiện thường xuyên và có tính hệ thống. Để nâng cao tinh thần trách nhiệm và hiệu quả của hoạt động lấy ý kiến các bên có liên quan nhà trường đã giao cho phòng ĐBCL&KT lấy ý kiến người học về chất lượng hoạt động giảng dạy của giảng viên và chất lượng quá trình đào tạo; phòng CT HSSV lấy ý kiến các nhà tuyển dụng, sử dụng lao động về chất lượng đào tạo và cựu sinh viên về chất lượng CTĐT, về việc làm và thu nhập,... [HT1.10.01.02], [HT1.10.06.02].

Bên cạnh đó là hoạt động lấy ý kiến của giảng viên về CTĐT do các khoa thực hiện kèm theo hoạt động tự đánh giá nhanh chương trình đào tạo; Hoạt động đo lường mức độ hài lòng về chất lượng phục vụ của đơn vị (theo QMS ISO) [HT1.04.01.01]. Ngay sau khi nhận được báo cáo đánh giá ngoài về chất lượng giáo dục trường của Trung tâm KĐCL ĐHQG Hà Nội, Nhà trường đã xây dựng và triển khai kế hoạch hành động khắc phục sau đánh giá ngoài nhằm khắc phục triệt để những vấn đề còn tồn tại được phát hiện trong quá trình tự đánh giá và đánh giá ngoài, tiếp tục nâng cao chất lượng các lĩnh vực hoạt động trong toàn trường [HT1.10.06.03]. Định kỳ đơn đốc nhắc nhở các đơn vị có liên quan báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ được nêu trong kế hoạch và cập nhật hồ sơ minh chứng phục vụ công tác Kiểm định chất lượng giữa giai đoạn [HT1.10.06.04].

Trên cơ sở Quy định tạm thời về tiêu chí đánh giá chất lượng hoạt động giảng dạy của giảng viên [HT1.10.06.05], phòng chức năng đã lập kế hoạch, xây dựng mẫu phiếu, tham mưu thành lập ban chỉ đạo và tổ công tác lấy ý kiến phản hồi của người học và các bên có liên quan về chất lượng hoạt động giảng dạy của trên 80% GV ngay trước khi kết thúc môn học (mỗi học kỳ 1 lần), chất lượng quá trình đào tạo của 100% người học trước khi kết thúc khóa học, về chất lượng CTĐT các ngành thông qua các bên liên quan (mỗi năm 1 lần) [HT1.06.04.04].

Ngoài ra, Nhà trường đã ban hành các thủ tục, quy trình về lấy ý kiến Nhà tuyển dụng, sử dụng lao động và cựu sinh viên về chất lượng đào tạo của từng ngành; quy trình Khảo sát tình hình việc làm và thu nhập của sinh viên sau khi tốt nghiệp [HT1.10.06.06].

Tất cả các hoạt động lấy ý kiến người học và các bên liên quan được triển khai đồng bộ, thường xuyên, đúng quy định, quy trình, thủ tục [HT1.10.06.06]. Hoạt động lấy ý kiến được thực hiện nghiêm túc đúng quy trình bảo mật, các cá nhân có liên quan không tham gia trực tiếp vào việc lấy ý kiến, người được hỏi trả lời trực tiếp vào phiếu lấy ý kiến (khuyết danh), kết quả lấy ý kiến được xử lý bằng phần mềm chuyên dụng và được lưu trữ trong phần mềm Excel để xác định độ tin cậy và đối sánh giữa các năm [HT1.06.04.04]. Các quy trình lấy ý kiến được rà soát, bổ sung và ban hành mới phù hợp với QMS ISO 9001:2015. Nhà trường cũng đa dạng hóa các hình thức lấy ý kiến (học kì 2 lấy ý kiến chủ yếu bằng hình thức online). Các khoa, bộ môn tăng cường lấy ý kiến để điều chỉnh và cải tiến CTĐT (kể cả hoạt động lấy ý kiến bằng phiếu; kết quả phản hồi qua các đợt sinh viên kiến tập, thực tập; qua việc tổ chức hội nghị, hội thảo,...). Kết quả lấy ý kiến sau khi được xử lý sẽ thông báo đến các đơn vị, cá nhân để kịp thời điều chỉnh, cải tiến nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của các bên liên quan.

Trên cơ sở ý kiến của các bên liên quan khoa đã phân tích, đánh giá và lựa chọn các ý kiến để đưa vào nhằm cải tiến CTĐT (lịch trình đào tạo, tỷ lệ lý thuyết, thực hành,... tài liệu, giáo trình học tập,...) Để tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả của hoạt động lấy ý kiến phản hồi từ các bên có liên quan, định kỳ các phòng chức năng đều tổ chức lấy ý kiến góp ý của các đơn vị, cá nhân trong nhà trường và bổ sung theo từng giai đoạn để cập nhật, điều chỉnh, cải tiến quy trình lấy ý kiến và nội dung phiếu hỏi nhằm tăng tính hiệu quả, độ tin cậy của hoạt động này. Trên cơ sở đó, hoạt động phản hồi sẽ giúp nhà trường khai thác được nhiều thông tin hữu ích hơn trong việc cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo [HT1.06.04.04].

2. Điểm mạnh

Cơ chế phản hồi các bên có liên quan đã được thiết lập có hệ thống và nhận được nhiều ý kiến đóng góp hữu ích cho các hoạt động của nhà trường và khoa về CTĐT, CTDH.

100% hoạt động lấy ý kiến phản hồi được thực hiện đúng quy trình, được định kỳ rà soát, điều chỉnh, cải tiến bổ sung phù hợp với yêu cầu thực tiễn; các ý kiến phản hồi đảm bảo độ tin cậy, hoạt động phản hồi của các bên có liên quan đảm bảo tính hiệu quả và được khoa tham khảo để điều chỉnh, cải tiến chương trình đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Trong khi lấy ý kiến các bên liên quan, một số người cho ý kiến phản hồi chưa chính xác, khách quan, trung thực gây nhiễu cho quá trình đánh giá. Có thể do chưa nắm rõ thông tin đầy đủ, mục đích, ý nghĩa của cuộc khảo sát hoặc do sự qua loa, nhanh chóng, không muốn mất thời gian cho việc khảo sát.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2020-2021, Nhà trường yêu cầu các phòng chức năng tiếp tục nghiên cứu để cải tiến về nội dung, hình thức, phương pháp tổ chức lấy ý kiến của các bên có liên quan đáp ứng mục đích đề ra, giúp nhà trường thực hiện tốt việc đánh giá CTĐT theo quy định. Đồng thời công tác lấy ý kiến phản hồi phải thông tin đầy đủ mục đích, ý nghĩa, mục tiêu, thông tin mẫu phiếu đến người học, giảng viên, các nhà tuyển dụng, các bên liên quan và nhấn mạnh tính trung thực, chính xác để nhằm đạt được mục tiêu đề ra.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm

Kết luận về tiêu chuẩn 10

Xác định được tầm quan trọng của hoạt động đảm bảo chất lượng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, Nhà trường đã thành lập bộ phận chuyên trách về công tác đảm bảo chất lượng và tổ chức triển khai các hoạt động một cách hệ thống, đồng bộ. Trong quá trình tổ chức triển khai, nhà trường đã ban hành nhiều văn bản quy định và các quy trình để mọi người cùng thấu hiểu, cùng tham gia giám sát và thực hiện để tăng cường hiệu quả của từng hoạt động cụ thể. Hoạt động lấy ý kiến các bên liên quan được triển khai đồng bộ, rộng khắp, tuân thủ chặt chẽ các bước theo đúng quy trình, quy định đã ban hành; kết quả lấy ý kiến được kiểm chứng, đánh giá về độ tin cậy và được sử dụng có hiệu quả trong việc cải tiến từng hoạt động của nhà trường và khoa.

Tuy nhiên, trong quá trình tổ chức thực hiện việc giám sát có đôi khi còn chưa thực sự sát sao; mẫu phiếu chưa được cập nhật thường xuyên nên thông tin thu được

chưa đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của Nhà trường và khoa trong việc cải tiến các hoạt động để nâng cao chất lượng, hình ảnh, uy tín và thương hiệu của đơn vị.

Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành ĐHSP Toán tự đánh giá tiêu chuẩn 10 đạt 6/6 tiêu chí (bình quân đạt 5.4/7 điểm).

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Mở đầu

Đánh giá chất lượng đầu ra đối với người học trước khi tốt nghiệp có vai trò đặc biệt quan trọng. Hằng năm, Nhà trường, Khoa KHTN đã thực hiện giám sát chặt chẽ chuẩn đầu ra của ngành ĐHSP Toán; thống kê tỷ lệ người học tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình, tỷ lệ người học thôi học làm cơ sở để cải tiến chương trình, nâng cao chất lượng đào tạo.

Hoạt động nghiên cứu khoa học của người học được quy định cụ thể, đảm bảo phù hợp với ngành học và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành ĐHSP Toán học. Nhà trường đã xây dựng quy trình dùng chung để triển khai, lấy ý kiến phản hồi của người học về chất lượng giảng dạy của giảng viên và chương trình đào tạo trước khi tốt nghiệp; khảo sát người học sau tốt nghiệp 01 năm, khảo sát nhà sử dụng lao động về chương trình đào tạo ngành ĐHSP Toán học. Đây là cơ sở để Nhà trường phân tích, đánh giá và có hướng để điều chỉnh chương trình đào tạo phù hợp với tình hình thực tế và nhu cầu của xã hội.

Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Để quản lý và giám sát cơ sở dữ liệu học tập của người học Nhà trường đã xây dựng hệ thống phần mềm quản lý đào tạo. Phòng QL đào tạo là đơn vị chức năng được giao nhiệm vụ quản lý công tác này [HT1.11.01.01]; tất cả cơ sở dữ liệu về người học, đặc biệt là danh sách người học thôi học, tốt nghiệp từng đợt (mỗi năm có 4 đợt) được cập nhật thường xuyên; việc thống kê số lượng người học ngành ĐHSP Toán học thôi học, tốt nghiệp được thực hiện thường xuyên theo từng khóa học (theo Quyết định) [HT1.11.01.02], [HT1.11.01.03].

Bảng 11.1.1 Tỷ lệ người học ngành ĐHSP Toán học tốt nghiệp 5 khóa (K14-K18) và thôi học 9 khóa (K14-K22)

Năm tuyển sinh	Số lượng người học	Tỷ lệ % người học hoàn thành chương trình trong thời gian			Tỷ lệ % người học thôi học trong thời gian				Khóa
		3,5 năm	4 năm	trên 4 năm	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Năm thứ 4 và tiếp theo	
2011	61		72,13	18,03	1,64	1,64	0,00	0,00	K14
2012	77		71,43	10,39	3,90	6,49	0,13	0,00	K15
2013	75		70,67	10,67	4,00	1,33	0,13	0,00	K16
2014	91		63,74	18,68	2,20	2,20	0,00	0,00	K17
2015	76		27,54	7,25	8,70	1,45	0,00	0,00	K18
2016	28		53,57	10,7	0,00	0,00	0,00	0,00	K19
2017	15				6,67	0,00	0,00	0,00	K20
2018	9				0,00	11,11	0,00	0,00	K21
2019	26				0,00	0,00	0,00	0,00	K22
Trung bình			59,8	12,62	3,01	2,69	0,03	0,00	

(Nguồn: Khoa KHTN, phòng Công tác HSSV)

Từ thống kê số liệu người học thôi học hằng tháng, học kỳ, năm học của ngành ĐHSP Toán học, Phòng Công tác HSSV, các khoa tổ chức hội nghị giao ban công tác người học hằng tháng, quý và học kỳ để phân tích, tìm hiểu nguyên nhân tại sao người học thôi học và đề xuất biện pháp [HT1.08.03.10], như:

Cố vấn học tập tăng cường tư vấn cho người học đăng ký môn học, tư vấn cách học, kỹ năng rèn nghề sư phạm, tổ chức các câu lạc bộ học thuật, sở thích, tạo sân chơi bổ ích cho người học và Đoàn thanh niên, Hội sinh viên hỗ trợ tích cực cho người học trong quá trình học tập [HT1.03.01.01], [HT1.08.04.03].

Sau mỗi học kỳ, năm học, Nhà trường chỉ đạo Tổ phân mềm in kết quả học tập của từng người học ngành ĐHSP Toán học theo khóa học. Để phân tích, tìm ra nguyên nhân đối với những người học chậm tiến độ, kết quả học tập chưa đạt ở mỗi học kỳ. Từ đó Khoa KHTN chỉ đạo Bộ môn Toán, Cố vấn học tập xây dựng kế hoạch, thời gian cụ thể gặp gỡ, trao đổi trực tiếp hoặc qua email, điện thoại, facebook, zalo... để tư vấn, hướng dẫn cho người học cách học các học phần còn nợ nhằm thúc đẩy người học sớm hoàn thành chương trình, tốt nghiệp đúng hạn, tăng tỷ lệ người học tốt nghiệp [HT1.05.04.01], [HT1.05.04.02], [HT1.05.04.03], [HT1.10.01.06].

So với một số nhóm ngành đào tạo sư phạm trong khoa và một số khoa khác trong trường thì tỷ lệ người học của ngành ĐHSP Toán học tốt nghiệp cao, trung bình 5 năm gần đây (K15-K19) là 74,10% (ĐHSP Hóa học 70,33%, ĐHSP Ngữ văn 66,42%, ĐHSP Lịch sử 63,05%), trong đó có 61,10% tốt nghiệp trong thời gian chính khóa (ĐHSP Hóa học 56,94%, ĐHSP Ngữ văn 45,01%, ĐHSP Lịch sử 39,11%) [HT1.11.01.04]. Song, thực tế cho thấy trong 9 khóa gần đây (K14-K22), vẫn còn 5,73% người học thôi học, chủ yếu là năm thứ nhất, thứ hai (5,7%) và 6,9% người học chưa thể tốt nghiệp [HT1.11.01.04], [HT1.11.03.01], , [HT1.11.04.05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có phần mềm quản lý, kịp thời theo dõi tỷ lệ người học thôi học, tốt nghiệp; khoa KHTN, cố vấn học tập đã làm tốt công tác quản lý, giám sát kết quả học tập của người học; kịp thời tư vấn, hỗ trợ cho người học chậm tiến độ, nợ môn. Vì thế, trung bình tỷ lệ người học tốt nghiệp 5 khóa gần đây (K14-K18) cao, đạt 74,10%.

3. Điểm tồn tại

Tỷ lệ người học thôi học trung bình của 9 khóa gần đây (K14-K22) là 5,73%, đặc biệt là người học năm thứ Nhất, thứ Hai (5,7%) và 6,9% người học chưa thể tốt nghiệp.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Nhà trường, khoa KHTN tăng cường công tác nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của người học, đặc biệt là người học năm thứ nhất. Thống kê người học chậm tiến độ, chưa hoàn thành môn học trong học kỳ, năm học để có kế hoạch, lịch tư vấn, hỗ trợ người học kịp thời để đăng ký môn học, tư vấn cách học.

Kết nối với nhà tuyển dụng lao động, các Sở Giáo dục và Đào tạo trong và ngoài tỉnh Thanh Hóa để ký kết trong tuyển dụng và hỗ trợ người học tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 6/7 điểm

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Thời gian của một khóa đào tạo là thời gian cần thiết cho những SV bình thường hoàn thành chương trình học tập của mình để được cấp bằng tốt nghiệp. Phòng QL Đào tạo là đơn vị chức năng được giao nhiệm vụ quản lý, giám sát thời gian tốt nghiệp của SV [HT1.11.01.02].

Chương trình đào tạo ngành ĐHSP Toán học được thiết kế 121 tín chỉ, trong khoảng thời gian chính khóa là 4 năm [HT1.01.01.01d], đối với hệ liên thông chính quy từ cao đẳng lên đại học, thời gian là 18 tháng [HT1.03.01.02], [HT1.05.04.11].

Trong 5 khóa gần đây, tỷ lệ trung bình người học ngành ĐHSP Toán học tốt nghiệp là 74,10%, trong đó có 61,10% tốt nghiệp trong thời gian khóa học và 13% tốt nghiệp sau 4 năm [HT1.05.04.01], [HT1.11.01.03].

Bảng 11.2.1. Tỷ lệ người học ngành ĐHSP Toán học tốt nghiệp trong 5 khoá (K14-K19)

Khóa tuyển sinh	Số lượng người học	Tỷ lệ % người học hoàn thành chương trình trong thời gian			Chưa tốt nghiệp	Khóa
		3 năm	4 năm	trên 4 năm		
2011-2015	61		72,13	18,03	3,28	K14
2012-2016	77		71,43	10,39	3,90	K15
2013-2017	75		70,67	10,67	8,00	K16
2014-2018	91		63,74	18,68	9,89	K17
2015-2019	76		68,42	7,25	9,21	K18
2016 -2020	28		53,57	10,7		K19
Trung bình			59,8	12,62	6,86	

(Nguồn: Khoa KHTN, phòng Công tác HSSV)

Nhà trường, khoa KHTN đã tìm hiểu, phân tích nguyên nhân người học chưa thể tốt nghiệp theo khóa học là do nợ các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng và chuẩn Tiếng Anh đầu ra. Từ đó Khoa KHTN chỉ đạo Bộ môn Toán, Cố vấn học tập xây dựng kế hoạch, thời gian cụ thể gặp gỡ, trao đổi trực tiếp hoặc qua email, điện thoại, facebook, zalo... để tư vấn, hướng dẫn cho người học cách học các học phần còn nợ, thúc đẩy người học sớm hoàn thành chương trình và tốt nghiệp [HT1.05.04.01], [HT1.10.01.06].

Trong 5 khóa gần nhất (K15-K19), trung bình tỷ lệ người học tốt nghiệp của ngành ĐHSP Toán học cao, đạt 82,28% (trung bình tỷ lệ tốt nghiệp đúng thời gian khóa học là 69,28%). Trong bối cảnh hiện nay, cả nước khó khăn trong tuyển sinh và

đào tạo nhóm ngành sư phạm, điều này càng cho thấy, Nhà trường, khoa KHTN đã có nhiều giải pháp hỗ trợ, tư vấn phù hợp để tăng tỷ lệ người học ngành ĐHSP Toán học tốt nghiệp và rút ngắn thời gian khóa học [HT1.11.01.01], [HT1.10.01.05].

2. Điểm mạnh

Trong 5 khóa gần đây (K14-K18) trung bình có 74,10% người học ngành ĐHSP Toán học tốt nghiệp, trong đó có 61,10% tốt nghiệp đúng thời gian khóa học và thời gian tốt nghiệp trung bình trong 5 khóa gần đây là 4,17 năm.

3. Điểm tồn tại

Sau mỗi năm học, phòng Quản lý đào tạo, khoa KHTN báo cáo tổng kết công tác đào tạo và công tác Cố vấn học tập của ngành ĐHSP Toán học. Tuy nhiên, báo cáo chưa đi sâu phân tích, đánh giá một cách khái quát các biện pháp hỗ trợ người học để rút ngắn thời gian tốt nghiệp.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2020-2021, Nhà trường, khoa KHTN, phân tích, đánh giá và thể hiện rõ hơn về các biện pháp hỗ trợ người học, nhất là các hoạt động tư vấn, hỗ trợ của Cố vấn học tập về cách học để rút ngắn thời gian tốt nghiệp.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 6/7 điểm

Tiêu chí 11.3: Tỷ lệ có việc làm sau khi tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Mục tiêu chung của tất cả người học sau khi tốt nghiệp là có việc làm đúng với chuyên ngành đã được đào tạo, mức thu nhập phù hợp với khả năng, môi trường làm việc chuyên nghiệp. Đây cũng là mục tiêu mà Khoa và Nhà trường đặt ra, cùng với nhà sử dụng lao động hợp tác trong đào tạo, tiếp nhận người học thực tập và tuyển dụng sau khi tốt nghiệp. Nhà trường đã có hệ thống giám sát quá trình học tập cũng như tỷ lệ người học có việc làm sau tốt nghiệp, đối sánh giữa các năm để tìm ra biện pháp cải tiến chương trình đào tạo. Điều đó đã và đang được thực hiện bằng nhiều biện pháp khác nhau như khảo sát trực tuyến, thông qua các hội nghị, hội thảo...

Hàng năm, phòng Công tác HSSV, khoa KHTN là đơn vị đầu mối triển khai, tổ chức thực hiện khảo sát người học sau 01 năm tốt nghiệp và lưu trữ đầy đủ dữ liệu về danh sách người học tốt nghiệp của ngành ĐHSP Toán học có việc làm, vị trí làm việc, mức thu nhập bình quân, đơn vị công tác [HT1.11.03.02].

Quy trình khảo sát được mô tả rõ ràng và logic để đảm bảo các thông tin này được thu thập một cách đầy đủ và chính xác, gồm: Lập danh sách thông tin người học đã tốt nghiệp hàng năm (theo đợt); lập phiếu khảo sát với các thông tin cần thiết (được Ban Chỉ đạo duyệt); gửi phiếu khảo sát đến người học đã tốt nghiệp sau 01 năm thông qua các kênh như: gửi EMS, email, điện thoại, zalo, facebook...; thu thập và xử lý thông tin trong phiếu khảo sát đã nhận lại; thống kê, tổng hợp và báo cáo kết quả điều tra và lưu trữ dữ liệu [HT1.11.03.02]. Nhờ có quy trình thực hiện và lưu trữ thông tin với các bước đầy đủ và hợp lý mà số liệu về tỉ lệ người học có việc làm trong vòng 12 tháng sau khi tốt nghiệp đảm bảo sự đầy đủ và có độ tin cậy cao [HT1.11.03.02].

Tính xác thực của số liệu được thể hiện qua các thông tin phản hồi trên Phiếu khảo sát của người tốt nghiệp đã có việc làm: Tên cơ quan, địa chỉ cơ quan, hợp đồng làm việc, mã số thuế, vị trí việc làm...). Từ đó xác định được tỉ lệ có việc làm, thu nhập bình quân của 5 khoá tốt nghiệp gần nhất trong giai đoạn đánh giá, tỉ lệ người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành đào tạo, tỉ lệ người học học thêm sau khi tốt nghiệp; tỉ lệ người học theo khu vực làm việc (trong hệ thống các cơ quan nhà nước, trong các đơn vị tư nhân hoặc tự tạo việc làm...) [HT1.11.03.02].

Theo Kết quả khảo sát tình hình việc làm của người học tốt nghiệp năm 2018 được công khai trên trang website của Nhà trường thì tỉ lệ người học tốt nghiệp sau 12 tháng của ngành ĐHSP Toán học có việc làm là 95,89%, trong đó tỉ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo là 53,42%... [HT1.11.03.02].

Nhà trường đã tiến hành phân tích, đối sánh tỉ lệ người học tốt nghiệp có việc làm giữa các chuyên ngành đào tạo, cụ thể:

Đối với ngành ĐHSP Vật lý có việc làm là 85,71%, trong đó tỉ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo là 40,48%; ĐHSP Hóa học có việc làm là 93,75%, trong đó tỉ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo là 43,75%; ĐHSP Sinh học có việc làm là 100%, trong đó tỉ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo là 18,18%; ĐHGĐ Tiểu học có việc làm là 82,83%, trong đó tỉ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo là 67,68%; ĐHSP Tiếng Anh học có việc làm là 91,55%, trong đó tỉ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo là 80,28% [HT1.11.03.02].

Như vậy, so với các ngành đào tạo sư phạm thì ĐHSP Toán học tỉ lệ người học có việc làm sau 12 tháng và có việc làm đúng ngành đào tạo tương đối cao. Tuy nhiên, chưa thực hiện đối sánh tỉ lệ người học tốt nghiệp có việc làm ngành ĐHSP Toán học của Nhà trường với ngành ĐHSP Toán học của các cơ sở đào tạo khác trong và ngoài nước.

Nhà trường, khoa KHTN đã tìm hiểu, thảo luận và phân tích nguyên nhân tại sao người học tốt nghiệp chưa có việc làm; các nguyên nhân này có thể xuất phát từ nhu cầu xã hội, sự đáp ứng của năng lực người học đã tốt nghiệp so với yêu cầu của đơn vị sử dụng lao động, mức độ đáp ứng yêu cầu của đơn vị sử dụng lao động so với yêu cầu của người lao động [HT1.11.03.02].

Trong những năm qua, Nhà trường đã khảo sát, trao đổi và làm việc với các đơn vị sử dụng lao động nhằm gắn kết cùng Nhà trường ở tất cả các khâu trong quá trình đào tạo và hỗ trợ tìm kiếm việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp như: Lấy ý kiến đánh giá về Chương trình đào tạo của các bên liên quan, nhận xét của đơn vị sử dụng lao động, của các cơ sở giáo dục, các doanh nghiệp đối với năng lực của người học trong quá trình kiến tập, thực tập cuối khoá, tổ chức Hội nghị việc làm, đăng tải nhiều thông tin tuyển dụng lên website, zalo, facebook, fanpag... để người học có thể tiếp cận và tìm kiếm cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp [HT1.11.03.01].

Ngoài ra, Nhà trường đã có nhiều hoạt động hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp, tổ chức cuộc thi ý tưởng sáng tạo, thi nghiệp vụ sư phạm, trước khi đi thực tập tốt nghiệp cuối khoá, khoa KHTN và Bộ môn Toán tiến hành tập huấn các kỹ năng cần thiết để người học có thêm kinh nghiệm, nâng cao kiến thức, kỹ năng khi đến các trường thực tập; Kết quả khảo sát sinh viên tốt nghiệp năm 2019 (K17), 2018 (K16), trong số người học của ngành ĐHSP Toán học có việc làm sau 01 năm tốt nghiệp, có từ 1,69 - 8,22% người học tự tạo được việc làm cho bản thân và có thể tạo việc làm cho nhiều người khác [HT1.11.03.02].

2. Điểm mạnh

Đa số SV tốt nghiệp ngành SP Toán đều có việc làm phù hợp sau khi tốt nghiệp. Nhà trường có nhiều hoạt động để hỗ trợ nhằm tăng tỷ lệ người học có việc làm sau khi tốt nghiệp. Khoa và Nhà trường tiến hành khảo sát đối với tất cả các khóa SV tốt nghiệp về tình trạng việc làm từ đó có thông tin đầy đủ về tình trạng tốt nghiệp để giám sát đối sánh nhằm cải tiến chất lượng.

3. Điểm tồn tại

Chưa thực hiện đối sánh tỉ lệ người học tốt nghiệp có việc làm ngành ĐHSP Toán học của Nhà trường với ngành ĐHSP Toán học của các cơ sở đào tạo khác trong và ngoài nước.

- Tỷ lệ người học có việc làm đúng chuyên ngành đào tạo thấp, kết quả khảo sát 5 khóa tốt nghiệp từ năm 2014 - 2018 (K13 - K17) trung bình là 34,94%. Điều này phản ánh tình trạng chung của xã hội về nhu cầu việc làm của khối ngành sư phạm sau

khi tốt nghiệp, song nó cũng phản ánh một phần về chất lượng đào tạo của Nhà trường về ngành ĐHSP Toán học.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2020 - 2021, khoa KHTN, tập trung phân tích, đối sánh tỉ lệ người học tốt nghiệp có việc làm của ngành đào tạo ĐHSP Toán học giữa Trường Đại học Hồng Đức với một số trường đào tạo ngành sư phạm Toán học, như: ĐHSP Hà Nội, ĐHSP Hà Nội 2, ĐH Giáo dục- ĐHQG Hà Nội, ĐHSP- ĐH Đà Nẵng, ĐH Vinh, ĐH Cần Thơ, ĐH Đồng Tháp, ĐHSP TP HCM, ĐH Sài Gòn, ĐH Hùng Vương... Tăng cường hỗ trợ người học trong việc tư vấn, tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp, nâng tỷ lệ người học có việc làm đúng chuyên ngành đào tạo lên trên 60%.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm

Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Nhà trường, khoa KHTN xác định hoạt động NCKH của người học có vai trò hết sức quan trọng trong quá trình học tập góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, vị thế của ngành Toán học nói riêng và khoa KHTN, Nhà trường nói chung. Đầu mỗi năm học, Nhà trường triển khai văn bản, kế hoạch NCKH đến toàn thể người học để người học chủ động đăng ký và thực hiện; các hoạt động NCKH của người học bao gồm: thực hiện đề tài thuộc lĩnh vực được đào tạo và các lĩnh vực khác phù hợp với khả năng của người học; tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học, sinh hoạt học thuật, hội thi sáng tạo KHCN, câu lạc bộ khoa học, các giải thưởng KHCN ở trong, ngoài nước và các hình thức hoạt động KHCN khác của người học; tham gia đề tài, đề án, dự án KHCN các cấp cùng giảng viên và nghiên cứu viên của Nhà trường; tham gia triển khai ứng dụng tiến bộ KHCN vào thực tiễn trong các lĩnh vực kinh tế-xã hội, giáo dục và đào tạo, an ninh, quốc phòng; công bố các kết quả NCKH của người học [HT1.11.04.01].

Đối với ngành ĐHSP Toán học, trong 5 năm học qua người học đã thực hiện được nhiều đề tài có chất lượng, được Hội đồng nghiệm thu đánh giá cao, cụ thể:

Bảng 11.4.1. Bảng tổng hợp kết quả NCKH của người học ngành ĐHSP Toán học trong 5 năm học (từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2019 - 2020)

Hạng mục		Năm học										Tổng	
		2015-2016		2016-2017		2017-2018		2018-2019		2019-2020			
SV tham gia/Số lượng đề tài		SV	ĐT	SV	ĐT	SV	ĐT	SV	ĐT	SV	ĐT	SV	ĐT
Đề tài	Cấp khoa	0	0	5	1	11	4	2	2	0	0	18	7
	Cấp trường	3	3	2	2	4	2	5	5	0	0	14	13
	Cấp bộ	0	0	0	0	1	1	0	0	0	0	1	1

	Cấp NN	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	3	3	7	3	16	7	7	7	0	0	33	20
Kinh phí thực hiện (triệu đồng)		3.0		3.0		7.0		7.0		0		20.0	

(Nguồn: Khoa KHTN, Phòng QLKH&CN) [HT1.11.04.02]

Kết quả bảng trên cho thấy, từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020, ngành ĐHSP Toán học đã có 43 lượt người học tham gia NCKH với tổng số 28 đề tài các cấp, được Hội đồng đánh giá đạt chất lượng từ loại tốt trở lên, trong đó nhiều đề tài đạt loại xuất sắc đã được nhà trường và các cấp khen thưởng [HT1.11.04.02], [HT1.11.04.03].

Nhà trường đã ban hành quy định, quy trình về hoạt động NCKH của người học nhằm giám sát tốt hoạt động này [HT1.11.04.04]. Hằng năm, sau khi người học đăng ký tên đề tài nghiên cứu, khoa KHTN, Bộ Môn Toán thành lập Hội đồng cấp khoa xem xét, đánh giá chất lượng đề tài, nếu đủ điều kiện Khoa sẽ gửi về Nhà trường qua phòng QLKH&CN, căn cứ vào hồ sơ, phòng QLKH&CN tham mưu cho Hiệu trưởng thành lập Hội đồng đánh giá, nếu đạt yêu cầu Hiệu trưởng ra Quyết định cho người học thực hiện đề tài, trong quá trình thực hiện Nhà trường kiểm tra, giám sát và thành lập Hội đồng thẩm định, đánh giá khi hoàn thành đề tài [HT1.11.04.05].

Nhà trường giao phòng QLKH&CN là đầu mối theo dõi, giám sát và đánh giá loại hình nghiên cứu và hoạt động NCKH của người học thông qua các kế hoạch, quy định/hướng dẫn đề tài nghiên cứu, nguồn kinh phí đầu tư cho NCKH của người học; hồ sơ theo dõi tiến độ, đánh giá sản phẩm nghiên cứu, hỗ trợ, công bố [HT1.10.04.04, HT1.10.04.05, HT1.10.04.06, HT1.11.04.07]. Đối với người học ngành ĐHSP Toán học luôn tích cực tham gia NCKH, từ cấp Khoa đến cấp Bộ, loại hình nghiên cứu đa dạng, ngoài ra còn tham gia viết bài cho Hội thảo khoa học các cấp, thực hiện các bài tập lớn, tiểu luận... các hoạt động nghiên cứu, kết quả NCKH của người học hằng năm được thống kê, tổng hợp và đăng tải trên website của Nhà trường [HT1.11.04.06].

Cuối mỗi năm học, Nhà trường tổ chức Hội nghị tổng kết hoạt động NCKH nhằm đánh giá về số lượng, chất lượng các đề tài trên từng lĩnh vực nghiên cứu và đề xuất phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ KHCN cho những năm tiếp theo. Tuy nhiên, báo cáo chưa thể hiện được việc đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học ngành ĐHSP Toán học với các ngành khác trong trường và ngành ĐHSP Toán học của các trường khác trong và ngoài nước [HT1.11.04.05].

Nhằm hỗ trợ cho hoạt động nghiên cứu khoa học phù hợp với xu thế phát triển và khả năng của người học, Nhà trường đã có nhiều giải pháp để hỗ trợ và ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ, quy định mức kinh phí hỗ trợ cho 1 đề tài là 1 triệu đồng, nếu

đề tài được chọn dự thi cấp Bộ sẽ được hỗ trợ thêm 1 triệu đồng, nếu có giải cấp Bộ được hỗ trợ thêm từ 1 - 2 triệu đồng; đề tài dự thi cấp ngành được tính = ½ cấp Bộ; giảng viên hướng dẫn người học thực hiện đề tài được tính giờ NCKH theo quy định. Ngoài ra, người học tham gia NCKH được cộng điểm rèn luyện ở mỗi học kỳ, mức 4 điểm [HT1.11.04.07].

Đối với giảng viên Bộ ngành Toán, khoa KHTN hướng dẫn người học NCKH cũng là một trong những nhiệm vụ quan trọng. Theo quy định, mỗi giảng viên được hướng dẫn không quá 03 đề tài NCKH của người học, mỗi đề tài không quá 5 người học tham gia, trong đó phải có 01 người là Chủ nhiệm đề tài. [HT1.06.02.07]

2. Điểm mạnh

Loại hình và số lượng các hoạt động NCKH được xác lập và giám sát; người học ngành ĐHSP Toán học tham gia NCKH từ cấp Khoa đến cấp Bộ và đã đạt nhiều giải thưởng cao.

3. Điểm tồn tại

- Kinh phí dành cho hoạt động NCKH của người học thấp, dẫn đến chất lượng các đề tài còn nhiều hạn chế.

- Chưa thể hiện được việc đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học ngành ĐHSP Toán học với các ngành khác trong trường và ngành ĐHSP Toán học của các trường khác trong và ngoài nước.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Nhà trường nghiên cứu để điều chỉnh tăng mức kinh phí dành cho hoạt động NCKH của người học và thường xuyên kết nối, tìm kiếm sự hỗ trợ từ các nhà tài trợ, doanh nghiệp, các ngành chức năng để triển khai thực hiện một số hoạt động NCKH trọng điểm về lĩnh vực khoa học cơ bản.

Trong báo cáo tổng kết hoạt động NCKH của người học sẽ tập trung phân tích, đánh giá, đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học ngành ĐHSP Toán học với các ngành khác trong trường và ngành ĐHSP Toán học của các trường khác trong và ngoài nước.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 6/7 điểm

Tiêu chí 11.5: Mức độ hài lòng của các bên có liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh

1. Mô tả

Trong năm qua, Nhà trường không ngừng cải tiến, điều chỉnh chương trình đào tạo đáp ứng những nhu cầu xã hội nhằm phát huy tối đa năng lực người học trên cơ sở xác lập mức độ hài lòng của các bên liên quan về hoạt động đào tạo [HT1.11.05.01].

Đầu mỗi năm học, Nhà trường xây dựng kế hoạch, triển khai và tổ chức khảo sát, lấy ý kiến của các bên liên quan về chương trình đào tạo, mục tiêu đào tạo, cấu trúc chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy, khả năng đáp ứng nhu cầu xã hội của chương trình đào tạo, chất lượng đội ngũ giảng viên trong đào tạo và NCKH, chất lượng người học sau khi tốt nghiệp, chất lượng các dịch vụ hỗ trợ, cơ sở vật chất của nhà trường, môi trường cảnh quan học tập, chất lượng phục vụ của đội ngũ kỹ thuật viên, ... Kết quả khảo sát cho thấy mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với CTĐT ĐHSP Toán đều ở mức cao (trên 90%) [HT1.11.05.01-04]; [HT1.10.02.06]; [HT1.10.01.09]. Hơn nữa, Nhà trường và Khoa KHTN đã phân tích, đối sánh kết quả khảo sát qua các năm để điều chỉnh CTĐT ngành ĐHSP Toán học theo hướng phát huy năng lực người học, giảm thời lượng lý thuyết, tăng thời lượng rèn nghề sư phạm, thực tập, ... dần đáp ứng được yêu cầu của các bên liên quan.

Phòng Công tác HSSV là đầu mối triển khai, thống kê, tổng hợp, phân tích kết quả khảo sát tình hình việc làm và thu nhập của người học sau tốt nghiệp và chất lượng đào tạo tại các đơn vị sử dụng lao động; Phòng ĐBCL&KT là đầu mối triển khai, thống kê, tổng hợp, phân tích kết quả lấy ý kiến của người học về chất lượng giảng dạy của giảng viên và chương trình đào tạo [HT1.10.01.02]; [HT1.10.01.03]; [HT1.06.04.04];

Bên cạnh đó, Khoa KHTN thường xuyên tổ chức các hoạt động khảo sát, tiếp nhận ý kiến phản hồi của doanh nghiệp, cựu SV, GV và SV thông qua các Hội thảo về xây dựng CTĐT [HT1.10.01.08]; [HT1.10.01.09]; [HT1.10.02.07]. Ý kiến đóng góp của các bên liên quan là cơ sở để khoa KHTN đối sánh, xây dựng kế hoạch cải tiến, điều chỉnh chương trình đào tạo phù hợp với nhu cầu xã hội và thực tiễn góp phần nâng cao chất lượng đào tạo [HT1.10.01.08] ; [HT1.10.02.01]

Tuy nhiên, mức độ hài lòng của các bên liên quan về chương trình đào tạo ngành ĐHSP Toán học chưa được đối sánh với cùng chương trình hay các chương trình đào tạo khác của các cơ sở giáo dục khác trong và ngoài nước.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã giao nhiệm vụ cho Phòng KT&ĐBCLGD và Phòng CTSV chuyên trách thực hiện khảo sát, tiếp cận nhận thông tin phản hồi từ các bên liên quan. Vì vậy, Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng CTĐT.

3. Điểm tồn tại

- Mức độ hài lòng của các bên liên quan về CTĐT ngành ĐHSP Toán học chưa được đối sánh giữa các năm; chưa đối sánh với CTĐT ngành ĐHSP Toán học với các ngành học trong trường, và các trường đại học khác trong và ngoài nước.

- Phiếu khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan chưa thể hiện rõ về các hoạt động hỗ trợ, dịch vụ công, cảnh quan môi trường...

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Nhà trường, khoa KHTN phân tích, đánh giá và đối sánh mức độ hài lòng của các bên liên quan về chương trình đào tạo ngành ĐHSP Toán học chưa được đối sánh giữa các năm hoặc đối sánh với cùng chương trình hay các chương trình đào tạo khác của các cơ sở giáo dục khác trong và ngoài nước sẽ.

- Ban hành được Quy định về lấy ý kiến của các bên liên quan về phục vụ cộng đồng; bổ sung các nội dung khảo sát vào Phiếu khảo sát cho phù hợp với tình hình thực tế và yêu cầu của đánh giá chương trình đào tạo.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 5/7 điểm

Kết luận về tiêu chuẩn 11

Nhờ sự theo dõi hỗ trợ thường xuyên và cải tiến kịp thời, số lượng SV cảnh báo học vụ, thôi học của CTĐT ngành ĐHSP Toán giảm rõ rệt. Tỷ lệ SV tốt nghiệp xếp loại khá giỏi ngày càng chiếm tỷ lệ cao đồng thời tích cực tham gia các hoạt động NCKH, các cuộc thi ý tưởng sáng tạo, ... SV ngành ĐHSP Toán sau khi tốt nghiệp có trình độ chuyên môn vững vàng, có khả năng thích ứng cao với yêu cầu thực tế nên đã nhanh chóng có việc làm và được các nhà tuyển dụng phản hồi tích cực.

Tuy nhiên, trong thời gian tới Khoa sẽ đề ra những giải pháp hữu hiệu giảm bớt số lượng SV năm thứ nhất nghỉ học và có cơ chế phù hợp để thu hút nhiều hơn nữa số lượng SV tham gia vào các hoạt động NCKH. Bên cạnh đó, hoạt động lấy ý kiến của các bên liên quan cũng sẽ được tiến hành một cách có hệ thống và khai thác triệt để các thông tin thu được.

Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành ĐHSP Toán tự đánh giá tiêu chuẩn 11 đạt 5/5 tiêu chí Đạt yêu cầu (mức đạt 5,6/7 điểm).

Phần III. Kết luận

Trường ĐH Hồng Đức, Khoa KHTN học đã tiến hành công tác tự đánh giá chất lượng CTĐT của ngành ĐHSP Toán một cách nghiêm túc, đúng quy định, đảm bảo kết quả tự đánh giá chính xác, phản ánh đúng thực trạng chất lượng CTĐT của ngành ĐHSP Toán, qua đánh giá thấy được những mặt mạnh, những mặt còn hạn chế trong công tác quản lý, đào tạo, công tác chuyên môn của Khoa KHTN, từ đó đề xuất biện pháp khắc phục để cải tiến chất lượng CTĐT, cụ thể:

1. Những điểm mạnh của chương trình đào tạo ngành ĐHSP Toán

(i) Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT cử nhân ĐHSP toán đã được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường và mục tiêu của Luật giáo dục đại học đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội về giảng dạy toán.

CTĐT được cập nhật các nội dung mới nhất của chương trình giáo dục phổ thông mới, phù hợp với thực tế.

CĐR của CTĐT ĐHSP Toán được thiết kế rõ ràng phản ánh được mục tiêu của CTĐT và xác định cụ thể được mức năng lực SV tốt nghiệp cần đạt được. Qua đó phát huy năng lực chủ động, sáng tạo của SV, đồng thời tạo môi trường thuận lợi cho SV khai thác thông tin học tập và phát huy tính sáng tạo cùng với các điều kiện thuận lợi cho SV phát triển năng lực nghề nghiệp, giao lưu học hỏi và tích lũy được nhiều kinh nghiệm giảng dạy cần thiết trước khi ra trường dưới sự hỗ trợ từ phía giảng viên hoặc cố vấn học tập; đảm bảo khối lượng kiến thức, kỹ năng người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT và khuyến khích khả năng học tập suốt đời cho người học.

Chuẩn đầu ra CTĐT ngành ĐHSP Toán được xây dựng trên cơ sở các quy định hiện hành, có sự tham gia góp ý của các bên liên quan; được định kỳ rà soát và công bố công khai dưới nhiều hình thức để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

(ii). Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

Bản mô tả là thể hiện rõ ràng, đầy đủ và cập nhật các thông tin cần thiết về CTĐT ĐHSP Toán tại Trường ĐHHĐ. Bản mô tả đã xây dựng được ma trận hồ sơ năng lực, phản ánh đúng cấu trúc CTĐT theo định hướng phát triển các năng lực nghề nghiệp - đích hướng tới của quá trình đào tạo.

Qua bản mô tả này, người học và xã hội hiểu được lộ trình dự kiến toàn bộ khóa học cũng như phương pháp dạy – học và kiểm tra đánh giá nhằm đạt được CĐR của ngành.

Nhà trường đã ban hành đầy đủ các quy định về việc xây dựng, điều chỉnh, bổ sung ĐCCT học phần đào tạo theo hệ thống tín chỉ; 100% ĐCCT học phần được chuẩn hóa theo quy định của Nhà trường, được Hội đồng khoa thẩm định, phê duyệt và Nhà trường tổ chức đánh giá.

ĐCCT thuộc CTĐT ngành ĐHSP Toán cơ bản bám sát mục tiêu, nội dung CTĐT và liên tục cập nhật, phù hợp với yêu cầu của từng CTĐT theo từng khoá tuyển sinh, theo ý kiến phản hồi tích cực của người dạy, SV.

Khoa KHTN và nhà trường đã đa dạng các hình thức công khai Bản mô tả CTĐT và ĐCCT các học phần để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận, giúp cho SV có kế hoạch học tập và phương pháp học tập phù hợp để đạt được kết quả mong đợi; giúp cho GV phụ trách học phần trong CTĐT hiểu rõ kiến thức SV cần nắm được sau khi kết thúc học phần; giúp cho nhà tuyển dụng biết được các kỹ năng đạt được của SV khi tốt nghiệp.

(iii). Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

CTDH của ngành ĐHSP Toán được thiết với các học phần có nội dung bao trùm các CDR của CTĐT. Cấu trúc các học phần trong CTĐT đảm bảo tỷ lệ hợp lý giữa các khối kiến thức. Đề cương chi tiết các học phần trong khối kiến thức đều thể hiện tính gắn kết, liền mạch giúp chương trình dạy học trở thành một khối thống nhất.

Đa dạng hóa các hình thức dạy học và kiểm tra đánh giá trong quá trình học tập của người học, giúp người học phát huy năng lực của bản thân, tăng khả năng thích ứng với nghề nghiệp trong tương lai, tăng cơ hội để người học đạt được CDR.

Nội dung chi tiết của từng học phần trong CTDH thể hiện rõ mục tiêu, yêu cầu của từng học phần và có sự gắn kết với các học phần trong các khối kiến thức khác nhằm đảm bảo quá trình dạy – học và đánh giá đạt được mục tiêu của chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo ngành ĐHSP Toán.

Chương trình dạy học đáp ứng được năng lực của SV tốt nghiệp, SV có khả năng đáp ứng được các yêu cầu của công việc như: giảng dạy, nghiên cứu... Cấu trúc chương trình dạy học chú trọng cả chiều rộng lẫn chiều sâu. Các cán bộ giảng viên của khoa luôn có ý thức cập nhật, điều chỉnh nội dung đào tạo ở mỗi học phần, nhằm trợ giúp tốt hơn cho SV trong việc đạt được kết quả đầu ra.

CTDH ngành ĐHSP Toán được thiết kế với cấu trúc hợp lý, logic giữa các khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành và khối kiến thức chuyên ngành phù hợp. CTDH giúp người học có kế hoạch học tập và phương pháp học tập, nghiên cứu phù hợp với mục tiêu của từng học phần. CTDH được thiết kế theo trình tự hợp lý và có hệ thống, mang tính tích hợp cao và đáp ứng được năng lực của người học sau khi tốt

nghiệp, có khả năng đáp ứng được những yêu cầu của công việc. Các học phần trong chương trình luôn luôn được cập nhật, điều chỉnh nhằm trợ giúp tốt hơn cho SV trong viên đạt được CĐR. Các học phần được thiết kế đề cao tính đặc trưng của ngành. Các học phần chuyên sâu được xây dựng có tác dụng bổ trợ lẫn nhau, giúp SV lĩnh hội sâu sắc những kiến thức lý thuyết và thực hành trong ngành đào tạo.

(iv). Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy học

Mục tiêu đào tạo của ngành được phổ biến tới tất cả các bên liên quan, đặc biệt là tới giảng viên và SV bằng nhiều kênh như website, niên lịch.

Mục tiêu này đã được sự đóng góp ý kiến xây dựng của các chuyên gia ở các trường đại học, các Viện nghiên cứu, cơ sở giáo dục.

Các CBGV trong Khoa luôn ý thức được việc đổi mới phương pháp dạy học giữ vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo; trong giảng dạy các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng, linh hoạt, thường xuyên được điều chỉnh cho phù hợp với từng lớp, từng khóa, từng năm học nhằm đạt chuẩn đầu của CTĐT.

Môi trường dạy và học thân thiện, có sự hợp tác, hỗ trợ và cởi mở.

Các hoạt động dạy và học tạo điều kiện cho người học rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

Các học phần phương pháp dạy học yêu cầu sinh viên quay video bài giảng của mình để lưu lại, tạo điều kiện thuận lợi cho giảng viên và sinh viên cùng đóng góp ý kiến góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy của sinh viên trước khi tốt nghiệp.

(v). Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học

Việc đánh giá kết quả học tập của CTĐT ngành ĐHSP Toán luôn bám sát các yêu cầu của CĐR. Nội dung đánh giá trong ngân hàng câu hỏi thi đều thể hiện được từng cấp độ: Biết, hiểu, vận dụng, phân tích, tổng hợp. Đối với học phần Kiến tập, Thực tập sư phạm của sinh viên ngành ĐHSP Toán, Khoa, Nhà trường đã xây dựng được hệ thống cơ sở thực tập là các trường THPT trên địa bàn và hằng năm gửi SV xuống thực tập, kiến tập.

Kết quả đánh giá của SV được thông báo rộng rãi, tạo chủ động cho người học, đồng thời giúp giảng viên có kế hoạch kiểm tra đánh giá với từng học phần. Công tác đánh giá kết quả học tập thực hiện theo đúng quy trình kiểm tra đánh giá, đảm bảo nghiêm túc khách quan, công bằng phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu học phần, phù hợp với CĐR.

Hệ thống các văn bản quy định về đánh giá kết quả học tập của người học là đầy đủ, rõ ràng và được công bố công khai đến người học bằng nhiều hình thức.

Người học biết, hiểu rõ các quy định về công tác kiểm tra đánh giá của Khoa, Nhà trường và nhất trí cao với các quy định hiện có.

Công tác đánh giá kết quả học tập của Khoa theo đúng quy trình, việc kiểm tra đánh giá đảm bảo đúng thực tế, chính xác, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu học phần, của ngành, giúp người học tự tin, hăng say, nâng cao năng lực sáng tạo trong học tập.

Các học phần trong CTĐT ngành ĐHSP Toán đều được xây dựng các ngân hàng câu hỏi thi, đảm bảo phủ đều các mảng kiến thức của học phần, hạn chế việc học tủ, học lệch của người học.

Nhà trường đã có đầy đủ quy định về việc phản hồi kết quả đánh giá của NH, có các hệ thống văn bản liên quan đến hoạt động chấm thi xét và cấp bằng tốt nghiệp. Hệ thống văn bằng được cấp đúng quy định, sổ cấp văn bằng rõ ràng, thuận tiện cho việc theo dõi và kiểm tra. Danh sách sinh viên được cấp bằng tốt nghiệp của khoa KHTN được thông báo và công bố rõ ràng trên trang Website của Trường.

Người học có nhiều kênh để có thể phản ánh kết quả học tập như thông qua giảng viên, cố vấn học tập, bộ môn và các trợ lý khoa.

(vi). Tiêu chuẩn 6: Chất lượng đội ngũ giảng viên

Nhà trường đã ban hành Kế hoạch chiến lược về phát triển đội ngũ giai đoạn 2010-2020 theo từng đơn vị.

Quy hoạch phát triển đội ngũ phù hợp với thực tiễn của đơn vị và được triển khai đúng tiến độ, được đánh giá, điều chỉnh phù hợp với từng giai đoạn.

Đội ngũ GV, NCV kịp thời được bổ sung về số lượng, nâng cao về chất lượng đáp ứng yêu cầu ngày càng cao yêu cầu phát triển của xã hội về chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Đội ngũ cán bộ giảng viên của khoa ngành ĐHSP Toán cơ bản đáp ứng tốt thực hiện nhiệm vụ giảng dạy trong khoa. Ngoài ra, còn có một số GV có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm cao của các đơn vị trong và ngoài trường cùng chuyên môn tham gia giảng dạy các học phần đáp ứng tốt yêu cầu về đội ngũ GV của CTĐT.

Tỷ lệ giảng viên/ người học đáp ứng yêu cầu của quy định hiện hành, năm 2020 là 2,42 SV/1 GV và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên được xác định và được giám sát bởi bộ môn, khoa và các đơn vị chức năng trong nhà trường, góp phần cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học phục vụ cộng đồng.

Trình độ giảng viên ngày một nâng cao, có năng lực nghề nghiệp vững vàng, có thành tích nghiên cứu khoa học tốt đáp ứng nhu cầu trong việc triển khai nhiệm vụ của khoa, góp phần đáng kể vào thành tích nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế của nhà trường. Giảng viên tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng và được đánh giá cao.

Khoa đã tổ chức lấy ý kiến, thảo luận, thống nhất xây dựng và tham mưu để nhà trường ban hành tiêu chí tuyển dụng cụ thể, phù hợp với chuyên ngành, góp phần tuyển dụng được đội ngũ giảng viên đáp ứng các tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, tin học, ngoại ngữ, nghiên cứu khoa học.

Tiêu chí tuyển dụng được công bố công khai và giúp các ứng viên dễ dàng tiếp cận, từ đó khoa đã tuyển dụng được đội ngũ GV có đủ năng lực giảng dạy, có nhiều thành tích trong nghiên cứu khoa học và giảng dạy, tuân thủ nghiêm túc các chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước và đạo đức nhà giáo.

Nhà trường đã ban hành tiêu chí xác định năng lực của đội ngũ GV trên cơ sở các ý kiến đóng góp của các bên có liên quan, được công bố công khai và thống nhất dùng chung trong toàn trường.

Các hoạt động đánh giá năng lực GV được quy trình hóa và được thực hiện đảm bảo nghiêm túc, thông tin thu được đảm bảo chính xác.

Kết quả đánh giá năng lực hoạt động của đội ngũ GV được lưu trữ hằng năm và đối sánh giữa các năm giúp GV phát huy ưu điểm, khắc phục nhược điểm, nâng cao năng lực thực hiện nhiệm vụ, góp phần nâng cao năng lực người học đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của xã hội.

Nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên thiết thực, phong phú. Khoa và Nhà trường có cơ chế hỗ trợ, khuyến khích giảng viên tham gia các CTĐT thạc sỹ, tiến sỹ, các khóa đào tạo ngắn hạn (giảm định mức, hỗ trợ kinh phí đào tạo...) Các hoạt động triển khai các khóa đào tạo, tập huấn cho giảng viên chất lượng, hiệu quả.

Việc quản lý, xác nhận kết quả khối lượng công tác, kết quả bình xét thi đua khen thưởng, tiêu chuẩn được tăng lương trước thời hạn đối với đội ngũ giảng viên luôn được thực hiện công khai, minh bạch, kịp thời, lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị, công tác chuyên môn làm thước đo khen thưởng, đặc biệt quan tâm phát hiện nhân tố mới, tăng cường khen thưởng đột xuất. Khen thưởng được thực hiện chặt chẽ, giúp cho công tác quản trị theo kết quả công việc được triển khai tích cực trong Nhà trường và Khoa.

Việc khen thưởng hàng năm đã tạo động lực cho giảng viên trong công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác của Khoa và Nhà trường.

Đội ngũ giảng viên được đào tạo chính qui, có trình độ chuyên môn phù hợp, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ giảng dạy và NCKH. Khối lượng giờ khoa học được xác lập, quy đổi đúng quy định, quá trình thực hiện được giám sát chặt chẽ có thưởng/ phạt nghiêm minh. Số lượng đề tài các cấp, hội thảo khoa học hằng năm và bài báo đăng trên tạp chí khoa học có số lượng lớn và chất lượng tốt.

(vii). Tiêu chuẩn 7: Chất lượng đội ngũ cán bộ hỗ trợ

Đội ngũ nhân viên của Khoa, Nhà trường đủ về số lượng, có trình độ chuyên môn cơ bản phù hợp với vị trí việc làm, có kỹ năng, tay nghề vững vàng; được quan tâm, tạo điều kiện về thời gian, kinh phí để tham gia các chương trình, dự án, các lớp đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn hoặc tập huấn nghiệp vụ, đáp ứng được cơ bản các yêu cầu phục vụ dạy học và NCKH và được người học tin tưởng, đánh giá cao.

Đội ngũ cán bộ CNTT và trung tâm thông tin thư viện hỗ trợ người học có thái độ phục vụ nghiêm túc, thành thạo nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu chương trình đào tạo và được người học đánh giá cao.

Khoa đã tuyển dụng đội ngũ nhân viên đáp ứng chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Các ứng viên sau khi được tuyển dụng có đủ năng lực thực hiện tốt nhiệm vụ của mình.

Tiêu chí tuyển dụng bổ nhiệm và điều chuyển được Nhà trường công khai đầy đủ trên hệ thống website, được phổ biến đến toàn thể CBVC-LĐ trong trường và được công khai qua các phương tiện thông tin (đài, báo của Tỉnh) vào các đợt tuyển dụng.

Nhà trường có tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên một cách cụ thể rõ ràng; hoạt động đánh năng lực của đội ngũ nhân viên được thực hiện công khai, khách quan, công bằng.

Nhà trường và khoa đã xác định đúng nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên hỗ trợ và được triển khai thực hiện đúng quy hoạch đào tạo bồi dưỡng đã được xác định.

Nhà trường đã có cơ chế chính sách và dành nguồn kinh phí phù hợp đáp ứng yêu cầu học tập bồi dưỡng của đội ngũ nhân viên phục vụ nói riêng và CBGV nói chung.

Khoa có sự phân công công việc cho đội ngũ nhân viên một cách rõ ràng, có cơ chế giám sát chặt chẽ trong việc thực hiện nhiệm vụ, lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị làm thước đo khen thưởng.

(viii). Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Nhà trường đã ban hành quy trình tuyển sinh để thống nhất dùng chung trong toàn trường; Chính sách tuyển sinh của khoa, nhà trường mang tính lượng hóa (quy định về số điểm trúng tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh) giúp cho Khoa có thể tuyển được thí sinh có kết quả thi tuyển từ cao xuống thấp; chính sách tuyển sinh, chương trình đào tạo còn được công bố công khai dưới nhiều hình thức để các bên có liên quan dễ dàng tiếp cận và cập nhật hằng năm phù hợp với quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Nhà trường đã hình thành được một hệ thống giám sát sự tiến bộ của người học về kết quả học tập, rèn luyện chặt chẽ từ cấp Trường đến cấp Khoa; những quy định về cách tính điểm học tập thể hiện rõ trong đề cương chi tiết học phần, cách tính điểm rèn luyện rất công khai minh bạch và thực hiện nghiêm túc theo quy định. Kết quả học tập, rèn luyện của người học được lưu giữ, cập nhật và theo dõi chặt chẽ, có những tư vấn hỗ trợ kịp thời giúp người học phấn đấu trau dồi chuyên môn, tăng cường kỹ năng sống, có trách nhiệm với bản thân và cộng đồng.

Khoa có một hệ thống quản lý người học chặt chẽ, nhiều cấp, do đó kịp thời hỗ trợ cho người học những vấn đề liên quan đến quá trình học tập và rèn luyện.

Nhà trường, Khoa KHTN đã cung cấp đầy đủ thông tin cho người học về nhà trường, khoa và CTĐT ngành ĐHSP Toán; kịp thời giải quyết các ý kiến kiến nghị của người học thông qua các hội nghị đối thoại ở các cấp; người học dễ dàng tiếp cận và áp dụng hiệu quả thông tin tư vấn, hỗ trợ trong học tập, NCKH và sinh hoạt ngoại khóa.

Môi trường cảnh quan nhà trường đảm bảo thuận tiện cho công tác đào tạo; đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn về người và tài sản trong toàn bộ khuôn viên trường; môi trường sư phạm đảm bảo xanh, sạch và đẹp, SV khoa KHTN được phát triển đầy đủ cả về thể chất và tinh thần, phát huy tính chủ động trong học tập và NCKH. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan cho SV luôn được Khoa và Nhà trường quan tâm góp phần nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo và NCKH.

(ix). Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

- Khoa KHTN đã được nhà trường giao quản lý, khai thác, sử dụng 22 phòng học 16 phòng thí nghiệm, thực hành, hội trường, thư viện, nhà tập đa năng, khu liên hợp thể dục thể thao với tổng diện tích trên 3.000 m² phục vụ 226 sinh viên chính quy các ngành khối KHTN, diện tích quy đổi trên 13.2 m²/người học cao hơn nhiều so với mức 3m²/ người học quy định chuẩn quốc gia đối với cơ sở giáo dục đại học ở Thông tư Số: 24 /2015/TT-BGDĐT ngày 23/09/2015) [HT1.09.01.03].

- Các phòng làm việc của bộ môn được trang bị bàn làm việc, tủ đựng tài liệu, tủ sách, điện chiếu sáng, quạt mát, máy in, internet đảm bảo phục vụ tốt cho công tác chuyên môn và nghiên cứu khoa học của các bộ môn và từng giảng viên [HT1.09.01.11]. Các phòng học có máy chiếu, quạt, bảng đảm bảo đủ nhu cầu dạy và học đối với CTĐT ĐHSP Toán. Phòng thí nghiệm, thực hành (được trang bị đầy đủ máy móc, thiết bị, dụng cụ thí nghiệm, hóa chất...) [HT1.09.01.14].

- Hằng năm, Nhà trường tổ chức kiểm kê tài sản giao cho Khoa KHTN để quản lý, theo dõi, thanh lý những tài sản hết hạn sử dụng và bổ sung mua sắm mới tài sản cần thiết phục vụ kịp thời cho công tác dạy - học và NCKH .

- Bên cạnh đó, hằng năm khoa luôn khảo sát, thăm dò, tổng hợp ý kiến về mức độ hài lòng của GV, SV đối với hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng là trên 90% .

- Thư viện Đại học Hồng Đức là thư viện Đại học ứng dụng phần mềm quản lý thư viện điện tử rất sớm từ năm 2002. Thư viện hiện nay đã được đầu tư mới với kiến trúc hiện đại của một thư viện mở, diện tích sử dụng rộng rãi. Nội thất thư viện được thiết kế mới , bố trí khoa học phù hợp cho nhiều đối tượng người dùng.

- Thư viện hiện nay đã được đầu tư mới với kiến trúc hiện đại của một thư viện mở, diện tích sử dụng rộng rãi. Nội thất thư viện được thiết kế mới , bố trí khoa học phù hợp cho nhiều đối tượng người dùng.

-Thư viện được lắp đặt hệ thống mạng nội bộ hiện đại kết nối với bên ngoài qua hệ thống cáp quang tốc độ cao. Hệ thống máy chủ hiện đại và đường truyền băng thông rộng đảm bảo kết nối khai thác và chia sẻ dữ liệu với hệ thống thư viện đại học và các trung tâm dữ liệu KHCN trong nước.

Các phòng thí nghiệm, thực hành, phòng học của khoa KHTN được trang bị đầy đủ trang thiết bị hiện đại, luôn đảm bảo đủ ánh sáng tự nhiên, thoáng mát, an toàn, phục vụ tốt cho chương trình đào tạo của khoa nói chung, ngành ĐHSP Toán học nói riêng.

- Hệ thống phòng học trực tuyến, máy vi tính, máy chiếu đa năng và các thiết bị tin học hiện có của Nhà trường nói chung và Khoa KHTN nói riêng đáp ứng tốt yêu cầu giảng dạy, học tập và NCKH của đội ngũ CBGV, HSSV.

- Các giảng đường và phòng làm việc trong khoa được lắp đặt hệ thống mạng và hệ thống wifi để CB GV và HSSV làm việc, học tập, tra cứu thông tin.

Các quy định về môi trường, sức khỏe và an toàn được triển khai đồng bộ đến toàn thể CBVC-LĐ và người học thông qua “Tuần sinh hoạt công dân HSSV” đầu

khóa, các hội nghị về công tác sinh viên. 100% người học ký cam kết thực hiện tốt ANTT, VSMT; nhà trường luôn đạt các tiêu chí về “Nhà trường an toàn về ANTT”.

(x). Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan được hình thành từ cấp trường đến khoa. Hằng năm, Khoa KHTN đều lấy ý kiến phản hồi về CTĐT bằng cách gửi phiếu hỏi và nhận được nhiều ý kiến, góp ý của các giảng viên, sinh viên, nhà khoa học, ... Các thông tin phản hồi từ các đơn vị, cá nhân có liên quan về CTĐT đều được nhà trường, khoa phân tích, tổng hợp, xử lý và sử dụng hợp lý, hiệu quả trong các lần điều chỉnh CTĐT. Các kênh phản hồi đa dạng: phiếu hỏi, hội nghị thực tập thực tế, tọa đàm, hội thảo, họp bộ môn và các cuộc họp hội đồng khoa học khoa.

Quy trình xây dựng, chỉnh sửa, bổ sung và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến định kỳ. Việc đánh giá và cải tiến CTĐT được thực hiện định kỳ 2 năm một lần và thống nhất trong toàn trường. Các ý kiến đánh giá có sự tham gia đông đảo của các chuyên gia, cán bộ quản lý các cấp, giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên, ... CTĐT được cập nhật, điều chỉnh nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng tốt yêu cầu của xã hội

Phương pháp và quy trình rà soát, đánh giá quá trình dạy học và đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ, phù hợp với quy định của Nhà trường, đảm bảo tính khách quan, công bằng. Kết quả kiểm tra đánh giá được sử dụng làm công cụ để điều chỉnh nội dung chương trình đào tạo, tổ chức đào tạo, kiểm tra và thi học phần, xét tốt nghiệp cho người học.

Cán bộ, GV chuyên ngành toán đa số là trẻ, có trình độ chuyên môn cao. Vì vậy hàng năm các CB, GV tham gia tích cực các hoạt động NCKH với nhiều hình thức như: Đề tài nghiên cứu khoa học (cấp cơ sở, cấp bộ, nafosted); Viết bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành (trong nước và quốc tế); Tham gia các hội thảo khoa học trong và ngoài nước, với mục tiêu đóng góp những ý tưởng bổ ích và hỗ trợ, cập nhật xu hướng mới, nâng cao chất lượng nhiều hơn nữa trong hoạt động dạy và học.

Người học đã tích cực tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học. Đạt được nhiều giải thưởng cao ở các cấp khác nhau như cấp khoa, trường và cấp nhà nước.

Nhà trường đã ban hành quy định việc lấy ý kiến mức hài lòng của các bên liên quan về chất lượng phục vụ của các hoạt động trong trường từ năm 2010.

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được thực hiện thường xuyên bằng nhiều kênh, được đánh giá và cải tiến liên tục nhằm nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho SV.

Cơ chế phản hồi các bên có liên quan đã được thiết lập có hệ thống và nhận được nhiều ý kiến đóng góp hữu ích cho các hoạt động của nhà trường và khoa về CTĐT, CTDH.

100% hoạt động lấy ý kiến phản hồi được thực hiện đúng quy trình, được định kỳ rà soát, điều chỉnh, cải tiến bổ sung phù hợp với yêu cầu thực tiễn; các ý kiến phản hồi đảm bảo độ tin cậy, hoạt động phản hồi của các bên có liên quan đảm bảo tính hiệu quả và được khoa tham khảo để điều chỉnh, cải tiến chương trình đào tạo.

(xi). Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Nhà trường có phần mềm quản lý, kịp thời theo dõi tỷ lệ người học thôi học, tốt nghiệp; khoa KHTN, cố vấn học tập đã làm tốt công tác quản lý, giám sát kết quả học tập của người học; kịp thời tư vấn, hỗ trợ cho người học chậm tiến độ, nợ môn. Vì thế, trung bình tỷ lệ người học tốt nghiệp 5 khóa gần đây (K14-K18) cao, đạt 74,10%.

Trong 5 khóa gần đây (K14-K18) trung bình có 74,10% người học ngành ĐHSP Toán học tốt nghiệp, trong đó có 61,10% tốt nghiệp đúng thời gian khóa học và thời gian tốt nghiệp trung bình trong 5 khóa gần đây là 4,17 năm.

Nhà trường có nhiều hoạt động để hỗ trợ nhằm tăng tỷ lệ người học có việc làm sau khi tốt nghiệp.

Loại hình và số lượng các hoạt động NCKH được xác lập và giám sát; người học ngành ĐHSP Toán học tham gia NCKH từ cấp Khoa đến cấp Bộ và đã đạt nhiều giải thưởng cao.

Kết quả khảo sát cho thấy mức độ hài lòng của các bên có liên quan về CTĐT tăng dần qua các năm học.

2. Những điểm tồn tại và vấn đề cải tiến chất lượng chương trình đào tạo ngành Đại học sư phạm Toán

(i) Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Việc lấy ý kiến các bên liên quan để điều chỉnh và cập nhật mục tiêu của CTĐT chủ yếu trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá, vì vậy tính phù hợp với nhu cầu xã hội trong phạm vi toàn quốc hiện nay còn chưa cao.

Việc lấy ý kiến của người học sau tốt nghiệp, của Cựu SV, GV và các nhà tuyển dụng để góp ý cho CDR của CTĐT ngành ĐHSP toán còn chưa nhiều, chưa được thực hiện thường xuyên.

Khoa chưa có sự liên hệ thật sự chặt chẽ trong quá trình SV thực tập tại các trường phổ thông để tiếp thu phản hồi trực tiếp và thường xuyên thông tin về CDR từ các giáo viên và cựu SV ở trường phổ thông.

(ii). Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

Bản mô tả CTĐT còn chưa được lấy ý kiến khảo sát định kỳ của GV và SV.

Việc lấy ý kiến phản hồi của người học về học phần chưa đồng bộ ở tất cả các môn học, phân tích dữ liệu đánh giá kết quả học tập của người học chưa được tiến hành sâu đến các khối kiến thức trong mỗi môn học, từ đó để có cơ sở cải tiến nội dung cụ thể và kế hoạch dạy học của từng học phần.

Việc xuất bản và thông tin bản mô tả CTĐT tới các bên có liên quan vẫn chưa được thực hiện một cách bài bản và chuyên nghiệp.

(iii). Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Các thông tin phản hồi của các bên liên quan: Cựu SV, nhà tuyển dụng về chất lượng CTDH các học phần chưa được tiến hành liên tục, nên việc thiết kế CTDH theo hướng phát huy năng lực người học cho ngành ĐHSP Toán chưa phản ánh hết được mục tiêu của CTDH theo CDR của từng học phần.

Việc lấy ý kiến của nhà tuyển dụng, cựu người học chưa được thực hiện thường xuyên để cập nhật những thay đổi, đóng góp cho việc điều chỉnh kịp thời CTDH các học phần đảm bảo việc đạt được chuẩn đầu ra.

Một số nội dung CDR của các học phần trong ĐCCTHP chưa tương thích với CDR của CTĐT.

Ngành giáo dục đang tiến hành đổi mới chương trình giáo dục phổ thông tổng thể nên CTĐT đã được xây dựng khó ổn định.

Việc lấy ý kiến phản hồi của người học sau khi tốt nghiệp và các đơn vị sử dụng lao động giúp cho việc điều chỉnh CTDH ngành ĐHSP Toán chưa được thực hiện liên tục và đều đặn.

Chưa tham khảo, đối sánh với CTĐT quốc tế khi xây dựng CTĐT

(iv). Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy học

Mặc dù mục tiêu đào tạo của Khoa được công bố cho các nhà tuyển dụng, nhưng mới chỉ giới hạn ở những chuyên gia có tham gia giảng dạy và biên soạn đề cương môn học cho Khoa. Mục tiêu này chưa được công bố với đông đảo các nhà tuyển dụng khác.

Một số sinh viên tham gia vào quá trình chưa thật sự thích nghi với phương pháp dạy và học như tự học và tự nghiên cứu, đặc biệt là sinh viên năm thứ nhất. Đây cũng chính là điểm cần cải tiến hơn nữa để hoàn thiện phương pháp tiếp cận dạy và học.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị chưa đáp ứng được yêu cầu giảng dạy. Cụ thể là hệ thống mạng internet còn yếu, quy mô thư viện chưa phù hợp, một số sinh viên chưa có điều kiện mua máy vi tính, chưa có kỹ năng tìm kiếm tài liệu ảnh hưởng không nhỏ đến khả năng tự học, tự nghiên cứu của người học.

Chưa tổ chức được các lớp kỹ năng mềm cho người học

(v). Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học

Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập chưa được đồng đều về mức độ bao quát mục tiêu, nội dung môn học, độ khó cũng như về kiến thức, kỹ năng đảm bảo các mức nhớ, hiểu, phân tích, vận dụng, sáng tạo.

Hiện tại, các học phần chuyên ngành chưa có dạng đề thi mở mang tính tổng hợp kiến thức và dạng toán thực tiễn chưa nhiều.

Việc thông báo cho sinh viên được tiến hành đầy đủ, kịp thời nhưng vẫn có những sinh viên chưa chú ý điểm này ngay từ đầu, khi khiếu nại mới bắt đầu đi hỏi thủ tục. Điều này có thể dẫn đến thời gian khiếu nại đã hết. Cần lưu ý điểm này cho sinh viên.

Vẫn còn một số ít sinh viên không thường xuyên truy cập hệ thống Website của Trường, Khoa. Một bộ phận người học thụ động, thường hỏi CVHT về vấn đề cách thức đánh giá KQHT, ít chịu khó tìm kiếm các văn bản đã được công khai trên Website của Trường và Khoa; Có thời điểm rất khó đăng nhập vào trang thông tin điện tử của Nhà trường để xem kết quả học tập của người học, cũng như thông tin về xét công nhận tốt nghiệp, bởi vì hạ tầng mạng chưa được nâng cấp.

(vi). Tiêu chuẩn 6: Chất lượng đội ngũ giảng viên

Giảng viên ở một số chuyên ngành còn thiếu, tỷ lệ GV có trình độ TS ở một số chuyên ngành còn thấp

Mặc dù tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ tương đối cao (30,76%) nhưng chưa cân đối giữa các chuyên ngành. Chuyên ngành Giải tích giảng viên đạt trình độ TS vẫn còn thấp (2/13). Một số GV trẻ trong quy hoạch đi học NCS chưa thực hiện theo đúng kế hoạch đã đăng kí với nhà trường.

Trình độ tin học, ngoại ngữ chưa thực sự đồng đều trong đội ngũ giảng viên ở các bộ môn, mức độ hài lòng của người học chưa cao.

Các chính sách thu hút GV. NCV có trình độ cao về công tác tại trường còn hạn chế nên việc thu hút giảng viên có trình độ cao về công tác tại khoa, ngành còn nhiều khó khăn.

Đội ngũ giảng viên trẻ vừa học tập nâng cao trình độ, vừa tham gia giảng dạy nên rất khó trong việc phấn đấu danh hiệu chiến sỹ thi đua các cấp và nâng lương trước hạn theo quy định.

Chưa đủ lực để thành lập các nhóm nghiên cứu để đề xuất được các đề tài cấp cao như đề tài cấp nhà nước, đề tài Nafosted.

(vii). Tiêu chuẩn 7: Chất lượng đội ngũ cán bộ hỗ trợ

Khoa KHTN hiện quản lý 05 ngành ĐHSP và 07 ngành Ths, khối lượng công việc rất nhiều chỉ có 01 CB làm công tác giáo vụ, nên nhiều khi đã ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện kế hoạch.

Việc lấy YK phản hồi của các bên liên quan về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên chưa được thực hiện thường xuyên.

Việc phân tích nhu cầu và ý kiến góp ý của các bên liên quan về vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên còn hạn chế.

Nhà trường chưa lấy ý kiến để điều chỉnh, cải tiến mẫu phiếu tự đánh giá năng lực thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ nhân viên.

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Khoa còn kiêm nhiệm quá nhiều công việc dẫn đến chưa đạt được hiệu quả như mong muốn.

Tính chuyên nghiệp của đội ngũ nhân viên hỗ trợ còn chưa tương xứng với yêu cầu hội nhập và cạnh tranh.

Chưa có tiêu chí định lượng để đánh giá chất lượng công việc, cũng như có đề nghị các trường hợp khen thưởng theo công việc cụ thể.

(viii). Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Hình ảnh và thông tin về ngành học, về đơn vị đào tạo chưa được hấp dẫn và chi tiết; các hình thức công bố về chính sách tuyển sinh của khoa còn bó hẹp ở công thông tin tuyển sinh trên website của Nhà trường và thông báo tuyển sinh dán trên bảng tin. Chất lượng sinh viên đầu vào không đồng đều gây khó khăn cho giảng viên trong việc tổ chức lớp học. Ngoài ra, việc khảo sát và lấy ý kiến của các bên liên quan về nhu cầu nguồn nhân lực cũng như chính sách tuyển sinh chưa đầy đủ và không thường xuyên được cập nhật.

Số thí sinh được công nhận trúng tuyển và số thí sinh đăng ký nhập học có chất lượng đầu vào không đồng đều dẫn đến hoạt động dạy học gặp những khó khăn nhất định.

Việc lấy ý kiến từ các bên liên quan chưa được thực hiện liên tục thường xuyên và bài bản, chưa áp dụng hiệu quả ý kiến phản hồi từ các bên liên quan trong việc xây dựng tiêu chí tuyển chọn người học.

Mặc dù có hệ thống giám sát, theo dõi quá trình học tập, rèn luyện của người học chặt chẽ nhưng vẫn còn số ít người học nợ môn học phần sau khi kết thúc khóa học hoặc kết quả học tập, rèn luyện ở từng học kỳ, năm học chưa cao, một phần do năng lực và ý thức của bản thân hạn chế. Mặt khác, mỗi CVHT chịu trách nhiệm tư vấn, hỗ trợ về học tập, rèn luyện cho 70-279 người học dẫn đến việc tư vấn, hỗ trợ cho người học còn nhiều hạn chế, kết quả đạt được chưa cao.

Hoạt động khảo sát lấy ý kiến người học về hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ người học chưa được thực hiện đều đặn hàng năm; Công tác tư vấn, hướng dẫn người học có khả năng học nhanh, cũng như những người học chậm tiến độ chưa được thường xuyên nên ngành học chưa có người học tốt nghiệp trước thời hạn và vẫn còn người học chưa thể tốt nghiệp theo khóa học do còn nợ học phần.

Chưa cập nhật đầy đủ Danh sách các nhà sử dụng lao động phối hợp/ liên kết với Khoa trong việc hỗ trợ đào tạo, thực hành, thực tập và tuyển dụng...

Việc lấy ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan về cảnh quan sư phạm của Nhà trường còn chưa liên tục.

Một vài bình PCCC, vòi nước phục vụ công tác PCCC kém hiệu lực, hiệu quả hoạt động.

(ix). Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Một số trang thiết bị trong phòng học còn hoạt động chưa đảm bảo: chưa có rèm che nên máy chiếu trong phòng không rõ vì ánh sáng bên ngoài mạnh, nhất là những ngày nắng, một số quạt bị hư hỏng, chưa có bảng kép có thể xê dịch, bàn học chưa thể dịch chuyển gây khó khăn trong các hoạt động nhóm.

Thư viện di chuyển nhiều lần, từ cơ sở 1 sang cơ sở 2 với mặt bằng thay đổi và chưa đủ diện tích dẫn đến nhiều tài liệu chưa được trưng bày, hạn chế hiệu quả khai thác.

Mặc dù đã ứng dụng phần mềm quản lý thư viện tương đối hiện đại nhưng chưa khai thác hết các tính năng cao cấp bởi không đủ điều kiện về hạ tầng (diện tích, thiết

bị an ninh, thiết bị số hóa tài liệu, thiết bị mượn trả sách tự động..) do đó nhiều tài liệu chưa được biên tập và khai thác hiệu quả.

Một số giáo trình, tài liệu chuyên ngành chưa được bổ sung kịp thời nhất là đối với một số tài liệu bằng tiếng Anh, nguồn tài liệu nội sinh chưa phong phú; chưa liên kết sử dụng chung nguồn tài liệu với các trường đại học khác trong và ngoài nước.

Tình trạng máy chiếu Projector ở một số phòng học; thiết bị ở phòng thí nghiệm, thực hành hồng học không sử dụng được làm ảnh hưởng đến quá trình đào tạo.

Sóng wifi tại các giảng đường phải yêu cầu password để đăng nhập, khi đăng nhập được lại chậm chạp, không ổn định; chưa khai thác được thế mạnh của việc họp, dạy-học trực tuyến.

Máy tính tại một vài phòng làm việc đã được sử dụng nhiều năm, cấu hình thấp, chưa đáp ứng được nhu cầu làm việc của CB, GV.

Chưa có quy định cụ thể các tiêu chí về môi trường, sức khỏe và an toàn;

Đã có chính sách quan tâm đến người khuyết tật nhưng còn hạn chế.

Tình trạng mất trộm các thiết bị dạy học, máy tính, điện thoại tại khu nội trú vẫn còn.

Hiện tượng vi phạm nội quy trong KTX vẫn còn xảy ra. Một số SV vẫn chưa mua bảo hiểm y tế.

(x). Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Hình thức đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên chưa đa dạng, chủ yếu dựa vào kết quả dự giờ, thao giảng của giảng viên trong bộ môn và ý kiến đánh giá của người học. Đa dạng các hình thức kiểm tra thường xuyên bằng các bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài thảo luận chưa được thực hiện đồng bộ ở tất cả các học phần.

Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học liên quan đến đổi mới phương pháp dạy và học gắn với CDR chưa nhiều; Số lượng công bố công trình nghiên cứu trên các tạp chí quốc tế còn ít, chưa đáp ứng được kỳ vọng với nhu cầu phát triển của ngành Toán khoa KHTN; Số lượng đề tài, dự án cấp cao như đề tài cấp tỉnh, cấp bộ, cấp nhà nước và NAFOSTED của đội ngũ CB, GV trong khoa còn ít.

Kết quả lấy ý kiến mức độ hài lòng của các bên có liên quan về chất lượng phục vụ của các hoạt động chưa được so sánh giữa các năm; Hệ thống tra cứu tài liệu, truy cập internet đang còn chậm, thường xuyên xảy ra trục trặc, sự cố chưa đáp ứng được nhu cầu tra cứu tài liệu, đăng kí học của sinh viên và CBGV; Hệ thống tài liệu tham

khảo còn thiếu nhiều, ít cập nhật liên tục các tài liệu tham khảo mới nhất để đáp ứng nhu cầu đọc của CBGV và SV.

Trong khi lấy ý kiến các bên liên quan, một số người cho ý kiến phản hồi chưa chính xác, khách quan, trung thực gây nhiều cho quá trình đánh giá. Có thể do chưa nắm rõ thông tin đầy đủ, mục đích, ý nghĩa của cuộc khảo sát hoặc do sự qua loa, nhanh chóng, không muốn mất thời gian cho việc khảo sát.

(xi). Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Tỷ lệ người học thi học trung bình của 9 khóa gần đây (K14-K22) là 5,73%, đặc biệt là người học năm thứ Nhất, thứ Hai (5,7%) và 6,9% người học chưa thể tốt nghiệp.

Sau mỗi năm học, phòng Quản lý đào tạo, khoa KHTN báo cáo tổng kết công tác đào tạo và công tác Cố vấn học tập của ngành ĐHSP Toán học. Tuy nhiên, báo cáo chưa đi sâu phân tích, đánh giá một cách khái quát các biện pháp hỗ trợ người học để rút ngắn thời gian tốt nghiệp.

Chưa thực hiện đối sánh tỉ lệ người học tốt nghiệp có việc làm ngành ĐHSP Toán học của Nhà trường với ngành ĐHSP Toán học của các cơ sở đào tạo khác trong và ngoài nước.

Tỷ lệ người học có việc làm đúng chuyên ngành đào tạo thấp, kết quả khảo sát 5 khóa tốt nghiệp từ năm 2014 - 2018 (K13 - K17) trung bình là 34,94%. Điều này phản ánh tình trạng chung của xã hội về nhu cầu việc làm của khối ngành sư phạm sau khi tốt nghiệp, song nó cũng phản ánh một phần về chất lượng đào tạo của Nhà trường về ngành ĐHSP Toán học.

Kinh phí dành cho hoạt động NCKH của người học thấp, dẫn đến chất lượng các đề tài còn nhiều hạn chế.

Chưa thể hiện được việc đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học ngành ĐHSP Toán học với các ngành khác trong trường và ngành ĐHSP Toán học của các trường khác trong và ngoài nước.

Mức độ hài lòng của các bên liên quan về CTĐT ngành ĐHSP Toán học chưa được đối sánh giữa các năm; chưa đối sánh với CTĐT ngành ĐHSP Toán học, ĐHSP Vật lý, ĐHSP Hóa học, ĐHSP Sinh học, ĐHSP Ngữ văn, ĐHSP Lịch sử, ĐHSP Địa lý... của các trường đại học khác trong và ngoài nước.

Phiếu khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan chưa thể hiện rõ về các hoạt động hỗ trợ, dịch vụ công, cảnh quan môi trường...

3. Kế hoạch hành động

(i) Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Từ năm học 2020 – 2021, Khoa KHTN thực hiện một số biện pháp sau:

Tổ chức lấy ý kiến Ban Giám hiệu ít nhất 50 trường THCS và khoảng 80 trường THPT gồm tỉnh Thanh Hoá và các tỉnh khác trong cả nước để làm cơ sở trong việc đánh giá, rà soát lại mục tiêu của CTĐT đáp ứng hơn nữa với nhu cầu xã hội ngày càng cao về lĩnh vực Khoa học Tự nhiên, cụ thể là có sự cải thiện ở từng năm học.

Phối hợp với Phòng ĐBCL&KT và các đơn vị liên quan tổ chức lấy ý kiến của người học sau tốt nghiệp, của Cựu SV, GV và các nhà tuyển dụng để góp ý cho CDR của CTĐT ngành ĐHSP Toán.

Đẩy mạnh việc ký kết các thoả thuận với các cơ sở thực tập để trao đổi và xây dựng những vấn đề liên quan đến CDR nhằm đào tạo được những SV ngành ĐHSP Toán với những kết quả như mong đợi.

(ii). Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

Từ năm học 2020 – 2021, Khoa KHTN thực hiện một số biện pháp sau:

Ban hành bản mô tả CTĐT tới các bên có liên quan, các tổ chức doanh nghiệp một cách bài bản, mang tính chuyên nghiệp hơn và định kỳ 2 năm sẽ thực hiện rà soát, điều chỉnh, cập nhật bản mô tả CTĐT.

Lấy ý kiến người học sau mỗi học phần định kỳ theo học kỳ, từ đó đưa ra điều chỉnh ĐCCT phù hợp cập nhật chương trình phổ thông mới cho từng năm học.

Mở rộng phạm vi, đối tượng lấy ý kiến đánh giá từ các nhà tuyển dụng (20 nhà tuyển dụng), GV trong và ngoài khoa (30 GV), cựu SV (30 SV) và SV năm cuối (50 SV) về CTĐT nói chung, về bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần nói riêng để tiếp tục bổ sung, điều chỉnh CTĐT theo tiếp cận CDR của ngành và quốc tế hóa CTĐT. Đồng thời, lãnh đạo khoa sẽ tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát để hoạt động xuất bản và công bố bản mô tả CTĐT được thực hiện một cách bài bản, chuyên nghiệp hơn.

(iii). Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Từ năm học 2020 – 2021, Khoa KHTN thực hiện một số biện pháp sau:

Xây dựng kế hoạch phối hợp chặt chẽ với các bên liên quan, ưu tiên thu thập các ý kiến của các đối tượng như cựu SV, nhà tuyển dụng trong việc điều chỉnh, rà soát và hoàn thiện chương trình dạy học ngành ĐH SP Toán.

Khoa triển khai tập huấn, tổ chức Hội thảo, sinh hoạt Chuyên đề về chương trình giáo dục phổ thông 2018 cho tất cả GV trong Khoa để GV nắm được tinh thần

những đổi mới chương trình GD phổ thông, kịp thời điều chỉnh về CTDH, cập nhật trong ĐCCTHP ngay từ đầu năm học mới.

Tiếp tục triển khai cụ thể việc lấy ý kiến đóng góp CTĐT từ các chuyên gia ngoài Trường, nhà tuyển dụng và cựu người học.

Kịp thời chỉnh sửa, bổ sung CDR các học phần cho tương thích với CDR của CTĐT. Khoa và các BM Toán sẽ rà soát lại CDR của từng học phần với CDR của CTĐT điều chỉnh nội dung bài tập/ thực hành đáp ứng yêu cầu củng cố kiến thức lý thuyết và nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho người học.

Tiếp tục lấy ý kiến phản hồi của các đơn vị sử dụng lao động và cựu người học làm cơ sở cho việc rà soát, điều chỉnh chương trình dạy học của từng học phần định kỳ theo từng năm học, tạo điều kiện quản lý chất lượng theo kết quả đầu ra đã quy định, nhấn mạnh năng lực vận dụng của người học.

Tham khảo các CTĐT tiên tiến của các cơ sở giáo dục trong nước và quốc tế

(iv). Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy học

Từ năm học 2020 – 2021, Khoa KHTN thực hiện một số biện pháp sau:

Tổ chức các buổi tọa đàm thường niên với các nhà tuyển dụng để giới thiệu về mục tiêu, CTĐT và xin ý kiến góp ý điều chỉnh mục tiêu, chương trình, chuẩn đầu ra cho sát với yêu cầu thực tiễn, nhằm trang bị cho SV các kiến thức, kỹ năng, thái độ phù hợp với yêu cầu của các nhà tuyển dụng.

Tiếp tục thực hiện đổi mới các hoạt động dạy và học, xây dựng lại bộ Đề cương chi tiết theo quy định mới theo quyết định 2280 ký ngày 28/12/2018 cho phù hợp hơn với các tiêu chuẩn, tiêu chí để đạt CDR; giao cho Liên chi Đoàn, Liên chi hội SV Khoa và cố vấn học tập tổ chức các hội thảo, diễn đàn chia sẻ phương pháp học tập cũng như các phong trào thi đua, hướng người học đặc biệt là sinh viên năm thứ nhất chủ động trong quá trình học tập và nghiên cứu.

Kiến nghị với các giảng viên bổ sung tiêu chí “khả năng tự học, khả năng tìm kiếm tài liệu, tổng hợp và phân tích tài liệu, khả năng tư duy phản biện, tư duy sáng tạo, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng lập kế hoạch” vào tiêu chí đánh giá kết quả học tập từng học phần của SV; nhà thư viện mới sẽ sớm được đưa vào sử dụng; bên cạnh đó Khoa sẽ yêu cầu Liên chi đoàn khoa, Hội sinh viên khoa và trợ lý công tác HSSV Khoa tổ chức các lớp kỹ năng mềm; giáo dục công tác chính trị tư tưởng, để làm chuyển biến sâu sắc động cơ của người học về quá trình lĩnh hội kiến thức, thẩm nhận và áp dụng đầy đủ triết lý học tập suốt đời.

(v). Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học

Từ năm học 2020 – 2021, Khoa KHTN thực hiện một số biện pháp sau:

Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch của nhà trường, xây dựng ngân hàng câu hỏi thi theo yêu cầu mới, nâng cao độ bao quát mục tiêu, nội dung môn học; Khoa tổ chức triển khai thực hiện việc đánh giá lại toàn bộ các hình thức KTĐG hiện đang áp dụng, xây dựng kế hoạch triển khai nội dung, hình thức đánh giá phù hợp, đảm bảo đánh giá về năng lực vận dụng, giải quyết những vấn đề của thực tiễn, đặc biệt chú trọng đánh giá các năng lực tư duy bậc cao như tư duy sáng tạo...

Tiếp tục chỉ đạo đổi mới hình thức tuyên truyền vận động và có những chế tài phù hợp để người học thường xuyên truy cập Website phục vụ cho hoạt động học tập, NCKH. Bên cạnh đó, Lãnh đạo Khoa và CVHT có kế hoạch tập huấn cho người học biết những công cụ hỗ trợ và cách tìm kiếm thông tin để người học chủ động và kiểm soát tốt hơn việc học tập của bản thân.

Quy định một số học phần xây dựng dạng đề thi mở và tổ chức các hội thảo để thảo luận xây dựng hệ thống câu hỏi toán thực tiễn, trên cơ sở tham khảo các trường trong và ngoài nước cũng như tình hình thực tế của địa phương..

Có kế hoạch cụ thể với bộ phận CVHT trong việc triển khai các quy định của Khoa, Nhà trường về khiếu nại kết quả học tập để tạo điều kiện cho người học dễ dàng tiếp cận, đảm bảo quyền lợi của mình. Đảm bảo mọi sinh viên đều nắm rõ quy trình, thời hạn khiếu nại để không xảy ra tình trạng như đã chỉ ra ở mục tồn tại trên.

Năm học 2020-2021, Nhà trường có kế hoạch nâng cấp máy chủ, đường truyền internet giúp cho cán bộ, giảng viên, sinh viên và các bên liên quan cập nhật tốt hơn các thông tin về kết quả của người học.

(vi). Tiêu chuẩn 6: Chất lượng đội ngũ giảng viên

Khoa sẽ tham mưu, đề xuất để Nhà trường, tiếp tục tuyển dụng giảng viên đúng chuyên ngành còn thiếu và có kế hoạch điều chỉnh đi học TS đối với chuyên ngành chưa trình độ cao trong các năm tới.

Tiếp tục rà soát, điều chỉnh kế hoạch chiến lược về phát triển đội ngũ, kiên quyết trong việc cử CBGV đi đào tạo trên chuẩn theo đúng chuyên ngành đã quy hoạch đào tạo. Có các chế tài phù hợp với những GV chưa thực hiện tốt quy hoạch đào tạo.

Đề nghị Nhà trường tiếp tục rà soát điều chỉnh lại cơ chế chính sách thu hút người có trình độ cao về công tác tại trường;

Thực hiện xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên trong độ đi học NCS (trong đó, có 5 – 7 % NCS được đào tạo nước ngoài).

Từ năm 2020-2021, Nhà trường cũng như khoa KHTN sẽ tạo điều kiện tốt nhất có thể cho đội ngũ giảng viên trẻ đăng ký và nỗ lực phấn đấu đạt được các danh hiệu thi đua, nhằm tạo động lực cho giảng viên cống hiến cho sự nghiệp đào tạo Khoa và Nhà trường; Nhà trường giao cho phòng chức năng chủ trì nghiên cứu, đề xuất các tiêu chí đánh giá, khen thưởng cụ thể đối với đội ngũ nhân viên, nhằm tạo động lực cho nhân viên trong việc hỗ trợ công tác đào tạo, NCKH và hoạt động cộng đồng .

(vii). Tiêu chuẩn 7: Chất lượng đội ngũ cán bộ hỗ trợ

Năm 2020, Khoa có kế hoạch đề nghị nhà trường hỗ trợ cho công tác giáo vụ (bổ sung thêm một GV kiêm giảng cho công tác giáo vụ cho Khoa)

Khoa, Nhà trường chú trọng việc thực hiện khảo sát nhu cầu và ý kiến của các bên liên quan về vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên

Từ năm 2020, Nhà trường chú trọng việc thực hiện khảo sát nhu cầu và ý kiến của các bên liên quan về vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên.

Tổ chức lấy ý kiến tiếp tục hoàn thiện mẫu phiếu tự đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên phù hợp hơn với yêu cầu thực tiễn của nhà trường. Tăng cường các hoạt động nghiên cứu khoa học, sáng kiến kinh nghiệm của đội ngũ nhân viên hỗ trợ.

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Khoa còn kiêm nhiệm quá nhiều công việc, lĩnh vực khác nhau dẫn đến chưa đạt được hiệu quả như mong muốn vì vậy cần sắp xếp lại vị trí việc làm cho phù hợp. Từ năm học 2020-2021, Khoa KHTN xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn và nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ, thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu của Khoa và của Trường.

(viii). Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Từ năm 2020-2021, Nhà trường, Khoa bổ sung thông tin chi tiết về ngành học, chính sách tuyển sinh, vị trí việc làm (nhất là lớp Chất lượng cao) sau khi tốt nghiệp vào Thông báo tuyển sinh nhằm cung cấp cho thí sinh và gia đình thí sinh những thông tin cần thiết về ngành ĐHSP Toán; đăng tải những thông tin liên quan về tuyển sinh trên website của Nhà trường; vào tháng Hai, tháng Ba hằng năm khoa Khoa học Tự nhiên tổ chức gặp gỡ, giới thiệu về ngành đào tạo, thông tin về tuyển sinh của Khoa đến các em học sinh trung học phổ thông; thực hiện khảo sát ý kiến người học về chính sách tuyển sinh của CTĐT ngành ĐHSP Toán. Khoa và Nhà trường sẽ định kỳ khảo sát các bên liên quan về chính sách tuyển sinh cũng như nhu cầu về nguồn nhân lực trước khi công bố chính sách, chỉ tiêu tuyển sinh hằng năm.

Để giải quyết những tồn tại trong công tác tuyển chọn người học, trong kỳ tuyển sinh, từ năm học 2019 - 2020, Lãnh đạo Khoa và Chủ nhiệm bộ môn sẽ phối hợp chặt chẽ với Ban tuyển sinh của Nhà trường, trao đổi thảo luận và đưa ra các giải pháp như sau: đưa ra điểm trần được công nhận trúng tuyển vào Khoa một cách phù hợp, sát với số lượng thí sinh tham gia thi đánh giá năng lực; theo dõi sát sao tỷ lệ thí sinh trúng tuyển nhập học/trên số lượng thí sinh được công nhận trúng tuyển để có sự điều chỉnh, can thiệp kịp thời; có các hình thức tuyên truyền phù hợp và hấp dẫn đối với những thí sinh đã được công nhận trúng tuyển vào khoa.

Việc lấy ý kiến các bên liên quan để đánh giá, điều chỉnh, bổ sung tiêu chí và phương pháp tuyển sinh phải được thực hiện vào đầu mỗi năm học bằng các hình thức phát phiếu khảo sát, tổ chức diễn đàn ở các trường phổ thông cũng như tham khảo nguyện vọng và ý kiến của người học.

Từ năm 2021, Nhà trường, Khoa KHTN tăng cường công tác theo dõi, giám sát, đặc biệt là công tác CVHT, nâng cao chất lượng đội ngũ CVHT và giảm số lượng SV được giao cố vấn trên một giảng viên (phần đầu mỗi CVHT phụ trách cố vấn cho 30-40 SV) để có tư vấn, định hướng nghề nghiệp cho từng người học hiệu quả hơn.

Nâng cao ý thức học tập để mỗi SV có thể cải thiện được kết quả học tập, rèn luyện của mình một cách tích cực (hàng năm có kế hoạch công tác CVHT cho từng nhóm người học).

Tăng cường phối hợp giữa đội ngũ CVHT, Trợ lý QL HSSV của Khoa với phòng QLĐT, phòng Công tác SV của Khoa phối hợp với phòng QLĐT, phòng Công tác HSSV thực hiện gửi thông tin cho những người học chưa tốt nghiệp đúng thời hạn thông qua facebook, trang fanpage, điện thoại, email cá nhân để nhắc nhở và tư vấn giúp người học sớm hoàn thành CTĐT.

Từ năm học 2020 - 2021, Nhà trường, Khoa định kỳ lấy ý kiến người học về các hoạt động ngoại khóa, hoạt động hỗ trợ người học trong học tập, sinh hoạt và tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp...; Khoa và Nhà trường chủ động lấy ý kiến người học để kịp thời điều chỉnh, cải tiến hình thức triển khai nhằm phát huy tối đa hiệu quả của hoạt động hỗ trợ, tư vấn người học, tăng tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo.

Tiếp tục tổ chức các hoạt động rèn luyện, nâng cao kỹ năng của SV bao gồm các kỹ năng mềm (giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm) và các kỹ năng cứng thông qua các hoạt động của CLB và của Đoàn, Hội

Năm học 2019-2020, Nhà trường giao cho phòng ĐBCL&KT tiếp tục rà soát, bổ sung nội dung lấy ý kiến người học về môi trường sư phạm vào phiếu lấy ý kiến về

chất lượng quá trình đào tạo và triển khai kế hoạch lấy ý kiến đánh giá về cảnh quan sư phạm nhằm bổ sung nguồn cung cấp thông tin hữu ích để Nhà trường điều chỉnh các hoạt động đảm bảo tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, NCKH và sự thoải mái cho người học.

Định kỳ, kiểm tra tính hiệu lực hiệu quả của hệ thống thiết bị phòng cháy chữa cháy, Nhà trường sẽ tiếp tục đầu tư và trang bị bổ sung đầy đủ các thiết bị phòng cháy chữa cháy đến từng phòng học, tiếp tục phổ biến đầy đủ các quy định, quy chế an toàn an ninh cho toàn thể cán bộ, GV, SV trong Trường được biết.

(ix). Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Đề xuất nhà trường thay mới các trang thiết bị và có phòng học máy chiếu riêng biệt đảm bảo yếu tố ánh sáng phù hợp.

Khoa trên cơ sở lấy ý kiến của người học tổng hợp ý kiến đề xuất kịp thời lên nhà trường, phòng ban liên quan để sửa chữa bổ sung các trang thiết bị phục vụ công tác dạy và học.

Năm học 2020-2021, nhà trường đưa vào sử dụng tòa nhà của Trung tâm Thư viện tại cơ sở Chính với đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại.

Bổ sung kịp thời các giáo trình, tài liệu chuyên ngành Toán khoa KHTN, những đầu sách tham khảo cần thiết, đặc biệt là sách mới xuất bản, CSDL điện tử, phần mềm dùng chung, nâng cao hiệu quả khai thác sử dụng hệ thống tài liệu số tại website Tailieu.vn; liên kết sử dụng chung nguồn tài liệu chuyên ngành Toán với các trường đại học khác trong và ngoài nước đáp ứng nhu cầu đào tạo và NCKH

Năm học 2020-2021, Nhà trường giám sát chặt chẽ hơn việc vận hành, sử dụng, khai thác trang thiết bị tại các phòng thí nghiệm, thực hành, phòng học để nâng cao hiệu quả sử dụng, đầu tư sửa chữa, nâng cấp kịp thời các trang thiết bị xuống cấp, hư hỏng để phục vụ tốt nhất quá trình đào tạo và NCKH của người học và giảng viên.

Trong năm 2020 -2021, nhà trường tiếp tục rà soát, bổ sung, nâng cấp và thay thế số máy tính cấu hình thấp.

Khoa đề nghị Nhà trường có phương án kết nối để hệ thống dữ liệu của thư viện Nhà trường kết nối rộng rãi hơn, không chỉ trong phạm vi quốc gia mà còn ở phạm vi quốc tế, từ đó cung cấp cho mỗi giảng viên, sinh viên một tài khoản truy cập tài liệu nước ngoài; Ngoài ra cũng đề nghị Nhà trường và phòng chức năng sớm rà soát, điều chỉnh và sửa đổi quy trình kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng và sửa chữa máy móc thiết bị hệ thống thông tin trong trường . Để phục vụ tốt hơn trong công tác đào tạo và NCKH.

Năm học 2020-2021, Nhà trường tiếp tục hoàn thiện hệ thống các văn bản về môi trường, y tế, ANTT; tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra giám sát đảm bảo VSMT, sức khỏe, an toàn.

Kiểm soát được người ra, vào cổng trường; phối hợp chặt chẽ với Công an các cấp, các đơn vị chức năng trong nhà trường tuần tra, giám sát trong toàn bộ khuôn viên nhà trường để phát hiện và ngăn chặn kịp thời kẻ gian vào trường ăn trộm, gây mất ANTT trường học.

Triển khai thực hiện các chính sách liên quan đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

(x). Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Từ năm học 2020-2021, Khoa KHTN chỉ đạo trợ lý nghiệp vụ, các giảng viên phụ trách học phần lập danh sách các nhà tuyển dụng, đặc biệt là các đơn vị sử dụng SV tốt nghiệp của khoa để thiết lập mối quan hệ chặt chẽ hơn nữa giữa đơn vị đào tạo và đơn vị sử dụng nguồn lực lao động qua đào tạo; lập các bản ghi nhớ với các cơ sở tuyển dụng, sử dụng về việc phản hồi đối với chất lượng đào tạo của chương trình ĐHSP Toán, việc tuyển dụng đối với sinh viên ngành ĐHSP Toán khi tốt nghiệp, ... Ngoài ra, thông qua hoạt động của Hội cựu sinh viên khoa về việc trao đổi thông tin, góp ý về công tác đào tạo, ... hiệu quả hoạt động phản hồi về chất lượng CTĐT và các hoạt động của nhà trường được nâng cao, chất lượng đào tạo ngành ĐHSP Toán được cải tiến.

Trong năm học 2018-2019, phòng Quản lý đào tạo phải rà soát, điều chỉnh mẫu phiếu lấy ý kiến các bên liên quan để cải tiến quy trình xây dựng và phát triển CTĐT rõ ràng, cụ thể, phù hợp hơn.

Từ năm học 2020-2021, các bộ môn tăng cường tổ chức dự giờ các giảng viên trong bộ môn, nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy; tổ chức hội thảo về đổi mới phương pháp dạy học cho các giảng viên trong Khoa; yêu cầu các bộ môn tăng cường thực hiện đa dạng hóa các hình thức kiểm tra đánh giá thường xuyên bằng các bài tập cá nhân, bài tập nhóm, ... khuyến khích người học làm bài tập lớn, tiểu luận thay thế hình thức thi kết thúc học phần. Bên cạnh đó, Nhà trường và Khoa sẽ tiến hành rà soát, điều chỉnh các văn bản, quy định liên quan đến các hoạt động dạy và học, đánh giá kết quả học tập để đảm bảo tính hệ thống, thống nhất và cập nhật.

Từ năm 2020, Hội đồng Khoa sẽ tham mưu cho ban chủ nhiệm định hướng, hỗ trợ cho CB, GV tích cực đăng ký và triển khai các đề tài NCKH về đổi mới PP dạy và học theo hướng ứng dụng, phát huy năng lực người học và đáp ứng CDR; Khuyến khích, hỗ trợ kinh phí để CBGV viết công trình công bố quốc tế đặc biệt là các CBGV

đang làm NCS; Từ năm 2020, Nhà trường cần tập trung nguồn lực hỗ trợ và đầu tư cho giảng viên tham gia các đề tài, dự án cấp cao.

Nhà trường yêu cầu các đơn vị trực thuộc phải đối sánh kết quả lấy ý kiến mức độ hài lòng của các bên có liên quan để tiếp tục cải tiến và nâng cao chất lượng phục vụ đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan; Nhà trường yêu cầu các đơn vị liên quan tiếp tục đề xuất giải pháp để nâng chất lượng dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại TT TT-TV, phòng thực hành, thí nghiệm; Nhà trường yêu cầu các đơn vị liên quan tăng cường rà soát, cập nhật tài liệu tham khảo hàng năm để đáp ứng nhu cầu của người học. Đặc biệt khuyến khích CBGV viết sách, giáo trình, chuyên khảo để đáp ứng nhu cầu đọc, dạy và học của CBGV và SV.

Trong năm học 2018-2019, Nhà trường yêu cầu các phòng chức năng tiếp tục nghiên cứu để cải tiến về nội dung, hình thức, phương pháp tổ chức lấy ý kiến của các bên có liên quan đáp ứng mục đích đề ra, giúp nhà trường thực hiện tốt việc đánh giá CTĐT theo quy định. Đồng thời công tác lấy ý kiến phản hồi phải thông tin đầy đủ mục đích, ý nghĩa, mục tiêu, thông tin mẫu phiếu đến người học, giảng viên, các nhà tuyển dụng, các bên liên quan và nhấn mạnh tính trung thực, chính xác để nhằm đạt được mục tiêu đề ra.

(xi). Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Năm học 2020-2021, Nhà trường, khoa KHTN tăng cường công tác nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của người học, đặc biệt là người học năm thứ Nhất. Thống kê người học chậm tiến độ, chưa hoàn thành môn học trong học kỳ, năm học để có kế hoạch, lịch tư vấn, hỗ trợ người học kịp thời để đăng ký môn học, tư vấn cách học.

Kết nối với nhà tuyển dụng lao động, các Sở Giáo dục và Đào tạo trong và ngoài tỉnh Thanh Hóa để ký kết trong tuyển dụng và hỗ trợ người học tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp.

Năm học 2019-2020, Nhà trường, khoa KHTN, phân tích, đánh giá và thể hiện rõ hơn về các biện pháp hỗ trợ người học, nhất là các hoạt động tư vấn, hỗ trợ của Cố vấn học tập về cách học để rút ngắn thời gian tốt nghiệp.

Từ năm học 2019 - 2020, khoa KHTN, nhà trường tập trung phân tích, đối sánh tỉ lệ người học tốt nghiệp có việc làm của ngành đào tạo ĐHSP Toán học giữa Trường Đại học Hồng Đức với một số trường đào tạo ngành sư phạm Toán học, như: ĐHSP Hà Nội, ĐHSP Hà Nội 2, ĐH Giáo dục- ĐHQG Hà Nội, ĐHSP- ĐH Đà Nẵng, ĐH Vinh, ĐH Cần Thơ, ĐH Đồng Tháp, ĐHSP TP HCM, ĐH Sài Gòn, ĐH Hùng Vương...Tăng cường hỗ trợ người học trong việc tư vấn, tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp, nâng tỷ lệ người học có việc làm đúng chuyên ngành đào tạo lên trên 60%.

Từ năm học 2020-2021, Nhà trường nghiên cứu để điều chỉnh tăng mức kinh phí dành cho hoạt động NCKH của người học và thường xuyên kết nối, tìm kiếm sự hỗ trợ từ các nhà tài trợ, doanh nghiệp, các ngành chức năng để triển khai thực hiện một số hoạt động NCKH trọng điểm về lĩnh vực khoa học cơ bản.

Trong báo cáo tổng kết hoạt động NCKH của người học sẽ tập trung phân tích, đánh giá, đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học ngành ĐHSP Toán học với các ngành khác trong trường và ngành ĐHSP Toán học của các trường khác trong và ngoài nước.

Từ năm học 2019-2020, Nhà trường, khoa KHTN phân tích, đánh giá và đối sánh mức độ hài lòng của các bên liên quan về chương trình đào tạo ngành ĐHSP Toán học chưa được đối sánh giữa các năm hoặc đối sánh với cùng chương trình hay các chương trình đào tạo khác của các cơ sở giáo dục khác trong và ngoài nước sẽ.

Ban hành được Qui định về lấy ý kiến của các bên liên quan về phục vụ cộng đồng; bổ sung các nội dung khảo sát vào Phiếu khảo sát cho phù hợp với tình hình thực tế và yêu cầu của đánh giá chương trình đào tạo.

4. Tổng hợp kết quả tự đánh giá

Căn cứ vào các quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT ngành ĐHSP Toán trường Đại học Hồng Đức gồm 11 tiêu chuẩn, 50 tiêu chí, Hội đồng tự đánh giá 49/50 tiêu chí đạt yêu cầu, kết quả cụ thể như sau:

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Hồng Đức

Mã trường: HDU

Tên CTĐT: Đại học sư phạm Toán

Mã CTĐT: 7.14.02.09

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>			
Tiêu chuẩn 1								6,0	3	100%
Tiêu chí 1.1						6				
Tiêu chí 1.2						6				
Tiêu chí 1.3						6				
Tiêu chuẩn 2								5,3	3	100%
Tiêu chí 2.1					5					
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					6					
Tiêu chuẩn 3								5,3	3	100%
Tiêu chí 3.1					6					
Tiêu chí 3.2					5					
Tiêu chí 3.3					5					
Tiêu chuẩn 4								5,3	3	100%
Tiêu chí 4.1						6				
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3					5					
Tiêu chuẩn 5										
Tiêu chí 5.1					5					

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá						Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt			Mức	Số tiêu	Tỷ lệ số
Tiêu chí 5.2				5			5,0	5	100%
Tiêu chí 5.3				5					
Tiêu chí 5.4				5					
Tiêu chí 5.5				5					
Tiêu chuẩn 6							5,3	7	100%
Tiêu chí 6.1				5					
Tiêu chí 6.2					6				
Tiêu chí 6.3					6				
Tiêu chí 6.4				5					
Tiêu chí 6.5				5					
Tiêu chí 6.6				5					
Tiêu chí 6.7				5					
Tiêu chuẩn 7							5,4	5	100%
Tiêu chí 7.1				5					
Tiêu chí 7.2					6				
Tiêu chí 7.3					6				
Tiêu chí 7.4				5					
Tiêu chí 7.5				5					
Tiêu chuẩn 8							5,4	5	100%
Tiêu chí 8.1				5					
Tiêu chí 8.2				5					
Tiêu chí 8.3				5					
Tiêu chí 8.4					6				
Tiêu chí 8.5					6				
Tiêu chuẩn 9									

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá						Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt			Mức	Số tiêu	Tỷ lệ số
Tiêu chí 9.1					5		4,8	5	100%
Tiêu chí 9.2					5				
Tiêu chí 9.3				4					
Tiêu chí 9.4				4					
Tiêu chí 9.5					6				
Tiêu chuẩn 10									
Tiêu chí 10.1					6		5,3	6	100%
Tiêu chí 10.2					6				
Tiêu chí 10.3					5				
Tiêu chí 10.4					6				
Tiêu chí 10.5				4					
Tiêu chí 10.6					5				
Tiêu chuẩn 11									
Tiêu chí 11.1					6		5,8	5	100%
Tiêu chí 11.2					6				
Tiêu chí 11.3					6				
Tiêu chí 11.4					6				
Tiêu chí 11.5					5				
Đánh giá chung CTĐT							5,4	50	100%

Thanh Hóa, ngày tháng 12 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG



TS. Hoàng Văn Thi

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- TT KBCLGD-ĐHQGHN;
- Các đơn vị trong toàn trường;
- Lưu: VT, P. ĐBCL&KT.

Phần IV. Phụ lục

Phụ lục 1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng chương trình đào tạo

CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 31/12/2020

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)
 - Tiếng Việt: Trường Đại học Hồng Đức
 - Tiếng Anh: Hong Duc University
2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục (Tiếng Việt và tiếng Anh)
 - Tiếng Việt: ĐHHĐ
 - Tiếng Anh: HDU
3. Tên trước đây (nếu có): Trường Đại học Hồng Đức
4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa
5. Địa chỉ: 565 Quang Trung 3, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa
6. Thông tin liên hệ: Điện thoại 0237.3910.222; Số fax: 02373.910.475
7. E-mail: hcth@hdu.edu.vn; Website: hdu.edu.vn
8. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập): 1997
9. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 1998
10. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: 2002
11. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập Bán công Dân lập Tự thực

Loại hình khác (đề nghị ghi rõ).....

II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)
 - Tiếng Việt: Khoa Khoa học Tự nhiên
 - Tiếng Anh: Faculty of Natural Sciences
13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:

- Tiếng Việt: K. KHTN

- Tiếng Anh: FNS

14. Tên trước đây (nếu có):

15. Tên CTĐT

- Tiếng Việt: Đại học sư phạm Toán

- Tiếng Anh: Mathematics Education

16. Mã CTĐT : 7140209.

17. Tên trước đây của CTĐT (nếu có):

18. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: Nhà A6, Cơ sở chính, 565 Quang Trung, phường Đông Vệ Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

19. Số điện thoại liên hệ: 02373.910.222 Số fax: 02373.910.475

20. E-mail: khoakhtn@hdu.edu.vn; Website: <http://hdu.edu.vn/vi-vn/1/>

21. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): 1997

22. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 1998

23. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 2002

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

24. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT (nêu tóm tắt các giai đoạn phát triển, tổng số ngành, chương trình, ... quan hệ hợp tác, thành tích nổi bật)

Là một trong 12 đơn vị đào tạo, Khoa Khoa học Tự nhiên có về dày kinh nghiệm hơn 40 năm đào tạo giáo viên toán phổ thông, trong đó gần 20 năm đào tạo bậc đại học, *mục tiêu của CTĐT ngành ĐHSP Toán được xác định phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học được quy định tại Luật GDĐH và phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của trường ĐH Hồng Đức. Các tuyên bố về sứ mạng và tầm nhìn của ĐH Hồng Đức luôn nhất quán, đó là việc “đào tạo nguồn nhân lực đa lĩnh vực có khả năng thích ứng với sự thay đổi của thị trường lao động; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa và cả nước”.*

Khoa KHTN hiện tại bố trí tại cơ sở chính - 565, Quang Trung, phường Đông Vệ, Thành phố Thanh Hóa. Với 20 phòng học được trang bị bàn ghế, bảng, ánh sáng, micro, máy chiếu... tài liệu, giáo trình của ngành ĐHSP toán tại thư viện, phòng thực hành, nhà đa năng, ký túc xá. Với trên 42 năm đào tạo giáo viên dạy toán THCS và gần 20 năm đào tạo giáo viên dạy toán THPT cho Tỉnh Thanh Hóa và cả nước, với đặc

thù của ngành sư phạm, Khoa đã xác định: *Cung cấp đầy đủ tri thức kết hợp với rèn luyện kỹ năng sư phạm thông qua các hoạt động rèn nghề, thực hành, thực tế môn học...* Năm 1992, theo Quyết định số 1369/KHTV ngày 01/6/1992 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quyết định số 829/CT-UBTH của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa, Khoa Tự nhiên được thành lập Cuối năm 1992, tổ Địa lý nhập về khoa Văn - Sử và hình thành khoa Xã hội, hai tổ Hoá học và Sinh học nhập với khoa Toán - Lý và hình thành khoa Tự nhiên.

Những thập niên cuối của thế kỷ XX, Trường CĐSP Thanh Hoá là một trong những trường CĐSP lớn cả về quy mô, đội ngũ giáo viên, số lượng sinh viên và chất lượng đào tạo. Trường có cả khoa đào tạo đại học đại cương, trường cũng đã từng chủ trì biên soạn giáo trình CĐSP chung cho các trường CĐSP cả nước.

Khi Trường Đại học Hồng Đức được thành lập vào năm 1997, khoa Khoa học Tự nhiên (tiền thân là khoa Tự nhiên của trường CĐSP Thanh Hoá) là một trong 3 khoa đầu tiên của nhà trường được giao nhiệm vụ đào tạo hệ đại học: Đại học Sư phạm Toán. Sau đó, khoa tiếp tục được giao nhiệm vụ đào tạo các ngành Đại học Sư phạm Vật lý (năm 1999), Đại học Sư phạm Hóa học (năm 2000) và Đại học Sư phạm Sinh học (năm 2001). Khi mới thành lập, khoa có 61 cán bộ, công chức được chia thành 6 bộ môn: Giải tích, Đại số, Hình học, Vật lý, Hoá học, Sinh học. Khoa có nhiệm vụ đào tạo giáo viên trung học phổ thông và trung học cơ sở các ngành Toán, Lý, Hoá, Sinh. Quy mô đào tạo trung bình của Khoa gần 1200 sinh viên chính quy (khoảng 800 sinh viên đại học, 400 sinh viên cao đẳng). Quy mô đào tạo có chiều hướng giảm từ năm 2013 đến nay. Hiện, quy mô đào tạo của Khoa chỉ còn khoảng 400 sinh viên.

Năm 2009, khoa Khoa học Tự nhiên vinh dự được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao nhiệm vụ đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Toán giải tích. Các năm sau đó, khoa tiếp tục được giao đào tạo thạc sĩ các chuyên ngành: Vật lý lý thuyết và Vật lý toán (năm 2013), Phương pháp Toán sơ cấp (năm 2014), Thực vật học (năm 2015), Đại số và lý thuyết số (năm 2016), Hóa hữu cơ (2017), Động vật học (2017) nâng tổng số chuyên ngành đào tạo thạc sĩ của khoa lên 7 chuyên ngành. Năm học 2005 - 2006 khoa Khoa học Tự nhiên có 8 bộ môn: Giải tích, Đại số, Hình học, Phương pháp dạy học Toán, Vật lý, Hoá học, Động vật, Thực vật. Từ năm học 2009 - 2010 cho đến năm học 2018 - 2019, khoa có 8 bộ môn: Giải tích, Đại số, Hình học & Phương pháp dạy học Toán, Toán ứng dụng, Vật lý, Hoá học, Động vật và Thực vật. Từ năm học này 2019-2020, khoa có 5 bộ môn: Đại số - Hình Học, Giải tích toán học và Phương pháp giảng dạy toán, Sinh học, Hóa học và Vật lý.

Hiện nay, tổng số cán bộ viên chức đang công tác tại khoa Khoa học Tự nhiên là 63 (gồm 54 cán bộ giảng dạy và 7 cán bộ hành chính, phụ tá thí nghiệm, 1 nghiên cứu viên), trong đó có 3 phó giáo sư, 18 tiến sĩ, 36 thạc sĩ (10 nghiên cứu sinh) và 1 cử nhân.

Từ năm 1998, khoa Khoa học Tự nhiên có các đội tuyển tham dự kỳ thi Olympic sinh viên cấp trường, cấp quốc gia ở các môn Toán, Lý, Hoá, Sinh và đạt nhiều giải

Như vậy có thể khẳng định rằng, Khoa KHTN là một Khoa sư phạm có quá trình phát triển lâu dài, đặc biệt trong công tác đào tạo nguồn giáo viên toán phổ thông.

25. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục						
1	Hiệu trưởng	Hoàng Văn Thi	1971	TS	0912276373	hoangvanthi@hdu.edu.vn
2	Phó Hiệu trưởng	Hoàng Nam	1963	TS	0912162824	hoangnam@hdu.edu.vn
3	Phó hiệu trưởng	Hoàng Thị Mai	1970	PGS. TS	0915188090	Hoangthimai@hdu.edu.vn
4	Phó hiệu trưởng	Lê Hoàng Bá Huyền	1979	TS	0912222345	lehoangbahuyen@hdu.edu.vn
Đơn vị thực hiện CTĐT						
I. Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị						
1.	Trưởng khoa	Ngô Xuân Lương	1970	PGS. TS	0916976556	ngoxuanluong@hdu.edu.vn
2.	Phó trưởng khoa	Trần Thị Hải	1982	PGS. TS	0915017980	tranthihai@hdu.edu.vn
3.	Phó trưởng khoa	Lê Xuân Dũng	1981	TS	09691001919	lexuandung@hdu.edu.vn
II. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội						
1.	Bí thư chi bộ	Ngô Xuân Lương	1970	PGS. TS	0916976556	ngoxuanluong@hdu.edu.vn
2	Phó bí thư	Trần Thị Hải	1982	PGS. TS	0915017980	tranthihai@hdu.edu.vn
2.	Chủ tịch CĐBP	Hoàng Văn Chính	1974	TS	0985899158	hoangvanchinh@hdu.edu.vn
3.	Bí thư LCĐ	Nguyễn Thị Dung	1981	TS	0941604555	nguyenthidung@hdu.edu.vn
III. Các phòng, ban						

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
1.	Văn phòng khoa	Trịnh Thị Thu	1981	ThS	0948109129	thukxs@gmail.com
2.	Trợ lý Giáo vụ khoa	Nguyễn Thị Tâm	1980	ThS	0919721088	nguyenthitam@hdu.edu.vn
3.	TL. Khoa học NV (kiêm nhiệm)	Lê Văn Hiệu	1986	TS	0943793185	levanhieu@hdu.edu.vn
4.	CB. QLHSSV	Nguyễn Thị Lan Anh	1976	CN	0912561436	nguyenthilanh@hdu.edu.vn
IV.	Các bộ môn					
1.	Trưởng BM Đại số - Hình học	Phạm Thị Cúc	1981	TS	0915142068	phamthicuc@hdu.edu.vn
2.	Phụ trách BM Giải tích và PP giảng dạy toán	Lê Anh Minh	1982	NCS	0919694832	leanhminh@hdu.edu.vn

26. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT:

Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 0

Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 7

Số lượng ngành đào tạo đại học: 05

Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 0

Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ): 0

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu các ngành, chuyên ngành đào tạo theo bậc học để cung cấp thông tin cho mục 27).

12. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	
Không chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	
Từ xa		<input checked="" type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo với nước ngoài		<input checked="" type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo trong nước		<input checked="" type="checkbox"/>
Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình).....		

27. Tổng số các ngành đào tạo: 02

I. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo
28. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu¹ <i>Trong đó:</i>	19	10	29
I.1	Cán bộ trong biên chế	15	10	25
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	4	0	4
II	Các cán bộ khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng ²)			
	Tổng số			

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu về cán bộ của đơn vị, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin trên).

29. Thống kê, phân loại giảng viên

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ³ trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ						
2	Phó Giáo sư						
3	Tiến sĩ khoa học						
4	Tiến sĩ	7	6	1			
5	Thạc sĩ	22	19	3			
6	Đại học						
7	Cao đẳng						
8	Trình độ khác						
	Tổng số	29	25	4			

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 23 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 90%.

30. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định tại khoản 3, Điều 3 Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

¹Cán bộ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

²Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện chương trình đào tạo mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn hoặc theo các học phần, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

³Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0							
2	Phó Giáo sư	3,0							
3	Tiến sĩ khoa học	3,0							
4	Tiến sĩ	2	7	6	1				14
5	Thạc sĩ	1	22	19	3				22
6	Đại học	0,5							
	Tổng		29	25	4				36

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

31. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ									
2	Phó Giáo sư									
3	Tiến sĩ khoa học									
4	Tiến sĩ	7	24,1	6	1		3	2	0	2
5	Thạc sĩ	22	75,9	13	9	0	11	4	4	3
6	Đại học									
	Tổng	29	100	19	10	0	13	6	4	5

31.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 37 tuổi

31.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 17%.

31.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 83%.

32. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	0	17,2%
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	20,7%	37,9%

3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	34,5%	20,7%
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	13,8%	24,2%
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	31%	0
Tổng		100	100

II. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

33. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh.

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2015-2016		75		75	20.0	20.3	2
2016-2017		32		32	17.0	19.8	4
2017-2018		15		15	15.5	18.3	2
2018-2019		7		7	18.0	21.5	0
2018-2019		19		19	18	20.8	5

34. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
1. Nghiên cứu sinh					
2. Học viên cao học					
3. Sinh viên đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy	318	294	234	158	67
Hệ không chính quy	19	20	8	11	76
4. Sinh viên cao đẳng					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					

35. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
Số lượng (người)	2	4	4	6	8

	Năm học				
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học	0.06	0.13	0.17	0.37	11

36. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2015-2016	2017-2018	2018-2019	2019-2020
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	30,45	30,45	30,45	30,45
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	2170	2020	1945	1744
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	2048	2048	2048	2048
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)	3,8	3,8	3,8	3,8

37. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học

	Năm học				
	2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019
Số lượng (người)					
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên					

39. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015	2016	2017	2018	2019
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ					
2. Học viên tốt nghiệp cao học					
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học Trong đó:					
Hệ chính quy	50	65	61	79	58
Hệ không chính quy	98	25	42	7	11
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					

40. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015	2016	2017	2018	2019
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	50	65	61	79	58

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015	2016	2017	2018	2019
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	95,09	97,21	92,19		
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	88,27	90,15	91,23	89,05	90,35
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	8,89	9,02	8,21	10,88	9,43
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không học được</i> những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp					
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/ đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%). - Sau 6 tháng tốt nghiệp. - Sau 12 tháng tốt nghiệp.	79,17%	56%	81,36%	86,42%	
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).	20%	52,08%	25%	52%	27,3%
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.	3 triệu	3 triệu	3,5 triệu	3,5 triệu	4 triệu
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015	2016	2017	2018	2019
→ chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).	97,05	86,49	85,7	87,8	88,0
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).	2,46	5,11	8,6	7,0	7,8
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).	1,34	4,92	2,5	3,5	4,75

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp.

III. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

41. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0	1	0	0	0	0	1
3	Đề tài cấp trường	0,5	0	0	1	1	2	2
4	Tổng		1	0	1	1	2	3

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

Tổng số đề tài quy đổi: 03 đề tài NCKH.

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 0,17 đề tài quy đổi/ 1 GV.

42. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2014	0	0	0
2	2015	0	0	0

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
3	2016	0	0	0
4	2017	0	0	0
5	2018	0	0	0

43. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	1	10	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số cán bộ tham gia	0	1	8	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

44. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2015	2016	2017	2018	2019	
1	Sách chuyên khảo	2,0						
2	Sách giáo trình	1,5						
3	Sách tham khảo	1,0			1		1	3.0
4	Sách hướng dẫn	0,5						
5	Tổng				1		1	3.0

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 01.

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,06.

45. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	1	2	0	0
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	0	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	1	2	0	0

46. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2014	2015	2016	2017	2018	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	7	1	3	3	5	28.5
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	5	12	7	19	18	61
	Tổng		12	13	10	22	23	89.5

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 53 bài báo.

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 2,94 bài báo/ 1 GV.

47. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	4	11	4
Từ 6 đến 10 bài báo	0	4	0
Từ 11 đến 15 bài báo	0	0	0
Trên 15 bài báo	1	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	5	15	4

48. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2013	2014	2015	2016	2017	
1	Hội thảo quốc tế	1,0						
2	Hội thảo trong nước	0,5						
3	Hội thảo cấp trường	0,25						
4	Tổng							

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 4,25 bài báo cáo.

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,3 bài báo cáo/ 1 GV.

49. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	0	1	14
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	0	3
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Tổng số cán bộ tham gia	0	0	17

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

50. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2013-2014	
2014-2015	
2015-2016	
2016-2017	
2017-2018	

51. Nghiên cứu khoa học của người học

51.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài				
Từ 4 đến 6 đề tài				
Trên 6 đề tài				
Tổng số người học tham gia				

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

51.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2013-2014	2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo					
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố					

IV. Cơ sở vật chất, thư viện

52. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m²): 640.000

53. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m²):

54. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

- Nơi làm việc: 11.536 m² Nơi học: 35.385 m² Nơi vui chơi giải trí: 32.170 m².

55. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: 35.383 m².

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 4,42 m²

56. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin – Thư viện: 120.

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có): 172.

57. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 11.

- Dùng cho người học học tập: 100.

Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 0,22/1 SV.

V. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 29.

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 100.

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 24.1.

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 100.

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người): 67

Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: 2.3 SV/1 GV.

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%):

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 90.35

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 90.43

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 86.42

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): 23.58

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ):

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: 3.500.000

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 88

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 7.8

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu:...

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:.....

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 0,22 máy/ 1 SV.

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 4,42.

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 1,65.

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Số: 1677/QĐ - ĐHHD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày 18 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng, Ban thư ký giúp việc Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo Trường Đại học Hồng Đức năm học 2019-2020

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Căn cứ Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT – BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;


Căn cứ Quyết định số 709/QĐ-ĐHHD ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Hồng Đức;

Xét đề nghị của Trường phòng: Tổ chức - Cán bộ; Đảm bảo chất lượng và Khảo thí,


QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng, Ban thư ký giúp việc Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo Trường Đại học Hồng Đức năm học 2019-2020, gồm các ông (bà) có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng tự đánh giá và ban thư ký có nhiệm vụ triển khai công tác tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo bộ tiêu chuẩn và văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT; được hưởng chế độ theo quy định hiện hành.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các ông (bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. 

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục & Đào tạo (để báo cáo);
- Như điều 3/QĐ (để thực hiện);
- Lưu: VT, P. ĐBCL&KT. 



**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO SƯ PHẠM TOÁN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1677/QĐ-ĐHHD ngày 18 tháng 10 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)*

TT	Họ và tên	Chức vụ, Đơn vị công tác	Chức danh Hội đồng
1.	TS. Hoàng Nam	Q. Hiệu trưởng	Chủ tịch
2.	ThS. Lê Thị Hạnh	TP. ĐBCL&KT	Phó Chủ tịch thường trực
3.	PGS.TS. Ngô Xuân Lương	Trưởng khoa KHTN	Phó Chủ tịch
4.	TS. Nguyễn Hữu Tân	PTP. ĐBCL&KT	Ủy viên trực
5.	TS. Lê Xuân Dũng	Phó trưởng khoa KHTN	Ủy viên trực
6.	PGS. TS Lê Viết Báu	Hội đồng trường	Ủy viên
7.	TS. Hoàng Dũng Sĩ	TP. QL Đào tạo	Ủy viên
8.	TS. Ngô Chí Thành	TP. QLKH&CN	Ủy viên
9.	ThS. Thiệu Minh Tú	TP. Tổ chức - Cán bộ	Ủy viên
10.	TS. Phạm Anh Giang	TP. KH- Tài chính	Ủy viên
11.	ThS. Nguyễn Đức Long	TP. QT, VT- TB	Ủy viên
12.	TS. Lê Thanh Thủy	GD. TT TT- TV	Ủy viên
13.	TS. Phạm Văn Hiền	TP. Công tác HSSV	Ủy viên
14.	ThS. Phạm Chí Công	TP. HCTH	Ủy viên
15.	ThS. Lê Thị Thắng	Phụ trách kế toán	Ủy viên
16.	TS. Lê Văn Hiệu	Trợ lý Kh. học – Nghiệp vụ	Ủy viên
17.	ThS. Nguyễn Thị Xuân	Phó trưởng BM Giải tích và PP Giảng dạy toán	Ủy viên
18.	TS. Phạm Thị Cúc	Trưởng BM ĐS - Hình Học	Ủy viên
19.	Trần Thị Yên	SV K19 ĐHSP Toán	Ủy viên
20.	TS. Lê Anh Minh	Phó trưởng BM Giải tích và PP Giảng dạy toán	Ủy viên- Thư ký
21.	KS. Lê Thị Hà	Chuyên viên P. ĐBCL&KT	Ủy viên- Thư ký

(Ấn định danh sách gồm 21 thành viên)

Thanh Hoá, ngày 18 tháng 10 năm 2019

KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO SƯ PHẠM TOÁN

1. Mục đích tự đánh giá

Nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo và để đăng kí kiểm định chất lượng.

2. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo (CTĐT) theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trong một chu kì kiểm định chất lượng (01/8/2013-31/7/2018).

3. Công cụ tự đánh giá

Công cụ tự đánh giá là Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và căn cứ vào các tài liệu hướng dẫn sau:

- Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐDH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Công văn số 1075/KTKĐCLGD-KĐDH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục về hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo.

4. Hội đồng tự đánh giá

4.1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành *Sư phạm Toán* được thành lập theo Quyết định số 1677/QĐ-ĐHHD ngày 18 tháng 10 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức, Hội đồng gồm có 21 thành viên (có danh sách kèm theo).

4.2. Ban thư kí giúp việc và các nhóm công tác chuyên trách gồm 27 người (có danh sách kèm theo).

4.3. Phân công thực hiện (có danh sách kèm theo)

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn 1 Tiêu chuẩn 2 Tiêu chuẩn 3 Tiêu chuẩn 4	Nhóm 1	10/10/2019-10/12/2019	
2	Tiêu chuẩn 5 Tiêu chuẩn 8	Nhóm 2	10/10/2019-10/12/2019	

3	Tiêu chuẩn 6 Tiêu chuẩn 7	Nhóm 3	10/10/2019-10/12/2019	
4	Tiêu chuẩn 9	Nhóm 4	10/10/2019-10/12/2019	
5	Tiêu chuẩn 10 Tiêu chuẩn 11	Nhóm 5	10/10/2019-10/12/2019	
6	Báo cáo tự đánh giá, Danh mục MC	Nhóm 6	10/12/2019 – 22/12/2019	

5. Kế hoạch huy động các nguồn lực

Các nguồn nhân lực, cơ sở vật chất và tài chính cần huy động hoặc cung cấp cho từng hoạt động và thời gian cần được cung cấp như sau:

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời gian	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn 1, 2, 3 và 4	- Phân tích tiêu chí (1-12); - Dự kiến TT-MC; - Thu thập TT-MC; - Đánh giá tiêu chí (1-12); - Viết báo cáo tiêu chí; - Viết báo cáo tiêu chuẩn.	- Cán bộ khoa KHTN, phòng QL Đào tạo, phòng HCTH và TT, TTTV; - Kinh phí theo Quy chế chi tiêu nội bộ.	21/10 – 10/12/2019	
2	Tiêu chuẩn 5 và 8	- Phân tích tiêu chí (13-17; 30-34); - Dự kiến TT-MC; - Thu thập TT-MC; - Đánh giá tiêu chí (13-17; 30-34); - Viết báo cáo tiêu chí; - Viết báo cáo tiêu chuẩn.	- Cán bộ khoa KHTN, phòng QL Đào tạo, phòng CT, HSSV, Ban QLNT, phòng ĐBCL&KT; - Kinh phí theo Quy chế chi tiêu nội bộ.	21/10 – 10/12/2019	
3	Tiêu chuẩn 6 và 7	- Phân tích tiêu chí (18-29); - Dự kiến TT-MC; - Thu thập TT-MC; - Đánh giá tiêu chí (18-29); - Viết báo cáo tiêu chí; - Viết báo cáo tiêu chuẩn.	- Cán bộ khoa KHTN, phòng TCCB, phòng KHTC; - Kinh phí theo Quy chế chi tiêu nội bộ.	21/10 – 10/12/2019	
4	Tiêu chuẩn 9	- Phân tích tiêu chí (35-39); - Dự kiến TT-MC; - Thu thập TT-MC; - Đánh giá tiêu chí (35-39); - Viết báo cáo tiêu chí; - Viết báo cáo tiêu chuẩn.	- Cán bộ khoa KHTN, phòng QT-VT, TB, TT, TTTV; - Kinh phí theo Quy chế chi tiêu nội bộ.	21/10 – 10/12/2019	
5	Tiêu chuẩn 10 và 11	- Phân tích tiêu chí (40-50); - Dự kiến TT-MC; - Thu thập TT-MC; - Đánh giá tiêu chí (40-50); - Viết báo cáo tiêu chí; - Viết báo cáo tiêu chuẩn.	- Cán bộ khoa KHTN, phòng QL Đào tạo, phòng ĐBCL&KT, phòng CT, HSSV; - Kinh phí theo Quy chế chi tiêu nội bộ.	21/10 – 10/12/2019	

Thu thập ý kiến phản hồi về báo cáo tự đánh giá từ các tổ chức, các trường phổ thông, các đơn vị... có sinh viên tốt nghiệp của ngành đang công tác.

7. Kế hoạch thuê chuyên gia ngoài (nếu cần)

Thuê chuyên gia tập huấn về tự đánh giá chương trình đào tạo (1 ngày).

8. Thời gian biểu

Thời gian thực hiện tự đánh giá chương trình đào tạo theo lịch trình sau:

Thời gian	Các hoạt động
Tuần 1 18- 21/10/2019	<ol style="list-style-type: none"> Họp Lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT (khoa Ngoại ngữ) để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng tự đánh giá CTĐT. Thủ trưởng cơ sở giáo dục ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá CTĐT. Họp Hội đồng tự đánh giá CTĐT để: <ul style="list-style-type: none"> Công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá; Tập huấn về quy trình tự đánh giá và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT; Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng; Dự thảo kế hoạch tự đánh giá CTĐT.
Tuần 2 (21- 27/10/2019)	<ol style="list-style-type: none"> Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên tham gia thực hiện CTĐT. Tổ chức hội thảo/hội nghị về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai tự đánh giá cho các cán bộ chủ chốt liên quan. Họp Hội đồng tự đánh giá CTĐT để thông qua: <ul style="list-style-type: none"> Bản kế hoạch tự đánh giá CTĐT; Dự thảo đề cương báo cáo tự đánh giá (dựa trên cơ sở tài liệu hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và điều kiện cụ thể của đơn vị thực hiện CTĐT); Trình Thủ trưởng cơ sở giáo dục đề nghị phê chuẩn kế hoạch tự đánh giá.
Tuần 3 - 5 (28/10 - 17/11/2019)	<ol style="list-style-type: none"> Công bố kế hoạch tự đánh giá đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư kí và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng. Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được. Mô tả thông tin và minh chứng thu được. Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT.
Tuần 6 - 7 (18/11 - 1/12/2019)	<ol style="list-style-type: none"> Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết). Trưởng các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).
Tuần 8 (2 - 8/12/2018)	Hội đồng tự đánh giá CTĐT: <ul style="list-style-type: none"> Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo;

Thời gian	Các hoạt động
	<ul style="list-style-type: none"> • Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá; • Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được; • Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung; • Thư kí Hội đồng tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo tự đánh giá CTĐT.
Tuần 9 (9 - 15/12/2018)	<ol style="list-style-type: none"> 1. Hội đồng tự đánh giá CTĐT xem xét dự thảo báo cáo tự đánh giá và đề xuất những chỉnh sửa (nếu cần). 2. Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp với các bộ môn, phòng, ban, trung tâm... để thảo luận về báo cáo tự đánh giá, xin ý kiến góp ý.
Tuần 10 (16/12 - 23/12/2018)	<ol style="list-style-type: none"> 1. Công bố bản báo cáo tự đánh giá (đã chỉnh sửa sau góp ý của các bộ môn, phòng, ban ...) trong nội bộ cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT. 2. Các bộ môn, phòng ban, cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học... đóng góp ý kiến phản biện về báo cáo tự đánh giá.
Tuần 11-13 (24/12/2019 - 12/1/2020)	<ol style="list-style-type: none"> 1. Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá theo các ý kiến phản biện; 2. Hội đồng tự đánh giá CTĐT thông qua báo cáo tự đánh giá lần cuối và nộp báo cáo cho thủ trưởng cơ sở giáo dục để xem xét.
Tuần 14-22 (13/1 - 15/3/2019)	<ol style="list-style-type: none"> 1. Khoa gửi báo cáo tự đánh giá. 2. Khoa bảo quản báo cáo tự đánh giá, lưu giữ các thông tin minh chứng theo thứ tự mã minh chứng đã ghi trong báo cáo tự đánh giá, sẵn sàng để họp đồng với tổ chức KDCLGD để thẩm định báo cáo tự đánh giá trước khi đánh giá ngoài.

Nơi nhận:

- Hội đồng tự đánh giá;
- Các đơn vị trong Trường;
- Lưu: VT, P. ĐBCL&KT

Q. HIỆU TRƯỞNG



TS. HOÀNG NAM